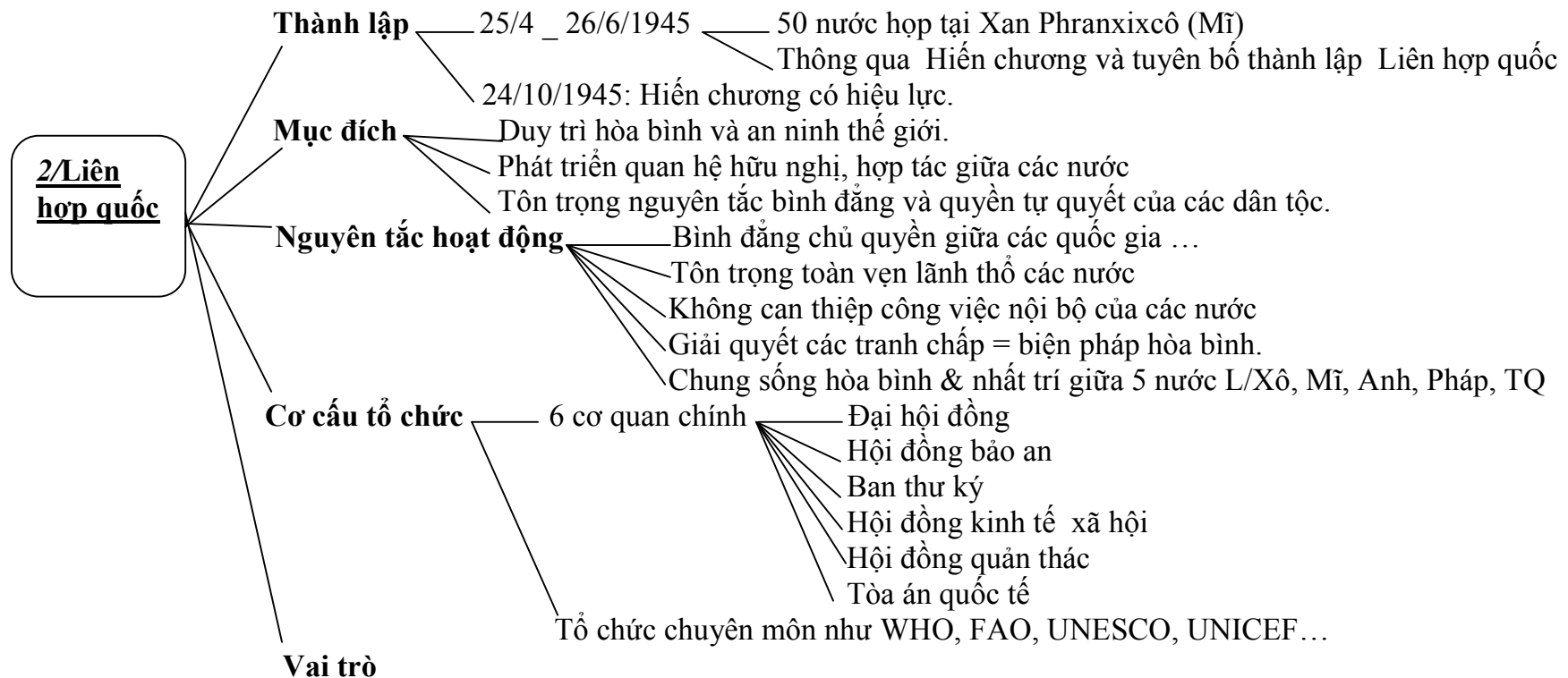
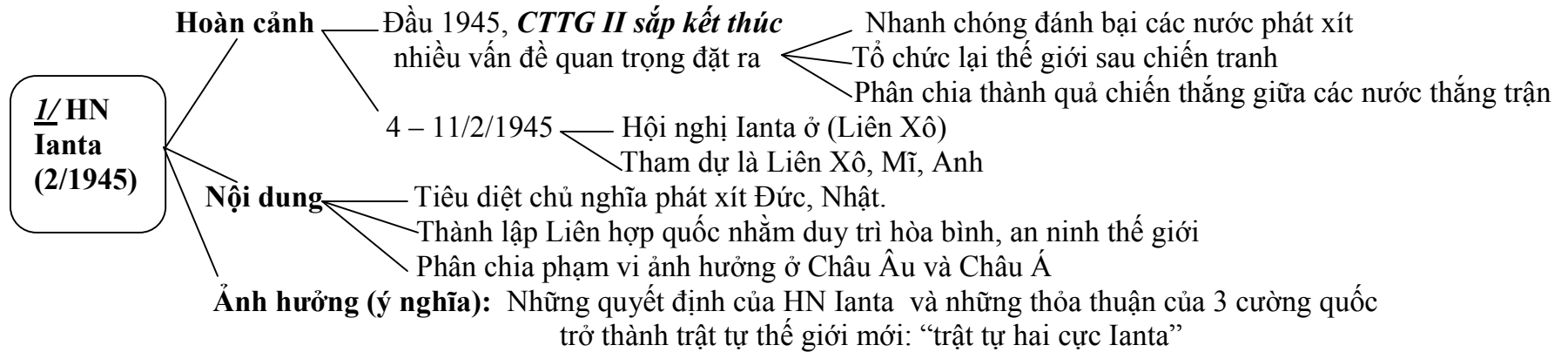


Phần một: LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1945 – 2000)

Bài 1: SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945- 1949)



- Câu 10.** Những quyết định của Hội nghị Ianta cùng những thỏa thuận sau đó của ba cường quốc đã
- A. trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới.
 - B. tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.
 - C. mang lại quyền lợi cho các nước lớn.
 - D. thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
- Câu 11.** Hội nghị Ianta diễn ra trong khoảng thời gian nào?
- A. Từ 2/4 - 11/4/1945.
 - B. Từ 4/2 - 11/2/1944.
 - C. Từ 4/2 - 11/2/1945.
 - D. Từ 4/2 - 12/2/1945.
- Câu 12.** Theo thỏa thuận của hội nghị Ianta Đông Đức, Bắc Triều Tiên thuộc phạm vi chiếm đóng của nước nào?
- A. Mĩ.
 - B. Anh.
 - C. Liên Xô.
 - D. Pháp.
- Câu 13.** Theo thỏa thuận của hội nghị Pốttxđam, quân đội nước nào sẽ vào Việt Nam để giải giáp quân Nhật?
- A. Mĩ, Anh
 - B. Liên Xô, Anh.
 - C. Trung Hoa Dân quốc, Anh.
 - D. Trung Hoa Dân quốc, Mĩ.
- Câu 14.** Theo thỏa thuận của hội nghị Pốttxđam, quân đội nước nào sẽ vào phía Bắc vĩ tuyến 16 ở Đông Dương để giải giáp quân Nhật?
- A. Mĩ.
 - B. Liên Xô.
 - C. Anh.
 - D. Trung Hoa Dân quốc.
- Câu 15.** Theo thỏa thuận của hội nghị Pốttxđam, quân đội nước nào sẽ vào phía Nam vĩ tuyến 16 để giải giáp quân Nhật?
- A. Anh.
 - B. Liên Xô.
 - C. Mĩ.
 - D. Trung Hoa Dân quốc.
- Câu 16.** Để nhanh chóng kết thúc chiến tranh ở châu Âu và châu Á - Thái Bình Dương, ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh đã thống nhất mục tiêu chung là gì?
- A. Sử dụng bom nguyên tử để tiêu diệt phát xít Nhật.
 - B. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và quân phiệt Nhật.
 - C. Liên Xô tham gia chống Nhật ở châu Á.
 - D. Quân đội Anh, Mĩ sẽ tấn công phát xít Đức ở Tây Âu.
- Câu 17.** Ngày thành lập Liên hiệp quốc là
- A. Ngày 24/10/1945.
 - B. Ngày 4/10/1946.
 - C. Ngày 20/11/1945.
 - D. Ngày 27/7/1945.
- Câu 18.** Tổ chức Liên hợp quốc được thành lập với mục đích gì?
- A. Duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
 - B. Thúc đẩy các mối quan hệ hữu nghị hợp tác quốc tế.
 - C. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.
 - D. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- Câu 19.** Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?
- A. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.
 - B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất cứ nước nào.
 - C. Giải quyết các vụ tranh chấp, xung đột ở nhiều khu vực.
 - D. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.
- Câu 20.** Trụ sở của Liên hợp quốc hiện nay được đặt tại đâu?
- A. Xan Phranxixcô (Mĩ)
 - B. New York (Mĩ).
 - C. Luân Đôn (Anh).
 - D. Paris (Pháp).
- Câu 21.** Nhiệm vụ của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc là gì?
- A. Giải quyết mọi công việc hành chính của Liên hợp quốc.
 - B. Chịu trách nhiệm chính về duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
 - C. Giúp đỡ các dân tộc về kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, nhân đạo.
 - D. Giải quyết các vụ tranh chấp, xung đột ở nhiều khu vực.

- Câu 22.** Cơ quan nào của Liên hợp quốc giữ vai trò trọng yếu trong việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới?
 A. Hội đồng Bảo an. B. Đại Hội đồng. C. Hội đồng Kinh tế và Xã hội. D. Tòa án Quốc tế.
- Câu 23.** Hội nghị thành lập tổ chức Liên hợp quốc diễn ra ở đâu?
 A. Xan Phranxixco (Mĩ). B. Ianta (Liên Xô). C. Chicago (Mĩ). D. New York (Mĩ).
- Câu 24.** Đại hội đồng Liên hợp quốc quyết định lấy ngày 24/10 hàng năm là ngày gì?
A. Ngày trái đất. B. Ngày Liên hợp quốc. C. Ngày chiến thắng phát xít. D. Ngày hòa bình thế giới.
- Câu 25.** Duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc và hợp tác quốc tế giữa các nước trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc là mục đích của tổ chức nào?
 A. Liên hợp quốc. B. ASEAN. C. Liên minh châu Âu EU. D. Vacsava .
- Câu 26.** Bộ máy tổ chức của Liên hợp quốc gồm sáu cơ quan chính là
 A. Đại hội đồng, Hội đồng bảo an, Hội đồng kinh tế và Xã hội, Hội đồng Quản thác, Tòa án Quốc tế và Ban thư kí.
B. Đại hội đồng, Hội đồng bảo an, Hội đồng tương trợ kinh tế, Hội đồng Quản thác, Tòa án Quốc tế và Ban thư kí.
C. Đại hội đồng, Hội đồng bảo an, Hội đồng kinh tế và Xã hội, Ngân hàng thế giới, Tòa án Quốc tế và Ban thư kí.
D. Đại hội đồng, Hội đồng bảo an, Hội đồng tương trợ kinh tế, Ngân hàng thế giới, Tòa án Quốc tế và Ban thư kí.
- Câu 27.** Những việc mà Liên hợp quốc đã làm được từ khi thành lập cho đến nay là gì?
 A. Giải quyết tranh chấp và xung đột ở nhiều khu vực, thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế, giúp đỡ các dân tộc về kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, nhân đạo.
B. Giải quyết vấn đề khủng bố, thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế, giúp đỡ các dân tộc về kinh tế, văn hóa, giáo dục.
C. Giải quyết tranh chấp và xung đột ở biển Đông, thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế, giúp đỡ các dân tộc về kinh tế, văn hóa, giáo dục.
D. Giải quyết vấn đề di cư, tị nạn ở châu Âu, thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế, giúp đỡ các dân tộc về kinh tế, văn hóa, giáo dục.
- Câu 28.** Liên hợp quốc chủ trương giải quyết tranh chấp quốc tế bằng biện pháp gì?
A. Chính trị. B. Vũ trang. C. Ngoại giao. D. Hòa bình.
- Câu 29.** Việt Nam gia nhập Liên Hợp Quốc vào thời gian nào?
A. Tháng 7/1979. B. Tháng 9/1977. C. Tháng 9/1978. D. Tháng 9/1979.
- Câu 30.** Việt Nam được bầu làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kì
A. nhiệm kì 2006-2007. B. nhiệm kì 2007-2008 C. nhiệm kì 2008-2009. D. nhiệm kì 2009-2010.
- Câu 31.** Hãy đánh giá về vai trò của Liên hợp quốc trước những biến động của tình hình thế giới hiện nay?
 A. Liên hợp quốc trở thành một diễn đàn vừa hợp tác vừa đấu tranh nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
B. Thúc đẩy các mối quan hệ, giao lưu hợp tác giữa các nước thành viên trên nhiều lĩnh vực.
C. Ngăn chặn các đại dịch đe dọa sức khỏe loài người.
D. Bảo vệ các di sản thế giới, cứu trợ nhân đạo.
- Câu 32.** Việt Nam từ khi gia nhập tổ chức Liên hợp quốc đã có những đóng góp như thế nào?
A. Có đóng góp trong nhiều lĩnh vực như chống tham nhũng, chương trình an ninh lương thực, xóa đói giảm nghèo, quyền trẻ em.

B. Có nhiều đóng góp và có tiếng nói ngày càng quan trọng trong tổ chức Liên hợp quốc.

C. Có mối quan hệ hợp tác trên nhiều lĩnh vực đối với Liên hợp quốc.

D. Trở thành Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2008-2009.

Câu 33. Tại sao Hiến chương của Liên hợp quốc là văn kiện quan trọng nhất?

A. Hiến chương nêu rõ mục đích của tổ chức Liên hợp quốc là duy trì hòa bình an ninh thế giới, phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các nước.

B. Đề ra nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc.

C. Là cơ sở để các nước căn cứ tham gia tổ chức Liên hợp quốc.

D. Hiến chương quy định bộ máy tổ chức của Liên hợp quốc.

Câu 34. Quyết định nào dưới đây của Hội nghị Potsdam (7– 945) tạo ra những khó khăn mới cho cách mạng Đông Dương sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Đồng ý cho quân Trung Hoa Dân quốc và quân Anh vào Đông Dương.

B. Liên Xô không được đưa quân đội vào Đông Dương.

C. Quân Anh sẽ mở đường cho thực dân Pháp chiếm lại Đông Dương.

D. Đông Nam Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.

Câu 35. Từ năm 1945 đến nay, tổ chức nào đã trở thành diễn đàn quốc tế vừa hợp tác vừa đấu tranh nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới?

A. Liên hợp quốc (UN).

B. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

C. Liên minh châu Âu (EU).

D. Diễn đàn hợp tác Á – Âu (ASEM).

Câu 36. Nội dung gây nhiều tranh cãi nhất giữa ba cường quốc Liên xô, Mỹ, Anh tại Hội nghị Ianta (2/1945) là

A. Phân chia khu vực chiếm đóng và phạm vi ảnh hưởng giữa các nước.

B. Quan điểm khác nhau về tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít .

C. Thành lập Liên hợp quốc để duy trì hòa bình an ninh thế giới.

D. Giải quyết hậu quả do Chiến tranh thế giới thứ hai để lại.

Câu 37. Sự kiện nào dưới đây mở ra một chương mới cho chính sách “đa phương hóa”, “đa dạng hóa” quan hệ đối ngoại của Việt Nam?

A. Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc (1977).

B. Việt Nam tham gia vào tổ chức WTO (2007).

C. Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN (1995).

D. Việt nam tham gia vào Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).

Câu 38. Nguyên tắc hoạt động nào dưới đây của Liên hợp quốc được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng để giải quyết vấn đề Biển Đông hiện nay?

A. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình

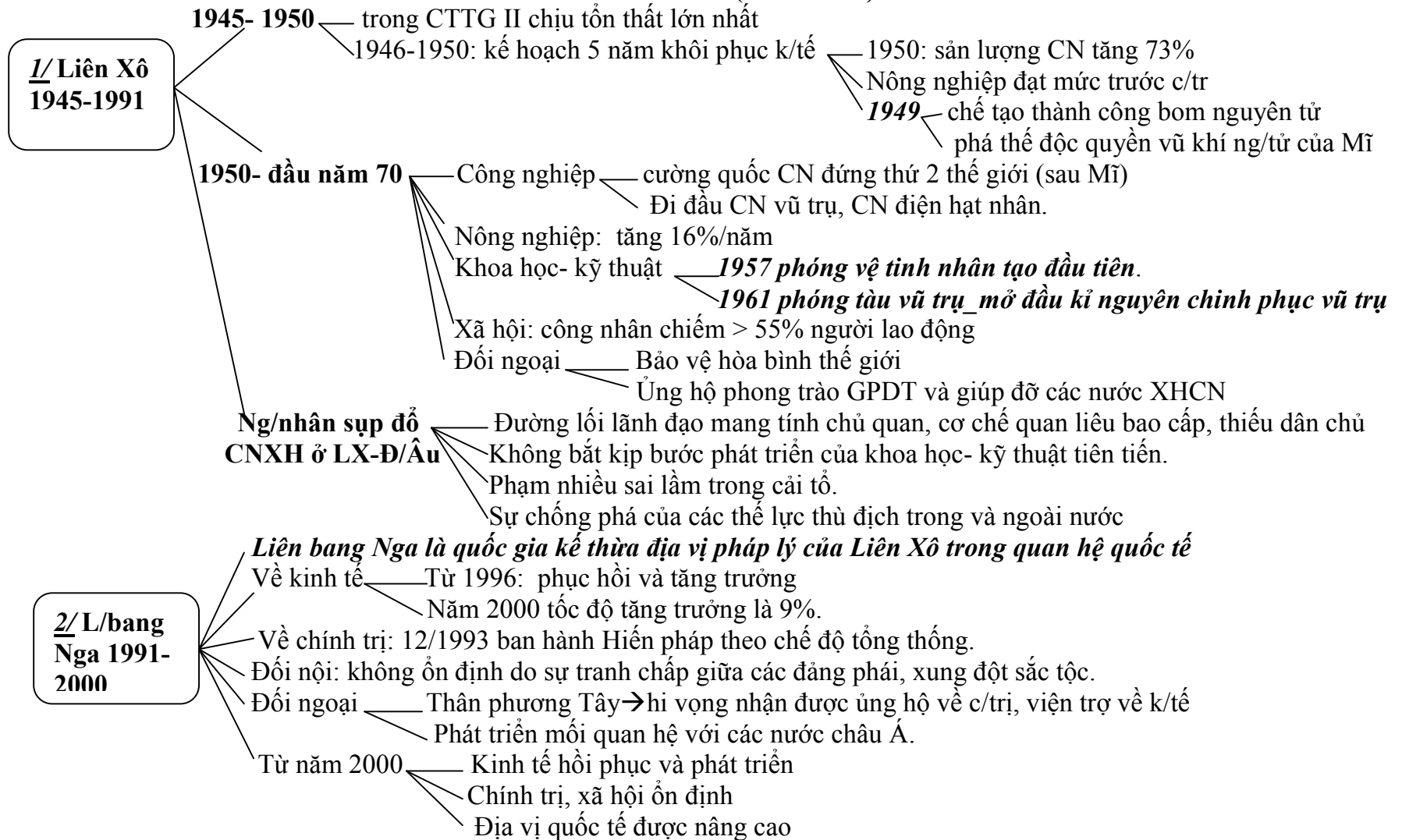
B. Chung sống hòa bình và sự nhất trí của năm cường quốc.

C. Không đe dọa vũ lực hoặc sử dụng vũ lực với nhau.

D. Hợp tác có hiệu quả về kinh tế, văn hóa, giáo dục/.

HẾT

Bài 2: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 – 1991)
LIÊN BANG NGA (1991- 2000)



CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Quốc gia nào chịu tổn thất nặng nề nhất trong Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A.** Liên Xô. **B.** Đức. **C.** Pháp. **D.** Nhật Bản.

Câu 2. Liên Xô khôi phục kinh tế sau chiến tranh thế giới thứ hai trong bối cảnh

- A.** chịu tổn thất nặng nề. **B.** bị thua trong chiến tranh thế giới thứ hai.
C. đời sống nhân dân ổn định. **D.** khủng hoảng về kinh tế, chính trị.

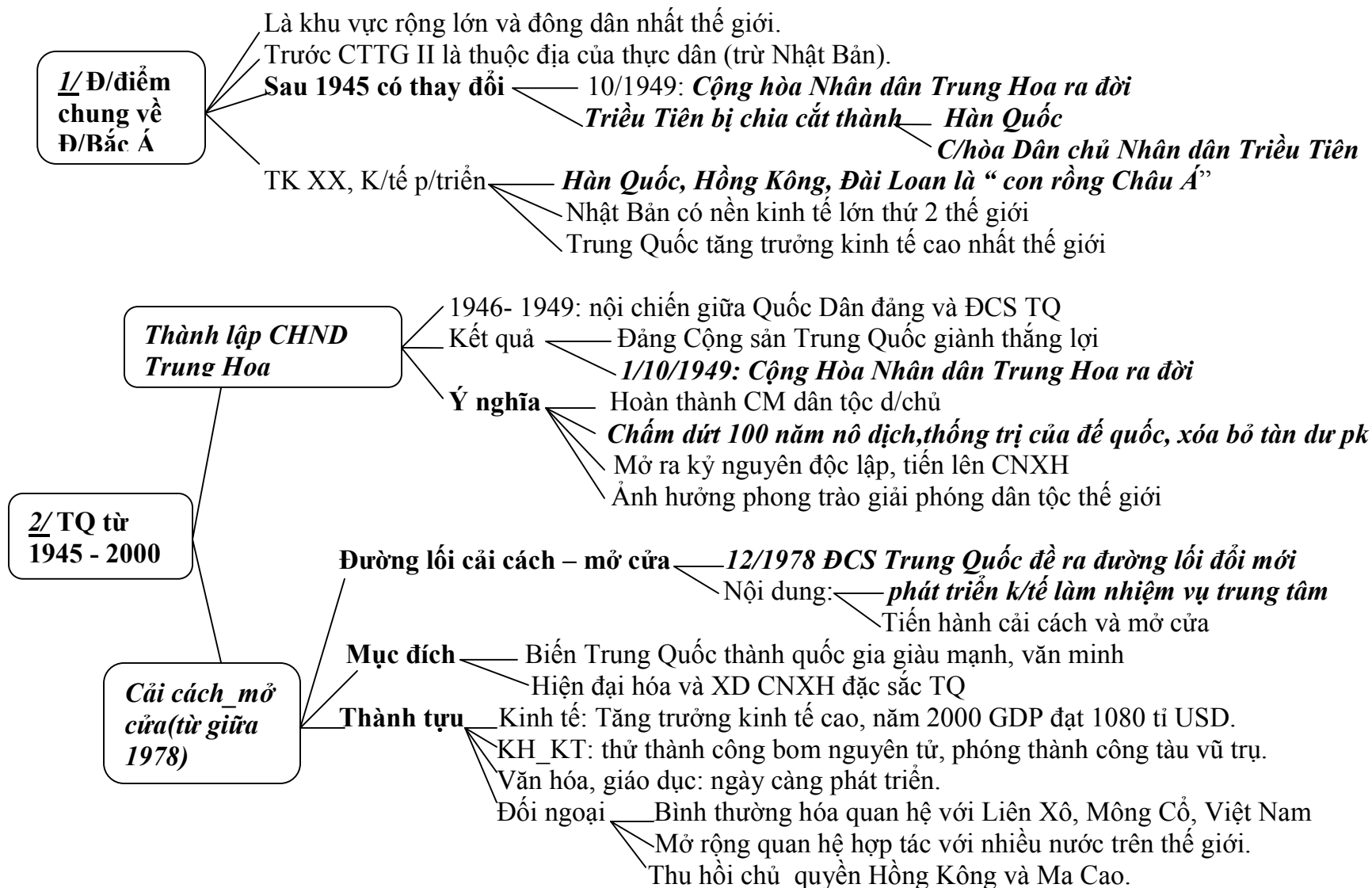
- Câu 3.** Khi tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, Liên Xô gặp khó khăn lớn nhất là gì?
 A. Bị chiến tranh tàn phá nặng nề. B. Mĩ bao vây kinh tế Liên Xô.
C. Mĩ phát động Chiến tranh lạnh. D. Các nước phương Tây theo đuổi chính sách chống cộng.
- Câu 4.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ đã thực hiện âm mưu cơ bản gì để chống lại Liên Xô?
 A. Tiến hành bao vây kinh tế. B. Phát động Chiến tranh lạnh.
C. Lôi kéo các nước đồng minh chống lại Liên Xô. D. Đàn áp phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.
- Câu 5.** Thành tựu quan trọng nhất Liên Xô đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ 1950 – 1973 là gì?
A. Đi đầu trong các ngành công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện hạt nhân.
 B. Trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới (sau Mĩ).
D. Phóng thành công tàu vũ trụ.
- Câu 6.** Liên Xô đi đầu trong các ngành công nghiệp
 A. vũ trụ, điện hạt nhân. B. luyện kim, điện hạt nhân. C. quân sự, vũ trụ. D. cơ khí, điện hạt nhân.
- Câu 7.** Quốc gia nào đã mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người?
 A. Liên Xô. B. Nhật Bản. C. Trung Quốc. D. Mĩ.
- Câu 8.** Sau năm 1945 Liên Xô thực hiện đường lối đối ngoại như thế nào?
 A. Bảo vệ hòa bình thế giới, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc và giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa.
B. Bảo vệ hòa bình thế giới, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc và giúp đỡ các nước tư bản chủ nghĩa.
C. Bảo vệ hòa bình thế giới, ủng hộ chế độ phân biệt chủng tộc Apacthai và giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa.
D. Ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc và giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa.
- Câu 9.** Nguyên nhân cơ bản nào dẫn tới sự tan rã của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu?
 A. Đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan. B. Không tiến hành cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại.
C. Tiến hành cải tổ muộn. D. Sự chống phá của các thế lực thù địch ở trong nước.
- Câu 10.** Nguyên nhân khách quan nào dẫn tới sự tan rã của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu?
 A. Sự chống phá của các thế lực thù địch ở ngoài nước. B. Phạm nhiên sai lầm trong cải tổ.
C. Không bắt kịp bước phát triển của KH-KT. D. Thực hiện cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.
- Câu 11.** Đường lối đối ngoại của nước Nga từ 1991 – 2000 là thân phương Tây, khôi phục và phát triển mối quan hệ với các nước ở
 A. Châu Á. B. Châu Phi. C. Châu Mĩ Latinh. D. Châu Âu.
- Câu 12.** Quốc gia nào đi đầu trong công nghiệp vũ trụ và điện hạt nhân sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX
 A. Liên Xô. B. Mĩ. C. Anh. D. Pháp.
- Câu 13.** Thành tựu khoa học – kĩ thuật nào của Liên Xô có ý nghĩa mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người?
A. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo. B. Phóng thành công tàu vũ trụ.
C. Đi đầu trong công nghiệp vũ trụ. D. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo bay vòng quanh trái đất.
- Câu 14.** Chính sách đối ngoại tiến bộ và tích cực của Liên Xô sau CTTG thứ hai đến những năm 70 của thế kỉ XX là
A. khởi xướng chiến tranh lạnh. B. bảo vệ hòa bình thế giới.
C. lãnh đạo phe XHCN. D. thực hiện chính sách thân phương Tây.

- Câu 15.** Công cuộc khôi phục kinh tế ở Liên Xô diễn ra trong khoảng thời gian nào?
A. Từ 1945 -1949. B. Từ 1945 -1950. **C. Từ 1946 -1950.** D. Từ năm 1946 -1949.
- Câu 16.** Liên Xô hoàn thành kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1946 – 1950) trong thời gian
A. 5 năm. B. 4 năm. **C. 4 năm 3 tháng.** D. 4 năm 6 tháng.
- Câu 17.** Liên Xô phóng tàu vũ trụ đưa nhà du hành vũ trụ Gagarin bay vòng quanh trái đất năm nào?
A. Năm 1961. B. Năm 1960. C. Năm 1959. D. Năm 1957.
- Câu 18.** Liên xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo vào năm nào?
A. Năm 1957. B. Năm 1960. C. Năm 1959. D. Năm 1961.
- Câu 19.** Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử vào năm nào?
A. Năm 1947. **B. Năm 1949.** C. Năm 1950. D. Năm 1945.
- Câu 20.** Vị tổng thống đầu tiên của Liên Xô là
A. Lênin. B. Xtalin. **C. Goochbốp.** D. Enxin.
- Câu 21.** Vì sao Liên Xô phải tiến hành khôi phục kinh tế trong những năm 1945 – 1950?
A. Đất nước bị chiến tranh tàn phá. B. Tiếp tục xây dựng CNXH đã bị gián đoạn từ năm 1941.
C. Xây dựng nền kinh tế mạnh để cạnh tranh với Mĩ. D. Đưa Liên Xô trở thành cường quốc thế giới.
- Câu 22.** Điểm khác nhau về mục đích trong việc sử dụng năng lượng nguyên tử của Liên Xô và Mĩ ?
A. Mở rộng lãnh thổ. **B. Duy trì hòa bình an ninh thế giới.**
C. Ủng hộ phong trào cách mạng thế giới. D. Khống chế các nước khác.
- Câu 23.** Tháng 12-1993, Hiến pháp Liên bang Nga được ban hành quy định nước Nga theo thể chế nào?
A. Tổng thống liên bang. B. Dân chủ tư sản.
C. Quân chủ lập hiến. D. Xã hội chủ nghĩa.
- Câu 24.** Quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam – Liên bang Nga được thiết lập vào
A. Ngày 30/1/1950. B. Ngày 18/1/1950. C. Ngày 1/10/1949. D. Ngày 19/12/1950.
- Câu 25.** Quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam – Liên bang Nga trong giai đoạn hiện nay là
A. đối tác chiến lược. **B. quan hệ song phương.**
C. hỗ trợ phát triển kinh tế. D. hỗ trợ phát triển quân sự.
- Câu 26.** Trong lĩnh vực khoa học – kĩ thuật của Liên Xô, năm 1949 diễn ra sự kiện nào?
A. Chế tạo thành công bom nguyên tử. B. Phóng thành công tàu vũ trụ.
C. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo. D. Chế tạo thành công máy bay phản lực.
- Câu 27.** Liên Bang Nga là Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có quyền như thế nào?
A. Quyền biểu quyết và phủ quyết những vấn đề quan trọng tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.
B. Quyền phủ quyết những vấn đề quan trọng tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.
C. Quyền biểu quyết những vấn đề quan trọng tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.
D. Quyền can thiệp vào tất cả các vấn đề ở các nước và các khu vực trên thế giới.
- Câu 28.** Sự sụp đổ của Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu đã có tác động như thế nào đến tình hình thế giới?
A. Chủ nghĩa xã hội lâm vào thời kì thoái trào; trật tự hai cực Ianta hoàn toàn sụp đổ.
B. Thúc đẩy sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn cầu.

- C. Mĩ – nước đứng đầu cực Tư bản chủ nghĩa đã vươn lên nắm quyền lãnh đạo thế giới, xác lập trật tự thế giới “một cực”.
D. Chấm dứt cuộc chạy đua vũ trang trên phạm vi toàn cầu.
- Câu 29.** Nhận thức như thế nào về sự sụp đổ của Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu?
 A. Đó chỉ là sự sụp đổ của một mô hình Chủ nghĩa xã hội chưa đúng đắn, còn nhiều thiếu sót, hạn chế.
B. Chủ nghĩa xã hội không thể được thực hiện trong hiện thực.
C. Đó là một tất yếu khách quan.
D. Học thuyết Mác đã trở nên lỗi thời.
- Câu 30.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Tây Âu do Mĩ cầm đầu đã thực hiện âm mưu cơ bản gì để chống lại Liên Xô?
A. Phát động “Chiến tranh lạnh”. B. Tiến hành bao vây kinh tế.
C. Đẩy mạnh chiến tranh tổng lực. D. Tiến hành bao vây chính trị.
- Câu 31.** Vì sao Liên Xô tiến hành công cuộc cải tổ đất nước trong những năm 80 của thế kỉ XX?
 A. Đất nước lâm vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng. B. Đất nước đã phát triển nhưng chưa bằng Mĩ và Tây Âu.
C. Do tác động của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật. D. Do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng.
- Câu 32.** Nguyên nhân cơ bản nào làm cho chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ?
 A. Xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội không phù hợp. B. Các thế lực thù địch trong và ngoài nước chống phá.
C. Chậm sửa chữa những sai lầm. D. Đất nước lâm vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng.
- Câu 33.** Sau khi Liên Xô sụp đổ, Liên bang Nga là
 A. quốc gia kế thừa địa vị pháp lí của Liên Xô. B. quốc gia độc lập như các nước cộng hòa khác.
C. quốc gia nắm mọi quyền hành ở Đông Âu. D. quốc gia đứng đầu Liên bang Xô viết.
- Câu 34.** Bài học kinh nghiệm mà Việt Nam rút ra được từ sự sụp đổ chủ nghĩa xã hội của Liên Xô và Đông Âu là gì?
 A. Xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. B. Thực hiện chính sách nhà nước nắm toàn bộ nền kinh tế.
C. Cải cách nông nghiệp. D. Cải cách kinh tế triệt để.
- Câu 35.** Để tránh sự sụp đổ như Liên Xô và Đông Âu, Việt Nam cần phải thực hiện điều cơ bản nào dưới đây?
 A. Không được chủ quan, duy ý chí trong đường lối lãnh đạo. B. Ngăn chặn diễn biến hòa bình.
C. Bắt kịp sự phát triển của khoa học – kĩ thuật. D. Không được phạm sai lầm trong quá trình cải cách kinh tế, chính trị.
- Câu 36.** Một trong những bài học mà Việt Nam có thể rút ra từ sự sụp đổ chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu để phát triển kinh tế hiện nay là?
 A. Xây dựng nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp. B. Xây dựng nền kinh tế thị trường.
C. Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. D. Xây dựng nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Câu 37.** Một trong những bài học mà Việt Nam có thể rút ra để tăng cường sức mạnh của nhà nước hiện nay từ sự sụp đổ chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu là gì?
 A. Tăng cường sự đoàn kết trong Đảng và trong nhân dân. B. Tăng cường tính dân chủ trong nhân dân.
C. Mở rộng quan hệ đối ngoại với tất cả các nước. D. Tăng cường mối quan hệ với các cường quốc.

HẾT

Bài 3 : CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á.



CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Các nước nào sau đây **không** nằm ở khu vực Đông Bắc Á?

- A. Hồng Kông, Đài Loan. B. Triều Tiên, Hàn Quốc. **C** Thái Lan, Ấn Độ. D. Nhật Bản, Trung Quốc.

Câu 2: Sự kiện nào sau đây thể hiện sự biến đổi về chính trị của khu vực Đông Bắc Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A** Nước CHND Trung Hoa ra đời và sự chia cắt bán đảo Triều Tiên thành 2 nhà nước đối lập.
B. Nội chiến giữa Quốc dân đảng và Đảng cộng sản.
C. Trung Quốc thu hồi chủ quyền đối với Hồng Kông và Ma Cao.

D. Sự ra đời của nước CHDCND Triều Tiên.

Câu 3: Đặc điểm chung về lịch sử của các nước Đông Bắc Á trước Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. đông dân và có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú.

B. đều bị chủ nghĩa thực dân nô dịch (trừ Nhật Bản).

C. phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ.

D. đã giành được độc lập, chủ quyền.

Câu 4: Nửa sau thế kỷ XX, kinh tế Đông Bắc Á tăng trưởng nhanh chóng với nhiều biểu hiện. Biểu hiện nào sau đây **không** đúng?

A. Hàn Quốc, Hồng Kông và Đài Loan trở thành ba “con rồng” kinh tế châu Á.

B. Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.

C. Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới.

D. Hàn Quốc, Hồng Kông và Đài Loan trở thành siêu cường thế giới

Câu 5: Đặc điểm nào sau đây phản ánh đúng nhất về tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc trong những năm 80 – 90 của thế kỉ XX và những năm đầu của thế kỷ XXI?

A. mạnh mẽ, thần kì.

B. đứng hàng thứ nhất thế giới.

C. đứng hàng thứ hai thế giới.

D. nhanh và cao nhất thế giới.

Câu 6: Kết quả quan trọng nhất của cuộc nội chiến Quốc – Cộng diễn ra ở Trung Quốc từ năm 1946 – 1949 là

A. Quốc dân đảng thất bại, Tưởng Giới Thạch phải chạy ra Đài Loan.

B. Đảng cộng sản Trung Quốc đã giành được ngọn cờ lãnh đạo cách mạng.

C. chấm dứt mâu thuẫn giữa Quốc dân đảng và Đảng cộng sản.

D. dẫn đến sự ra đời của nước CHND Trung Hoa.

Câu 7: Ý nghĩa quốc tế to lớn của sự thành lập nước CHND Trung Hoa ngày 1 – 10 – 1949 là

A. chấm dứt ách thống trị của đế quốc.

B. mở ra kỷ nguyên độc lập tự do, đi lên CNXH.

C. ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào cách mạng thế giới.

D. xóa bỏ tàn dư phong kiến.

Câu 8: Công cuộc cải cách và mở cửa ở Trung Quốc được bắt đầu từ khi nào và người khởi xướng là ai?

A. Tháng 12/1978 – Đặng Tiểu Bình.

B. Tháng 9/1982 – Mao Trạch Đông.

C. Tháng 10/1987 – Đặng Tiểu Bình.

D. Tháng 12/1987 – Mao Trạch Đông.

Câu 9: Nội dung cơ bản nhất trong chính sách cải cách và mở cửa của Trung Quốc thực hiện từ năm 1978 đến nay là

A. lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, đồng thời tiến hành cải cách và mở cửa.

B. tập trung xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

C. chú trọng cải cách hệ thống pháp luật nhằm thu hút đầu tư bên ngoài.

D. thực hiện mở cửa với bên ngoài trên mọi phương diện.

Câu 10: Đánh giá nào sau đây **không** đúng về những thành tựu cải cách và mở cửa của Trung Quốc từ năm 1978 đến nay?

A. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.

B. Vai trò và vị thế của Trung Quốc ngày càng cao trên trường quốc tế.

C. Biển Trung Quốc trở thành một cường quốc kinh tế thế giới.

D. Trung Quốc trở thành cường quốc về công nghệ phần mềm.

Câu 11: Chính sách đối ngoại nào sau đây **không** phải là thành tựu của Trung Quốc trong công cuộc cải cách mở cửa từ năm 1978 đến nay?

A. Mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều nước trên thế giới.

- B. Vai trò và địa vị quốc tế được nâng cao.
- C. Thu hồi chủ quyền đối với Hồng Công và Ma Cao.
- D. Trung Quốc thể hiện thái độ “nước lớn” trong quan hệ với các nước Đông Nam Á.

Câu 12: Ba “con rồng” kinh tế của khu vực Đông Bắc Á là

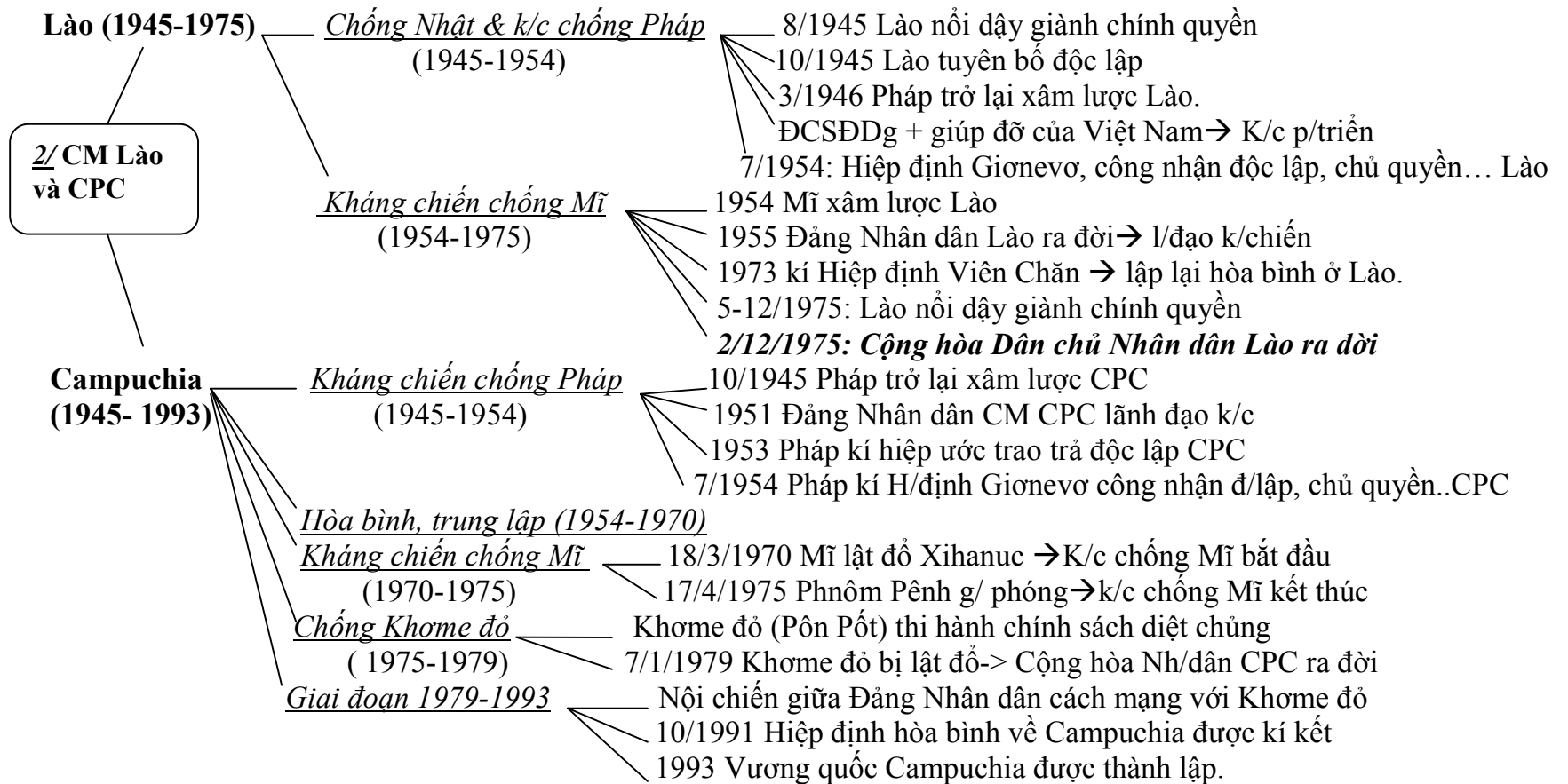
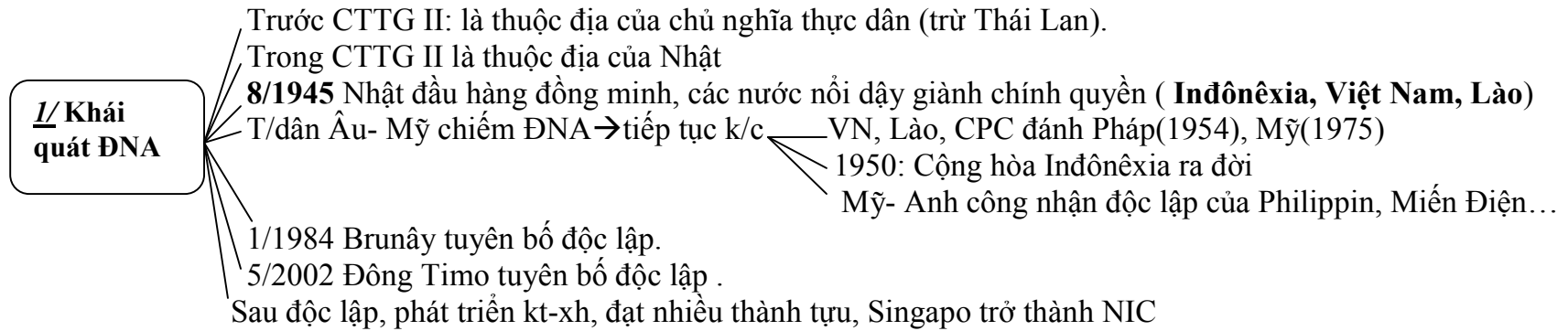
- A. Hàn Quốc, Hồng Công, Đài Loan.
- B. Hàn Quốc, Hồng Công, Singapo.
- C. Trung Quốc, Hồng Công, Nhật Bản.
- D. Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản.

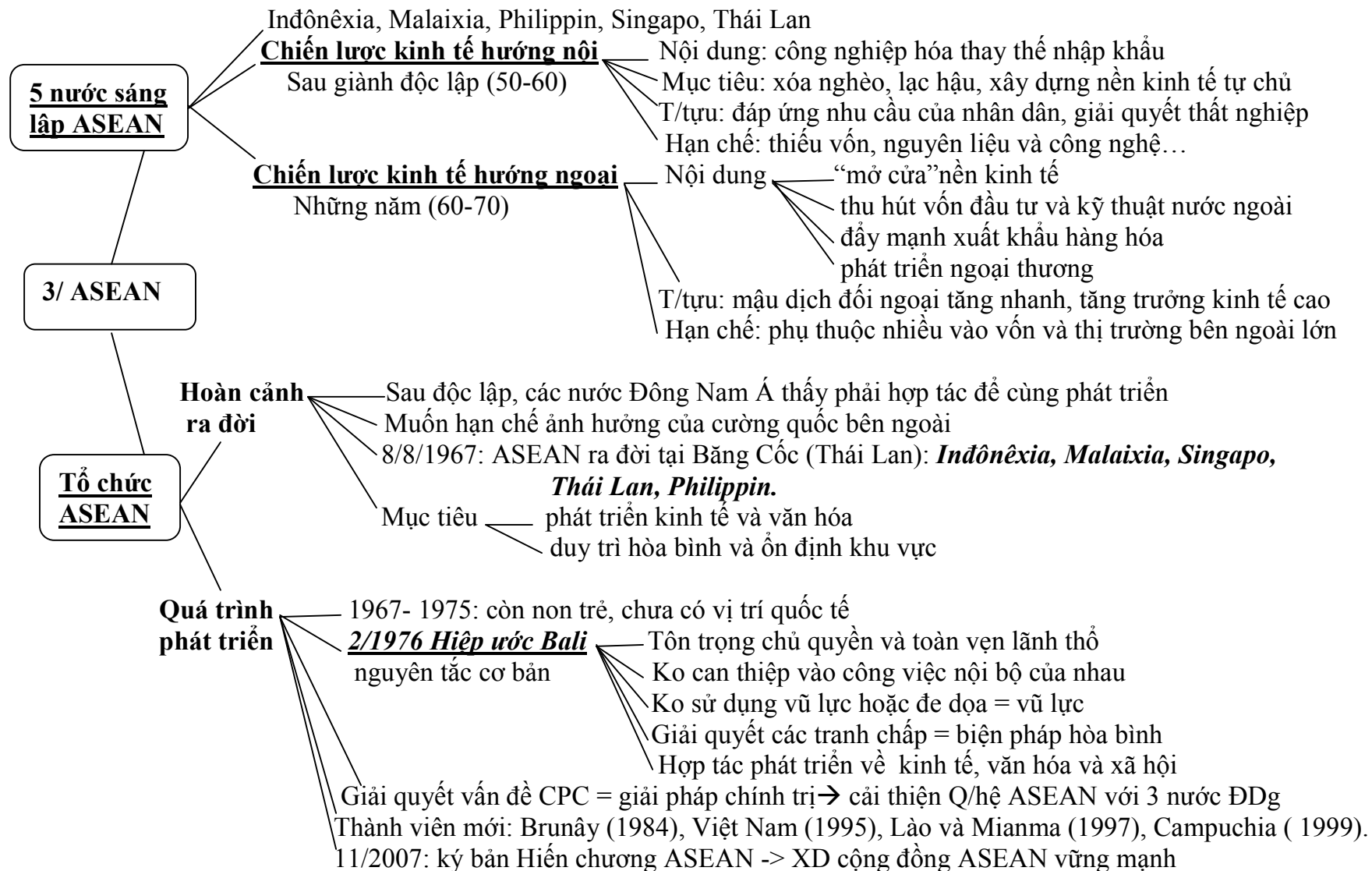
Câu 13: Sự kiện nào thể hiện rõ nhất sự đối đầu của trật tự hai cực Ianta ở khu vực Đông Bắc Á?

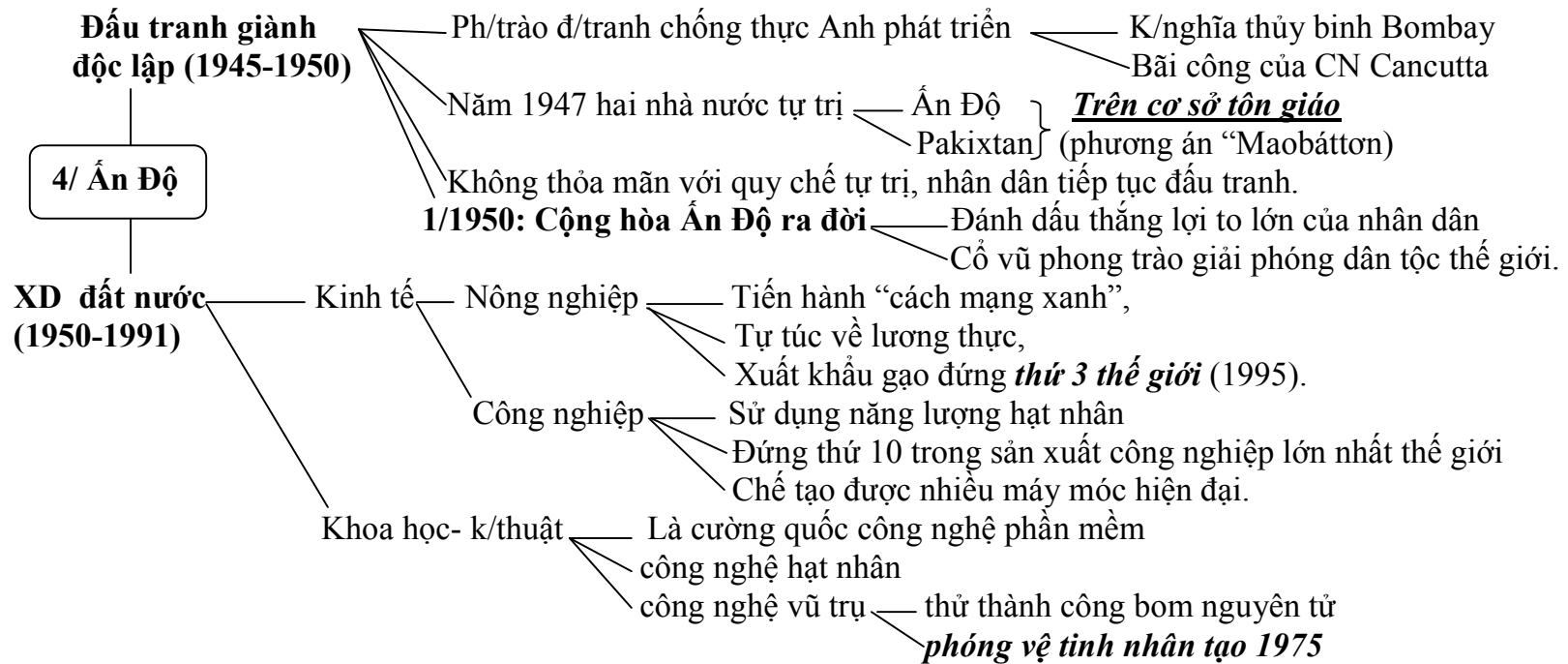
- A. Sự xuất hiện của hai nước CHDCND Triều Tiên và Hàn Quốc (1948).
- B. Sự thành lập nước CHND Trung Hoa (1949).
- C. Chiến tranh Triều Tiên (1950 – 1953).
- D. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quân đội Mỹ chiếm đóng Nhật Bản.

HẾT

Bài 4: CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ÁN ĐỘ







CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Trong chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á bị biến thành thuộc địa của nước nào?

- A. Anh. B. Pháp. C. Mỹ. **D. Nhật Bản.**

Câu 2: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về quá trình đấu tranh giành độc lập của các nước Đông Nam Á?

- A.** Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, Đông Nam Á là thuộc địa của Nhật Bản (trừ Thái Lan).
 B. 8/1945, Nhật đầu hàng đồng minh là thời cơ cho các nước Đông Nam Á nổi dậy giành chính quyền.
 C. Sau khi giành được chính quyền, Đông Nam Á bị thực dân Âu – Mỹ tái chiếm.
 D. Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia giành thắng lợi.

Câu 3: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh sự giống nhau của cách mạng 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia từ năm 1945 - 1954?

- A. Đều nằm trên bán đảo Đông Dương. **B.** Lãnh đạo là Đảng cộng sản Đông Dương.
 C. Chống kẻ thù chung là thực dân Pháp. D. Quyền dân tộc cơ bản của ba nước được công nhận vào năm 1954.

Câu 4: Sự kiện nào sau đây đánh dấu Pháp công nhận độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Đông Dương?

- A. Chiến thắng Điện Biên Phủ của Việt Nam năm 1954. **B.** Hiệp định Giơnevơ năm 1954.
 C. Hiệp định Viên Chăn năm 1973. D. Hiệp định Pari năm 1973.

Câu 5: Nước Lào tuyên bố độc lập vào thời gian nào?

- A. Tháng 8/1945. B. Tháng 9/1945. **C.** Tháng 10/1945. D. Tháng 11/1945.

Câu 6: Thời cơ cho các nước Đông Nam Á nổi dậy giành chính quyền năm 1945 là

- A. Nhật đầu hàng đồng minh (8/1945). B. Ấn Độ tuyên bố thành lập nước Cộng hòa (8/1945).
C. Việt Nam tiến hành Tổng khởi nghĩa (8/1945). D. Lào tuyên bố độc lập (10/1945).

Câu 7: Ý nghĩa cơ bản của Hiệp định Viên Chăn năm 1973 ký giữa Mỹ và Lào là

- A. kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của Lào. B. buộc Mỹ phải rút quân khỏi Lào.
C. lập lại hòa bình ở Lào. D. Mỹ công nhận nền độc lập của Lào.

Câu 8: Sự kiện nào sau đây có ý nghĩa đưa Lào bước sang thời kỳ mới – xây dựng và phát triển đất nước?

- A. Lào tuyên bố độc lập (10/1945).
B. Pháp ký Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 công nhận độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Lào.
C. Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào được thành lập (12/1975).
D. Mỹ ký Hiệp định Viên Chăn năm 1973 thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào.

Câu 9: Sự kiện nào sau đây đánh dấu cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Campuchia kết thúc?

- A. Chính quyền Xi-hanuc bị lật đổ (1970). B. Thủ đô Phnôm-pênh được giải phóng (1975).
C. Tập đoàn Khome đỏ bị tiêu diệt (1979). D. Nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia được thành lập (1979).

Câu 10: Vương quốc Campuchia được thành lập vào năm

- A. 1975. B. 1979. C. 1991. D. 1993.

Câu 11: Sự kiện nào sau đây đánh dấu chấm dứt chế độ diệt chủng tộc của tập đoàn Khome đỏ ở Campuchia?

- A. Cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc năm 1975. B. Nước Cộng hòa nhân dân Campuchia được thành lập năm 1979.
C. Hiệp định hòa bình về Campuchia năm 1991. D. Vương quốc Campuchia được thành lập năm 1993.

Câu 12: Nhóm 5 nước sáng lập ASEAN gồm các nước

- A. Ấn Độ, Malaixia, Philippin, Singapo, Mianma. B. Malaixia, Philippin, Thái Lan, Singapo, Mianma.
C. Ấn Độ, Malaixia, Thái Lan, Mianma, Philippin. D. Thái Lan, Ấn Độ, Malaixia, Philippin, Singapo.

Câu 13: Nước nào sau đây ở Đông Nam Á trở thành một trong bốn “con rồng kinh tế” châu Á nửa sau thế kỷ XX?

- A. Malaixia. B. Singapo. C. Philippin. D. Thái Lan.

Câu 14: Nội dung chiến lược kinh tế hướng nội của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN sau khi giành độc lập là

- A. tiến hành công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu. B. mở cửa nền kinh tế thu hút vốn đầu tư.
C. đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa. D. phát triển ngoại thương.

Câu 15: Trong những năm 50 – 60 của thế kỷ XX, nhóm 5 nước sáng lập ASEAN thực hiện chiến lược kinh tế hướng nội. Hạn chế của chiến lược này là gì?

- A. Thiếu vốn, nguyên liệu và công nghệ. B. Phụ thuộc vào vốn và thị trường bên ngoài.
C. Tình trạng đầu tư bất hợp lý. D. Sự cạnh tranh gay gắt.

Câu 16: Nhóm 5 nước sáng lập ASEAN chuyển sang thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại vào thời gian nào?

- A. Thập niên 50 – 60 của thế kỷ XX. B. Thập niên 60 – 70 của thế kỷ XX.
C. Thập niên 70 – 80 của thế kỷ XX. D. Thập niên 80 – 90 của thế kỷ XX.

Câu 17: Tổ chức ASEAN ra đời trên cơ sở chủ yếu nào?

- A. Nhu cầu hợp tác để cùng nhau phát triển của các nước Đông Nam Á.
B. Các nước Đông Nam Á muốn hạn chế sự ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài.

- C. Sự xuất hiện của các tổ chức hợp tác khu vực đã cổ vũ các nước Đông Nam Á liên kết với nhau.
D. Do tác động của cách mạng khoa học kỹ thuật và nhu cầu mở rộng thị trường.

Câu 18: Sự kiện nào sau đây đánh dấu sự khởi sắc của tổ chức ASEAN?

- A. Hội nghị cấp cao lần thứ nhất tại Bali (1976). B. Ký Hiệp ước Bali (1976).
C. Việt Nam gia nhập ASEAN (1995). D. Ký Hiến chương ASEAN (2007).

Câu 19: Tổ chức ASEAN chính thức thành lập vào thời gian nào?

- A. Ngày 18/4/1951. B. Ngày 25/3/1957. C. Ngày 1/7/1967. D. Ngày 8/8/1967.

Câu 20: Năm 1967, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại

- A. Giacacta (Indônêxia). B. Băng Cốc (Thái Lan). C. Kuala Lumpur (Malaixia). D. Malina (Philippin).

Câu 21: Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên tắc hoạt động của tổ chức ASEAN?

- A. Tôn trọng độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ.
B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
C. Giải quyết các tranh chấp bằng phương pháp hòa bình.
 D. Chung sống hòa bình với sự nhất trí của 5 nước sáng lập ASEAN.

Câu 22: ASEAN đã phát triển thành mười nước thành viên vào năm

- A. 1992. B. 1995. C. 1997. D. 1999.

Câu 23: Những năm đầu sau khi giành độc lập, nhóm các nước Đông Nam Á gồm Thái Lan, Indônêxia, Malaixia, Philippin, Singgapo đã

- A. thực hiện chiến lược kinh tế hướng nội. B. thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại.
C. thành lập Hiệp hội các nước Đông Nam Á. D. thực hiện những kế hoạch 5 năm nhằm khôi phục kinh tế.

Câu 24: Sắp xếp theo trình tự thời gian gia nhập tổ chức ASEAN của những nước sau đây?

- A. Việt Nam, Lào, Campuchia, Brunây, Mianma. B. Mianma, Việt Nam, Lào, Campuchia, Brunây.
 C. Brunây, Việt Nam, Lào, Mianma, Campuchia. D. Lào, Campuchia, Mianma, Việt Nam, Brunây.

Câu 25: Cơ hội chủ yếu của Việt Nam từ khi gia nhập ASEAN đến nay là

- A. hợp tác phát triển về kinh tế, văn hóa và giải quyết các vấn đề nóng của khu vực.
B. giúp giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc.
C. tăng cường khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực.
D. góp phần bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ.

Câu 26: Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) ra đời trong hoàn cảnh nào?

- A. Sau khi giành độc lập, các nước phát triển trong điều kiện khó khăn. B. Các nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề.
C. Các nước phát triển không đồng đều. D. Các nước đã phục hồi và phát triển về kinh tế.

Câu 27: Trong những năm 90 của thế kỷ XX, nước nào gia nhập ASEAN sớm nhất?

- A. Lào. B. Mianma. C. Việt Nam. D. Campuchia.

Câu 28: Nước nào sau đây có diện tích rộng lớn và đông dân thứ hai ở châu Á?

- A. Trung Quốc. B. Ấn Độ. C. Nhật Bản. D. Liên bang Nga.

Câu 29: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ấn Độ đặt dưới sự lãnh đạo của

- A. Đảng Cộng hòa. B. Đảng Dân chủ. C. Đảng Quốc đại. D. Đảng Cộng sản.

Câu 30: Sự kiện nào sau đây đánh dấu thắng lợi to lớn của nhân dân Ấn Độ trong cuộc đấu tranh chống thực dân Anh?

- A. Cuộc khởi nghĩa của 2 vạn thủy binh Bombay (2/1946).
- B. Cuộc bãi công của 40 vạn công nhân Canceutta (2/1947).
- C. Hai nhà nước tự trị Ấn Độ và Pakixtan được thành lập (8/1947).

D. Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hòa (1/1950).

Câu 31: Từ giữa thập niên 90 của thế kỷ XX, Ấn Độ trở thành nước xuất khẩu gạo đứng hàng thứ ba thế giới là nhờ tiến hành

- A. cuộc “cách mạng xanh”.
- B. cuộc “cách mạng công nghiệp”.
- C. cuộc “cách mạng chất xám”.
- D. cuộc “cách mạng khoa học – kỹ thuật”.

Câu 32: Năm 1947, thực dân Anh trao quyền tự trị theo “phương án Maobattton” chia Ấn Độ thành hai quốc gia là

- A. Ấn Độ và Bắgladét.
- B. Ấn Độ và Pakixtan.
- C. Ấn Độ và Butan.
- D. Ấn Độ và Nêpan.

Câu 33: Chính sách đối ngoại nổi bật của Ấn Độ từ sau khi giành độc lập là

- A. thực hiện chính sách hòa bình, trung lập tích cực.
- B. tăng cường chạy đua vũ trang.
- C. không ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc thế giới.
- D. mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới.

Câu 34: Ấn Độ chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam vào thời gian nào?

- A. Năm 1950.
- B. Năm 1970.
- C. Năm 1972.
- D. Năm 1975.

Câu 35: Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới là nhờ thực hiện

- A. cuộc “cách mạng khoa học – công nghệ”.
- B. cuộc “cách mạng công nghiệp”.
- C. cuộc “cách mạng chất xám”.
- D. cuộc “cách mạng khoa học – kỹ thuật”.

Câu 36: Nguyên tắc hoạt động nào sau đây của tổ chức ASEAN khác với nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?

- A. Tôn trọng độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của các nước.
- B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.
- C. Không sử dụng hoặc đe dọa bằng vũ lực đối với nhau.
- D. Giải quyết các tranh chấp bằng phương pháp hòa bình.

Câu 37: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ sau khi giành được độc lập cho đến nay?

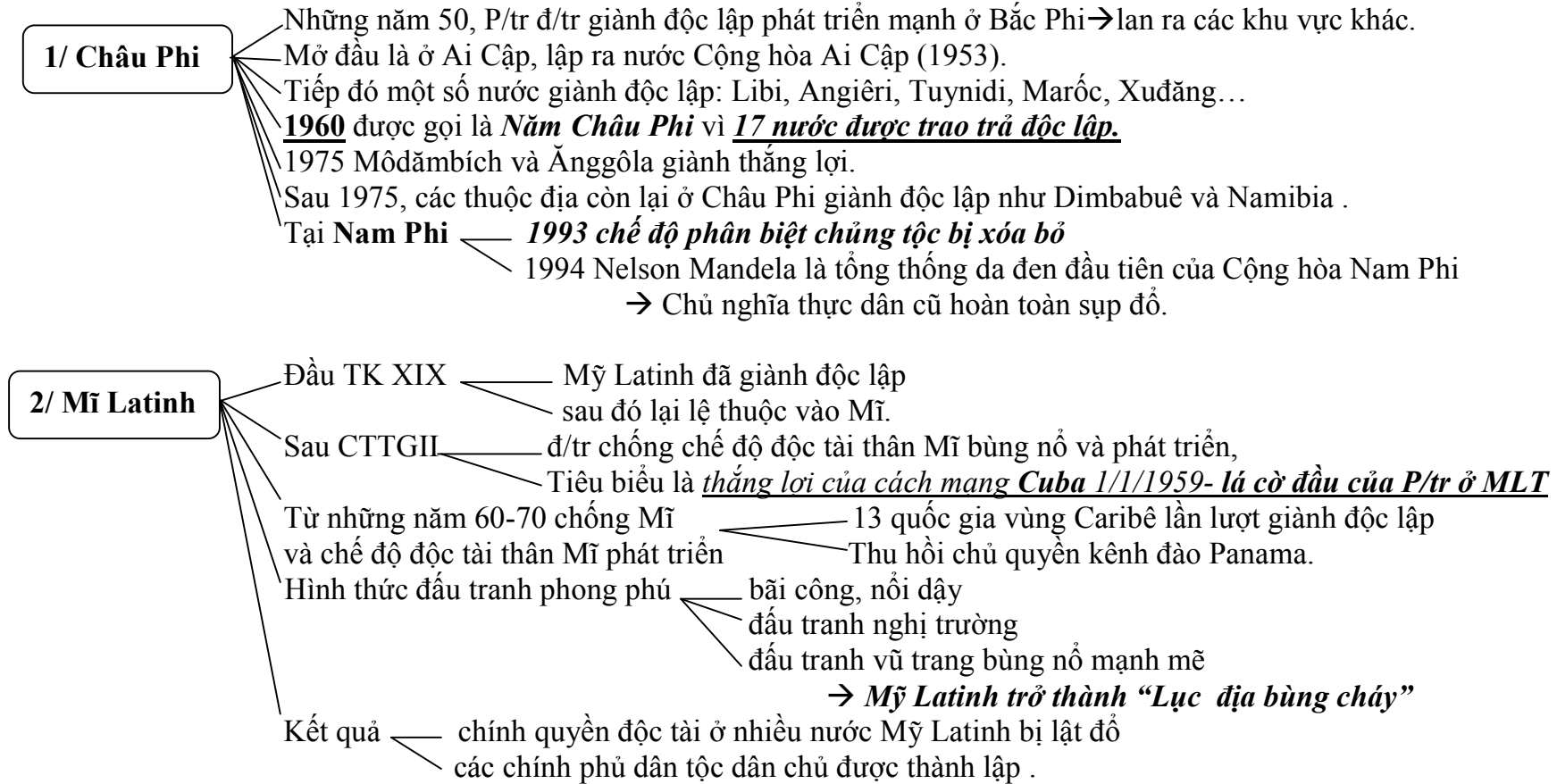
- A. Thực hiện chính sách hòa bình, trung lập tích cực.
- B. Ủng hộ phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc trên thế giới.
- C. Tham gia sáng lập phong trào không liên kết.
- D. Thực hiện chạy đua vũ trang với các cường quốc.

Câu 38: Trong những năm 80 của thế kỷ XX, Ấn Độ đứng hàng thứ mười thế giới về

- A. sản xuất công nghiệp.
- B. sản xuất nông nghiệp.
- C. sản xuất phần mềm.
- D. sản xuất hàng tiêu dùng.

HẾT

Bài 5: CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MỸ LA TINH .



CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở châu Phi phát triển mạnh từ thời gian nào?

- A. Từ những năm 50 của thế kỷ XX. B. Từ những năm 60 của thế kỷ XX.
C. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. D. Từ sau năm 1975.

Câu 2: Phong trào đấu tranh giành độc lập ở Châu Phi bùng nổ trước tiên ở khu vực nào?

- A. Đông Phi. B. Bắc Phi. C. Nam Phi. D. Tây Phi.

Câu 3: Các quốc gia giành được độc lập đầu tiên ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. Môđambích và Ănggôla B. Angiêri và Tuynidi. C. Ai Cập và Libi. D. Dimbabuê và Namibia.

Câu 4: Năm 1960 được gọi là “Năm châu Phi” vì

- A. nhân dân châu Phi đứng dậy đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. B. 17 nước châu Phi được trao trả độc lập.
C. chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi bị tan rã. D. chế độ phân biệt chủng tộc Apacthai chính thức bị xóa bỏ.

Câu 5: Chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi và hệ thống thuộc địa của nó cơ bản bị tan rã sau sự kiện nào?

- A. 17 quốc gia ở châu Phi giành được độc lập (1960).
- B. Môđambích và Ănggôla giành được độc lập (1975).
- C. Chế độ phân biệt chủng tộc bị xóa bỏ (1993).
- D. Nelson Mandela trở thành Tổng thống da đen đầu tiên của Cộng hòa Nam Phi (1994).

Câu 6: Sự kiện nào mở đầu cuộc đấu tranh giành độc lập ở Châu Phi?

- A. Cuộc đấu tranh ở Li Bi.
- B. Cuộc đấu tranh ở Ai Cập.
- C. Cuộc đấu tranh ở Xu Đăng.
- D. Cuộc đấu tranh ở An giê ri.

Câu 7: Kẻ thù chủ yếu trong cuộc đấu tranh của nhân dân ở Nam Phi là

- A. chủ nghĩa thực dân mới.
- B. chủ nghĩa thực dân cũ.
- C. chủ nghĩa Apacthai.
- D. chủ nghĩa đế quốc.

Câu 8: Nội dung nào sau đây gắn liền với tên tuổi của Nelson Mandela?

- A. Lãnh tụ nổi tiếng phong trào chống ách thống trị của bọn thực dân.
- B. Lãnh tụ của phong trào đấu tranh giành độc lập ở Ăngiêri.
- C. Lãnh tụ của phong trào đấu tranh giành độc lập ở Ănggôla.
- D. Lãnh tụ của phong trào đấu tranh chống phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.

Câu 9: Lịch sử ghi nhận “Năm châu Phi” là năm nào?

- A. 1952.
- B. 1954.
- C. 1960.
- D. 1975.

Câu 10: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ có âm mưu chủ yếu gì đối với khu vực Mĩ Latinh?

- A. Biến Mĩ Latinh thành sân sau của mình.
- B. Lôi kéo các nước Mĩ Latinh vào khối quân sự của mình.
- C. Không chế các nước Mĩ Latinh không cho quan hệ với các nước khác.
- D. Tiến hành lật đổ chính quyền ở các nước Mĩ Latinh.

Câu 11: Thắng lợi của cách mạng nước nào có tác động sâu sắc tới cuộc đấu tranh giành độc lập ở khu vực Mĩ La Tinh?

- A. Cách mạng Cuba.
- B. Cách mạng Chilê.
- C. Cách mạng Pêru
- D. Cách mạng Cômblômbia.

Câu 12: Tại sao Cuba được xem là lá cờ đầu trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Là nước đầu tiên giành độc lập, thúc đẩy phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ ở Mĩ Latinh.
- B. Là nước lớn mạnh nhất ở Mĩ Latinh.
- C. Là nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở Mĩ Latinh.
- D. Là dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

Câu 13: Ngày 1/1/1959, ở khu vực Mĩ Latinh diễn ra sự kiện gì?

- A. Nước Cộng hòa Cuba ra đời do Phiđen Catxtorô đứng đầu.
- B. 13 quốc gia ở vùng Caribe lần lượt giành độc lập.
- C. Tổ chức “Liên minh vì tiến bộ” được thành lập.
- D. Thu hồi chủ quyền kênh đào Panama.

Câu 14: Hình thức đấu tranh chủ yếu của nhân dân Mĩ Latinh từ những năm 60 của thế kỷ XX là

- A. đấu tranh chính trị hợp pháp.
- B. đấu tranh vũ trang.
- C. đấu tranh bí mật, bất hợp pháp.
- D. bãi công, biểu tình.

Câu 15: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, khu vực Mĩ Latinh đã tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc chống lại

A. chủ nghĩa thực dân cũ.

B. chế độ độc tài thân Mĩ.

C. chủ nghĩa tư bản.

D. chế độ phân biệt chủng tộc.

Câu 16: Sự kiện nào đánh dấu bước phát triển mới của phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Nhân dân Cuba tấn công trại lính ở Môncađa (7/1953).

B. Thắng lợi của cách mạng Cuba (1959).

C. Thu hồi chủ quyền kênh đào Panama (1964).

D. 13 quốc gia ở vùng Caribê được độc lập (1983).

Câu 17: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước thực dân có nhiều thuộc địa ở châu Phi nhất là

A. thực dân Pháp, Anh.

B. thực dân Pháp, Hà Lan.

C. thực dân Mĩ, Anh.

D. thực dân Hà Lan, Anh.

Câu 18: Cuộc binh biến của sĩ quan và binh lính yêu nước Ai Cập (7/1952) đã mang lại kết quả gì?

A. Lật đổ vương triều Pharúc, lập nên nước Cộng hòa Ai Cập.

B. Lật đổ nền thống trị của Anh, lập nên nước Cộng hòa Ai Cập.

C. Lật đổ nền thống trị của Pháp, lập nên nước Cộng hòa Ai Cập.

D. Lật đổ nền thống trị của Hà Lan, lập nên nước Cộng hòa Ai Cập.

Câu 19: Mục tiêu đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân dưới hình thức chế độ Apácthai ở châu Phi nhằm

A. giành độc lập dân tộc và quyền sống của con người.

B. giành độc lập dân tộc và quyền sở hữu tư liệu sản xuất.

B. giành chính quyền dân chủ của nhân dân.

C. bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Câu 20: Văn kiện chính thức xóa bỏ chế độ chế độ phân biệt chủng tộc Apácthai là

A. Tuyên ngôn thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân.

B. Hiến pháp của Cộng hòa Nam Phi tháng 11/1993.

C. Tuyên ngôn thủ tiêu tất cả các hình thức của chế độ phân biệt chủng tộc.

D. Hiến chương của Liên minh châu Phi (AU).

Câu 21: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ tìm cách biến khu vực Mĩ Latinh thành “sân sau ” của mình bằng cách

A. giúp cho các nước bảo vệ nền độc lập dân tộc.

B. xây dựng chế độ độc tài thân Mĩ ở nhiều nước.

C. giúp đỡ về kinh tế - tài chính.

D. Xây dựng các căn cứ quân sự.

Câu 22: Sự kiện mở đầu của cách mạng Cuba (1953-1959) là

A. cuộc tấn công trại lính Môncađa do Phiđen Cátxtorô chỉ huy.

B. cuộc đổ bộ vào đất liền của 81 chiến sĩ do Phiđen Cátxtorô chỉ huy.

C. Phiđen Cátxtorô thành lập Đảng Cộng sản và dẫn dắt cách mạng Cuba.

D. nước Cộng hòa Cuba ra đời do Phiđen Cátxtorô đứng đầu.

Câu 23. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Mĩ Latinh đều là

A. Thuộc địa của Anh, Pháp.

B. Thuộc địa kiểu mới của Mĩ.

C. Những nước hoàn toàn độc lập.

D. Những nước thực dân kiểu mới.

Câu 24. Lãnh tụ dẫn dắt cách mạng Cuba lật đổ chế độ độc tài thân Mỹ và từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội là

- A. Hô-xê-mác-ti. B. A-gien-đê C. Chê Ghê-va-na **D. Phi-đen Cax-tơ-rô**

Câu 25. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba diễn ra trong bối cảnh nào?

- A. Mĩ bao vây cấm vận
B. Đất nước đã lật đổ chế độ độc tài Batixta.
C. Mất nguồn viện trợ to lớn từ khi Liên Xô tan rã.
D. Trong cuộc chiến đấu tiêu diệt đội quân đánh thuê của Mĩ tại bãi biển Hi-rôn.

Câu 26. Câu nói nào sau thể hiện tinh đoàn kết của nhân dân Cuba đối với nhân dân Việt Nam?

- A. “Các đồng chí hãy phát cao lá cờ này tại sào huyệt Sài Gòn”.
B. “Vì Việt Nam nhân dân Cuba sẵn sàng hiến dâng cả máu của mình”.
C. “Vì Việt Nam nhân dân Cuba sẵn sàng hy sinh cả tính mạng của mình”.
D. “Vì Việt Nam nhân dân Cuba sẵn sàng hiến dâng cả tính mạng của mình”.

Câu 27. Câu nói: “Các đồng chí hãy phát cao lá cờ này tại sào huyệt Sài Gòn” của Phiđen Cátxtơ-rô ra đời trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Ông đến thăm Sài Gòn.** B. Ông đến thăm Hà Nội.
C. Ông đến thăm Quảng Trị. D. Ông đến thăm Quảng Bình.

Câu 28. Nét tương đồng về hình thức đấu tranh của cách mạng Cuba năm 1959 với cách mạng tháng Tám 1945 của Việt Nam

- A. Đấu tranh ngoại giao B. Đấu tranh chính trị **C. Đấu tranh vũ trang** D. Khởi nghĩa từng phần

Câu 29. Nhận định nào sau đây đánh giá đúng vai trò của Phiđen Cátxtơ-rô đối với phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh?

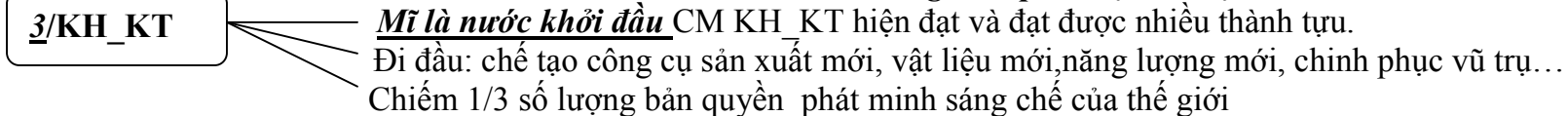
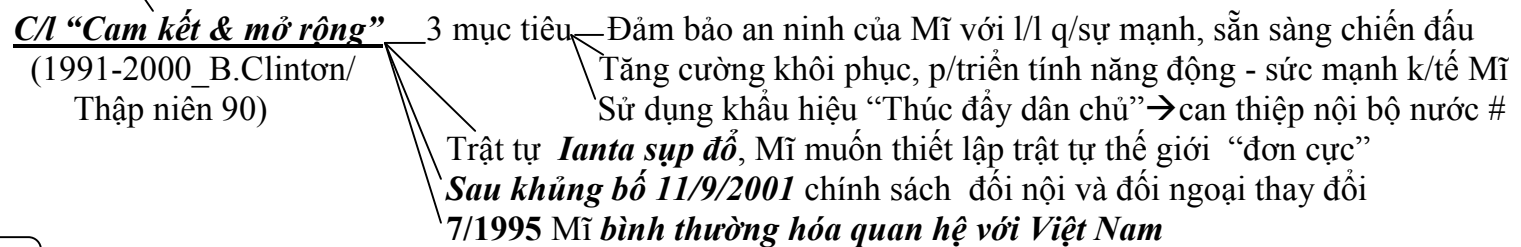
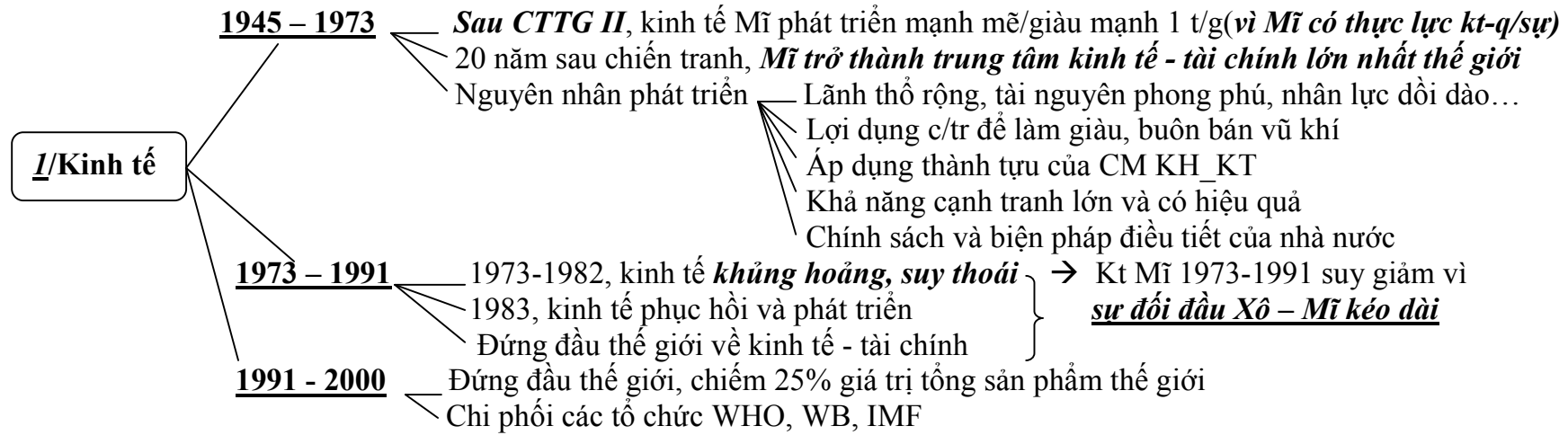
- A. Là người đi đầu trong phong trào giải phóng dân tộc
B. Là người lãnh đạo đấu tranh chống chế độ độc tài Batixta.
C. Là người tích cực đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.
D. Là người lãnh đạo nhân dân đấu tranh lật đổ chế độ độc tài thân Mỹ.

Câu 30. Nenxon Măng-đê-la có vai trò như thế nào đối với phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi?

- A. Là người tích cực đấu tranh chống chế độ Apacthai.
B. Là người lãnh đạo đấu tranh chống chế độ Apacthai.
C. Là người lãnh đạo nhân dân và tích cực đấu tranh chống chế độ Apacthai.
D. Là người chỉ đạo nhân dân và tích cực đấu tranh chống chế độ Apacthai.

HẾT

Bài 6: NƯỚC MỸ



CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong khoảng 20 năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ trở thành

- A. trung tâm kinh tế - tài chính số 1 thế giới. B. quốc gia có dân số đông nhất thế giới.
C. siêu cường vũ trụ lớn nhất thế giới. D. quốc gia độc quyền bom nguyên tử.

Câu 2. Nhân tố quan trọng giúp Mỹ phát triển mạnh về kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai mà nhiều nước khác có thể học tập được là

- A. áp dụng thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại. B. lãnh thổ rộng lớn, giàu tài nguyên.
C. không bị chiến tranh tàn phá và khí hậu thuận lợi. D. vai trò điều tiết nền kinh tế của nhà nước.

Câu 3. Nhân tố khách quan thuận lợi giúp Mỹ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. Mỹ có khối lượng vàng dự trữ lớn nhất thế giới. B. lãnh thổ rộng lớn, giàu tài nguyên.
 C. không bị chiến tranh tàn phá và khí hậu thuận lợi. D. vai trò điều tiết nền kinh tế của nhà nước.

Câu 4. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, dựa vào sức mạnh kinh tế, quân sự, Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu

- A. đàn áp các nước xã hội chủ nghĩa. B. với tham vọng làm bá chủ thế giới.
C. chống lại phong trào giải phóng dân tộc. D. thiết lập trật tự thế giới “đơn cực” do Mỹ cầm đầu.

Câu 5. Nội dung nào sau đây **không** phải là mục tiêu chiến lược toàn cầu của Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Thực hiện và triển khai Chiến tranh lạnh, tiến hành chiến tranh trên toàn cầu.
B. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

C. Khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mỹ.

D. Ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa xã hội.

Câu 6. Trong những năm 70 của thế kỉ XX, Mỹ thực hiện hòa hoãn với Liên Xô, bình thường hóa với Trung Quốc nhằm

- A. thiết lập mối quan hệ toàn diện. B. chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
C. cùng giải quyết các vấn đề nóng của thế giới. D. đi đến chấm dứt chiến tranh lạnh.

Câu 7. Nội dung nổi bật trong chính sách đối ngoại của Mỹ trong những năm 80 của thế kỉ XX là

- A. tiếp tục triển khai chiến lược toàn cầu.
B. tăng cường chạy đua vũ trang để xâm chiếm nhiều nước.

C. cùng với Liên Xô tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.

D. hòa hoãn với các nước trên thế giới để tập trung phát triển quốc gia.

Câu 8. Trong thập kỉ 90 của thế kỉ XX, về chính sách đối ngoại Mỹ thực hiện

- A. chiến lược “cam kết và mở rộng”. B. viện trợ tài chính cho Tây Âu.
C. can thiệp vào công việc nội bộ các nước. D. xây dựng lực lượng quân sự mạnh.

Câu 9. Nước nào sau đây trở thành trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Mỹ. B. Đức. C. Anh. D. Nhật Bản.

Câu 10. Nội dung nào **không** phải là mục tiêu cơ bản của chiến lược “Cam kết và mở rộng” của chính quyền B.Clinton trong thập kỉ 90 của thế kỉ XX?

A. Chấm dứt chiến tranh lạnh, hướng đến đối thoại và hòa hoãn trên thế giới.

- B. Bảo đảm an ninh của Mỹ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.
- C. Tăng cường khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh kinh tế Mỹ.
- D. Sử dụng khẩu hiệu thúc đẩy dân chủ để can thiệp vào công việc nội bộ các nước.

Câu 11. Mỹ bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam vào thời gian nào và dưới thời tổng thống nào?

- A. 1995 và Ri gân.
- B. 1995 và B. Clinton.
- C. 1995 và G. Busơ (cha).
- D. 1995 và G. Busơ (con).

Câu 12. Sự kiện nào tác động to lớn nhất đến sự thay đổi chính sách đối nội và đối ngoại khi Mỹ bước vào thế kỉ XXI?

- A. Nước Mỹ bị khủng bố (2001).
- B. Chiến tranh lạnh chấm dứt (1989).
- C. Trật tự hai cực Ianta tan rã (1991).
- D. Sự nổi lên của các cường quốc trên thế giới.

Câu 13. Trong những nguyên nhân dẫn đến sự phát triển kinh tế Mỹ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên nhân nào quan trọng nhất và có thể giúp ích cho các nước đang phát triển trong việc xây dựng nền kinh tế của mình?

- A. Áp dụng thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại.
- B. Lãnh thổ rộng lớn, giàu tài nguyên.
- C. Trình độ tập trung tư bản và sản xuất cao.
- D. Vai trò điều tiết của nhà nước.

Câu 14. Chiến lược toàn cầu của Mỹ ở Tây Âu trong 10 năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. thực hiện kế hoạch Mácsan và thành lập NATO.
- B. tiêu diệt Đông Âu và Liên Xô.
- C. viện trợ cho Tây Âu khôi phục kinh tế.
- D. thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương.

Câu 15. Mỹ đã triển khai chính sách nổi bật gì đối với Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Viện trợ cho các nước Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ làm căn cứ chống Liên Xô và Đông Âu.
- B. Thực hiện Kế hoạch Mácsan để Tây Âu chống Liên Xô và Đông Âu.
- C. Viện trợ kinh tế để biến Tây Âu thành con nợ của Mỹ.
- D. Đầu tư tài chính cho Tây Âu để khôi phục kinh tế nhằm thực hiện mưu đồ chính trị.

Câu 16. Chính sách về kinh tế và chính trị của Mỹ đối với các nước Tây Âu trong mười năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai chủ yếu nhằm

- A. gia tăng ảnh hưởng và khống chế các nước Tây Âu.
- B. tạo sự đối lập về kinh tế và chính trị với Liên Xô.
- C. khống chế, lôi kéo các nước Tây Âu về phía Mỹ để chống Liên Xô và Đông Âu.
- D. thực hiện chiến lược toàn cầu dựa vào sức mạnh của Mỹ.

Câu 17. Nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại lần hai là

- A. Mỹ.
- B. Anh.
- C. Pháp.
- D. Nhật.

Câu 18. Một trong những sự kiện chứng tỏ kết quả chiến lược toàn cầu của Mỹ bị thất bại từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 là

- A. thắng lợi của cách mạng Việt Nam (1954-1975).
- B. thắng lợi của Irắc trong chiến tranh Vùng Vịnh (1990-1991).
- C. sự thay đổi chính sách của các nước Tây Âu với Mỹ.
- D. sự lớn mạnh của Liên Xô và các nước Đông Âu.

Câu 19. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến những năm 90 của thế kỉ XX, mặc dù có những hình thức và nội dung khác nhau, nhưng mục tiêu cơ bản trong chính sách đối ngoại dưới các đời Tổng thống Mỹ đều giống nhau ở chỗ

- A. đàn áp phong trào cách mạng thế giới, khống chế đồng minh và làm bá chủ thế giới.

- B. đàn áp phong trào cách mạng thế giới và khống chế, nô dịch các nước đồng minh.
- C. đánh bại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.
- D. lãnh đạo thế giới theo kiểu sức mạnh Mĩ.

Câu 20. Phát biểu nào sau đây **đúng** khi nói về Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Mĩ là trung tâm – kinh tế tài chính số hai của thế giới.
- B. Thực hiện chiến lược toàn cầu, góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.
- C. Trật tự hai cực Ianta tan rã, Mĩ thành công trong việc thiết lập trật tự thế giới đơn cực.
- D. Thực hiện chiến lược toàn cầu, Mĩ đã thành công toàn diện trên mọi lĩnh vực.

Câu 21. Phát biểu nào sau đây **sai** khi nói về chiến lược toàn cầu của Mĩ?

- A. Thực hiện chiến lược toàn cầu, Mĩ đã thành công trên mọi lĩnh vực.
- B. Mĩ triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng làm bá chủ thế giới.
- C. Chiến lược toàn cầu được thực hiện qua nhiều chiến lược, học thuyết khác nhau.
- D. Chính sách cơ bản của chiến lược toàn cầu là dựa vào sức mạnh Mĩ.

Câu 22. Tháng 12-1989, Mĩ và Liên Xô đã chính thức

- A. tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.
- B. thiết lập quan hệ ngoại giao với nhau.
- C. xúc tiến các cuộc gặp gỡ, thương lượng.
- D. chấm dứt sự đối đầu.

Câu 23. Trong bối cảnh chiến tranh lạnh chấm dứt và trật tự hai cực Ianta tan rã, Mĩ muốn thiết lập một trật tự thế giới

- A. đơn cực.
- B. toàn cầu.
- C. đa cực.
- D. đa trung tâm.

Câu 24: Chính sách đối ngoại của Mỹ giai đoạn 1945 – 1973 là thực hiện

- A. chiến lược toàn cầu.
- B. chiến lược “Cam kết và mở rộng”.
- C. chiến lược “Phản ứng linh hoạt”.
- D. chiến lược “Ngăn đe thực tế”.

Câu 25: Chiến lược “Cam kết và mở rộng” được thực hiện dưới thời Tổng thống nào?

- A. B.Clinton.
- B. G.Bush.
- C. Truman.
- D. Nichxơn.

Câu 26 Vì sao Mĩ thực hiện “Kế hoạch Mácsan”, viện trợ kinh tế cho các nước Tây Âu?

- A. Mĩ muốn giúp các nước Tây Âu khôi phục kinh tế sau chiến tranh.
- B. Mĩ muốn tăng cường sức mạnh cho phe tư bản chủ nghĩa.
- C. Mĩ muốn mở rộng thị trường sang Tây Âu.
- D. Mĩ muốn lôi kéo các nước Tây Âu vào liên minh chống Liên Xô và Đông Âu.

Câu 27: Thập niên 70 của thế kỉ XX, nền kinh tế Mĩ lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy thoái do

- A. tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.
- B. các nước Nhật Bản, Tây Âu cạnh tranh với Mĩ.
- C. các nước đồng minh không còn lệ thuộc vào Mĩ.
- D. các nước Mĩ Latinh giành được độc lập nên không còn là thị trường tiêu thụ của Mĩ.

Câu 28: Cơ sở để Mĩ triển khai chiến lược toàn cầu, thực hiện tham vọng làm bá chủ thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. sự suy yếu của các nước tư bản châu Âu và Liên Xô.
- B. tiềm lực kinh tế và quân sự to lớn của Mĩ.
- C. sự ủng hộ của các nước đồng minh.
- D. phong trào cách mạng thế giới lắng xuống.

Câu 29 Trong những năm 70 của thế kỷ XX, Mỹ thực hiện hòa hoãn với Trung Quốc và Liên Xô nhằm mục đích gì?

- A. Thiết lập mối quan hệ toàn diện với các nước trên thế giới.
- B. Giảm bớt sự cạnh tranh của các nước này.
- C. Đi đến chấm dứt Chiến tranh lạnh.
- D. Chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 30: Nội dung nào sau đây **không** phải là mục tiêu trong chiến lược “Cam kết và mở rộng” của Mỹ?

- A. Ngăn chặn, đẩy lùi tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới.
- B. Tăng cường khôi phục sức mạnh của nền kinh tế Mỹ.
- C. Bảo đảm an ninh của Mỹ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.
- D. Sử dụng ngọn cờ “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

Câu 31: Sự kiện nào tạo điều kiện thuận lợi cho Mỹ tìm cách vươn lên chi phối và lãnh đạo toàn thế giới trong những năm 90 của thế kỷ XX?

- A. Chiến tranh lạnh chấm dứt và trật tự hai cực Ianta tan rã.
- B. Trật tự hai cực Ianta tan rã.
- C. Chiến tranh lạnh chấm dứt.
- D. Mỹ trở thành cường quốc kinh tế số 1 thế giới.

Câu 32: Kinh tế Mỹ phát triển mạnh mẽ bởi nhiều nguyên nhân, nguyên nhân nào sau đây **không** đúng?

- A. Chi phí quốc phòng thấp.
- B. Thu lợi nhờ buôn bán vũ khí trong chiến tranh thế giới thứ hai.
- C. Áp dụng thành tựu khoa học hiện đại vào trong sản xuất.
- D. Tài nguyên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào có trình độ cao.

Câu 33: Chính sách nào sau đây **không** nằm trong chính sách đối ngoại của Mỹ giai đoạn 1945 – 1973?

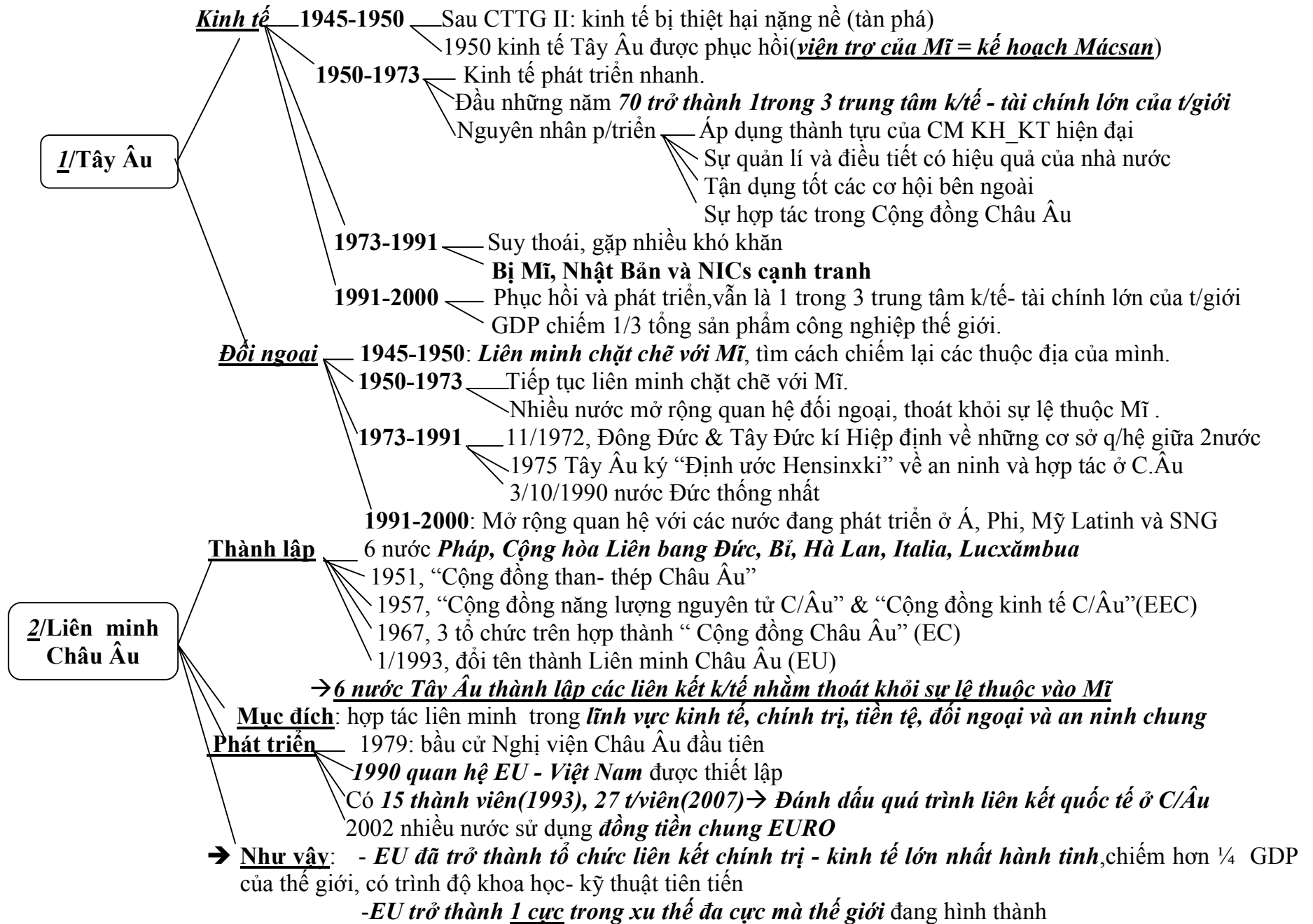
- A. Mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều nước trên thế giới.
- B. Ngăn chặn tiến tới xóa bỏ CNXH trên thế giới.
- C. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh vì hòa bình và dân chủ trên thế giới.
- D. Khống chế và chi phối các nước đồng minh phụ thuộc vào Mỹ.

Câu 34 : Nội dung nào sau đây **không** phải là mục tiêu cơ bản của chiến lược “Cam kết và mở rộng” mà Mỹ thực hiện trong thập kỷ 90 của thế kỷ XX?

- A. Tăng cường khôi phục, phát triển tính năng động và sức mạnh của nền kinh tế Mỹ.
- B. Phát động chiến tranh lạnh và gây xung đột ở nhiều nơi.
- C. Sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác.
- D. Đảm bảo an ninh của Mỹ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.

HẾT

Bài 7: TÂY ÂU



CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Tây Âu khôi phục kinh tế trong hoàn cảnh nào?

- A. Chiến tranh để lại nhiều hậu quả nặng nề. B. Mĩ khống chế và chi phối khu vực.
C. Nền kinh tế khủng hoảng trầm trọng. D. Chính trị - xã hội không ổn định.

Câu 2. Đến năm 1950, các nước Tây Âu đã cơ bản ổn định, phục hồi mọi mặt chủ yếu nhờ

- A. sự viện trợ của Mĩ. B. sự nỗ lực của Tây Âu.
C. sự liên minh trong cộng đồng châu Âu. D. sự liên minh chặt chẽ với Mĩ.

Câu 3. Quan hệ Mĩ - Tây Âu từ 1945 – 1973 là

- A. đồng minh. B. cạnh tranh. C. đối đầu. D. trung lập.

Câu 4. Đầu thập kỷ 70 của thế kỷ XX, Tây Âu đã

- A. trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính thế giới. B. khôi phục kinh tế và ổn định chính trị.
C. sử dụng tốt nguồn viện trợ tài chính của Mĩ. D. rơi vào khủng hoảng kinh tế - chính trị.

Câu 5. Đến cuối thập niên 90 của thế kỉ XX, Liên minh châu Âu (EU) đã trở thành

- A. tổ chức liên kết khu vực lớn nhất hành tinh. B. trung tâm kinh tế - tài chính số 1 thế giới.
C. tổ chức quốc tế lớn nhất thế giới. D. tổ chức phát triển toàn diện nhất thế giới.

Câu 7. Chính sách đối ngoại nổi bật của Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. liên minh chặt chẽ với Mĩ tìm cách chiếm lại các thuộc địa của mình. C. chống Đông Âu và Liên Xô.
B. đàn áp phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. D. thực hiện chiến lược toàn cầu.

Câu 8. Nhân tố khách quan giúp Tây Âu phát triển kinh tế nhanh và trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới là

- A. tận dụng tốt các cơ hội bên ngoài. B. áp dụng thành tựu cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại.
C. sự quản lí và điều tiết có hiệu quả của nhà nước. D. sự nỗ lực của người dân và sự ủng hộ của quốc tế.

Câu 9. Liên minh châu Âu (EU) ra đời không chỉ hợp tác liên minh giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế chính trị mà còn trong cả lĩnh vực đối ngoại và

- A. an ninh chung. B. văn hóa chung. C. xã hội chung. D. quốc phòng chung.

Câu 10. ASEM là tên viết tắt của tổ chức

- A. diễn đàn hợp tác Á – Âu. B. diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương.
C. diễn đàn kinh tế thế giới. D. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

Câu 11. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, nước nào ở Tây Âu vẫn duy trì liên minh chặt chẽ với Mĩ và là đồng minh quan trọng nhất của Mĩ?

- A. Anh. B. Pháp. C. Đức. D. Italia.

Câu 12. Điểm chung giữa Mĩ, Tây Âu và Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 là

- A. trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới. B. cùng thực hiện chiến lược toàn cầu.
C. tiến hành chiến tranh xâm lược bên ngoài. D. liên minh chặt chẽ với nhau.

Câu 13: Tổ chức Liên Minh Châu Âu (EU) hình thành theo xu hướng

- A. liên kết toàn cầu B. liên kết xuyên lục địa. C. liên kết quốc gia. D. liên kết khu vực.

Câu 14: Thời gian thành lập Cộng đồng Châu Âu (EC) là

- A. tháng 7-1967. B. tháng 3-1957. C. tháng 5-1955. D. tháng 3-1958.

Câu 15: Trong giai đoạn 1950 – 1973, nước nào điển hình nhất ở châu Âu thực hiện chính sách đối ngoại độc lập ít lệ thuộc vào Mỹ?

- A. Anh B. Pháp C. Đức D. Phần Lan

Câu 16: Quan hệ Việt Nam- EU chính thức được thiết lập

- A. Năm 1995. B. Năm 1997. C. Năm 1990. D. Năm 2000.

Câu 17: Mục tiêu của Liên minh Châu Âu (EU) là

- A. liên minh về kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật. B. liên minh về kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại và an ninh.
C. liên minh về kinh tế, tiền tệ, khoa học kỹ thuật. D. duy trì hoà bình an ninh khu vực.

Câu 18: Đến cuối thập kỷ 90 của thế kỷ XX, tổ chức nào đã trở thành tổ chức liên kết khu vực về chính trị - kinh tế lớn nhất hành tinh?

- A. Liên minh Châu Phi (AU). B. Hiệp Hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
C. Tổ chức Liên hợp quốc (UN). D. Liên minh Châu Âu (EU).

Câu 19: Đồng tiền chung châu Âu (EURO) chính thức được đưa vào sử dụng ở các nước EU vào

- A. năm 1979. B. năm 1995. C. năm 2002 D. năm 1999.

Câu 20: Ngày 24 – 6 – 2016, quốc gia nào đã rời khỏi Liên Minh Châu Âu (EU)?

- A. Pháp. B. Anh. C. Đức D. Italia.

Câu 21: Năm 1991, Hiệp ước Maxtrích được kí kết là cơ sở hình thành tổ chức

- A. “Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu”. B. “Cộng đồng kinh tế Châu Âu”.
C. “Cộng đồng Châu Âu” (EC). D. Liên minh Châu Âu (EU).

Câu 22: Đặc điểm chung về kinh tế của các nước Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. bị chiến tranh tàn phá nặng nề B. khủng hoảng suy thoái
C. trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới D. phát triển thần kỳ

Câu 23: Năm 1951, “Cộng đồng than - thép Châu Âu” (ECSC) ra đời gồm 6 nước

- A. Pháp, CHLB Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lúcxămbua. B. Pháp, CHLB Đức, Italia, Áo, Hà Lan, Lúcxămbua.
C. Anh, Pháp, CHLB Đức, Italia, Hà Lan, Lúcxămbua. D. Pháp, CHLB Đức, Italia, Hà Lan, Lúcxămbua, Tây Ban Nha.

Câu 24: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, kinh tế của các nước tư bản Tây Âu phát triển mạnh nhất trong giai đoạn

- A. 1945 – 1950. B. 1950 – 1973. C. 1973 – 1991. D. 1991 – 2000.

Câu 25: Tổ chức đầu tiên khởi nguồn cho sự ra đời của Liên minh châu Âu EU là

- A. cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu (EURATOM). B. cộng đồng than thép Châu Âu (ECSC).
C. cộng đồng kinh tế Châu Âu (EEC). D. cộng đồng Châu Âu (EC).

Câu 26: Trong giai đoạn 1950 – 1973, kinh tế Tây Âu phát triển bởi nhiều nguyên nhân, nguyên nhân nào sau đây **không** đúng?

- A. Áp dụng thành tựu khoa học – kỹ thuật B. Vai trò quản lý, điều tiết của nhà nước
C. Không bị chiến tranh tàn phá. D. Tận dụng tốt các cơ hội từ bên ngoài

Câu 27: Năm 1950, kinh tế Tây Âu được phục hồi nhờ sự viện trợ của Mỹ thông qua kế hoạch nào?

- A. Kế hoạch Mácsan. B. Kế hoạch Maobaton. C. Kế hoạch Đaoxo. D. Kế hoạch Yong.

Câu 28: Liên minh châu Âu (EU) được thành lập nhằm mục đích gì?

- A. Hợp tác liên minh giữa các nước thành viên trong các lĩnh vực kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại và an ninh chung.
B. Hợp tác phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội.
C. Liên minh với nhau về kinh tế và quân sự.
D. Hợp tác và giúp đỡ nhau cùng phát triển.

Câu 29: Năm 1967, các nước Tây Âu thành lập tổ chức nào?

- A. Cộng đồng châu Âu. B. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu.
C. Cộng đồng kinh tế châu Âu. D. Cộng đồng than – thép châu Âu.

Câu 30: Cộng đồng châu Âu (EC) được đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU) vào năm

- A. 1993. B. 1991. C. 1992. D. 1994.

Câu 31: Chính sách đối ngoại nổi bật nhất của các nước Tây Âu trong giai đoạn 1945 – 1973 là

- A. liên minh chặt chẽ với Mỹ B. mở rộng quan hệ đối ngoại với nhiều nước
C. ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới D. ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc thế giới

Câu 32: Liên minh châu Âu (EU) được thành lập trên cơ sở chủ yếu nào?

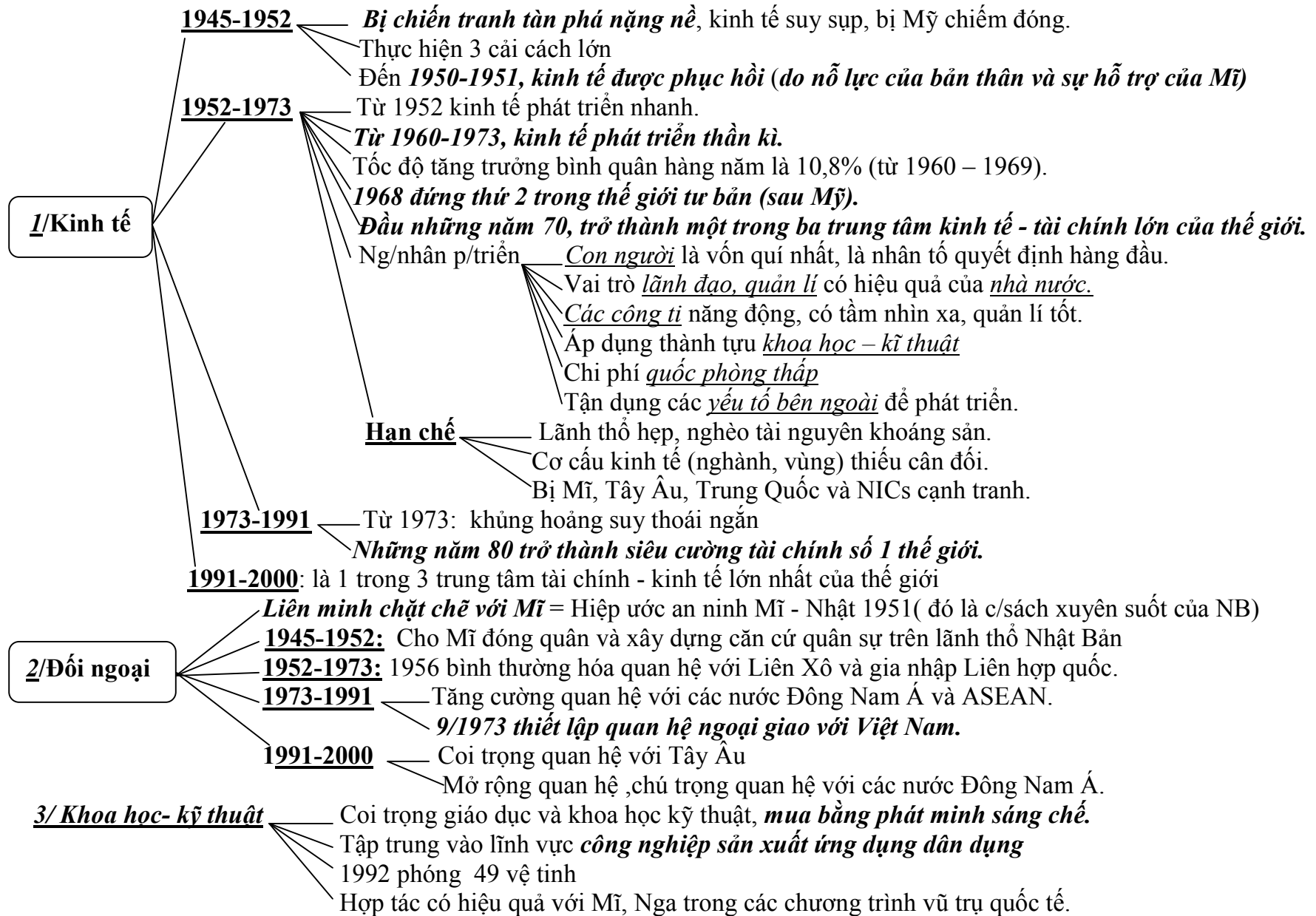
- A. Do sự gần gũi về vị trí địa lý, văn hóa và trình độ phát triển kinh tế không cách biệt quá lớn.
B. Do nhu cầu mở rộng thị trường.
C. Do ảnh hưởng của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật.
D. Do nhu cầu hợp tác để cùng nhau phát triển.

Câu 33. Từ năm 1951 đến năm 1957, 6 nước Tây Âu : Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức, Bỉ, Hà Lan, Lucxămbua đã thành lập những tổ chức chung nào?

- A. Cộng đồng châu Âu, Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu, Cộng đồng kinh tế Châu Âu.
B. Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu, Cộng đồng kinh tế Châu Âu, Liên minh Châu Âu.
C. Cộng đồng kinh tế Châu Âu, Liên minh Châu Âu, Cộng đồng than - thép Châu Âu.
D. Cộng đồng than - thép Châu Âu, Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu, Cộng đồng kinh tế Châu Âu.

HẾT

Bài 8: NHẬT BẢN



C. chống lại phong trào cách mạng thế giới.

D. tranh thủ nguồn viện trợ của Mỹ và giảm chi phí quốc phòng.

Câu 13: Nhật Bản vươn lên trở thành “siêu cường” tài chính thế giới vào thời gian nào?

A. Nửa đầu thập niên 70.

B. Nửa sau thập niên 70.

C. Nửa sau thập niên 80.

D. Nửa đầu thập niên 80.

Câu 14: Trong những năm 70 đến nửa đầu thập niên 80, nền kinh tế Nhật Bản phát triển như thế nào?

A. Phát triển mạnh mẽ.

B. Tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.

C. Bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước NICs.

D. Lậm vào tình trạng suy thoái.

Câu 15: Trong sự phát triển “Thần kì của Nhật Bản” có nguyên nhân nào giống với nguyên nhân phát triển kinh tế của các nước tư bản khác?

A. Chi phí đầu tư cho giáo dục cao.

B. Lợi dụng vốn đầu tư của nước ngoài.

C. Mở rộng thị trường ra bên ngoài.

D. Biết tận dụng những thành tựu khoa học - kĩ thuật.

Câu 16: Chính sách đối ngoại xuyên suốt của Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều nước trên thế giới

B. ủng hộ và giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa

C. chú trọng quan hệ với các nước phương Tây

D. liên minh với Mỹ

Câu 17: Kinh tế Nhật Bản phát triển “thần kì” trong khoảng thời gian nào?

A. Những năm 70 của thế kỉ XX.

B. Những năm 50 của thế kỉ XX.

C. Những năm 60 của thế kỉ XX.

D. Những năm 80 của thế kỉ XX.

Câu 18: Nền tảng căn bản trong chính sách đối ngoại liên minh chặt chẽ với Mỹ của Nhật Bản là

A. Hiệp ước hòa bình Xan Phranxixco.

B. Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật.

C. Học thuyết Phucưđa và Kaiphu.

D. Học thuyết Miyadaoa và Hasimôtô.

Câu 19: Vào những năm 80 của thế kỉ XX, kinh tế Nhật Bản phát triển như thế nào?

A. Trở thành siêu cường tài chính số 1 thế giới.

B. Trở thành trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất trên thế giới.

C. Trở thành trung tâm thương mại lớn nhất thế giới.

D. Trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới.

Câu 20: Đặc điểm nào sau đây phản ánh **đúng** nhất sự phát triển kinh tế của Nhật Bản trong giai đoạn 1960 – 1973?

A. Phát triển “thần kì”.

B. Phát triển mạnh mẽ

C. Phát triển nhanh chóng.

D. Phát triển bình thường.

Câu 21: Kinh tế Nhật Bản phát triển mạnh mẽ bởi nhiều nguyên nhân, nguyên nhân nào sau đây **không** đúng?

A. Chi phí đầu tư cho giáo dục thấp.

B. Áp dụng thành tựu khoa học – kỹ thuật vào trong sản xuất.

C. Con người được coi là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu.

D. Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của nhà nước.

Câu 22: Hạn chế lớn nhất đối với nền kinh tế của Nhật Bản đó là

A. nghèo tài nguyên khoáng sản.

B. lãnh thổ không rộng, nhiều thiên tai.

C. cơ cấu kinh tế thiếu cân đối.

D. sự cạnh tranh của Mỹ, Tây Âu, các nước NICs.

Câu 23: Chính sách đối ngoại xuyên suốt của Nhật Bản trong giai đoạn 1945 – 2000 đó là

A. liên minh chặt chẽ với Mỹ.

B. tăng cường quan hệ với Đông Nam Á và ASEAN.

C. chú trọng quan hệ hợp tác với các nước Tây Âu.

D. mở rộng quan hệ đối ngoại với nhiều nước trên thế giới.

Câu 24: Nguyên nhân quan trọng nhất thúc đẩy nền kinh tế của Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản phát triển nhanh chóng trong giai đoạn 1945 – 1973 là

A. áp dụng thành tựu khoa học – kỹ thuật vào sản xuất.

B. vai trò quản lý có hiệu quả của nhà nước.

C. tài nguyên phóng phú dồi dào.

D. nguồn nhân lực có trình độ cao

Câu 25: Chính sách đối ngoại của Nhật Bản giai đoạn 1945 – 1952 là gì?

- A. Coi trọng quan hệ ngoại giao với Tây Âu. B. Tăng cường quan hệ ngoại giao với các nước Đông Nam Á.
C. Liên minh chặt chẽ với Mỹ. D. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Liên Xô.

Câu 26: Điểm chung của Mỹ, Nhật Bản và Tây Âu từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 là

- A. cùng giúp đỡ nhau phát triển. B. trung tâm kinh tế - tài chính lớn thế giới.
C. cùng thực hiện chiến lược toàn cầu. D. tiến hành chiến tranh xâm lược bên ngoài.

Câu 27: Đặc điểm kinh tế Nhật Bản trong giai đoạn 1952 – 1973 là

- A. kinh tế phục hồi sau chiến tranh. B. kinh tế suy thoái kéo dài.
C. kinh tế tăng trưởng nhanh và phát triển “thần kỳ”. D. kinh tế phát triển và xen kẽ suy thoái.

Câu 28: Nhân tố chủ quan có vai trò quyết định sự phát triển kinh tế Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai ?

- A. Tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển. B. Vai trò lãnh đạo, quản lí của Nhà nước.
C. Yếu tố con người. D. Biết tận dụng thành tựu khoa học kĩ thuật thế giới.

Câu 29. Từ nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX Nhật Bản đã vươn lên trở thành

- A. nước công nghiệp phát triển nhất thế giới. B. siêu cường tài chính số 1 thế giới.
C. nước có nền kinh tế đứng thứ 3 thế giới. D. trung tâm kinh tế - tài chính số 1 thế giới.

Câu 30. Nguyên nhân chủ quan giúp Nhật Bản trở thành một trong 3 trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới là gì?

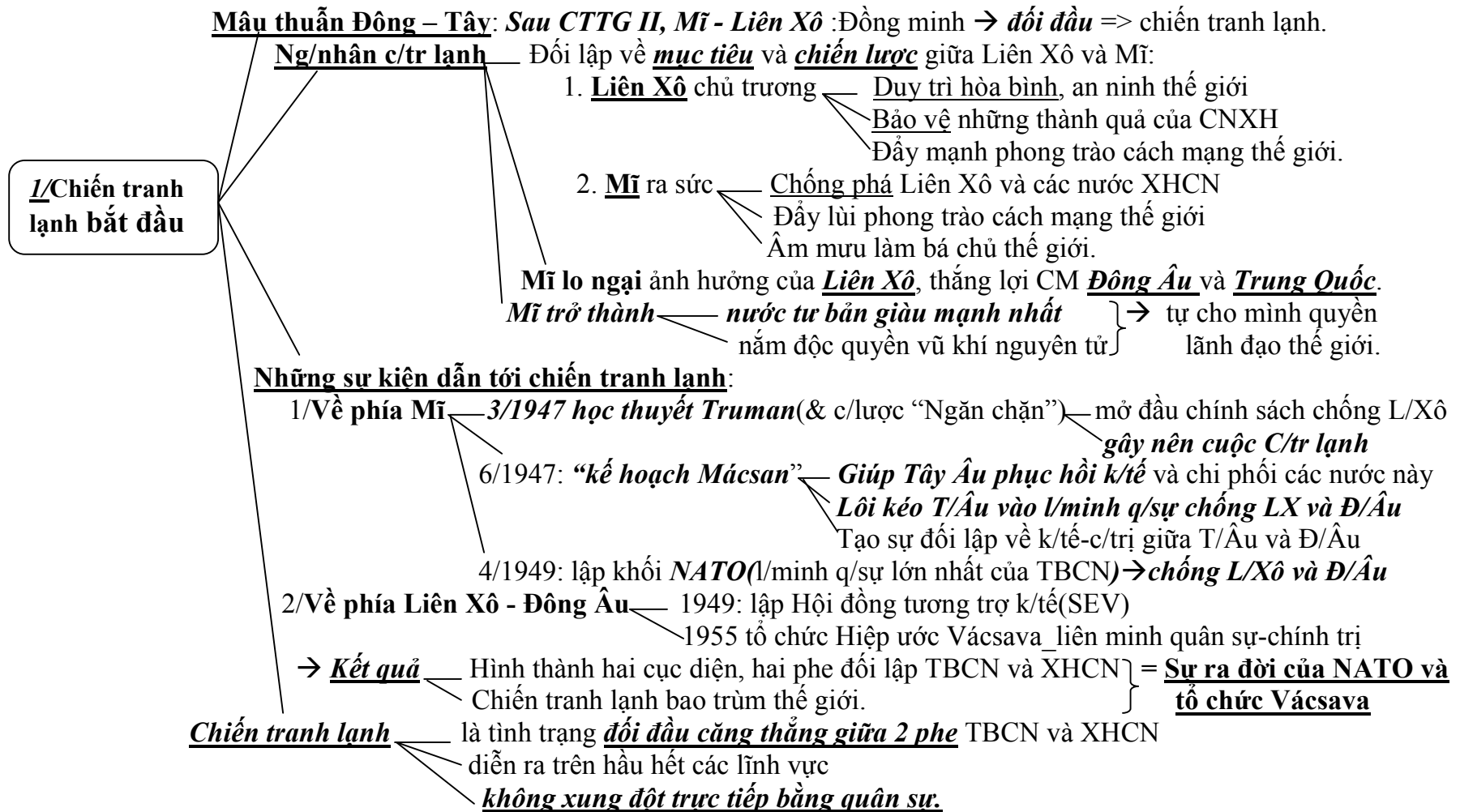
- A. Coi trọng nhân tố con người. B. Làm giàu từ chiến tranh.
C. Có sự giúp đỡ từ bên ngoài. D. Nhờ sự viện trợ của Mỹ

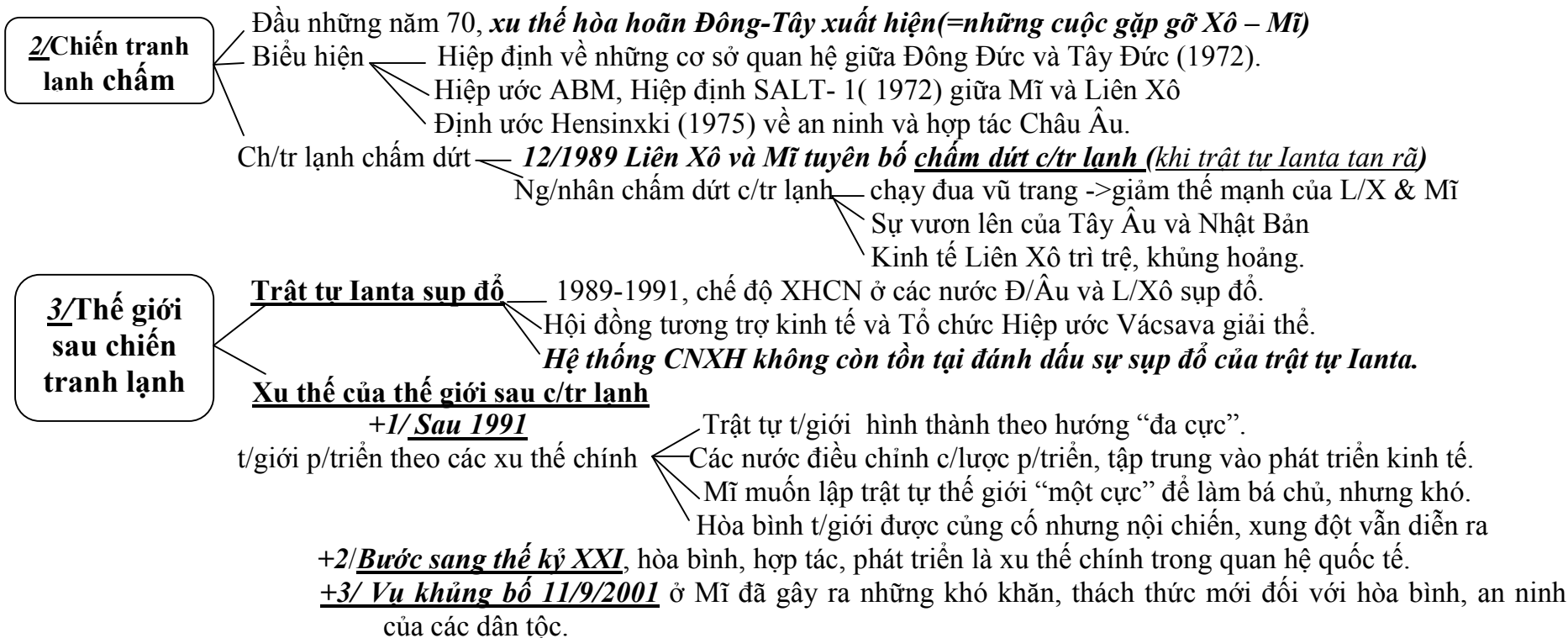
Câu 31. Nước nào dành cho Việt Nam nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) nhiều nhất

- A. Nhật Bản. B. Ngân hàng thế giới. C. Hàn Quốc. D. Liên minh châu Âu.

HẾT

Bài 9: QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KÌ CHIẾN TRANH LẠNH





CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, hai cường quốc Liên Xô và Mĩ nhanh chóng chuyển từ thế Đồng minh sang thế

- A.** đối đầu. B. hòa hoãn. C. liên minh. D. hợp tác.

Câu 2: Nguyên nhân cơ bản dẫn đến chiến tranh lạnh sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. sự đối đầu giữa hai siêu cường Liên Xô và Mĩ.
 B. do Chủ nghĩa xã hội hình thành hệ thống thế giới.
C. sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ.
 D. do mâu thuẫn Liên Xô và Mĩ ngày càng gay gắt.

Câu 3: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh nguồn gốc của mâu thuẫn Đông – Tây trong quan hệ quốc tế từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991

- A. do sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ.
 B. Mĩ lo ngại ảnh hưởng của Liên Xô cùng với thắng lợi của cách mạng Trung Quốc.
 C. Mĩ vươn lên trở thành một nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới.
D. sự phát triển không đều về kinh tế và chính trị giữa các nước trên thế giới.

Câu 4: Sự kiện được xem là khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô gây nên cuộc chiến tranh lạnh là

- A.** thông điệp của tổng thống Truman tại Quốc hội Mĩ (3/1947). C. thực hiện kế hoạch Mácsan (1947).
 B. thành lập NATO (1949). D. thành lập tổ chức hiệp ước Vácava (1955).

- Câu 5: Tháng 4/1949 Mỹ và 11 nước phương Tây thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) nhằm
- A. giúp các nước Tây Âu khôi phục kinh tế. C. chống Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa Đông Âu.
 B. khống chế và chi phối các nước Tư bản đồng minh. D. duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- Câu 6: Mỹ thực hiện kế hoạch Mác san (6/1947) nhằm mục đích gì?
- A. Chống Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa Đông Âu. C. Tăng cường sức mạnh cho phe tư bản chủ nghĩa.
 B. Giúp các nước Tây Âu khôi phục kinh tế và chi phối các nước này. D. Giúp các nước Đông Âu khôi phục kinh tế
- Câu 7: Tháng 1/1949 Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế để
- A. giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa. C. hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa.
 B. thúc đẩy kinh tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa. D. biến các nước Đông Âu thành con nợ của Liên Xô.
- Câu 8: Tổ chức Hiệp ước Vácava giữa Liên Xô và các nước Đông Âu là một liên minh
- A. quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây.
 B. để hợp tác và giúp đỡ nhau của các nước xã hội chủ nghĩa.
 C. chính trị-quân sự mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu.
 D. kinh tế- chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu.
- Câu 9: Xu thế hòa hoãn Đông - Tây xuất hiện vào thời gian nào?
- A. Đầu những năm 60 của thế kỉ XX. C. Cuối những năm 60 của thế kỉ XX.
 B. Đầu những năm 70 của thế kỉ XX. D. Cuối những năm 70 của thế kỉ XX.
- Câu 10: Nội dung nào sau đây không phải là biểu hiện của xu thế hòa hoãn Đông – Tây.
- A. Hiệp định về những cơ sở quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức(1972). C. Định ước Hensinxki(1975).
 B. Hiệp ước ABM, hiệp định SALT-1(1/1972) giữa Mỹ và Liên Xô. D. Học thuyết Truman (3/1947).
- Câu 11: Cuộc chiến tranh lạnh giữa Liên Xô và Mỹ chấm dứt vào thời gian nào?
- A. Tháng 8/1989. B. Tháng 12/1989. C. Tháng 1/1991. D. Tháng 5/1991.
- Câu 12: Tháng 12/1989 lãnh đạo hai cường quốc Liên Xô và Mỹ chính thức tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh là
- A. M. Goócbachốp và G.Busơ (cha). C. M. Goócbachốp và R. Rigân.
 B. M. Goócbachốp và G.Busơ (con). D. M. Goócbachốp và B.Clinton.
- Câu 13: Nội dung nào sau đây không phải là nguyên nhân để Mỹ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh?
- A. Cuộc chạy đua vũ trang làm suy giảm thế mạnh của Liên Xô và Mỹ. C. Sự vươn lên của Tây Âu và Nhật Bản.
 B. Kinh tế Liên Xô trì trệ và khủng hoảng. D. Sức mạnh của Liên Xô và Mỹ đạt thế cân bằng.
- Câu 14: Sự kiện nào dẫn đến trật tự hai cực Ianta chấm dứt?
- A. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) giải thể năm 1991. C. Tổ chức hiệp ước Vácava ngừng hoạt động năm 1991.
 B. Chiến tranh lạnh chấm dứt năm 1989. D. Liên Xô tan rã, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới sụp đổ.
- Câu 15: Sau khi trật tự hai cực Ianta sụp đổ, một trật tự thế giới mới đang được hình thành theo xu hướng
- A. một cực. B. đa cực. C. xung đột. D. hòa hoãn.
- Câu 16: Sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển lấy lĩnh vực nào làm trọng tâm?
- A. Chính trị. B. Quân sự. C. Kinh tế. D. Văn hóa.
- Câu 17: Sau khi Liên Xô tan rã giới cầm quyền Mỹ ra sức thiết lập trật tự thế giới theo xu thế
- A. một cực. B. đa cực. C. phát triển kinh tế. D. hợp tác.

Câu 18: Sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt tình hình chung của thế giới phát triển theo xu thế nào?

- A. Thế giới luôn xảy ra chiến tranh xung đột.
- B. Xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển giữ vai trò chủ đạo.
- C. Các quốc gia điều chỉnh chiến lược phát triển quốc phòng
- D. Các cuộc khủng bố thường xảy ra.

Câu 19: Cho những sự kiện sau

1. chấm dứt chiến tranh lạnh.
2. Liên Xô và Đông Âu tan rã.
3. thông điệp của Tổng thống Truman tại quốc hội Mĩ.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên diễn ra theo trình tự thời gian trước sau?

- A. 1,2,3.
- B. 2,1,3.
- C. 2,3,1.
- D. 3,1,2.

Câu 20: Vì sao Mĩ cho mình quyền lãnh đạo thế giới?

- A. Mĩ là nước có nền kinh tế phát triển nhất thế giới.
- B. Mĩ là Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.
- C. Mĩ Là nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
- D. Mĩ vươn lên thành nước tư bản giàu mạnh nhất và nắm độc quyền về vũ khí nguyên tử.

Câu 21: Cuộc Chiến tranh lạnh do Mĩ phát động hiểu theo nghĩa đầy đủ nhất là gì?

- A. Chuẩn bị gây chiến tranh thế giới.
- B. Xây dựng nhiều căn cứ quân sự bao vây Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. Là cuộc chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh, làm cho nhân loại thấy “luôn luôn trong tình trạng đối đầu căng thẳng”.
- D. Dùng sức mạnh quân sự để đe dọa đối phương.

Câu 22: Sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương(NATO) và Tổ chức Hiệp ước Vácava đã dẫn đến tình trạng gì trong quan hệ quốc tế?

- A. Chiến tranh lạnh bắt đầu.
- B. Tình trạng căng thẳng giữa Liên Xô và Mĩ bắt đầu.
- C. Đánh dấu sự xác lập cục diện hai cực, hai phe. Chiến tranh lạnh bao trùm thế giới.
- D. Chiến tranh lạnh ở giai đoạn căng thẳng nhất.

Câu 23: Chiến tranh lạnh chấm dứt đã tạo điều kiện để giải quyết những vấn đề gì trên thế giới?

- A. Tình trạng đối đầu giữa Liên Xô và Mĩ.
- B. Duy trì hòa bình và an ninh ở châu Âu.
- C. Tạo điều kiện giải quyết các vấn đề có tính toàn cầu.
- D. Giải quyết hòa bình và các vụ tranh chấp, xung đột đang diễn ra ở nhiều khu vực trên thế giới.

Câu 24: Kế hoạch Mácsan của Mĩ còn được gọi là

- A. kế hoạch bá chủ thế giới.
- B. kế hoạch Chiến tranh lạnh.
- C. kế hoạch đẩy lùi cộng sản.
- D. kế hoạch phục hưng châu Âu.

Câu 25: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô thực hiện mục tiêu chiến lược

- A. chủ trương duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- B. chống phá Mĩ và các nước tư bản chủ nghĩa.
- C. đẩy lùi phong trào cách mạng thế giới.
- D. âm mưu làm bá chủ thế giới.

Câu 26: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Tây Âu dựa vào kế hoạch nào của Mỹ để khôi phục và phát triển kinh tế?

- A. Kế hoạch Rudoven.
- B. Kế hoạch Mácsan.
- C. Kế hoạch Truman.
- D. Kế hoạch Mácnamara.

Câu 27: Nội dung được xem là nhân tố chủ yếu tác động và chi phối các quan hệ quốc tế trong hơn bốn thập niên nửa sau thế kỉ XX là

- A. Mỹ trở thành nước giàu mạnh nhất thế giới.
- C. sự xác lập trật tự hai cực, hai phe.
- B. sự ra đời các tổ chức liên kết khu vực.
- D. sự hình thành các liên minh chính trị - kinh tế.

Câu 28: Những sự kiện đánh dấu sự xác lập của cục diện hai cực, hai phe và Chiến tranh lạnh bao trùm thế giới là

- A. sự thành lập nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên và Hàn Quốc.
- B. sự thành lập nước Cộng hòa Liên bang Đức và Cộng hòa Dân chủ Đức.
- C. sự thành lập tổ chức NATO và tổ chức Vácsava.
- D. Sự thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) và tổ chức NATO.

Câu 29: Bước vào thế kỉ XXI, sự kiện nào đã gây những khó khăn, thách thức đối với hòa bình, an ninh của các quốc gia?

- A. Chủ nghĩa xã hội không còn là hệ thống thế giới.
- C. Chủ nghĩa tư bản đẩy mạnh đi xâm chiếm thuộc địa.
- B. Nền kinh tế các quốc gia bị giảm sút.
- D. Vụ khủng bố ngày 11/9/2001 ở Mỹ.

Câu 30: Tháng 6/1947 diễn ra sự kiện nào dưới đây?

- A. Mỹ thành lập khối quân sự NATO.
- B. Mỹ triển khai “Kế hoạch Mácsan”
- C. Mỹ thành lập khối CENTO.
- D. Mỹ thành lập khối SEATO.

Câu 31: Thất bại nặng nề nhất của Mỹ trong quá trình thực hiện “chiến lược toàn cầu” là:

- A. thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949.
- B. thắng lợi của cách mạng Cu-ba năm 1959.
- C. thắng lợi của cách mạng Việt Nam năm 1975.
- D. thắng lợi của cách mạng Hồi giáo I-ran năm 1979.

Câu 32: Mục tiêu của Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. làm bá chủ toàn thế giới.
- B. tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. tiêu diệt phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ La-tinh.
- D. tiêu diệt phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 33: Năm 1991, diễn ra sự kiện gì sau đây trong quan hệ quốc tế?

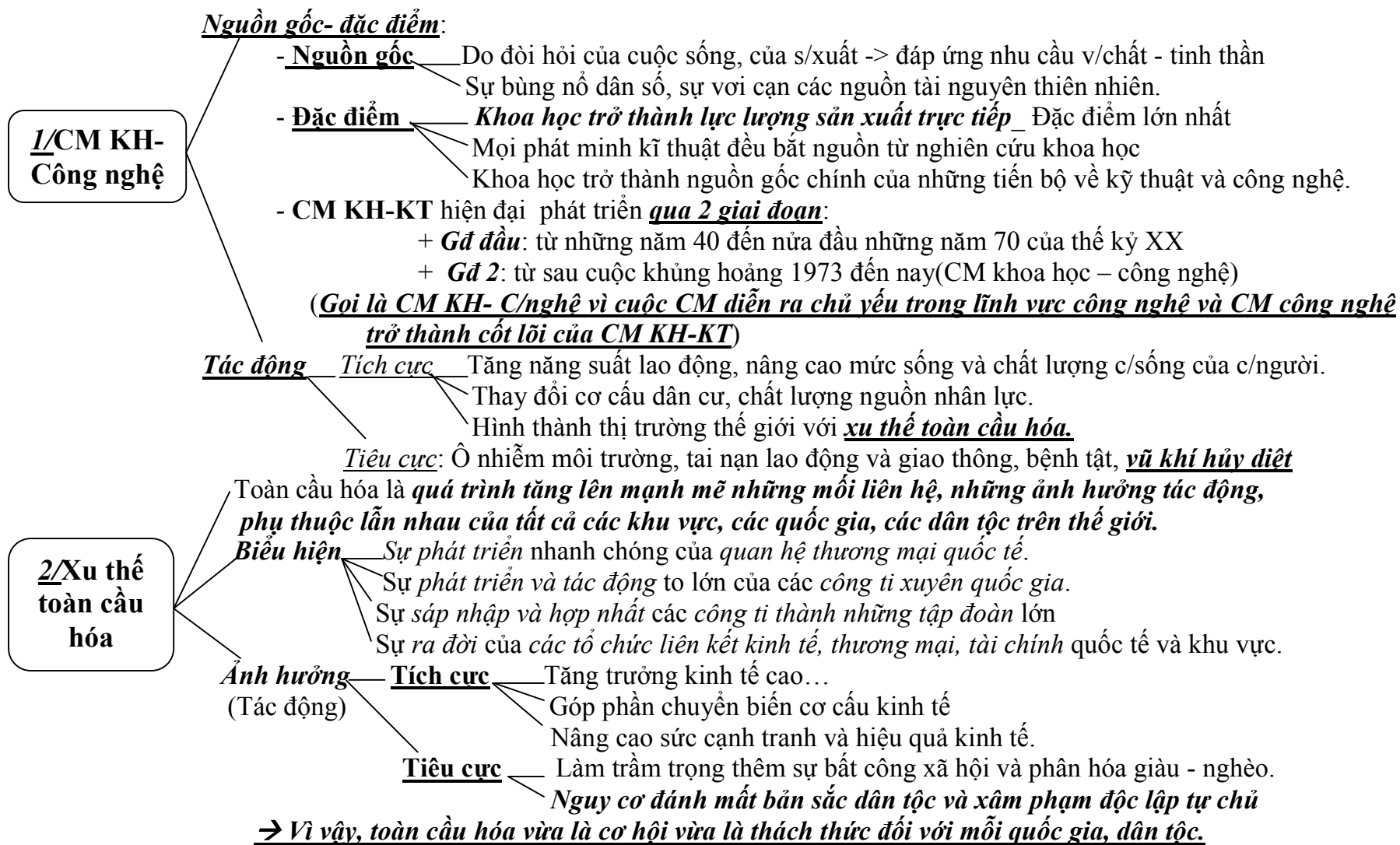
- A. Khủng hoảng trật tự hai cực Ianta.
- B. Trật tự hai cực I-an-ta bị sụp đổ.
- C. Mỹ và Liên Xô chấm dứt chiến tranh lạnh.
- D. Xô-Mĩ tuyên bố hợp tác trên mọi phương diện.

Câu 34: Một trong những xu thế của quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng vào lĩnh vực kinh tế hiện nay là

- A. hợp tác và phát triển.
- B. hợp tác với các nước châu Âu
- C. hợp tác với các nước trong khu vực.
- D. hợp tác với các nước đang phát triển

HẾT

Bài 10: CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA NỬA SAU THẾ KỶ XX



CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ là

- A. khoa học gắn liền với kỹ thuật.
- B. kỹ thuật đi trước mở đường cho sản xuất.
- C. thời gian ứng dụng các phát minh vào sản xuất và đời sống diễn ra nhanh.
- D. khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.**

Câu 2: Các mốc thời gian đánh dấu hai giai đoạn phát triển của cách mạng khoa học kỹ thuật lần hai là

- A. từ những năm 40 đến nửa đầu những năm 70 và sau cuộc khủng hoảng năng lượng 1973 đến nay.
- B. từ những năm 40 đến nửa đầu những năm 80 và nửa sau những năm 80 đến nay.
- C. từ những năm 40 đến nửa đầu những năm 60 và từ nửa sau những năm 60 đến nay.
- D. từ những năm 40 đến nửa đầu những năm 90 và nửa sau những năm 90 đến nay.

Câu 3: NAFTA là tên viết tắt của

- A. diễn đàn hợp tác Á - Âu.
- B. Hiệp ước Thương mại tự do Bắc Mỹ.
- C. ngân hàng thế giới.
- D. diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.

Câu 4: Xu thế toàn cầu hóa bắt đầu xuất hiện từ thời gian nào?

- A. Đầu những năm 70 của thế kỉ XX.
- B. Cuối những năm 80 của thế kỉ XX.
- C. Đầu những năm 80 của thế kỉ XX.
- D. Đầu những năm 90 của thế kỉ XX.

Câu 5: Nước nào khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần thứ hai?

- A. Mĩ.
- B. Nhật Bản.
- C. Anh.
- D. Liên Xô.

Câu 6: Đặc trưng cơ bản của cách mạng kỹ thuật là gì?

- A. Cải tiến việc tổ chức sản xuất.
- B. Cải tiến, hoàn thiện những phương tiện sản xuất.
- C. Cải tiến việc quản lý sản xuất
- D. Cải tiến việc phân công lao động.

Câu 7: Sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại dẫn đến hiện tượng gì?

- A. Sự bùng nổ thông tin.
- B. Nhiều người đầu tư vào việc phát minh sáng chế.
- C. Chảy máu chất xám.
- D. Sự đầu tư vào khoa học cho lãi cao.

Câu 8: Ý nghĩa then chốt, quan trọng nhất của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần hai là gì?

- A. Tạo ra khối lượng hàng hóa đồ sộ.
- B. Đưa loài người chuyển sang nền văn minh trí tuệ.
- C. Thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất.
- D. Sự giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng.

Câu 9: Hạn chế lớn nhất trong quá trình diễn ra cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần hai là

- A. chế tạo vũ khí hiện đại đặt nhân loại trước nguy cơ một cuộc chiến tranh mới.
- B. ô nhiễm môi trường, tai nạn lao động, các loại dịch bệnh mới.
- C. dẫn đến biến đổi khí hậu.
- D. tình trạng khủng bố, gây nên tình hình căng thẳng trên thế giới.

Câu 10: Từ năm 1973 đến nay cuộc cách mạng nào được nâng lên vị trí hàng đầu?

- A. Cách mạng xanh trong nông nghiệp.
- B. Cách mạng trắng trong nông nghiệp.
- C. Cách mạng công nghiệp.
- D. Cách mạng khoa học - công nghệ.

Câu 11: Vì sao giai đoạn thứ hai của cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại được gọi là cách mạng khoa học – công nghệ?

- A. Vì cuộc cách mạng chủ yếu diễn ra trong lĩnh vực công nghệ và cách mạng công nghệ trở thành cốt lõi của cách mạng khoa học – kỹ thuật.
- B. Vì đã cải tiến, hoàn thiện phương tiện sản xuất.
- C. Vì khoa học trở thành nguồn gốc chính của những tiến bộ kỹ thuật và công nghệ.
- D. Vì mọi phát minh đều bắt nguồn từ khoa học.

Câu 12: Một tác động tích cực của cách mạng khoa học - công nghệ là

- A. tăng năng suất lao động. B. sản xuất ra nhiều loại vũ khí có tính hủy diệt cao.
C. bệnh tật ngày càng giảm nhanh. D. môi trường trong sạch, lành mạnh.

Câu 13: Nguồn gốc chính của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật nửa sau thế kỷ XX là gì?

- A. Do những biến cố của khí hậu. B. Do thế giới bước vào giai đoạn phát triển mới.
C. Do các nước tư bản tạo ra. D. Do những đòi hỏi của cuộc sống và sản xuất.

Câu 14: Cách mạng khoa học – công nghệ đã gây nên những hậu quả tiêu cực, trong đó nghiêm trọng nhất là

- A. tình trạng ô nhiễm môi trường. B. tai nạn lao động và giao thông.
 C. chế tạo ra các loại vũ khí hủy diệt. D. tạo ra các loại dịch bệnh mới.

Câu 15: Bản chất của toàn cầu hóa là

- A. sự gia tăng các mối liên hệ, tác động, phụ thuộc giữa các quốc gia. B. sự phát triển nhanh chóng của quan hệ quốc tế.
C. sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế. D. sự phát triển của các công ty xuyên quốc gia.

Câu 16: Một hệ quả quan trọng của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ trên thế giới từ đầu những năm 80 của thế kỷ XX là

- A. đưa loài người bước sang nền văn minh trí tuệ. B. mở ra một kỷ nguyên mới trong lĩnh vực công nghệ.
C. đưa loài người bước sang nền văn minh thông tin. D. thế giới diễn ra xu thế toàn cầu hóa.

Câu 17: Nội dung nào **không** phải là biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa?

- A. Sự tác động, phụ thuộc lẫn nhau của các quốc gia trên thế giới.
B. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
C. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
D. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế và khu vực.

Câu 18: Tổ chức liên kết kinh tế thể hiện xu thế toàn cầu hóa của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á là

- A. ASEM. B. APEC. C. AFTA. D. NAFTA.

Câu 19: Tổ chức liên kết kinh tế khu vực lớn nhất thế giới thể hiện xu thế toàn cầu hóa là

- A. EU. B. APEC. C. AFTA. D. NAFTA.

Câu 20: Một trong những tác động tích cực của xu thế toàn cầu hóa là

- A. sự tác động, phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, dân tộc.
 B. sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại quốc tế và khu vực.
C. phát triển các mối quan hệ quốc tế.
D. thúc đẩy nhanh, mạnh việc phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất.

Câu 21: Một trong những tác động tiêu cực của xu thế toàn cầu hóa là

- A. gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường. B. tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc.
C. các loại dịch bệnh mới xuất hiện. D. tạo ra các loại vũ khí hủy diệt.

Câu 22: Tổ chức liên kết kinh tế thể hiện xu thế toàn cầu hóa ở châu Á – Thái Bình Dương là

- A. ASEM. B. APEC. C. AFTA. D. NAFTA.

Câu 23: Tại sao gọi là cuộc cách mạng khoa học – công nghệ?

- A. Cuộc cách mạng công nghệ trở thành cốt lõi của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật.
B. Do công nghệ được chú trọng đầu tư phát minh.

C. Công nghệ được áp dụng vào tất cả các ngành sản xuất và đời sống xã hội.

D. Có nhiều phát minh sáng chế trong lĩnh vực công nghệ.

Câu 24. Tại sao nói “Hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển là thời cơ đối với các dân tộc khi bước vào thế kỉ XXI”?

A. Tạo môi trường hòa bình để các dân tộc phát triển và cơ hội hợp tác để các nước tăng cường hợp tác về mọi mặt.

B. Không bị chiến tranh đe dọa, tập trung phát triển đất nước.

C. Có điều kiện ổn định về chính trị để phát triển.

D. Có điều kiện để tăng cường mối quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực.

Câu 25. Bản chất của toàn cầu hóa là gì??

A. Tăng lên mạnh mẽ sự phụ thuộc, tác động lẫn nhau giữa các quốc gia dân tộc trên thế giới.

B. Sự tác động mạnh mẽ của các công ty, tập đoàn lớn trên thế giới.

C. Sự hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.

D. Sự tăng lên mạnh mẽ quan hệ thương mại quốc tế.

Câu 26. Biểu hiện nào dưới đây phản ánh **đúng** xu thế toàn cầu hóa hiện nay?

A. Sự phát triển nhanh chóng của các quan hệ thương mại quốc tế. B. Sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất.

C. Sự tăng trưởng cao của các nền kinh tế thế giới. D. Sự chuyển biến mạnh mẽ về cơ cấu kinh tế giữa các nước trên thế giới.

Câu 27. Tổ chức nào dưới đây là tổ chức liên kết kinh tế thương mại lớn nhất thế giới?

A. WTO.

B. APEC.

C. ASEM.

D. NAFTA.

Câu 28. Đứng trước tình trạng cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên con người cần dựa vào nhân tố nào sau đây?

A. Nguồn năng lượng mới, vật liệu mới.

B. Hệ thống máy tự động.

C. Công cụ sản xuất mới.

D. Nguồn năng lượng tái tạo.

Câu 29. Tác động nổi bật nhất của cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật hiện đại đối với thế giới là gì?

A. Sự hình thành xu thế toàn cầu hóa.

B. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ quốc tế.

C. Sự ra đời các tổ chức liên kết kinh tế, chính trị quốc tế.

D. Sự phát triển và tác động của các công ty xuyên quốc gia.

Câu 30. Sự sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn lớn nhằm mục tiêu gì?

A. Tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

B. Đẩy mạnh quan hệ thương mại quốc tế.

C. Tăng nhanh sự phát triển của công ti.

D. Đẩy mạnh xu hướng toàn cầu hoá.

Câu 31. Ý nghĩa then chốt, quan trọng của cuộc cách mạng khoa học công nghệ là gì?

A. Thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất.

B. Tạo ra khối lượng hàng hóa đồ sộ.

C. Sự giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng.

D. Đem lại sự tăng trưởng cao về kinh tế.

Câu 32. Cách mạng khoa học-kĩ thuật đặt ra cho các dân tộc yêu cầu gì cho sự sinh tồn của trái đất?

A. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

B. Bảo vệ môi trường sinh thái.

C. Bảo vệ nguồn năng lượng sẵn có.

D. Bảo vệ nguồn sống con người.

Câu 33. Vấn đề nào sau đây có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay?

A. Nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức phát triển mạnh mẽ trong thời kì mới.

B. Nắm bắt thời cơ hội nhập quốc tế.

C. Tận dụng nguồn vốn từ bên ngoài.

D. Áp dụng thành tựu khoa học kĩ thuật.

Câu 34. Quan hệ thương mại quốc tế tăng lên mạnh mẽ đã phản ánh vấn đề nào sau đây?

A. Nền kinh tế các nước trên thế giới quan hệ chặt chẽ, phụ thuộc lẫn nhau.

B. Tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới ngày càng cao.

C. Thu nhập quốc dân của tất cả các nước trên thế giới tăng.

D. Các công ti xuyên quốc gia đẩy mạnh hoạt động ở các nước đang phát triển.

Câu 35. Thách thức lớn nhất mà Việt Nam phải đối mặt trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay là gì?

A. Sự cạnh tranh quyết liệt từ thị trường quốc tế.

B. Trình độ quản lí còn thấp.

C. Trình độ của người lao động còn thấp.

D. Chưa tận dụng tốt nguồn vốn và kĩ thuật từ bên ngoài.

Câu 36. Trong giai đoạn hiện nay để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế nước ta cần phải làm gì?

A. Tiến hành cải cách sâu rộng.

B. Thành lập các công ty lớn.

C. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

D. Khai thác tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển kinh tế.

Câu 37. Cơ hội lớn nhất của nước ta trước xu thế toàn cầu hoá hiện nay là gì?

A. Tiếp thu thành tựu của cách mạng khoa học- công nghệ.

B. Xuất khẩu được nhiều mặt hàng nông sản ra thế giới.

C. Nhập khẩu hàng hoá với giá thấp.

D. Tranh thủ vốn đầu tư của nước ngoài.

Câu 38. Trong xu thế phát triển chung của thế giới hiện nay, Việt Nam có những thời cơ gì để phát triển?

A. Hợp tác kinh tế, thu hút vốn đầu tư và ứng dụng KH-KT.

B. Có được thị trường lớn để tăng cường xuất khẩu hàng hóa.

C. Nâng cao trình độ tập trung vốn và lao động.

D. Ứng dụng các thành tựu KH-KT vào sản xuất.

Câu 39. Đảng ta nhận định như thế nào về tác động của xu hướng toàn cầu hóa đối với Việt Nam?

A. Là cơ hội đồng thời cũng là thách thức lớn đối với sự phát triển dân tộc.

B. Là cơ hội lớn để Việt Nam vươn lên, hiện đại hóa đất nước.

C. Là một thách thức lớn đối với những nước đang phát triển trong đó có Việt Nam.

D. Không có ảnh hưởng gì đối với Việt Nam.

HẾT

Bài 11: TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI **(TỪ 1945 ĐẾN 2000)**

I/ NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ SAU NĂM 1945

1) Một trật tự thế giới mới được xác lập - “ trật tự hai cực Ianta”.

2) CNXH trở thành hệ thống thế giới, trong nhiều thập niên đã trở thành một lực lượng hùng hậu về chính trị, quân sự, kinh tế, chiếm lĩnh nhiều đỉnh cao của khoa học – kĩ thuật thế giới.

3) Một cao trào giải phóng dân tộc dâng lên mạnh mẽ ở các nước Á, Phi, Mĩ Latinh, làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân và chế độ phân biệt phân biệt chủng tộc

4) Trong nửa sau thế kỷ XX, hệ thống đế quốc chủ nghĩa có những biến chuyển quan trọng:

a/ Mỹ trở thành đế quốc giàu mạnh nhất, mưu đồ thống trị thế giới.

b/ Kinh tế các nước tư bản tăng trưởng khá liên tục và hình thành các trung tâm kinh tế- tài chính lớn của thế giới.

c/ Xuất hiện các xu hướng liên kết kinh tế khu vực như Liên minh Châu Âu (EU)

d/Trong nửa sau TK XX, quan hệ quốc tế được mở rộng và đa dạng :

- Xu thế hòa dịu, đối thoại, hợp tác.
- Cùng tồn tại hòa bình, vừa đấu tranh vừa hợp tác.
- Một số nơi vẫn còn xung đột do những mâu thuẫn về sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ .

5) Cách mạng khoa học – kỹ thuật đã diễn ra với quy mô, nội dung và nhịp điệu chưa từng thấy, đạt nhiều thành tựu to lớn.

II/ XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

a/ Các nước đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy kinh tế làm trọng điểm.

b/ Quan hệ giữa các nước lớn theo chiều hướng đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp.

c/ Hòa bình, ổn định là xu thế chủ đạo nhưng ở nhiều khu vực vẫn diễn ra nội chiến và xung đột.

d/ Xu thế toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, trật tự thế giới hai cực Ianta hình thành với đặc trưng nổi bật là thế giới bị chia thành hai phe – tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa do hai siêu cường nào đứng đầu?

- A. Mĩ và Trung Quốc. B. Anh và Liên Xô. **C. Mĩ và Liên Xô.** D. Pháp, Trung Quốc.

Câu 2: Sự kiện nào chứng tỏ Chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước trở thành hệ thống thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A.** Thắng lợi của các cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu. C. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam.
B. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc. D. Thắng lợi của cách mạng Cuba.

Câu 3: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cao trào giải phóng dân tộc dấy lên mạnh mẽ ở khu vực nào?

- A. Châu Âu, châu Á, châu Phi. B. Châu Á, châu Âu, Mĩ Latinh.
C. Châu Âu, châu Phi, Mĩ Latinh. **D. Châu Á, châu Phi, Mĩ Latinh.**

Câu 4: Nửa sau thế kỉ XX hệ thống Đế quốc chủ nghĩa có những chuyển biến quan trọng, Mĩ vươn lên trở thành

- A. đế quốc giàu mạnh nhất. **B.** trung tâm kinh tế của thế giới.
C. siêu cường tài chính số 1 thế giới. D. nước có nền kinh tế phát triển thần kì.

Câu 5: Dưới tác động to lớn của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật, các nước tư bản ngày càng có xu hướng nào?

- A. Liên kết chính trị. B. Liên kết giáo dục. **C.** Liên kết kinh tế. D. Liên kết văn hóa.

Câu 6: Nét nổi bật chi phối quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. nhiều cuộc chiến tranh cục bộ diễn ra ở Việt Nam, Triều Tiên...
B. tình trạng đối đầu gay gắt giữa hai siêu cường, hai phe mà đỉnh cao là cuộc Chiến tranh lạnh.
C. Chiến tranh lạnh chấm dứt, thế giới chuyển sang xu thế đối thoại và hợp tác.
D. xu thế toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ.

Câu 7: Đặc điểm nổi bật của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại là gì?

- A. Khoa học gắn liền với kĩ thuật. C. Mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ khoa học.
B. Khoa học đi trước mở đường cho kĩ thuật. **D.** Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 8: Sau Chiến tranh lạnh các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển của mình lấy lĩnh vực nào làm trọng điểm?

- A. Quốc phòng. **B.** Kinh tế. C. Chính trị. D. Ngoại giao.

Câu 9: Đặc điểm lớn của tình hình thế giới sau Chiến tranh lạnh là sự điều chỉnh quan hệ giữa các nước theo chiều hướng nào?

- A. Đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp. C. Đối thoại cùng phát triển.
B. Tránh xung đột trực tiếp. D. Hợp tác, liên kết khu vực.

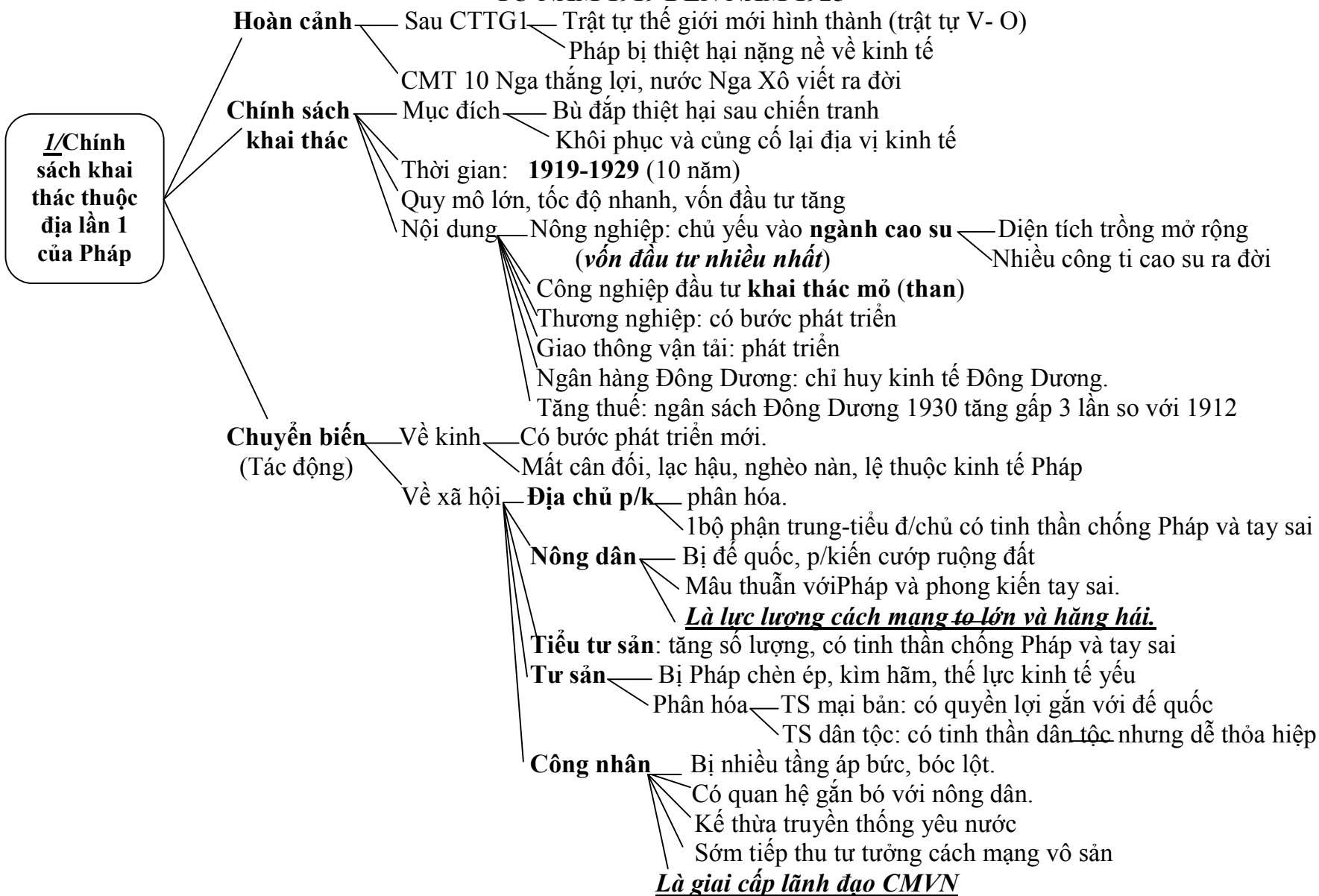
Câu 10: Xu thế nào sau đây diễn ra mạnh mẽ sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt?

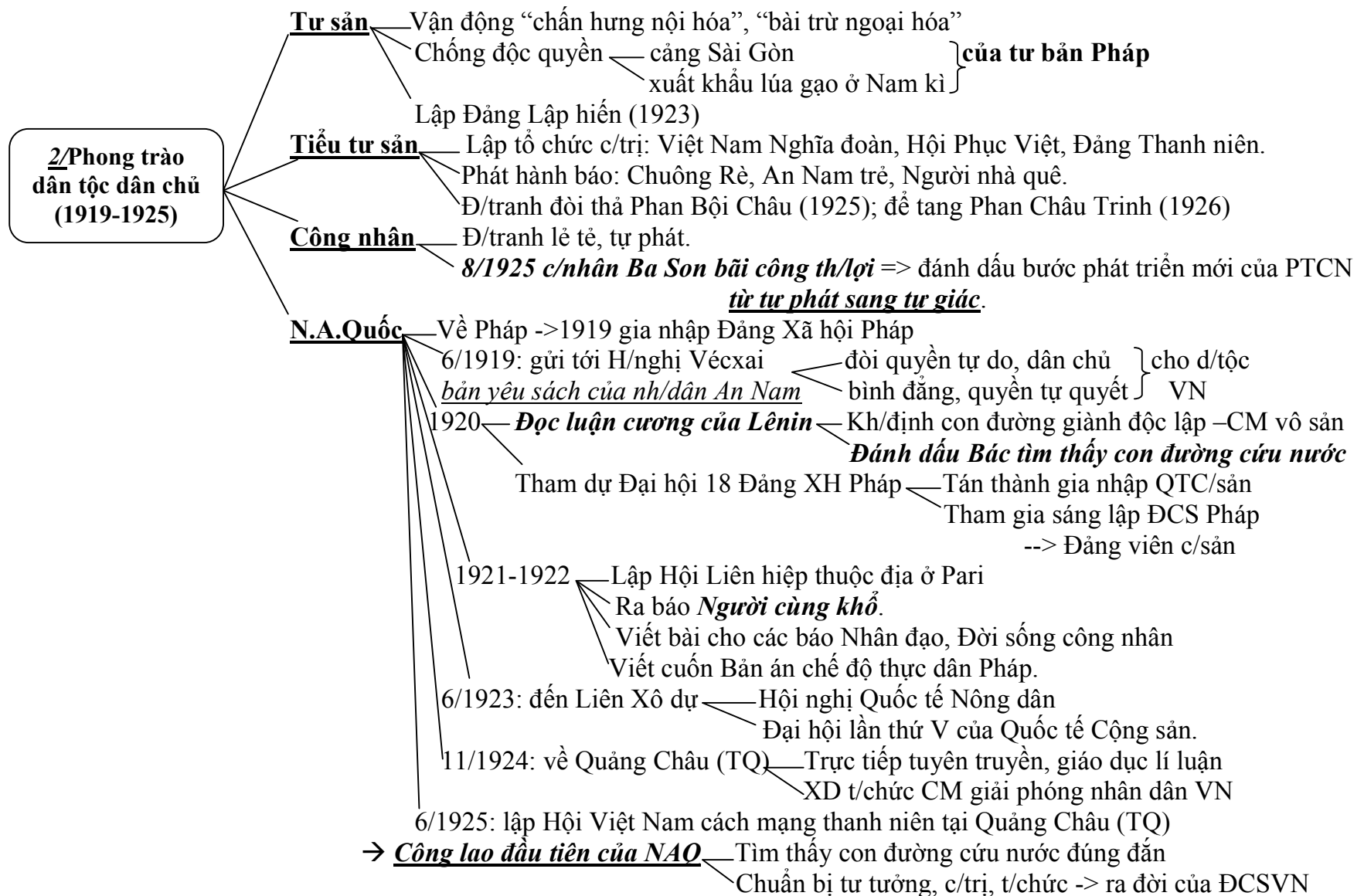
- A. Xu thế liên kết khu vực. B. Xu thế đối thoại.
C. Xu thế toàn cầu hóa. D. Xu thế hợp tác giữa các nước.

HẾT

Phần hai: LỊCH SỬ VIỆT NAM (1919 – 2000)

**Bài 12: PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM
TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1925**





CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1 . Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam vì

- A. Việt Nam là nước có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- B. Pháp bị chiến tranh tàn phá nặng nề, kinh tế, tài chính bị kiệt quệ.**
- C. nguồn nhân công ở Việt Nam dồi dào.
- D. tăng cường thực hiện mục đích của chủ nghĩa thực dân.

- Câu 2.** Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp được thực hiện trong thời gian nào?
- A. Từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến trước khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933.
 - B. Từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến trước chiến tranh thế giới thứ hai.
 - C. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến trước cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.
 - D. Từ đầu chiến tranh thế giới thứ nhất đến sau cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933.
- Câu 3.** Mục đích chính trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Đông Dương chủ yếu ở Việt Nam là
- A. bù đắp thiệt hại do chiến tranh và khôi phục nền kinh tế sau chiến tranh.
 - B. thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Việt Nam và Đông Dương.
 - C. khôi phục nền kinh tế sau chiến tranh.
 - D. tận dụng nguồn nhân công rẻ mạt của Việt Nam.
- Câu 4.** Tổng số vốn thực dân Pháp đầu tư vào Đông Dương chủ yếu là Việt Nam để thực hiện chương trình khai thác thuộc địa lần hai từ 1924- 1929 là
- A. khoảng 2 tỉ phrăng.
 - B. khoảng 3 tỉ phrăng.
 - C. khoảng 4 tỉ phrăng.
 - D. khoảng 5 tỉ phrăng.
- Câu 5.** Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, thực dân Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào ngành nào?
- A. Công nghiệp chế biến.
 - B. Nông nghiệp.
 - C. Nông nghiệp và thương nghiệp.
 - D. Giao thông vận tải.
- Câu 6.** Điểm mới trong chương trình khai thác Việt Nam lần thứ hai của thực dân Pháp là gì?
- A. Tăng cường vốn đầu tư vào tất cả các ngành kinh tế.
 - B. Cướp đoạt toàn bộ ruộng đất của nông dân lập đồn điền trồng cao su.
 - C. Hạn chế sự phát triển các ngành công nghiệp nhất là công nghiệp nặng.
 - D. Đầu tư với tốc độ nhanh, qui mô khai thác lớn hơn, triệt để hơn, xã hội bị phân hóa sâu sắc.
- Câu 7.** Một trong những biện pháp thực dân Pháp đã áp dụng làm cho ngân sách Đông Dương tăng gấp 3 lần trong khoảng thời gian từ 1912-1930 là
- A. tăng địa tô.
 - B. xuất khẩu lúa gạo sang Pháp và thị trường thế giới.
 - C. tăng thuế.
 - D. mở rộng hoạt động thương nghiệp.
- Câu 8.** Với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, nền kinh tế của Pháp ở Đông Dương có những biểu hiện
- A. vẫn như trước chiến tranh thế giới thứ nhất.
 - C. có bước phát triển mới.
 - B. phát triển nhảy vọt.
 - D. bị suy thoái nặng nề.
- Câu 9.** Thủ đoạn thâm độc nhất của thực dân Pháp trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất là
- A. đánh thuế nặng vào các mặt hàng nông sản.
 - B. tước đoạt ruộng đất của nông dân.
 - C. không cho nông dân tham gia sản xuất.
 - D. thu mua nông sản với giá rẻ.
- Câu 10.** Vì sao trong quá trình khai thác thuộc địa lần hai, tư bản Pháp không đầu tư phát triển công nghiệp nặng ở Việt Nam?
- A. Cột chặt nền kinh tế Việt Nam lệ thuộc vào kinh tế Pháp.
 - B. Cột chặt nền kinh tế Việt Nam lệ thuộc vào kinh tế Pháp, biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa do Pháp sản xuất.
 - C. Cuộc khai thác chỉ nhằm phục vụ mục đích chính trị.
 - D. Cuộc khai thác chỉ nhằm phục vụ mục đích quân sự.

- Câu 11.** Tác động của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp đến kinh tế Việt Nam làm cho
- A. cơ cấu kinh tế Việt Nam mất cân đối, lạc hậu, nghèo nàn. C. nền kinh tế Việt Nam phát triển độc lập tự chủ.
 B. kinh tế Việt Nam phát triển một cách tự chủ. D. luôn trong tình trạng khủng hoảng.
- Câu 12.** Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, xã hội Việt Nam bị phân hóa như thế nào?
- A. Phân hóa sâu sắc, xuất hiện các giai cấp mới: tư sản, công nhân, địa chủ phong kiến.
 B. Phân hóa sâu sắc, trong đó hai giai cấp mới xuất hiện: công nhân, nông dân là lực lượng quan trọng của cách mạng.
 C. Phân hóa sâu sắc, bên cạnh giai cấp cũ: địa chủ phong kiến, nông dân; xuất hiện giai cấp mới: tư sản, tiểu tư sản, công nhân.
D. Phân hóa sâu sắc, giai cấp công nhân ra đời đã vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng.
- Câu 13.** Giai cấp nào có số lượng tăng nhanh nhất trong cuộc khai thác thuộc địa lần hai?
- A. Nông dân. B. Tư sản dân tộc. C. Tiểu tư sản. D. Công nhân.
- Câu 14.** Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam là
- A. công nhân. B. nông dân. C. tiểu tư sản. D. tư sản dân tộc.
- Câu 15.** Cuộc khai thác thuộc địa lần hai dẫn đến sự ra đời của các giai cấp mới nào?
- A. Công nhân, nông dân, tư sản. B. Tư sản, tiểu tư sản, công nhân.
C. Tư sản, tiểu tư sản. D. Địa chủ, tư sản, tiểu tư sản.
- Câu 16.** Vì sao sau chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản phát triển mạnh?
- A. Chủ nghĩa Mác- Lênin được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam. B. Do ảnh hưởng tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn.
C. Thực dân Pháp đang trên đà suy yếu. D. Giai cấp công nhân đã chuyển sang đấu tranh tự giác.
- Câu 17.** Phong trào đấu tranh đầu tiên do giai cấp tư sản dân tộc khởi xướng là gì?
- A. Chống độc quyền cảng Sài Gòn. C. Thành lập Đảng Lập hiến để tập hợp lực lượng quần chúng.
 B. Chống độc quyền xuất cảng lúa gạo ở Nam Kỳ. D. Phong trào “Chấn hưng nội hóa”, “Bài trừ ngoại hóa”.
- Câu 18.** Từ khi mới ra đời, giai cấp tư sản Việt Nam bị thực dân Pháp đối xử như thế nào?
- A. Được thực dân Pháp dung dưỡng. B. Bị thực dân Pháp chèn ép, kìm hãm.
C. Bị thực dân Pháp bóc lột nặng nề. D. Được thực dân Pháp cho hưởng đặc quyền, đặc lợi.
- Câu 19.** Năm 1924 khi đến Quảng Châu (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc đã tiếp xúc với tổ chức của người Việt Nam đầu tiên đó là tổ chức nào?
- A. Tâm tâm xã. C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
B. Tân Việt cách mạng đảng. D. Hội Liên hiệp Thanh niên.
- Câu 20.** Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam, giai cấp tư sản dân tộc có thái độ chính trị như thế nào?
- A. Kiên quyết trong cuộc đấu tranh chống Pháp. C. Không kiên định, dễ thỏa hiệp với Pháp.
 B. Cấu kết chặt chẽ với Pháp. D. Có tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.
- Câu 21.** Đâu là nguyên nhân chủ quan làm cho phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919-1925) cuối cùng bị thất bại?
- A. Hệ tư tưởng dân chủ tư sản đã trở nên lỗi thời, lạc hậu.
 B. Thực dân Pháp còn mạnh, đủ khả năng đàn áp phong trào.
 C. Giai cấp tư sản do yếu kém về kinh tế, lập trường không kiên định; tiểu tư sản do điều kiện kinh tế còn bấp bênh nên

không thể lãnh đạo phong trào cách mạng.

D. Do chủ nghĩa Mác- Lênin chưa được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam.

Câu 22. Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng đó là

A. đại diện cho lực lượng sản xuất tiên bộ.

B. có tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.

C. bị nhiều tầng áp bức bóc lột, có quan hệ gắn bó với nông dân, kế thừa truyền thống yêu nước của dân tộc, sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản, đã vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng.

D. điều kiện lao động và sinh sống tập trung

Câu 23. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, xã hội Việt Nam tồn tại nhiều mâu thuẫn, trong đó chủ yếu nhất là mâu thuẫn

A. giữa nông dân và địa chủ.

C. giữa công nhân và tư sản.

B. giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với Pháp và tay sai.

D. giữa tư sản và địa chủ phong kiến.

Câu 24. Trong các đặc điểm sau đây, đặc điểm nào là cơ bản nhất của giai cấp công nhân Việt Nam?

A. Bị tư sản, đế quốc thực dân bóc lột nặng nề.

B. Có quan hệ gắn bó với nông dân.

C. Kế thừa truyền thống yêu nước của dân tộc.

D. Sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản nên đã nhanh chóng vươn lên thành một động lực của phong trào dân tộc dân chủ.

Câu 25. Sự kiện đánh dấu bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam từ tự phát bước đầu chuyển sang tự giác là cuộc bãi công của

A. công nhân Sài Gòn- Chợ Lớn năm 1920.

C. công nhân xưởng Ba Son tháng 8/1925.

B. công nhân nhà máy dệt Nam Định.

D. công nhân viên chức các sở công thương của Pháp ở Bắc kì năm 1922.

Câu 26. Mục tiêu đấu tranh của phong trào công nhân trong những năm 1919-1924 chủ yếu là

A. đòi quyền lợi về kinh tế.

C. đòi quyền lợi về chính trị.

B. đòi quyền lợi về kinh tế và chính trị.

D. chống thực dân Pháp để giải phóng dân tộc.

Câu 27. Mục tiêu đấu tranh trong phong trào yêu nước dân chủ công khai những năm 1919-1925 là

A. đòi một số quyền lợi về kinh tế và các quyền tự do dân chủ.

B. chống bọn tư bản Pháp nắm độc quyền xuất cảng lúa gạo.

C. đòi nhà cầm quyền Pháp thả cụ Phan Bội Châu.

D. thành lập Đảng Lập hiến tập hợp quần chúng chống Pháp.

Câu 28. Những tờ báo tiên bộ bằng tiếng Pháp của tầng lớp tiểu tư sản trí thức xuất bản trong những năm 1919-1925 là

A. Chuông rè, Người nhà quê, Nhanh lúa.

C. Chuông rè, An nam trẻ, Người nhà quê.

B. An Nam trẻ, Nhanh lúa, Tiếng dân.

D. Thời mới, Người nhà quê, Chuông rè.

Câu 29. Hình thức đấu tranh chủ yếu của giai cấp tiểu tư sản là

A. xuất bản báo chí tiên bộ.

B. lập các nhà xuất bản để xuất bản sách báo cổ động tinh thần yêu nước.

C. mít tinh, biểu tình, bãi khóa.

D. mít tinh, biểu tình, bãi khóa, lập nhà xuất bản tiên bộ, ra nhiều tờ báo bằng tiếng Pháp và tiếng Việt.

Câu 30. Trong phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919-1925), có hai sự kiện trong nước tiêu biểu nổi bật nhất đó là sự kiện nào?

A. Phong trào đấu tranh của công nhân Ba Son.

B. Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả cụ Phan Bội Châu và tổ chức lễ tang, truy điệu cụ Phan Châu Trinh.

C. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái ở Sa Diện.

D. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái ở Sa Diện và phong trào đấu tranh đòi thả cụ Phan Bội Châu.

Câu 31. Điểm mới của cuộc bãi công của công nhân Ba Son tháng 8/1925 là

A. lần đầu tiên công nhân đấu tranh không phải vì mục đích kinh tế.

B. có sự phối hợp đấu tranh giữa công nhân và nông dân.

C. công nhân đấu tranh có tổ chức chặt chẽ.

D. đấu tranh không chỉ vì mục đích kinh tế mà còn vì mục đích chính trị, thể hiện tinh thần quốc tế vô sản.

Câu 32. Tính chất phong trào công nhân Việt Nam từ 1926-1929 là

A. diễn ra rộng khắp từ Bắc chí Nam, có sự liên kết thành phong trào chung, mang tính thống nhất trong toàn quốc.

B. đều mang tính chất chính trị, bước đầu liên kết được nhiều ngành, nhiều địa phương.

C. mang tính tự phát.

D. bước đầu mang tính tự giác.

Câu 33. Nội dung chính của bản yêu sách của nhân dân An Nam gửi đến Hội nghị Véc-xai là đòi chính phủ Pháp

A. rút quân khỏi Việt Nam.

B. thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam.

C. tiến hành cải cách xã hội.

D. nói lỏng ách cai trị ở thuộc địa.

Câu 34. Tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp (25/12/1920), Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản vì Quốc tế này

A. bênh vực cho quyền lợi của các nước thuộc địa.

C. giúp nhân dân ta đấu tranh chống Pháp.

B. đề ra đường lối cho cách mạng Việt Nam.

D. chủ trương thành lập Mặt trận giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Câu 35. Sau khi cách mạng tháng Mười Nga thành công (1917), Nguyễn Tất Thành đi từ nước nào đến nước nào để nghiên cứu, học tập cách mạng tháng Mười Nga?

A. Từ Mỹ sang Nga.

B. Từ Pháp sang Trung Quốc.

C. Từ Anh sang Nga.

D. Từ Anh sang Pháp.

Câu 36. Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc bước đầu tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc?

A. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Véc-xai (18/6/1919).

B. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (25/12/1925).

C. Nguyễn Ái Quốc đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin (7/1920).

D. Nguyễn Ái Quốc thành lập tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6/1925).

Câu 37. Bản yêu sách của nhân dân An Nam tuy không được chấp nhận nhưng có ý nghĩa to lớn gì ?

A. Đây là đòn tấn công trực diện đầu tiên của nhà cách mạng trẻ tuổi Việt Nam vào đế quốc.

B. Có tiếng vang lớn đối với nhân dân Việt Nam.

C. Qua đó rút ra được một bài học lớn: « Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào lực lượng của bản thân mình ».

D. Tác động tới nhân dân Pháp và nhân dân các nước thuộc địa.

Câu 38. Vào thời gian nào, Nguyễn Ái Quốc rời Paris đi Liên Xô ?

A. Tháng 6- 1924.

B. Tháng 6-1922

C. Tháng 12- 1923.

D. Tháng 6-1923.

Câu 39. Sự kiện ngày 17-6-1924 gắn với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô, đó là

A. Người dự Đại hội Quốc tế Nông dân.

C. Người dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản.

B. Người dự Đại hội Quốc tế Phụ nữ.

D. Người dự Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản.

Câu 40. Tác dụng trong quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925 là gì?

A. Quá trình chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác- Lênin vào Việt Nam.

C. Quá trình thành lập ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

D. Quá trình chuẩn bị thực hiện chủ trương “vô sản hóa” để truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam.

Câu 41. Hoạt động của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và một số người sống ở nước ngoài có tác dụng quan trọng nhất là

A. mở mang dân trí.

C. tìm được con đường cứu nước cho dân tộc.

B. góp phần cải thiện đời sống của nhân dân.

D. cổ vũ, thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân ta.

Câu 42. Những tổ chức chính trị của tiểu tư sản như Việt Nam Nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Đảng Thanh niên là tiền thân của tổ chức nào?

A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

B. Việt Nam Quốc dân đảng.

C. Đông Dương Cộng sản đảng.

D. Tân Việt cách mạng đảng.

Câu 43. Bộ phận học sinh, sinh viên, trí thức có tinh thần hăng hái đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc là do

A. họ là tầng lớp thường nhạy cảm với thời cuộc và tha thiết canh tân đất nước.

B. sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản.

C. bị giới tư sản người Việt bóc lột nặng nề.

D. có quan hệ gắn bó với nông dân.

Câu 44. Ý nào sau đây **không** phải là chính sách mà thực dân Pháp thi hành ở Việt Nam?

A. Thực hiện chính sách chuyên chế, thu tóm mọi quyền hành.

C. Thi hành một số cải cách chính trị - hành chính.

B. Hệ thống giáo dục từ tiểu học đến đại học được mở rộng.

D. Nới rộng các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân ta.

Câu 45. Các thủ đoạn chính trị, văn hóa, giáo dục của thực dân Pháp ở Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất là gì?

A. Phục vụ cho công cuộc đẩy mạnh khai thác, bóc lột và củng cố bộ máy cai trị ở thuộc địa.

B. Phục vụ cho chính sách “khai hóa” của bọn thực dân, gây tâm lý tự ti.

C. Phục vụ cho chính sách cai trị chuyên chế triệt để, mọi quyền hành đều thu tóm trong tay người Pháp.

D. Phục vụ cho chính sách “chia để trị” để chia rẽ dân tộc ta.

Câu 46. Những thủ đoạn nào của thực dân Pháp về chính trị và văn hóa, giáo dục nhằm nô dịch lâu dài nhân dân ta sau chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Lôi kéo, mua chuộc người Việt Nam thuộc tầng lớp trên của xã hội.

C. Thu tóm quyền lực vào tay người Pháp.

B. “Chia để trị” và thực hiện văn hóa nô dịch, ngu dân.

D. Mở trường dạy tiếng Pháp để đào tạo tay sai.

Câu 47. Thực dân Pháp thi hành chính sách chuyên chế triệt để ở Việt Nam, chính sách đó được biểu hiện như thế nào?

- A. Mọi quyền hành nắm trong tay người Pháp.
- B. Mọi quyền hành nắm trong tay vua quan Nam triều.
- C. Mọi quyền hành vừa nắm trong tay người Pháp vừa nắm trong tay vua quan Nam triều.
- D. Thực dân Pháp thi hành một vài cải cách chính trị- hành chính.

Câu 48. Ý nào dưới đây **không** phải là hình thức đấu tranh của tư sản dân tộc?

- A. Tẩy chay tư sản Hoa kiều, chống độc quyền cảng Sài Gòn.
- B. Dùng báo chí để bênh vực quyền lợi cho mình.
- C. Thành lập Đảng Lập hiến để tập hợp lực lượng đấu tranh.
- D. Đấu tranh nghị trường.

Câu 49. Năm 1922, Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo

- A. Đời sống công nhân.
- B. Người cùng khổ (Le Paria)
- C. Nhân đạo.
- D. Sự thật.

Câu 50. Cơ quan ngôn luận của Hội Liên hiệp thuộc địa ở Pari là báo

- A. Người cùng khổ (Le Paria).
- B. Sự thật.
- C. Nhân đạo.
- C. Đời sống công nhân.

Câu 51. Từ năm 1920 – 1925, Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở các nước nào ?

- A. Pháp, Thái Lan, Trung Quốc.
- B. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc.
- C. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Thái Lan.
- D. Anh, Pháp, Liên Xô.

Câu 52. Sự kiện lịch sử tiêu biểu gắn với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1919- 1925 là

- A. tìm đến cách mạng tháng Mười Nga.
- C. đến với chủ nghĩa Mác- Lênin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.
- B. đưa yêu sách đến Hội nghị Vec-xai.
- D. thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa.

Câu 53. Sự kiện nào dưới đây gắn liền với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô trong những năm 1923-1924?

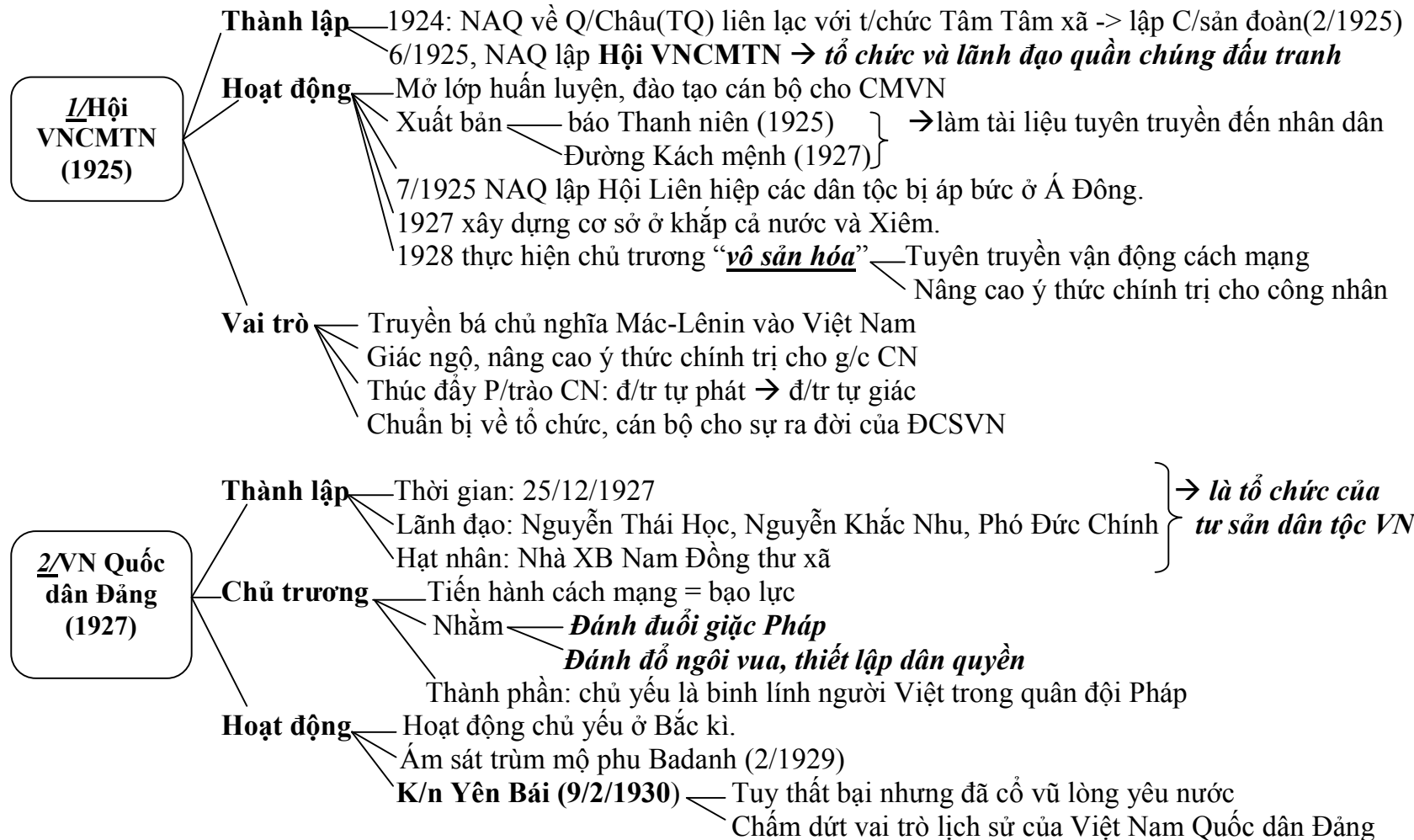
- A. Thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa.
- C. Tham dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản.
- B. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- D. Viết Bản án chế độ thực dân Pháp.

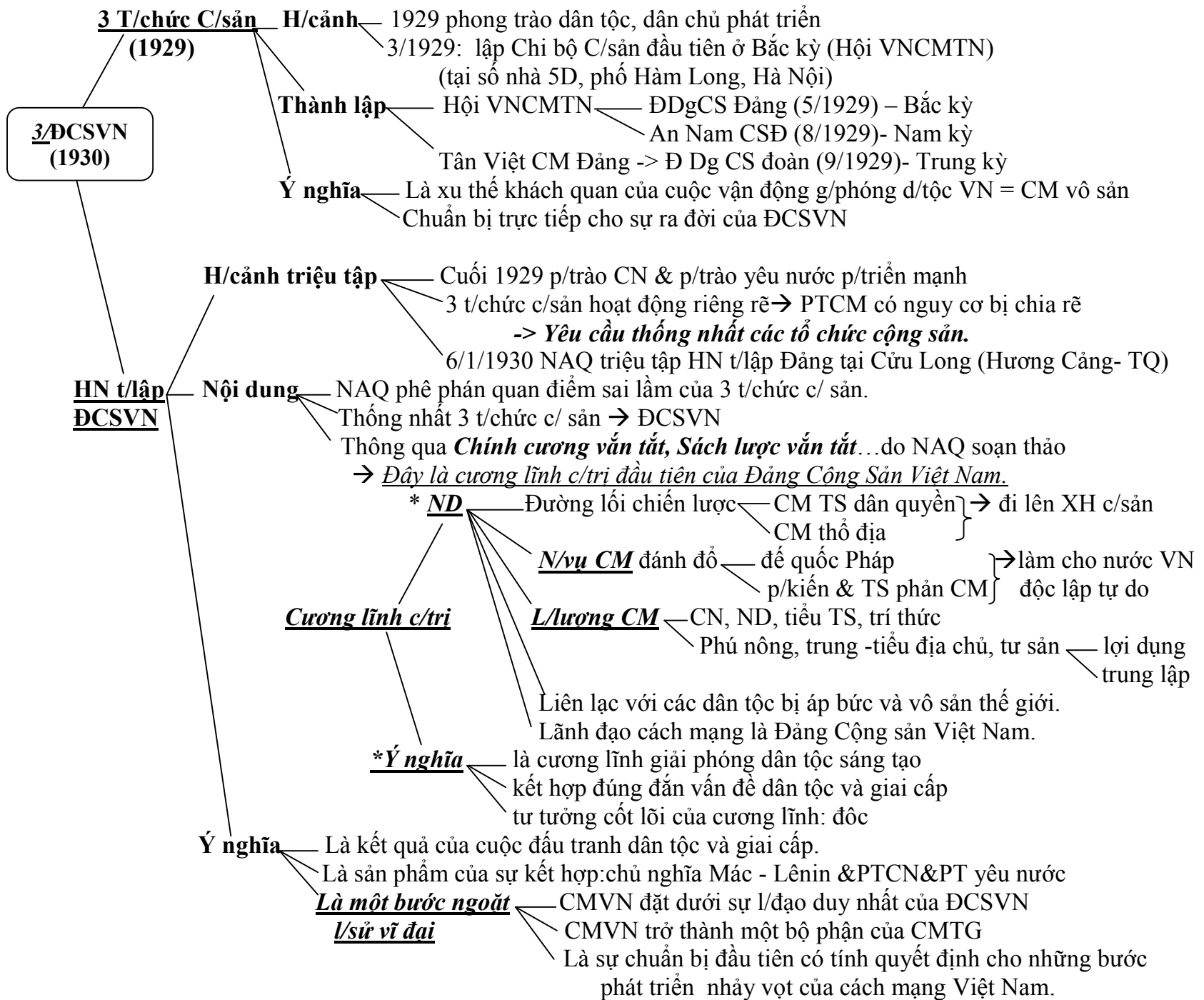
Câu 54. Công lao đầu tiên to lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc đối với dân tộc Việt Nam trong những năm 1919-1925 là

- A. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- C. tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam.
- B. hợp nhất ba tổ chức cộng sản.
- D. khởi thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

HẾT

Bài 13: PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM (1925 – 1930)





CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1.a/. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập trên cơ sở của tổ chức nào?

- A. Tâm tâm xã. B. Hội Phục Việt. C. Đảng Thanh niên. D. Việt Nam nghĩa đoàn.

Câu 1.b/. Tổ chức nòng cốt của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là

- A. Hội Phục Việt. B. Cộng sản đoàn. C. Tâm tâm xã. D. Những người thanh niên trẻ.

Câu 2. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập vào thời gian nào? Ở đâu?

- A. Tháng 5- 1925 tại Quảng Châu (Trung Quốc) B. Tháng 6- 1925 tại Hương cảng (Trung Quốc).
 C. Tháng 6- 1925 tại Quảng Châu (Trung Quốc). D. Tháng 7-1925 tại Quảng Châu (Trung Quốc).

Câu 3. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ra đời trong hoàn cảnh nào?

- A. Do yêu cầu của phong trào công- nông Việt Nam cần có tổ chức cách mạng lãnh đạo.
B. Thanh niên yêu nước Việt Nam đang tập họp tại Trung Quốc sau sự kiện tiếng Sa Diện thấy cần có tổ chức chính trị lãnh đạo.
 C. Do Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc) tháng 11-1924 tiếp xúc với các nhà cách mạng và thanh niên tại đây chuẩn bị cho việc thành lập Đảng vô sản.
D. Do hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919- 1925 ở Liên xô.

Câu 4. Hoạt động chủ yếu nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là

- A. Xuất bản báo Thanh niên làm cơ quan tuyên truyền của Hội. C. Thực hiện chủ trương “vô sản hóa”.
 B. Mở lớp huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ cách mạng. D. Thành lập cơ sở trong nước.

Câu 5. Cơ quan ngôn luận của Hội Việt nam Cách mạng Thanh niên là:

- A. Báo Thanh niên. B. Tác phẩm Đường Kách mệnh.
C. Bản án chế độ thực dân Pháp. D. Báo Người cùng khổ.

Câu 6. Báo Thanh niên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ra số đầu tiên vào ngày tháng năm nào?

- A. 26-1-1925. B. 21-6-1925. C. 21-7-1925. D. 21-6-1926.

Câu 7. Mục đích chủ yếu của báo Thanh niên và tác phẩm Đường Kách mệnh của Nguyễn Ái Quốc là

- A. tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước cho nhân dân.
B. tập hợp các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc.
 C. trang bị lí luận cách mạng giải phóng dân tộc cho cán bộ của Hội Việt nam Cách mạng Thanh niên để tuyên truyền cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động.
D. đoàn kết quần chúng đấu tranh chống đế quốc và tay sai.

Câu 8. Ý nào sau đây không phản ánh đúng những hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ?

- A. Mở lớp huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ cách mạng.
B. Hoạt động quân sự là chủ yếu, thiên về ám sát cá nhân.
C. Dùng báo chí để tuyên truyền, giáo dục quần chúng.
 D. Thực hiện chủ trương “ vô sản hóa” để rèn luyện và tuyên truyền cách mạng.

Câu 9. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ra đời trong hoàn cảnh nào?

- A. Năm 1919-1925, do yêu cầu của phong trào công-nông Việt Nam cần có tổ chức cách mạng lãnh đạo.
B. Sau sự kiện tiếng bom Sa Diện (6.1924), thanh niên yêu nước Việt Nam đang tập họp tại Trung Quốc thấy cần có tổ chức

chính trị lãnh đạo.

- C. Do Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (11-1924) tiếp xúc với các nhà cách mạng và thanh niên tại đây chuẩn bị cho việc thành lập đảng vô sản.
- D. Do hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1919-1925 ở Liên Xô và Trung Quốc dẫn đến yêu cầu cấp thiết thành lập tổ chức lãnh đạo.

Câu 10. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ra đời vào tháng 6-1925 nhằm mục đích gì?

- A. Tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết đấu tranh, đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai.
- B. Tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế.
- C. Liên lạc với các dân tộc bị áp bức làm cách mạng.
- D. Đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, thiết lập một xã hội bình đẳng bác ái.

Câu 11. Những hoạt động nào của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên gắn bó mật thiết với vai trò của Nguyễn Ái Quốc?

- A. Bí mật chuyển các tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc về nước.
- B. Mở lớp huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ cách mạng tại Quảng Châu (Trung Quốc), ra báo Thanh niên.
- C. Thực hiện phong trào “ Vô sản hóa”.
- D. Tổ chức và lãnh đạo nhiều cuộc bãi công của công nhân.

Câu 12. Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên họp ở đâu? Vào thời gian nào?

- A. Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc), 6-1-1930.
- B. Hương Cảng (Trung Quốc), từ ngày 1 đến 9-5-1929.
- C. Hà Nội, từ ngày 1 đến 9-5-1929.
- D. Quảng Châu (Trung Quốc), từ ngày 1 đến 9-5-1929.

Câu 13. Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam được thành lập vào thời gian nào? Tại đâu?

- A. Tháng 3-1929, nhà số 48 phố Hàng Ngang, Hà Nội.
- B. Tháng 3-1929, Vạn Phúc, Hà Đông.
- C. Tháng 3-1929, nhà số 5D, phố Hàm Long, Hà Nội.
- D. Tháng 6-1929, nhà số 312, phố Khâm Thiên, Hà Nội.

Câu 14. Tân Việt Cách mạng đảng được thành lập trên cơ sở

- A. nhóm Cộng sản đoàn.
- B. Hội Phục Việt.
- C. Hội Việt nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu (Trung Quốc)
- D. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

Câu 15. Tên gọi Tân Việt Cách mạng đảng xuất hiện vào thời gian nào?

- A. 21-6-1925.
- B. 25-12-1927.
- C. 14-7-1928.
- D. 17-4-1928.

Câu 16. Dưới tác động của hệ tư tưởng nào làm cho Tân Việt Cách mạng đảng bị phân hóa?

- A. Tư tưởng dân chủ tư sản.
- B. Chủ nghĩa Mác- Lênin.
- C. Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn.
- D. Hệ tư tưởng phong kiến.

Câu 17. Tân Việt Cách mạng đảng đã phân hóa như thế nào dưới tác động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên?

- A. Một số đảng viên tiên tiến gia nhập Hội Việt nam Cách mạng Thanh niên, số đảng viên tiên tiến còn lại tích cực thành lập chính đảng cách mạng theo học thuyết Mác- Lênin.
- B. Một số đảng viên tiên tiến gia nhập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.
- C. Một số đảng viên tiên tiến gia nhập Việt Nam quốc dân đảng.
- D. Một số đảng viên tiên tiến gia nhập Hội Liên hiệp Thanh niên.

Câu 18. Việt Nam Quốc dân đảng được thành lập vào thời gian nào? Địa bàn hoạt động chính ở đâu?

A. 25-12-1925, địa bàn hoạt động chủ yếu ở Bắc kì.

C. 25-12-1925, địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung kì.

B. 25-12-1927, địa bàn hoạt động chủ yếu ở Bắc kì.

D. 25-12-1927, địa bàn hoạt động chủ yếu ở Nam kì.

Câu 19. Cơ sở đầu tiên của Việt Nam quốc dân đảng là

A. Cường học thư xã.

B. Quan hải tòng thư.

C. Hội Liên hiệp Thanh niên.

D. Nam đồng thư xã.

Câu 20. Việt Nam Quốc dân đảng là tổ chức cách mạng của

A. thanh niên học sinh.

C. tư sản dân tộc do Nguyễn Thái Học và Phó Đức Chính thành lập.

B. trí thức Việt Nam.

D. tư sản dân tộc do Bùi Quang Chiêu thành lập.

Câu 21. Mục tiêu của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng là

A. đánh đuổi thực dân Pháp, xóa bỏ phong kiến.

C. đánh đuổi thực dân Pháp, giành lại độc lập dân tộc.

B. đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.

D. đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập dân quyền.

Câu 22. Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc dân đảng nổ ra đêm 9-2-1930 tại Yên Bái, sau đó nổ ra ở các tỉnh nào?

A. Phú Thọ, Hải Dương, Hà Tĩnh.

B. Hòa Bình, Lai Châu, Sơn La

C. Phú Thọ, Sơn Tây, Hải Dương, Thái Bình.

D. Thái Bình, Hòa Bình, Sơn La.

Câu 23. Nguyên nhân trực tiếp của cuộc khởi nghĩa Yên Bái (9-2-1930)?

A. Thực dân Pháp tổ chức nhiều cuộc vây ráp.

B. Nhiều cơ sở của Việt Nam Quốc dân đảng bị phá vỡ.

C. Bị động trước tình thế thực dân Pháp khủng bố sau vụ tên trùm mộ phu Ba-danh bị ám sát, những nhà lãnh đạo chủ chốt của Việt Nam Quốc dân đảng quyết định khởi nghĩa.

D. Thực hiện mục tiêu của đảng là đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập dân quyền.

Câu 24. Khởi nghĩa Yên Bái thất bại do nguyên nhân khách quan nào ?

A. Do giai cấp tư sản dân tộc lãnh đạo.

C. Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng còn non yếu.

B. Khởi nghĩa nổ ra trong tình thế hoàn toàn bị động.

D. Thực dân Pháp còn mạnh.

Câu 25. Ý nghĩa lịch sử lớn nhất của cuộc khởi nghĩa Yên Bái là

A. chấm dứt vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp tư sản dân tộc đối với cách mạng Việt Nam.

B. góp phần cổ vũ lòng yêu nước và chí căm thù của nhân dân ta đối với thực dân Pháp và tay sai.

C. đánh dấu sự khủng hoảng của khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản.

D. Việt Nam Quốc dân đảng đáp ứng một phần yêu cầu của nhiệm vụ dân tộc của nhân dân ta.

Câu 26. Vì sao tại Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt nam Cách mạng Thanh niên, đoàn đại biểu Bắc kì đặt vấn đề thành lập đảng cộng sản để lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng ?

A. Do phong trào dân tộc dân chủ ở nước ta phát triển mạnh.

B. Sự phát triển mạnh của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Tân Việt cách mạng đảng.

C. Do phong trào dân tộc và dân chủ, đặc biệt là phong trào công nhân phát triển mạnh, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn đủ sức lãnh đạo.

D. Trước sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái, Việt Nam Quốc dân đảng tan rã.

Câu 27. Sự chuyển hóa của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên dẫn đến sự ra đời các tổ chức cộng sản nào ở Việt nam trong năm 1929 ?

- A. Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- B. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng.**
- C. An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- D. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Câu 28. An Nam Cộng sản đảng ra đời từ tổ chức nào ?

- A. Hội Việt nam Cách mạng Thanh niên.**
- B. Các hội viên tiên tiến trong Hội Việt nam Cách mạng Thanh niên ở Trung Quốc và Nam kì.
- C. Các đảng viên tiên tiến trong Tân Việt Cách mạng đảng.
- D. Số đảng viên còn lại của Việt Nam Quốc dân đảng.

Câu 29. Năm 1929, ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam lần lượt ra đời theo thứ tự?

- A. Đông Dương Cộng sản liên đoàn, Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng.
- B. An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- C. Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn, An Nam Cộng sản đảng.
- D. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.**

Câu 30. Tờ báo Búa liềm là cơ quan ngôn luận của tổ chức cộng sản nào được thành lập vào năm 1929 ở Việt Nam ?

- A. An Nam Cộng sản đảng.
- B. Đông Dương Cộng sản đảng.**
- C. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- D. Đông Dương Cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng.

Câu 31. Tờ báo Đỏ là cơ quan ngôn luận của tổ chức cộng sản nào được thành lập vào năm 1929 ở Việt Nam ?

- A. An Nam Cộng sản đảng.**
- B. Đông Dương Cộng sản đảng.
- C. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- D. Đông Dương Cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng.

Câu 32. Hạn chế lớn nhất trong hoạt động của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam là

- A. nội bộ những người cộng sản Việt nam chia rẽ.
- B. phong trào cách mạng Việt Nam phát triển chậm lại..
- C. hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng với nhau, làm cho phong trào cách mạng trong nước có nguy cơ dẫn đến sự chia rẽ lớn.**
- D. đều cho mình là tổ chức đại diện chân chính của nhân dân.

Câu 33. Từ ngày 6-1-1930, Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đã họp ở đâu?

- A. Quảng Châu (Trung Quốc).
- B. Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc).**
- C. Ma Cao (Trung Quốc).
- D. Thượng Hải (Trung Quốc).

Câu 34: Hội nghị họp nhất các tổ chức cộng sản họp từ ngày 6-1-1930 vì nhiều lí do, lí do nào được coi là chủ yếu nhất?

- A. Năm 1929, phong trào công nhân trên thế giới và trong nước phát triển.
- B. Do chủ nghĩa Mác- Lênin tác động mạnh vào ba tổ chức cộng sản.
- C. Do ba tổ chức cộng sản hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng với nhau, là trở ngại lớn cho phong trào cách mạng trong nước.**
- D. Do sự quan tâm của Quốc tế cộng sản đối với giai cấp công nhân Việt nam.

Câu 35. Dự Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, có sự tham gia của các tổ chức cộng sản nào?

- A. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng.
- B. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- C. Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- D. An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Câu 36. Vai trò nổi bật nhất của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản (6-1-1930) là

- A. phê phán những quan điểm sai lầm của các tổ chức cộng sản riêng rẽ và nêu chương trình Hội nghị.
- B. thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam và thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.
- C. truyền bá chủ nghĩa Mác- Lênin và Việt Nam.
- D. chấm dứt sự chia rẽ giữa các tổ chức cộng sản.

Câu 37. Tổ chức cộng sản gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày 24-2-1930 là

- A. Cộng sản đoàn.
- C. Đông Dương Cộng sản đảng.
- C. An Nam Cộng sản đảng.
- D. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Câu 38. Sự phát triển của phong trào công nhân từ 1926-1929 có ý nghĩa như thế nào đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ?

- A. Là nhân tố tích cực thúc đẩy việc hình thành các tổ chức cộng sản, để đến đầu năm 1930 thống nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. Phong trào phát triển mạnh mẽ có ảnh hưởng rộng lớn trong toàn quốc, có sức thu hút các lượng xã hội khác tham gia thành lập Đảng Cộng sản.
- C. Phong trào công nhân ngày càng lên cao, ý thức giai cấp càng rõ rệt và giai cấp công nhân trưởng thành nhanh chóng khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930.
- D. Phong trào công nhân phát triển cùng với sự tăng nhanh của các cuộc bãi công, chủ nghĩa Mác- Lênin được truyền bá và Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

Câu 39. Đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam là ý nghĩa của sự kiện lịch sử nào?

- A. Thành lập Đông Dương Cộng sản đảng.
- C. Thành lập An Nam Cộng sản đảng.
- B. Thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- D. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 40. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp giữa

- A. chủ nghĩa Mác- Lênin với phong trào công nhân.
- B. tư tưởng Nguyễn Ái Quốc với chủ nghĩa Mác- Lênin.
- C. chủ nghĩa Mác- Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.
- D. chủ nghĩa Mác- Lênin với phong trào yêu nước.

Câu 41. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả của

- A. phong trào công nhân trong những năm 1919-1925.
- B. phong trào công nhân trong những năm 1925- 1927.
- C. cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp quyết liệt của nhân dân Việt Nam.
- D. Phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 1919-1925.

Câu 42. Đại hội nào của Đảng ta quyết định chọn ngày 3-2 hàng năm là ngày kỉ niệm thành lập Đảng? Thời gian tiến hành Đại hội?

- A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I của Đảng, họp vào tháng 3-1935.
- B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, họp vào tháng 2-1951.
- C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, họp vào tháng 9-1960.
- D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, họp vào tháng 12-1976.

Câu 43. Đường lối chiến lược cách mạng Việt Nam được xác định trong cương lĩnh chính trị đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo là

- A. tiến hành “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.
- B. làm cách mạng thổ địa.
- C. tịch thu hết sản nghiệp của bọn đế quốc.
- D. làm cách mạng thổ địa sau đó làm cách mạng dân tộc.

Câu 44. Lực lượng cách mạng để đánh đổ đế quốc và phong kiến được nêu trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo là lực lượng nào?

- A. Công nhân và nông dân.
- B. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản và địa chủ phong kiến.
- C. Công nhân, nông dân, tư sản.
- D. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức.

Câu 45. Căn cứ vào đâu để khẳng định Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là đúng đắn, sáng tạo?

- A. Cương lĩnh đã vạch ra vấn đề cơ bản về đường lối cách mạng Việt Nam; kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.
- B. Cương lĩnh khẳng định cách mạng Việt Nam là bộ phận quan trọng của cách mạng thế giới.
- C. Cương lĩnh kêu gọi các dân tộc trên thế giới đoàn kết chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.
- D. Cương lĩnh nêu rõ hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng.

Câu 46. Tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo là

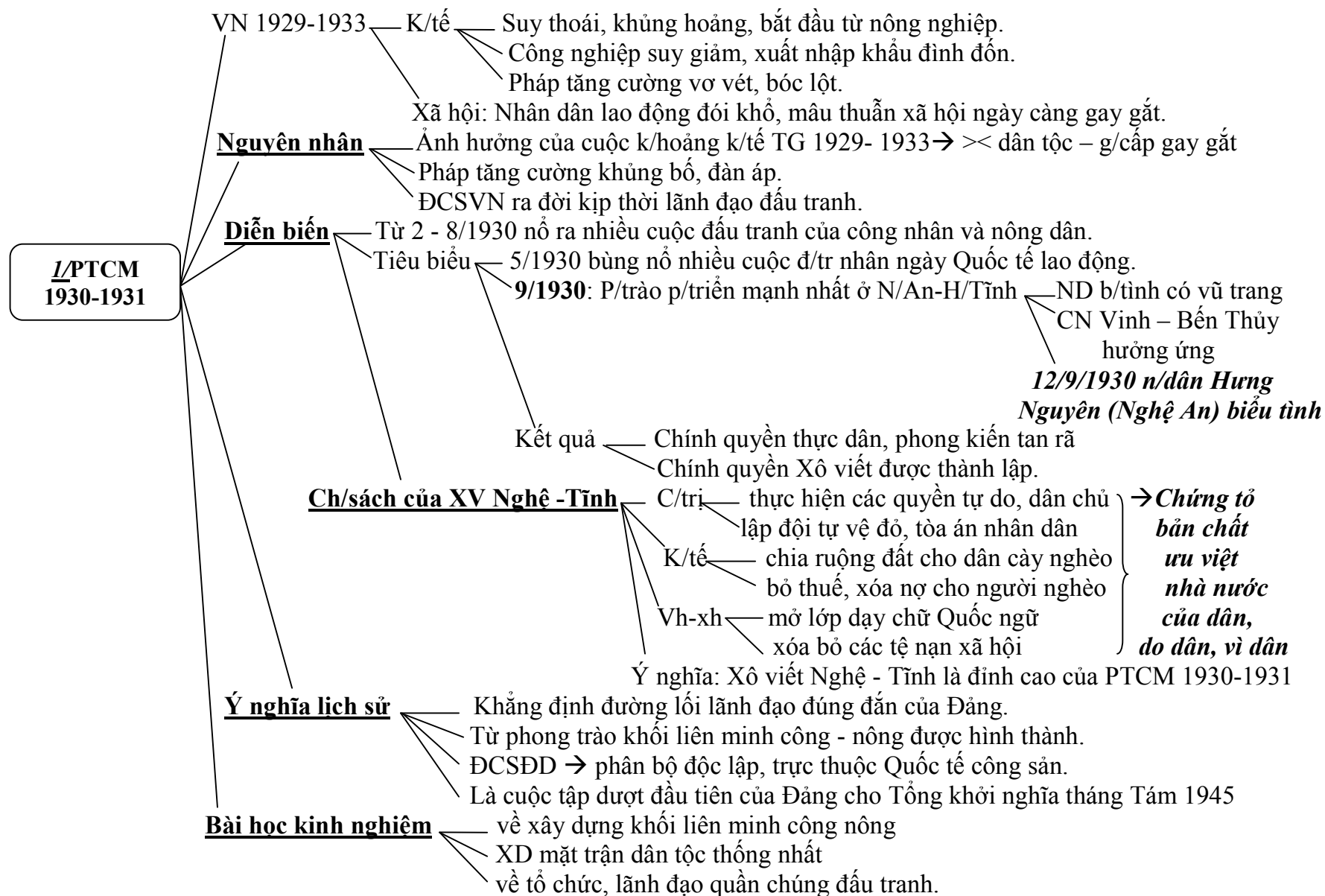
- A. độc lập và dân chủ.
- B. độc lập và tự do.
- C. độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- D. tự do.

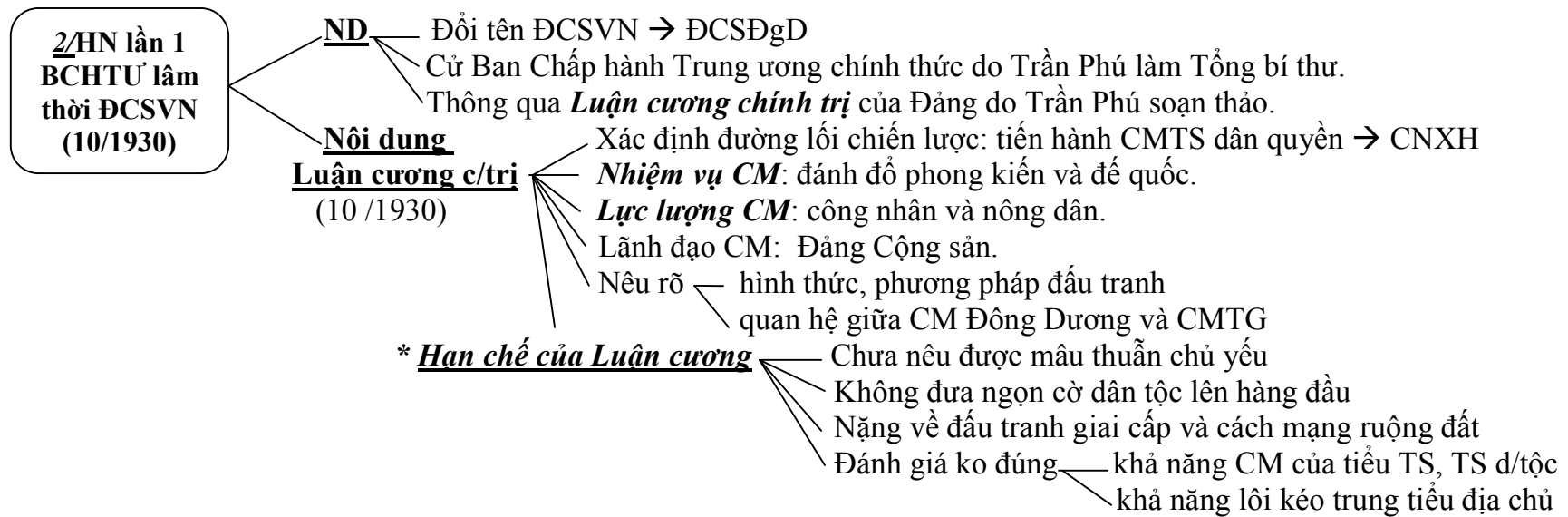
Câu 47. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam vì?

- A. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về vai trò lãnh đạo và đường lối trong phong trào cách mạng Việt Nam.
- B. Đảng đã vạch ra đường lối chiến lược mới cho cách mạng Việt Nam, trở thành chính đảng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam.
- C. Chứng tỏ sức mạnh của liên minh công - nông là hai lực lượng nòng cốt của cách mạng.
- D. Là kết quả tất yếu của quá trình đấu tranh của giai cấp công nhân trong thời đại mới.

Hết

Bài 14: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1935





CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến bùng nổ phong trào cách mạng 1930-1931 là

- A. thực dân Pháp tăng cường khủng bố, đàn áp.
- B. ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933.
- C. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời kịp thời lãnh đạo phong trào đấu tranh.**
- D. khởi nghĩa Yên Bái thất bại.

Câu 2. Đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930-1931 là

- A. Xô viết Nghệ - Tĩnh.
- B. đấu tranh của công nhân, nông dân nhân ngày Quốc tế Lao động 1-5.
- C. phong trào đấu tranh ở Nghệ An và Hà Tĩnh.
- D. cuộc đấu tranh của nhân dân Hưng Nguyên (Nghệ An).**

Câu 3. Lực lượng chính của cách mạng được xác định trong Luận cương chính trị (10-1930) là

- A. công nhân và nông dân.**
- B. toàn thể nhân dân.
- C. nông dân và tiểu tư sản.
- D. nông dân và tư sản dân tộc.

Câu 4. Kẻ thù chủ yếu của xã hội Việt Nam trong thời kì 1930-1931 là

- A. đế quốc và phong kiến.**
- B. thực dân Pháp.
- C. địa chủ phong kiến.
- D. địa chủ phong kiến, tư sản.

Câu 5. Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào cách mạng 1930-1931 là

- A. khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.**
- B. thể hiện tinh thần yêu nước và đoàn kết của nhân dân ta.
- C. Đảng ta được công nhận là bộ phận của Quốc tế cộng sản.
- D. được đánh giá cao trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Câu 6. So với Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Luận cương chính trị (10-1930) có sự khác biệt về

- A. nhiệm vụ và lực lượng cách mạng. B. đường lối chiến lược cách mạng.
C. vị trí và mối quan hệ cách mạng Việt Nam. D. vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 7. So với phong trào cách mạng 1930-1931, phong trào dân chủ 1936-1939 có sự khác nhau về chủ trương, hình thức tập hợp lực lượng, phương pháp đấu tranh là do

- A. hoàn cảnh thế giới và trong nước có sự thay đổi ở mỗi thời kì. B. sự nhạy bén của Đảng Cộng sản Đông Dương.
C. tương quan lực lượng giữa ta và địch có sự thay đổi. D. đế quốc và phong kiến đàn áp đẫm máu nhân dân ta.

Câu 8. Nghệ An – Hà Tĩnh là nơi phong trào cách mạng phát triển mạnh nhất vì

- A. là nơi có truyền thống anh dũng đấu tranh chống giặc ngoại xâm. B. là nơi có đội ngũ cán bộ Đảng đông nhất trong cả nước.
C. là nơi tập trung đông đảo giai cấp công nhân. D. là nơi thành lập chính quyền Xô viết sớm nhất.

Câu 9: Phong trào cách mạng 1930 – 1931 phát triển mạnh nhất là ở đâu?

- A. Nghệ An và Hà Tĩnh. B. Thanh Hóa và Nghệ An. C. Hà Tĩnh và Quảng Bình. D. Nam Định và Hải Dương.

Câu 10: Kết quả của phong trào đấu tranh ở Nghệ - Tĩnh năm 1930 là

- A. lật đổ chính quyền thực dân, phong kiến và thành lập chính quyền Xô Viết.
B. chính quyền thực dân, phong kiến ở nhiều địa phương tan rã.
C. chính quyền Xô viết được thành lập.
D. chính quyền thực dân phải thực hiện một số yêu sách về dân sinh dân chủ.

Câu 11: Ý nghĩa nào sau đây **không** phải của phong trào cách mạng 1930 – 1931?

- A. Là cuộc tập dượt thứ hai chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.
B. Khẳng định đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng.
C. Từ phong trào khối liên minh công – nông được hình thành.
D. Là cuộc tập dượt đầu tiên chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.

Câu 12: Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10/1930) đã cử ai làm Tổng bí thư?

- A. Trần Phú. B. Ngô Gia Tự. C. Lê Hồng Phong. D. Nguyễn Văn Cừ.

Câu 13: Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam được xác định trong Luận cương chính trị tháng 10/1930 do Trần Phú soạn thảo là

- A. đánh đổ phong kiến và đế quốc.
B. đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến và tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam độc lập tự do.
C. đánh đổ đế quốc và tay sai.
D. giải phóng dân tộc.

Câu 14. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến bùng nổ phong trào cách mạng 1930 – 1931 ở Việt Nam là do

- A. ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 đã làm cho mâu thuẫn dân tộc và giai cấp ngày càng gay gắt.
B. thực dân Pháp tăng cường đàn áp khủng bố.
 C. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời kịp thời lãnh đạo đấu tranh.
D. chính sách vơ vét bóc lột của thực dân Pháp.

Câu 15: Mục tiêu đấu tranh chủ yếu của công nhân và nông dân trong phong trào cách mạng 1930 – 1931 là

- A. độc lập dân tộc, người cày có ruộng. B. đòi quyền tự do dân chủ.

C. đòi thả tù chính trị.

D. đòi cơm áo và hòa bình.

Câu 16: Đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931 là

A. cuộc biểu tình của nông dân Hưng Nguyên. B. cuộc bãi công của công nhân Vinh – Bến Thủy.

C. cuộc đấu tranh của công nhân ngày Quốc tế lao động. D. Xô Viết – Nghệ Tĩnh.

Câu 17: Phong trào cách mạng ở Nghệ - Tĩnh (1930 – 1931) phát triển tới đỉnh cao vào thời gian nào?

A. Tháng 8/1930.

B. Tháng 9/1930.

C. Tháng 2 – 4/1930.

D. Tháng 5/1930.

Câu 18: Điểm nổi bật nhất trong phong trào cách mạng 1930 – 1931 là gì?

A. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho cách mạng.

B. Các phong trào đấu tranh của quần chúng diễn ra quyết liệt.

C. Thành lập được đội quân chính trị đông đảo.

D. Vai trò lãnh đạo của Đảng và liên minh công – nông.

Câu 19: Các hình thức đấu tranh của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1930 – 1931 là

A. khởi nghĩa vũ trang.

B. đấu tranh bí mật và công khai, hợp pháp.

C. Bãi công, biểu tình có vũ trang, mít tinh.

D. đấu tranh công khai, hợp pháp.

Câu 20: Hai khẩu hiệu “Độc lập dân tộc” và “người cày có ruộng” được thể hiện rõ nét nhất trong thời kỳ cách mạng nào?

A. Thời kỳ 1930 - 1931.

B. Thời kỳ 1932 – 1935.

C. Thời kỳ 1936 – 1939.

D. Thời kỳ 1939-1945.

Câu 21: Nội dung nào sau đây **không** phải là nội dung của Luận cương chính trị do Trần Phú soạn thảo?

A. Đường lối cách mạng Đông Dương: lúc đầu là cách mạng tư sản dân quyền, sau đó tiến thẳng lên xã hội chủ nghĩa.

B. Hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ khăng khít là đánh đổ phong kiến và đế quốc.

C. Lực lượng cách mạng: công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức. Còn phú nông, trung và tiểu địa chủ, tư sản thì lợi dụng hoặc trung lập.

D. Lãnh đạo cách mạng: giai cấp công nhân với đội tiên phong là Đảng Cộng sản.

Câu 22. Đảng Cộng sản Việt Nam đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương vào thời gian nào?

A. Tháng 12 năm 1930.

B. Tháng 5 năm 1930

C. Tháng 3 năm 1930.

D. Tháng 10 năm 1930.

Câu 23. Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam được tổ chức vào tháng 10 – 1930 tại

A. Quảng Châu (Trung Quốc).

B. Hương Cảng (Trung Quốc).

C. Xiêm (Thái Lan).

D. Pắc Bó (Cao Bằng)

Câu 24. Nguyên nhân chủ quan dẫn đến sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930-1931 là

A. khởi nghĩa Yên Bái thất bại.

B. chính sách đàn áp, khủng bố của thực dân Pháp.

C. ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933.

D. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với cương lĩnh đúng đắn.

Câu 25. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh hạn chế của Luận cương chính trị (10-1930)?

A. Chưa thấy rõ mâu thuẫn chủ yếu của cách mạng Việt Nam.

B. Làm cách mạng tư sản dân quyền tiến thẳng lên Xã hội chủ nghĩa.

C. Đánh giá không đúng khả năng cách mạng của một số tầng lớp, giai cấp trong xã hội.

D. Không đưa vấn đề dân tộc lên hàng đầu, nặng về đấu tranh giai cấp.

Câu 26. Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào 1930-1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ -Tĩnh là

A. Đảng ta được công nhận là bộ phận của Quốc tế cộng sản.

B. để lại nhiều bài học kinh nghiệm.

C. thể hiện tinh thần yêu nước và đoàn kết của nhân dân ta.

D. cuộc tập dượt đầu tiên của Đảng và quần chúng cho Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945.

Câu 27. So với Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Luận cương chính trị (10 – 1930) có sự khác biệt về

A. vị trí và mối quan hệ cách mạng Việt Nam.

B. nhiệm vụ cách mạng và lực lượng cách mạng.

C. Đảng Cộng sản lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

D. đường lối chiến lược cách mạng Việt Nam.

Câu 28: Nơi diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt nhất trong phong trào cách mạng 1930-1931 là

A. Hà Nội.

B. Nghệ - Tĩnh.

C. Huế.

D. Các thành phố, đô thị lớn.

Câu 29: Trong giai đoạn 1930 – 1931, phong trào đấu tranh tiêu biểu nhất ở Nghệ - Tĩnh là

A. công nhân Vinh – Bến Thủy.

B. nông dân huyện Hưng Nguyên.

C. nông dân huyện Thanh Chương.

D. nông dân huyện Đức Thọ.

Câu 30: Tổng bí thư đầu tiên của nước ta là ai?

A. Trần Phú.

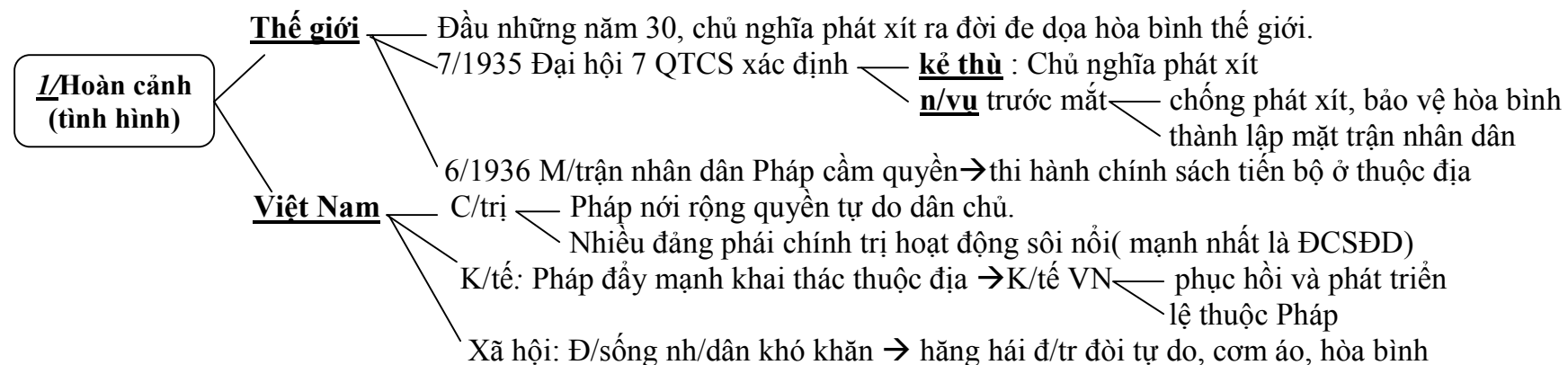
B. Nguyễn Văn Cừ.

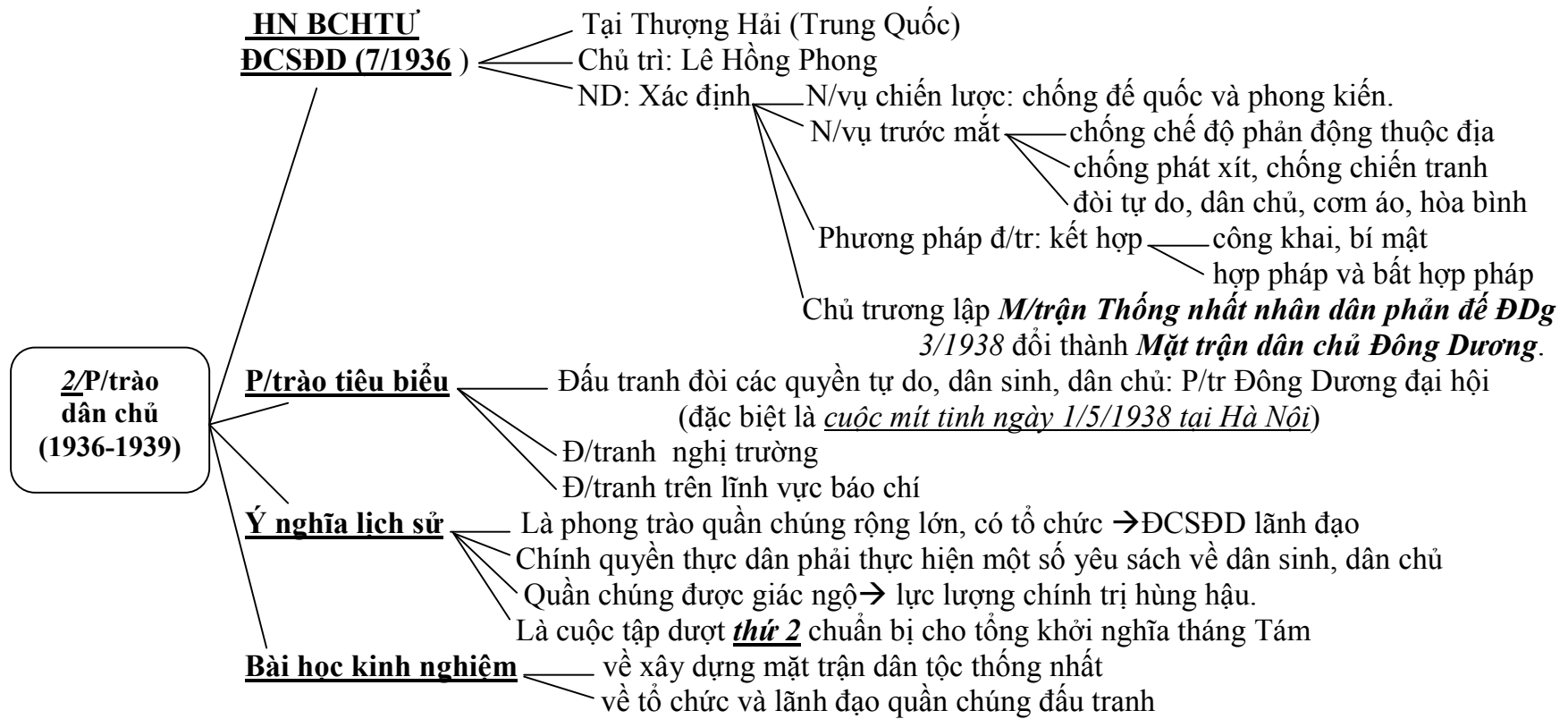
C. Lê Hồng Phong.

D. Trường Chinh.

HẾT

Bài 15: PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 – 1939





CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

- Câu 1.** Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (7-1935) đã xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của giai cấp công nhân thế giới là
- A.** chủ nghĩa phát xít. B. chủ nghĩa thực dân. C. chủ nghĩa đế quốc. D. chủ nghĩa thực dân, đế quốc.
- Câu 2.** Trong thời kì 1936-1939, Đảng Cộng sản Đông Dương đã chủ trương sử dụng phương pháp đấu tranh dưới hình thức nào?
- A.** công khai, bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp. B. công khai, hợp pháp và bí mật.
C. bí mật và bất hợp pháp. D. công khai, bí mật, hợp pháp và đấu tranh vũ trang.
- Câu 3.** Chủ trương tập hợp lực lượng cách mạng của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 7-1936 là
- A.** thành lập Mặt trận Thống nhất Nhân dân phản đế Đông Dương. C. thành lập Mặt trận dân tộc Đông Dương.
B. thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương. D. thành lập Mặt trận Việt Minh.
- Câu 4.** Cuộc mít tinh lớn nhất trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 diễn ra vào thời gian nào? Ở đâu?
- A.** 1 - 5 - 1938, tại nhà Đấu Xảo - Hà Nội. B. 1 - 8 - 1936, tại Quảng trường Ba Đình- Hà Nội.
C. 1 - 5 - 1938, tại Bến Thủy, Vinh. D. 1 - 5 - 1939, tại Hà Nội.
- Câu 5.** Trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939, có hai phong trào tiêu biểu nhất, đó là hai phong trào nào?
- A.** Phong trào Đông Dương đại hội và phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ.
B. Phong trào đấu tranh trên lĩnh vực báo chí và nghị trường.

- C. Phong trào đón Gôđa và đấu tranh nghị trường.
- D. Phong trào báo chí và đòi dân sinh dân chủ.

Câu 6: Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7/1936) do Lê Hồng Phong chủ trì đã đề ra nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Việt Nam đó là

- A. chống chế độ phân động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo, hòa bình.
- B. chống phát xít và chiến tranh.
- C. chống chế độ phân động ở thuộc địa.
- D. đấu tranh đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

Câu 7: Phong trào đấu tranh tiêu biểu nhất nhằm đòi quyền tự do, dân sinh, dân chủ trong thời kỳ 1936 – 1939 là

- A. phong trào Đông Dương đại hội.
- B. mít tinh kỷ niệm ngày Quốc tế lao động (1/5/1938).
- C. vận động đưa người của Mặt trận dân chủ Đông Dương ứng cử vào Viện Dân biểu.
- D. xuất bản nhiều tờ báo công khai tiên bộ nhằm tuyên truyền vận động nhân dân đấu tranh.

Câu 8: Ý nghĩa nào sau đây **không** phải của phong trào 1936 – 1939?

- A. Là phong trào quần chúng rộng lớn, có tổ chức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- B. Buộc chính quyền thực dân phải thực hiện một số yêu sách về dân sinh, dân chủ.
- C. Là cuộc tập dượt đầu tiên chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.
- D. Là cuộc tập dượt thứ hai chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.

Câu 9: Lý do thay đổi chủ trương cách mạng của Đảng ta trong những năm 1936-1939 là gì?

- A. Tình hình thế giới và trong nước có nhiều thay đổi.
- B. Phát xít Nhật chuẩn bị xâm lược Đông Dương.
- C. Thực dân Pháp tăng cường đàn áp nhân dân.
- D. Sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản.

Câu 10: Lực lượng tham gia đấu tranh trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939 là

- A. đông đảo các tầng lớp nhân dân.
- B. tư sản, tiểu tư sản, nông dân.
- C. liên minh tư sản và địa chủ.
- D. công nhân, nông dân.

Câu 11: Nét nổi bật nhất của cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939 là

- A. tập hợp được lực lượng công – nông vững mạnh.
- B. uy tín và ảnh hưởng của Đảng nâng cao trong quần chúng.
- C. tập hợp được một lực lượng chính trị đông đảo; hình thức đấu tranh phong phú.
- D. chủ trương của Đảng được phổ biến, trình độ chính trị và công tác của đảng viên được nâng cao.

Câu 12: Ý nghĩa quan trọng nhất của cao trào dân chủ 1936-1939 là gì?

- A. Uy tín của Đảng được nâng cao.
- B. Cán bộ đảng viên ngày càng trưởng thành, tích lũy nhiều kinh nghiệm.
- C. Là cuộc diễn tập thứ hai chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám 1945.
- D. Buộc chính quyền thực dân phải thực hiện một số yêu sách về dân sinh, dân chủ.

Câu 13: Nguyên nhân chủ yếu làm cho cuộc vận động dân chủ 1936-1939 kết thúc là gì?

- A. Liên Xô – thành trì của phong trào cách mạng suy yếu do bị chủ nghĩa đế quốc tấn công.
- B. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

C. Bọn phản động thuộc địa phản công phong trào cách mạng.

D. Đảng Cộng sản Đông Dương phải rút vào hoạt động bí mật.

Câu 14. Nội dung nào sau đây **không** phải là mục tiêu của cách mạng trong thời kỳ 1936 - 1939?

A. Chống đế quốc và phong kiến, làm cho nước Việt Nam, độc lập, tự do.

B. Đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa và tay sai.

C. Đấu tranh đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

D. Chống phát xít, chống chiến tranh.

Câu 15: Đến tháng 3/1938, Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương được đổi tên thành

A. mặt trận Phản đế Đông minh.

B. mặt trận Phản đế Đông Dương.

C. mặt trận Việt Minh.

D. mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Câu 16. Vì sao cao trào dân chủ 1936-1939 được xem là cuộc diễn tập lần thứ hai chuẩn bị cho thắng lợi của cách mạng tháng 8-1945 ?

A. Trình độ đảng viên được nâng cao.

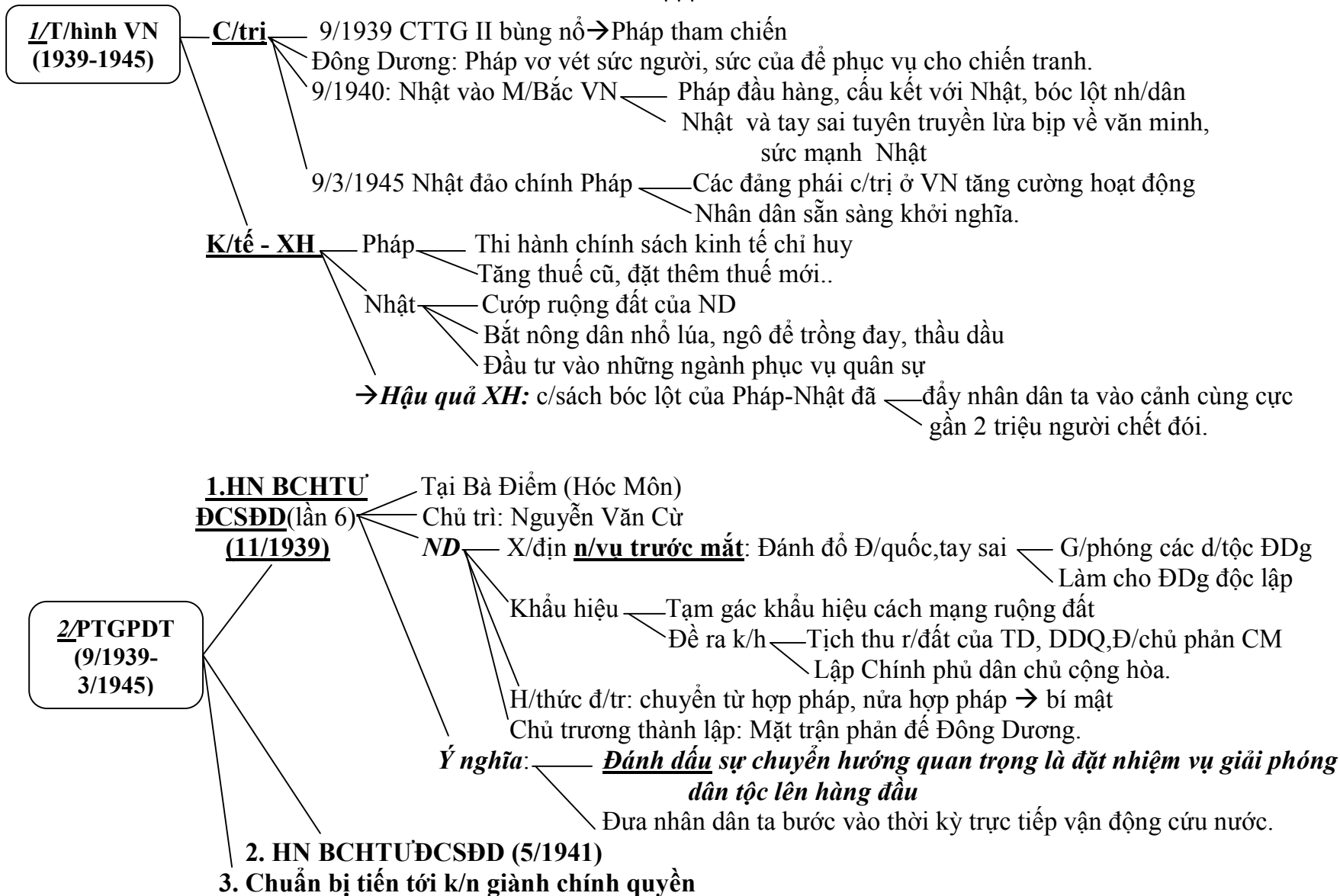
B. Tư tưởng, chủ trương của Đảng được phổ biến rộng rãi.

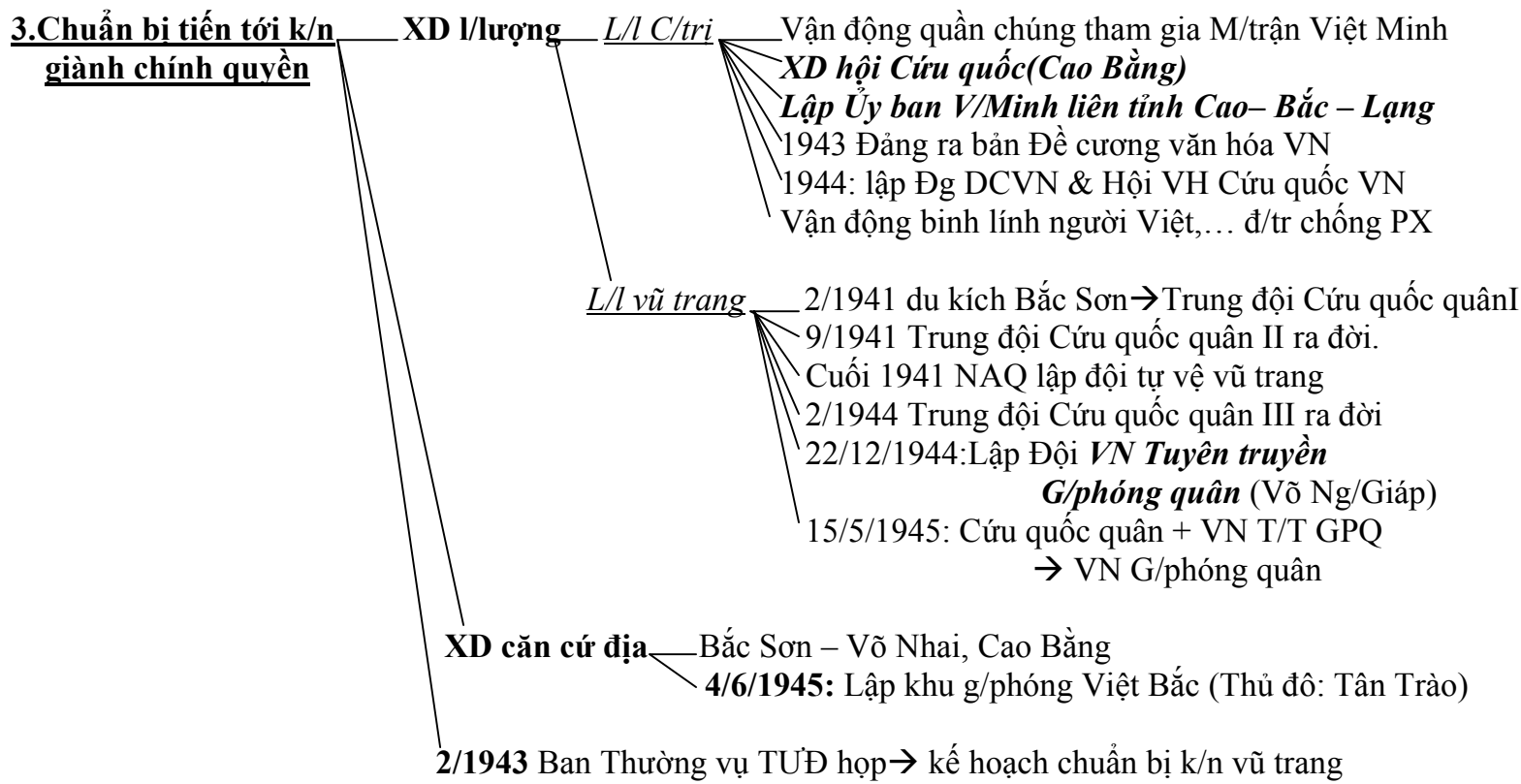
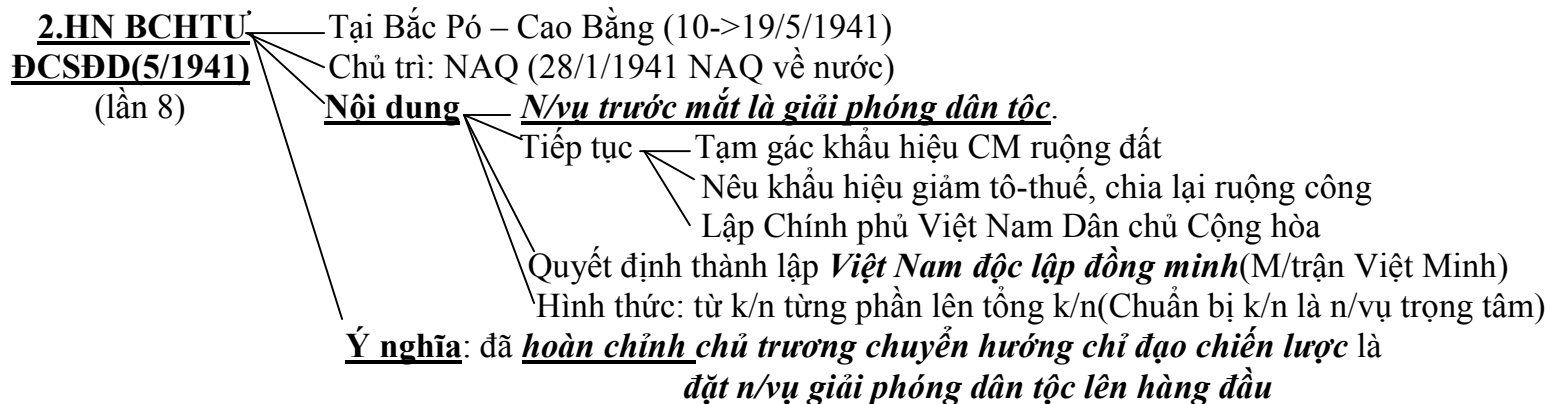
C. Buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách của ta.

D. Tập dượt cho quần chúng đấu tranh chính trị, thành lập một đội quân chính trị rộng lớn tập hợp chung quanh Đảng.

HẾT

Bài 16:
PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA
THÁNG TÁM (1939-1945). NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA RA ĐỜI





3/K/n từng phần (3-8/1945)

H/cảnh — TG: Đầu 1945 phát xít Đức, Nhật thất bại nặng nề.
 ĐDg: Mâu thuẫn Nhật- Pháp căng thẳng → **9/3/1945 Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm ĐDg**

Chủ trương của Đảng — 12/3/1945 ra chỉ thị “**N-P bắn nhau và h/động của chúng ta**” }
 — X/định kẻ thù chính của n/dân ĐDg là PX Nhật
 — Thay k/h “đánh đuổi P – N” = “đánh đuổi phát xít Nhật”
 — H/t đ/tr: từ bãi công, biểu tình, vũ trang du kích → sẵn sàng chuyển sang **tổng khởi nghĩa khi có điều kiện**.
 — Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước.

Diễn biến — Ở Cao- Bắc- Lạng — Nhiều xã, châu, huyện được giải phóng
 — Chính quyền cách mạng được thành lập
 — Ở Bắc kỳ và Trung kỳ: **phong trào phá kho thóc của Nhật**.
 — Ở Quảng Ngãi: lập chính quyền cách mạng, tổ chức đội du kích Ba Tơ.
 — Ở Nam kỳ: phong trào Việt Minh hoạt động mạnh mẽ.

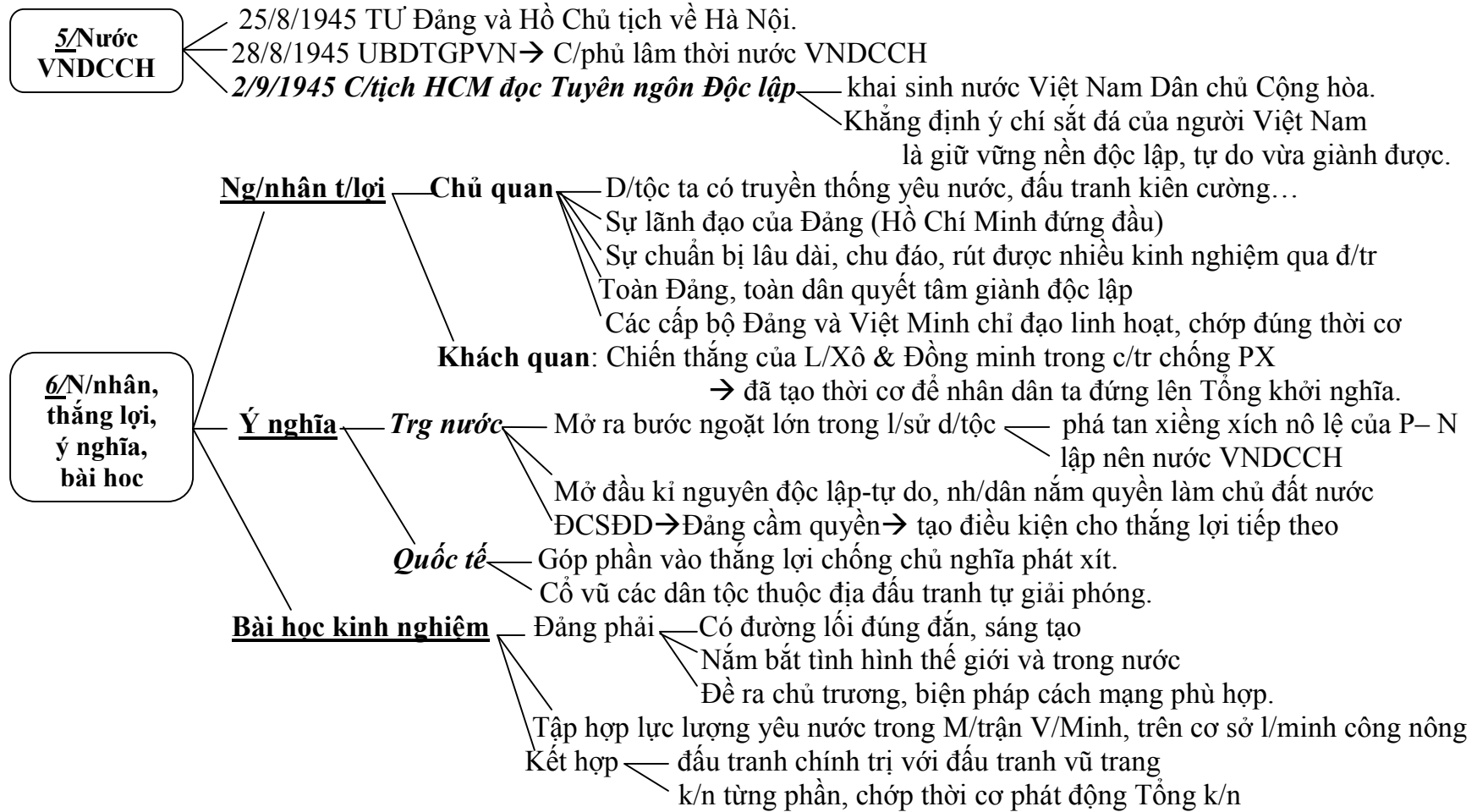
Ý nghĩa: là cao trào **chuẩn bị trực tiếp cho tổng khởi nghĩa tháng Tám**.

4/Tổng k/n tháng Tám 1945

* **Thời cơ** — 15/8/1945 Nhật đầu hàng Đồng minh → Ở ĐDg, Nhật và tay sai hoang mang }
 — **Quân Đồng minh chưa vào Đông Dương giải giáp quân Nhật**
 — L/lượng CM đã chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng khởi nghĩa
 — → **Thời cơ ngàn năm có một đã đến**.

* **Lệnh Tổng k/n ban bố** — 13/8/1945 — Lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc
 — Ra “Quân lệnh số 1” → Phát lệnh Tổng k/n trong cả nước
 — 14-15/8/1945 HN Toàn quốc (Tân Trào) — Thông qua k/hoạch Tổng k/n
 — Q/định c/s đối nội, đối ngoại
 — 16-17/8/1945 Đại hội Quốc dân (Tân Trào) — Thông qua 10 c/s của V/Minh
 — Tán thành c/trương Tổng k/n của Đg
 — Cử UB DTGPVN (HCM-chủ tịch)

* **Diễn biến** — 14/8: nhiều địa phương đã phát động k/n
 — 16/8: Việt Nam Giải phóng quân tiến về **giải phóng Thái Nguyên**
 — **18/8: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam** giành chính quyền **sớm nhất**
 — 19/8: Hà Nội giành chính quyền
 — 23/8: Huế giành chính quyền
 — 25/8: SG giành chính
 — 28/8: Tổng khởi nghĩa thắng lợi trên cả nước.
 — 30/8/1945 vua Bảo Đại thoái vị → c/độ p/kiến VN hoàn toàn sụp đổ
 — (Giành chính quyền **muộn nhất** là **Đồng Nai thượng và Hà Tiên**)



CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Nguyên nhân chủ quan cơ bản nhất quyết định thắng lợi của cách mạng tháng Tám 1945 là gì?

- A. Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- B. Phát xít Nhật bị Hồng quân Liên Xô và phe đồng minh đánh bại, kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương đã gục ngã.
- C. Liên minh công - nông vững chắc.
- D. Truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân ta.

Câu 2: Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11.1939 đã đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược cách mạng vì

- A. giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
- B. đã chuyển từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật.
- C. xác định kẻ thù chủ yếu trước mắt là phát xít Nhật.
- D. giải quyết kịp thời vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Câu 3: Thời cơ “ngàn năm có một” để nhân dân ta tiến hành Tổng khởi nghĩa tháng 8 - 1945 chỉ xuất hiện trong thời gian

- A. từ khi Nhật đầu hàng đồng minh đến sau khi quân Đồng minh vào Đông Dương.
- B. từ khi Nhật đầu hàng đồng minh đến trước khi quân đồng minh vào Đông Dương.

C. từ khi Nhật đảo chính Pháp đến trước khi quân đồng minh vào Đông Dương.
D. từ khi Nhật đảo chính Pháp đến khi Nhật đầu hàng đồng minh.

Câu 4: Vì sao nói thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 là một sự kiện trọng đại của lịch sử dân tộc?

- A. Vì đã góp phần vào thắng lợi của cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít.
- B. Vì góp phần cổ vũ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới.
- C. Vì Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành Đảng cầm quyền, chuẩn bị những điều kiện cho thắng lợi tiếp theo.
- D. Vì lật đổ sự thống trị của đế quốc, phát xít và phong kiến giành độc lập.

Câu 5: Vì sao Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5/1941) có tầm quan trọng đặc biệt đối với Cách mạng tháng Tám 1945?

- A. Vì đã hoàn chỉnh chủ trương được đề ra từ Hội nghị Trung ương tháng 11/1939.
- B. Vì giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- C. Vì đã củng cố được khối đoàn kết nhân dân.
- D. Vì nêu cao khẩu hiệu giảm tô, giảm thuế.

Câu 6: Vai trò to lớn nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam là

- A. trực tiếp lãnh đạo, xây dựng lực lượng cách mạng.
- B. xác định thời cơ, chớp thời cơ và phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
- C. xác định phương pháp cho cách mạng.
- D. sáng lập mặt trận Việt Minh tập hợp quần chúng.

Câu 7: Ngày 9-3-1945 ở Đông Dương xảy ra sự kiện gì?

- A. Nhật vượt biên giới Việt – Trung, đánh chiếm Lạng Sơn.
- B. Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ.
- C. Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương.
- D. Cao trào Kháng Nhật cứu nước bùng nổ.

Câu 7: Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5/1941) được tiến hành ở đâu?

- A. Pắc Bó (Cao Bằng).
- B. Tân Trào (Tuyên Quang).
- C. Bà Điểm (Hóc Môn).
- D. Bắc Sơn - Võ Nhai.

Câu 8: Năm 1942, tỉnh nào được xem là nơi thí điểm xây dựng các Hội Cứu quốc ?

- A. Cao Bằng.
- B. Bắc Cạn.
- C. Lạng Sơn.
- D. Thái Nguyên.

Câu 9: Khẩu hiệu: “Đánh đuổi phát xít Nhật” được nêu ra trong

- A. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (11/1939).
- B. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5/1941).
- C. Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ (4/1945).
- D. Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (12/03/1945).

Câu 10: Từ tháng 6 - 1945, căn cứ địa chính của cách mạng cả nước là

- A. căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai.
- B. căn cứ địa Cao Bằng.
- C. Khu Giải Phóng Việt Bắc.
- D. chiến khu Tân Trào.

Câu 11: Chiều 16 - 8 - 1945, Võ Nguyên Giáp chỉ huy một đội quân từ Tân Trào về giải phóng

- A. thị xã Cao Bằng.
- B. thị xã Thái Nguyên.
- C. thị xã Tuyên Quang.
- D. thị xã Lào Cai.

Câu 12/a: Địa phương giành chính quyền muộn nhất trong Tổng khởi nghĩa tháng 8 - 1945 là

- A. Hậu Giang.
- B. Sài Gòn.
- C. Đồng Nai Thượng và Hà Tiên.
- D. Phước Long và Mĩ Tho.

Câu 12/b: Ban Thường vụ Trung ương Đảng phát động cao trào kháng Nhật cứu nước trong hoàn cảnh nào?

- A. Nhật vượt biên giới Việt – Trung, tiến vào Lạng Sơn. **B. Nhật đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương.**
C. Nhật đầu hàng đồng minh. D. Nhật vào Đông Dương, Pháp đầu hàng và làm tay sai cho Nhật.

Câu 13: Đảng phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước khi

- A. Liên Xô tuyên chiến với Nhật.
B. Hồng quân Liên Xô tấn công đạo quân Quan Đông của Nhật ở Đông Bắc Trung Quốc.
C. Nhật đảo chính Pháp độc chiếm Đông Dương.
D. Nhận được những thông tin về việc Nhật đầu hàng Đồng Minh.

Câu 14: Thời cơ khách quan thuận lợi để Cách mạng tháng 8/1945 thắng lợi nhanh chóng và ít đổ máu là

- A. Nhật hất cẳng Pháp, nhân dân ta chỉ phải đối phó với một kẻ thù.
B. lực lượng cách mạng đã lớn mạnh và sẵn sàng nổi dậy.
C. Nhật đầu hàng Đồng minh và quân Đồng minh chưa vào Đông Dương.
D. Mĩ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật khiến quân Nhật suy yếu.

Câu 15: Hội nghị nào đã đánh dấu sự chuyển hướng quan trọng - đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu?

- A. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 2 tháng 7/1936. **B. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 tháng 11/1939.**
C. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 tháng 05/1941. D. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng tháng 3/1945.

Câu 16. Bốn tỉnh giành được chính quyền ở tỉnh lỵ sớm nhất trong cả nước là

- A. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.** B. Hà Nội, Sài Gòn, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
C. Hà Nội, Bắc Giang, Huế, Sài Gòn. D. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Nội, Huế.

Câu 17. Các hình thức đấu tranh của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1930-1931 là gì?

- A. Bãi công, biểu tình, tiến tới khởi nghĩa vũ trang.** B. Khởi nghĩa vũ trang.
C. Công khai, hợp pháp, bất hợp pháp. D. Bãi công, bãi thị, bãi khóa.

Câu 18. Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra khẩu hiệu gì?

- A. Đánh đổ địa chủ chia ruộng đất cho dân cày.
B. Cải cách ruộng đất.
C. tịch thu ruộng đất của bọn thực dân đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc.
D. Giảm tô, giảm thuế, chia lại ruộng công, thực hiện người cày có ruộng.

Câu 19. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do ai chỉ huy, lúc mới thành lập có bao nhiêu người ?

- A. Đồng chí Trần Phú – có 34 người. B. Đồng chí Phạm Hùng – có 36 người.
C. Đồng chí Võ Nguyên Giáp - có 34 người. D. Đồng chí Trường Chinh – có 35 người.

Câu 20. Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 đã nhanh chóng thành công trong cả nước chỉ trong vòng nửa tháng là

- A. từ ngày 16 đến ngày 30/8/1945.** B. từ ngày 13 đến ngày 27/8/1945.
C. từ ngày 14 đến ngày 28/ 8/1945. D. từ ngày 15 đến ngày 29/8/1945.

Câu 21. Chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn chấm dứt sau sự kiện gì?

- A. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.** B. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập.
C. Thành lập ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam. D. Giành được chính quyền ở Huế.

Câu 22. Khẩu hiệu “Đánh đuổi Nhật – Pháp” được thay bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật” được nêu ra trong

- A. chỉ thị “sửa soạn khởi nghĩa”.
B. Đại hội quốc dân Tân Trào.
 C. Hội nghị toàn quốc của Đảng.
D. chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

Câu 23. Điều kiện khách quan bên ngoài tạo thời cơ cho nhân dân ta vùng lên giành lại độc lập dân tộc tháng 8/1945 đó là

- A. sự đầu hàng của phát xít Italia và phát xít Đức.
B. Mĩ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản.
 C. sự tan rã của phát xít Đức và sự đầu hàng vô điều kiện của phát xít Nhật.
D. phát xít Đức đầu hàng đồng minh.

Câu 24. “...Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta...”. Đó là lời kêu gọi của?

- A. Đại hội quốc dân ở Tân Trào (16/8/1945).
B. Quân lệnh số 1 kêu gọi toàn quốc nổi dậy khởi nghĩa.
 C. Thư Hồ Chí Minh gửi đồng bào cả nước kêu gọi nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
D. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (15/8/1945).

Câu 25. Từ năm 1930-1945 sự kiện nào đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc?

- A. Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng (1941).
B. Sự thành lập Mặt trận Việt Minh (1941).
C. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập (2/9/1945).
D. Thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945.

Câu 26. “Liên hiệp hết thảy các tầng lớp nhân dân, không phân biệt tôn giáo, đảng phái, xu hướng chính trị nào, giai cấp nào, đoàn kết chiến đấu để đánh đuổi Pháp – Nhật giành quyền độc lập cho xứ sở...” đó là chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương khi thành lập

- A. Mặt trận Việt Minh.
B. Mặt trận dân chủ thống nhất Đông Dương.
C. Mặt trận dân tộc thống nhất Đông Dương.
D. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

Câu 27. Ngày 4-6-1945, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, khu giải phóng Việt Bắc được thành lập với thủ đô của khu giải phóng là

- A. Bắc Cạn.
B. Pắc Bó.
 C. Tân Trào.
D. Cao Bằng

Câu 28. Cho các sự kiện sau: 1. Nhật đầu hàng đồng minh, 2. Quân Nhật vào Bắc Việt Nam, 3. Nhật đảo chính Pháp, 4. Tổng khởi nghĩa tháng Tám ở Việt Nam.

Em hãy sắp xếp các sự kiện trên theo trình tự thời gian trước sau.

- A. 1,2,3,4.
 B. 2,3,1,4.
C. 4,1,2,3.
D. 2,3,4,1.

Câu 29. Trong thời kì 1939-1945, căn cứ địa đầu tiên của cách mạng nước ta là

- A. Cao Bằng.
 B. Bắc Sơn-Võ Nhai.
C. Việt Bắc.
D. Cao - Bắc - Lạng.

Câu 30: Trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, lực lượng vũ trang của cách mạng nước ta có tên gọi là

- A. Quân đội quốc gia Việt Nam.
 B. Việt Nam giải phóng quân.
C. Việt Nam cứu quốc quân.
D. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

Câu 31: Ngày 12/3/1945 Ban thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” đã xác định kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là

- A. Thực dân Pháp.
 B. Phát xít Nhật.
C. Chủ nghĩa phát xít.
D. Pháp, Nhật.

Câu 32: Tỉnh nào sau đây là nơi thí điểm cuộc vận động xây dựng các hội Cứu Quốc trong mặt trận Việt Minh?

- A. Cao Bằng.
B. Bắc Cạn.
C. Lạng Sơn.
D. Tuyên Quang.

Câu 33: Mục đích của Nhật bắt bắt nhân dân ta nhổ lúa, ngô để trồng đay, thầu dầu là gì?

- A. Phá hoại nền nông nghiệp nước ta. B. Phát triển cây công nghiệp.
C. Lấy nguyên liệu cần thiết phục vụ cho chiến tranh. D. Nhu cầu thị trường cao.

Câu 34: Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Pác Bó (Cao Bằng) do ai chủ trì?

- A. Trần Phú. B. Nguyễn Ái Quốc. C. Lê Hồng Phong. D. Nguyễn Văn Cừ.

Câu 35: Để tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền, sau Hội nghị lần thứ 8 (5-1941) Đảng đã chuẩn bị những gì?

- A. xây dựng lực lượng, chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. B. xây dựng lực lượng chính trị.
C. xây dựng lực lượng vũ trang. D. xây dựng căn cứ địa.

Câu 36: Nguyên nhân Nhật đảo chính Pháp ngày 9-3-1945 là

- A. mâu thuẫn Nhật – Pháp ngày càng gay gắt. B. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.
C. Nhật chiếm châu Á – Thái Bình Dương. D. Pháp không còn đủ sức thống trị ở Việt Nam.

Câu 37: Tỉnh nào sau đây giành chính quyền sớm nhất cả nước trong Cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam?

- A. Bắc Giang. B. Thái Nguyên. C. Cao Bằng. D. Tuyên Quang.

Câu 38: Ngày 22-12-1944 tổ chức nào đã được thành lập gắn với vai trò của Võ Nguyên Giáp

- A. Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân. B. Việt Nam giải phóng quân.
C. Việt Nam cứu quốc quân. D. Quân đội quốc gia Việt Nam.

Câu 39: Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương 6 năm 1939 diễn ra vào thời gian nào? Ở đâu?

- A. 6 - 11 - 1939 tại Bà Điểm - Hóc Môn. B. 19 - 5 - 1939 tại Thượng Hải – Trung Quốc.
C. 15 - 5 - 1939 tại Pác Bó - Cao Bằng. D. 10 - 5 - 1939 tại Đình Bảng - Bắc Ninh.

Câu 40: Từ 16 đến 17-8-1945 Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào đã quyết định thành lập

- A. Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam. B. Chính phủ liên hiệp quốc dân.
C. Ủy ban lâm thời khu giải phóng. D. Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc.

Câu 41: Chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn chấm dứt vào thời gian nào?

- A. 30-8-1945. B. 19-8-1945. C. 25-8-1945. D. 2-9-1945.

Câu 42: Phát biểu nào sau đây là sai khi nói về ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam?

- A. Là thắng lợi vĩ đại, giành độc lập từ Pháp – Nhật. B. Mở ra bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc.
C. Mở đầu kỉ nguyên độc lập, tự do. D. Cổ vũ các dân tộc thuộc địa đứng lên đấu tranh.

Câu 43: Sau hành trình 30 năm đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo vào thời gian nào?

- A. 28-1-1941. B. 5-6-1941. C. 3-2-1941. D. 28-2-1941.

Câu 44: Tại sao đến tháng 1-1941, Nguyễn Ái Quốc trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam?

- A. Vì tình hình thế giới thay đổi tạo thời cơ thuận lợi cho cách mạng Việt Nam.
B. Vì tình hình trong nước thay đổi có lợi cho cách mạng.
C. Vì Nguyễn Ái Quốc đã kết thúc hành trình cứu nước.
D. Vì thời cơ giành độc lập đã đến.

Câu 45: Ý nghĩa lịch sử của Hội nghị Ban Chấp hành trung ương Đảng tháng 5-1941 là

- A. hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng, đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.
B. đánh dấu bước chuyển hướng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

C. mở đầu cho sự chuyển hướng đấu tranh của Đảng.

D. có ý nghĩa quyết định cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

Câu 46: Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng Sản Đông Dương (11/1939) đã đánh dấu sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cho cách mạng Việt Nam đó là

A. đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

B. đặt nhiệm vụ dân chủ lên hàng đầu.

C. đặt nhiệm vụ đánh đổ phong kiến lên hàng đầu.

D. đặt nhiệm vụ chống phát xít và chiến tranh lên hàng đầu.

Câu 47: Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng Sản Đông Dương (5/1941) đã quyết định thành lập mặt trận gì?

A. Mặt trận Việt Minh.

B. Mặt trận phản đế Đông Dương.

C. Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.

D. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

Câu 48: Sự kiện nào sau đây cho thấy thời cơ của cách mạng Việt Nam đã xuất hiện?

A. Ngày 15/8/1945, Nhật đầu hàng Đồng minh.

B. Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính lật đổ Pháp.

C. Ngày 12/3/1945, Đảng ra chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

D. Ngày 4/6/1945, khu giải phóng Việt Bắc được thành lập.

Câu 49: Khởi nghĩa tháng Tám giành chính quyền ở thủ đô Hà Nội thắng lợi vào ngày nào?

A. 19/8/1945.

B. 23/8/1945.

C. 25/8/1945.

D. 28/8/1945.

Câu 50: Chiều 30/8/1945, vua Bảo Đại thoái vị. Sự kiện này có ý nghĩa gì?

A. Chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn chấm dứt.

B. Đánh dấu Tổng khởi nghĩa tháng Tám giành thắng lợi trên cả nước.

C. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam.

D. Tạo điều kiện thuận lợi cho khởi nghĩa giành chính quyền trên cả nước.

Câu 51: Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội) đã diễn ra sự kiện quan trọng gì?

A. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc “Tuyên ngôn độc lập” khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

B. Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch về Thủ đô.

C. Mít tinh kỷ niệm ngày cách mạng tháng Tám thành công.

D. Thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam.

Câu 52: Chính sách vơ vét, bóc lột của Pháp – Nhật trong những năm 1939 – 1945 đã dẫn đến hậu quả nghiêm trọng gì?

A. Đẩy nhân dân ta tới chỗ cùng cực làm cho hơn 2 triệu người bị chết đói.

B. Kinh tế Việt Nam ngày càng kiệt quệ.

C. Mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt.

D. Nhật tiến hành đảo chính lật đổ Pháp.

Câu 53: Nội dung nào sau đây **không** có trong chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”?

A. Xác định kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là thực dân Pháp.

B. Xác định kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là phát xít Nhật.

C. Thay khẩu hiệu “đánh đuổi Pháp – Nhật” bằng khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật”.

D. Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước.

Câu 54: Ý nghĩa to lớn nhất của cách mạng tháng Tám đối với lịch sử dân tộc Việt Nam đó là

A. mở ra bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc, phá tan xiềng xích nô lệ của Pháp – Nhật, lập nên nước VN Dân chủ Cộng hòa.

- B. mở đầu kỉ nguyên độc lập, tự do, nhân dân nắm chính quyền, làm chủ đất nước.
- C. góp phần vào thắng lợi của cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít.
- D. cổ vũ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng.

Câu 55: Khẩu hiệu “Phá kho thóc, giải quyết nạn đói” trong cao trào kháng Nhật cứu nước được thực hiện ở đâu?

- A. Bắc kỳ và Trung kỳ.
- B. Nam kỳ.
- C. Cao – Bắc – Lạng.
- D. Quảng Ngãi.

Câu 56: Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 diễn ra và giành thắng lợi trong thời gian bao lâu?

- A. 15 ngày
- B. 16 ngày
- C. 14 ngày
- D. 17 ngày

Câu 57: Nguyên nhân khách quan góp phần làm nên thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. Dân tộc ta vốn có truyền thống yêu nước, đấu tranh kiên cường.
- B. Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng do Hồ Chí Minh đứng đầu.
- C. Đảng có quá trình chuẩn bị lâu dài, chu đáo.

D. Chiến thắng của Liên Xô và quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống phát xít.

Câu 58: Ý nghĩa quốc tế to lớn của cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. mở ra bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc, phá tan xiềng xích nô lệ của Pháp – Nhật.
- B. lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- C. mở đầu kỉ nguyên độc lập, tự do, nhân dân nắm chính quyền.

D. cổ vũ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng.

Câu 59: Tại Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5/1941, Nguyễn Ái Quốc đã xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam là gì?

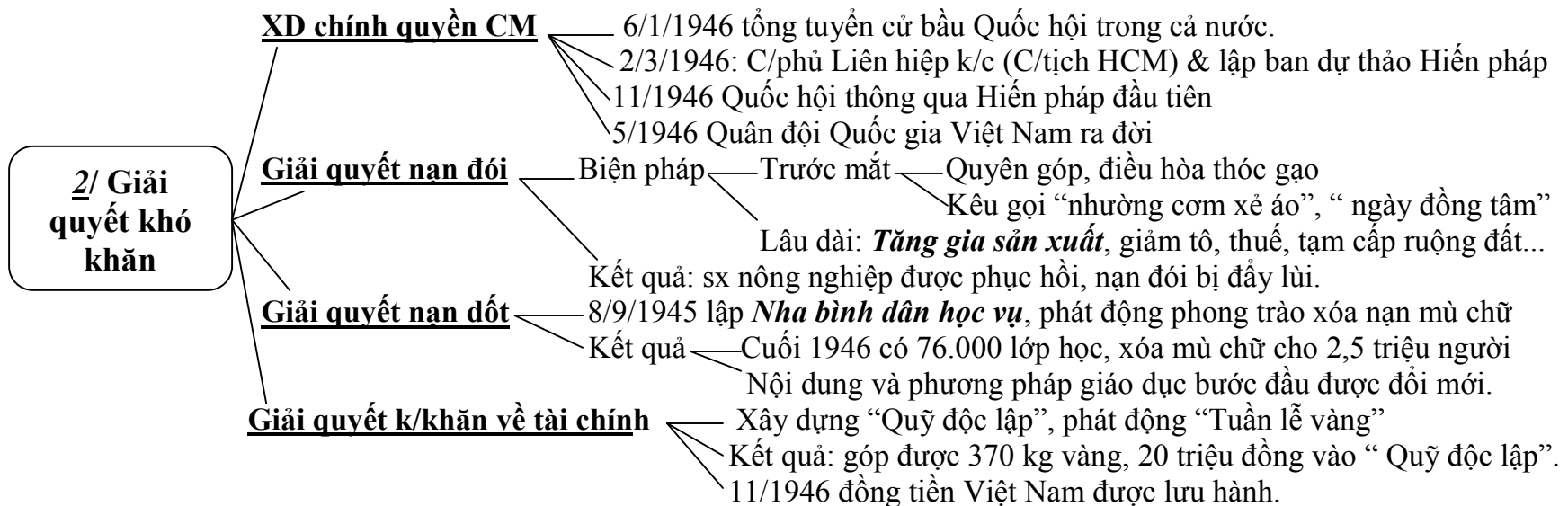
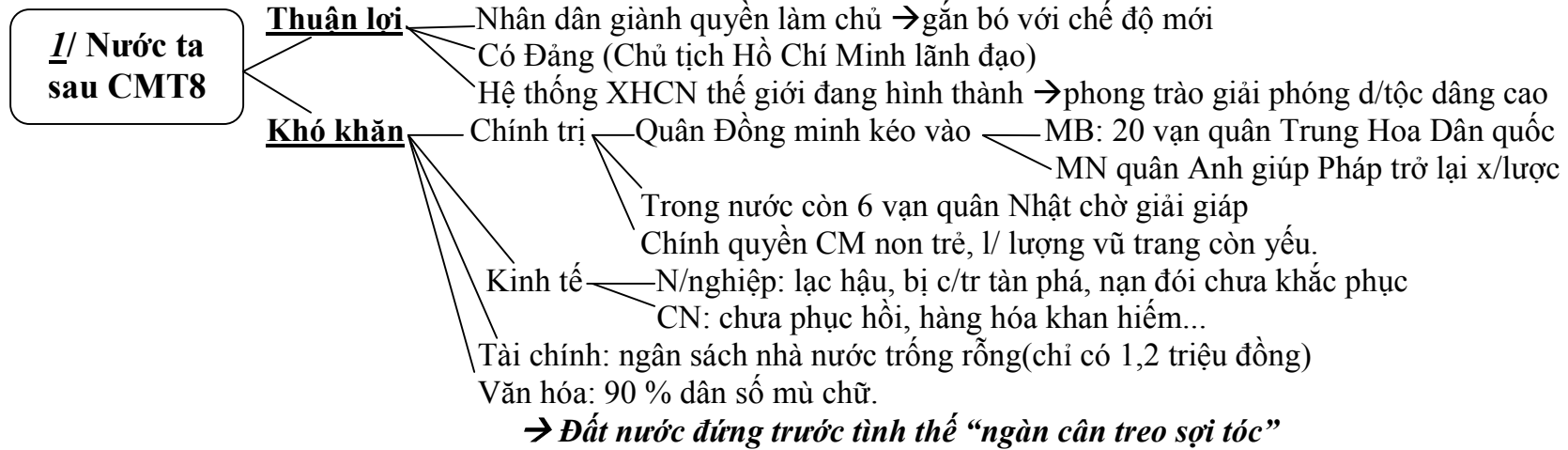
- A. Giải phóng dân tộc.
- B. Phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
- C. Cách mạng ruộng đất.
- D. Thành lập Mặt trận Việt Minh.

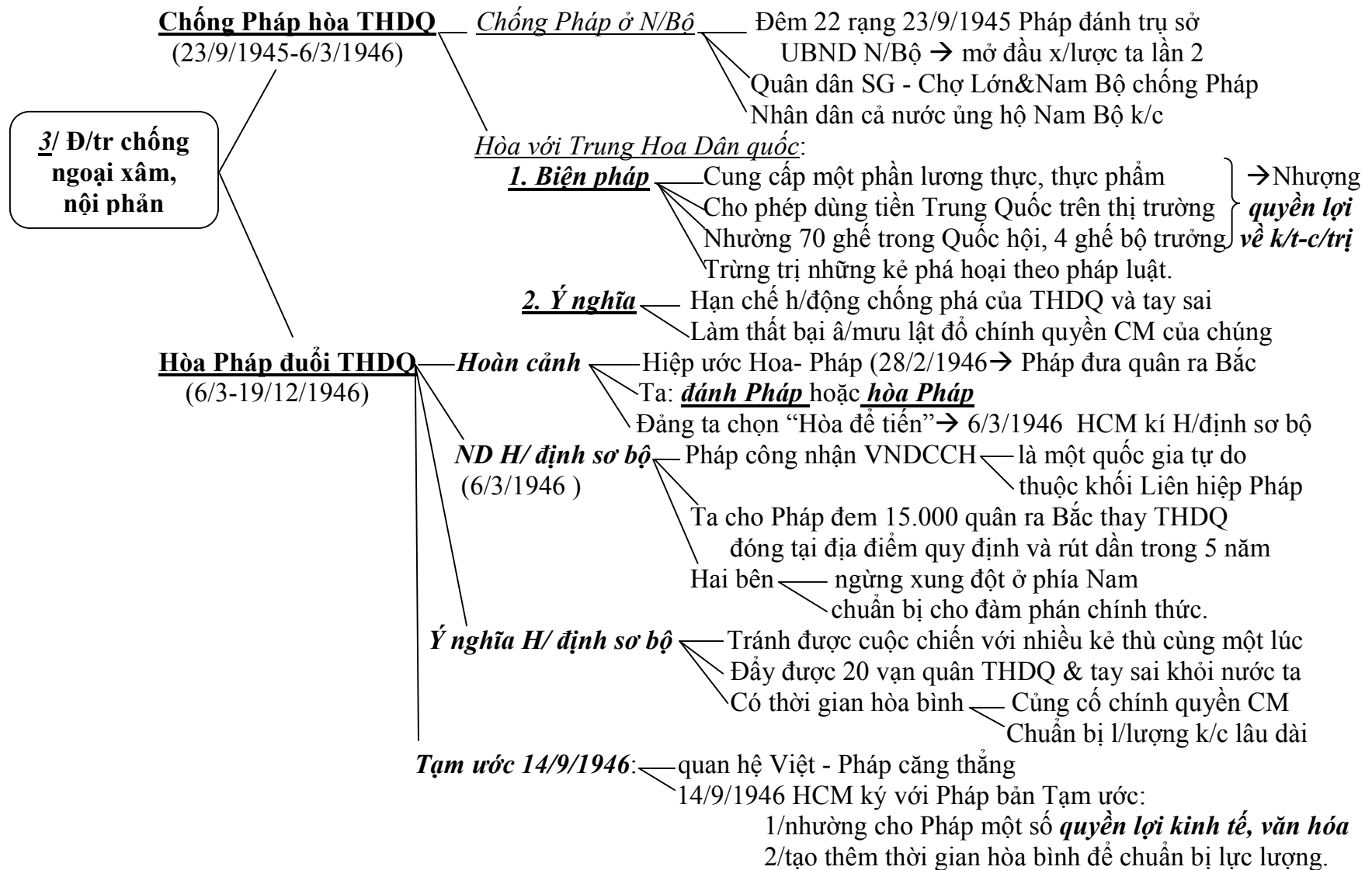
Câu 60. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11-1939 xác định nhiệm vụ của cách mạng lúc này là gì?

- A. đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương.
- B. tịch thu ruộng đất của địa chủ, phong kiến.
- C. giải phóng dân tộc.
- D. lập Chính phủ dân chủ cộng hòa.

HẾT

Bài 17: NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
TỪ SAU 2-9- 1945 ĐẾN TRƯỚC 19-12-1946





CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Thuận lợi cơ bản nhất của nước ta sau Cách mạng tháng Tám 1945 là gì?

- A.** Nhân dân ta giành quyền làm chủ, phấn khởi, gắn bó với chế độ. C. Phong trào giải phóng dân tộc dâng cao.
 B. Có Đảng, đứng đầu là Chủ tịch HCM sáng suốt lãnh đạo. D. Hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành.

Câu 2: Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, khó khăn lớn nhất đưa nước ta vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” là gì?

- A.** Khó khăn về thù trong, giặc ngoài. B. Nạn đói, nạn dốt đe dọa nghiêm trọng đến nhân dân ta.
 C. Ngân sách nhà nước trống rỗng. D. Hơn 90% dân số không biết chữ.

- Câu 3: Quân đội Đồng minh nào dưới đây dưới danh nghĩa giải giáp quân Nhật kéo vào nước ta từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc ?
A. Pháp. B. Anh. **C. Trung Hoa Dân Quốc.** D. Mĩ.
- Câu 4: Quân đội Đồng minh nào dưới đây dưới danh nghĩa giải giáp quân Nhật kéo vào nước ta từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam?
A. Pháp. **B. Anh.** C. Trung Hoa Dân Quốc. D. Mĩ.
- Câu 5: Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ngân sách nhà nước trống rỗng, kho bạc của nhà nước ta còn khoảng
A. hơn 1,1 triệu đồng. **B. hơn 1,2 triệu đồng.** C. hơn 2,1 triệu đồng. D. hơn 2,2 triệu đồng.
- Câu 6: Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, tàn dư văn hóa lạc hậu của chế độ thực dân, phong kiến để lại hết sức nặng nề
A. hơn 60% dân số không biết chữ. C. hơn 70% dân số không biết chữ.
B. hơn 80% dân số không biết chữ. **D. hơn 90% dân số không biết chữ.**
- Câu 7: Cuộc tổng tuyển cử đầu tiên bầu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa diễn ra vào thời gian nào ?
A. Ngày 6/1/1945. **B. Ngày 6/1/1946.** C. Ngày 6/1/1947. D. Ngày 6/1/1948.
- Câu 8: Phiên họp đầu tiên của Quốc hội nước ta được tổ chức vào thời gian nào, ở đâu ?
A. Ngày 6/1 /1946 ở Hà Nội. B. Ngày 2/ 3 /1946 ở Hà Nội.
C. Ngày 12 /11/ 1946 ở Tân Trào(Tuyên Quang). D. Ngày 20/ 10 /1946 ở Hà Nội.
- Câu 9: Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được Quốc hội thông qua vào thời gian nào?
A. 9/1946. B. 10/1946. **C. 11/1946.** D. 12/1946.
- Câu 10: Nhằm xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, tháng 5/1946 lực lượng vũ trang của nước ta được đổi tên thành
A. Việt Nam giải phóng quân. C. Vệ quốc đoàn.
B. Quân đội nhân dân Việt Nam. **D. Quân đội quốc gia Việt Nam.**
- Câu 11: Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng và nhân dân đã thực hiện biện pháp mang tính chất hàng đầu và lâu dài để giải quyết căn bản nạn đói là
A. quyên góp, điều hòa thóc gạo giữa các địa phương trong cả nước.
B. nghiêm trị những người đầu cơ, tích trữ gạo.
C. kêu gọi “tăng gia sản xuất ! tăng gia sản xuất ngay! tăng gia sản xuất nữa!”.
D. phát động phong trào “nhường cơm sẻ áo”, “hũ gạo cứu đói”...
- Câu 12: Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ - cơ quan chuyên trách về chống giặc đói vào thời gian nào ?
A. Ngày 5/9/1945. **B. Ngày 8/9/1945.** C. Ngày 5/9/1946. D. Ngày 8/9/1946.
- Câu 13: Ngày 8/9/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ, đây là cơ quan chuyên trách về việc gì ?
A. Giải quyết giặc đói. B. Giải quyết giặc đói. C. Chống giặc ngoại xâm. D. Khó khăn về tài chính.
- Câu 14: Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, Chính phủ đã phát động phong trào gì để giải quyết khó khăn về tài chính?
A. Phong trào “nhường cơm sẻ áo”, “Hũ gạo cứu đói”... **C. Xây dựng “Quỹ độc lập”, phong trào “Tuần lễ vàng”.**
B. Kêu gọi “Tăng gia sản xuất ! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!” D. Tổ chức “ Ngày đồng tâm”.
- Câu 15: Đề thay thế cho tiền Đông Dương của Pháp, Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam thời gian nào?
A. 23/9/1946. B. 23/10/1946. **C. 23/11/1946.** D. 23/12/1946.

Câu 16: Chủ trương của Đảng ta khi đấu tranh với quân Trung Hoa Dân Quốc và bọn phản cách mạng ở miền Bắc là gì ?

- A. Kiên quyết chống quân Trung Hoa Dân Quốc. B. Ngoại giao mềm dẻo.
C. Nhân nhượng các yêu sách của chúng. **D. Tạm thời hòa hoãn, tránh xung đột với quân Trung Hoa Dân Quốc.**

Câu 17: Biện pháp của Đảng để đối phó với quân Trung Hoa Dân Quốc và bọn phản cách mạng ở miền Bắc là nhân nhượng cho chúng một số yêu sách về

- A. kinh tế, chính trị.** B. kinh tế, văn hóa. C. chính trị, quân sự. D. kinh tế, quân sự.

Câu 18: Vì sao Đảng ta chủ trương chuyển từ đấu tranh chống Pháp sang hòa hoãn với Pháp ?

- A. Hiệp ước Hoa- Pháp ngày 28/2/1946, Pháp được đưa quân ra Bắc thay quân Trung Hoa Dân Quốc.**
B. Pháp mạnh hơn quân Trung Hoa Dân Quốc.
C. Pháp và quân Trung Hoa Dân Quốc đang tranh chấp.
D. Quân Trung Hoa Dân Quốc đang suy yếu.

Câu 19: Hiệp định Sơ bộ do Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với G. Xanhtonivào thời gian nào và ở đâu?

- A. Ngày 6/3/1946 tại Pháp. C. Ngày 6/3/1946 tại Phôngtennoblô.
B. Ngày 6/3/1946 tại Hà Nội D. Ngày 14/9/1946 tại Phôngtennoblô.

Câu 20: Đảng ta kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946 nhằm mục đích gì ?

- A. Chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. C. Phân hóa kẻ thù, tập trung đánh kẻ thù chủ yếu.
B. Tạo điều kiện xây dựng đất nước sau cách mạng. D. Thể hiện thiện chí của ta trên trường quốc tế.

Câu 21: Nội dung nào dưới đây **không** nằm trong Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946?

- A. Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, nằm trong khối Liên hiệp Pháp.
B. Ta đồng ý cho Pháp đem 15.000 quân ra miền Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật.
C. Ta nhường cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế và văn hóa.
D. Hai bên ngừng xung đột ở phía Nam.

Câu 22: Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với đại diện chính phủ Pháp là Mutê bản Tạm ước ngày 14/9/1946 ở đâu?

- A. Thụy Sĩ. B. Pháp. **C. Việt Nam.** D. Trung Quốc.

Câu 23: Trong tạm ước 14/9/1946, ta nhân nhượng cho Pháp quyền lợi nào?

- A. Kinh tế và văn hoá.** B. Kinh tế, chính trị. C. Chính trị, quân sự. D. Kinh tế và quân sự.

Câu 24: Tạm thời hòa hoãn tránh xung đột đó là chủ trương của Đảng ta trong quá trình đấu tranh với kẻ thù nào?

- A. Quân Anh. **B. Quân Pháp.** C. Quân Trung Hoa Dân Quốc. D. Quân Nhật.

Câu 25: Sau khi hiệp ước Hoa - Pháp được kí kết Ban thường vụ Trung ương Đảng đã chọn giải pháp

- A. chiến đấu chống thực dân Pháp. C. nhân nhượng Pháp.
B. hòa để tiến D. tạm thời hòa hoãn tránh xung đột với quân Trung Hoa Dân Quốc.

Câu 26: Hiệp định Sơ bộ được kí kết ta tránh được cuộc chiến đấu với nhiều kẻ thù cùng lúc và đẩy được kẻ thù nào về nước?

- A. Quân Nhật. B. Quân Anh. C. Quân Pháp. **D. Quân Trung Hoa Dân Quốc.**

Câu 27: Quân đội Đồng minh nào dưới đây dưới danh nghĩa giải giáp quân Nhật kéo vào nước ta?

- A. Pháp, Trung Hoa Dân Quốc. **B. Anh, Trung Hoa Dân Quốc.**
C. Anh, Mỹ. D. Mỹ, Pháp.

Câu 28: Khẩu hiệu nào dưới đây là lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm giải quyết nạn đói?

- A. “Không một tấc đất bỏ hoang”. C. “Tắc đất, tắc vàng”.
B. “Tăng gia sản xuất, Tăng gia sản xuất ngay !Tăng gia sản xuất nữa!” D. “Ngày đồng tâm”.

Câu 29: Cao ủy Pháp ở Đông Dương trong thời kì từ cuối năm 1945 đến 1947 là ai?

- A. Lơ-cơ-léc. B. Bô-la-ec. C. Đắc-giăng-li-ơ. D. Rơ-ve.

Câu 30: Hãy điền đáp án đúng vào câu sau đây: “ Bằng việc kí Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946 và Tạm ước 14/9/1946, chúng ta đã đập tan âm mưu của.....”

- A. Mĩ cấu kết với Trung Hoa Dân Quốc. B. Pháp cấu kết với Trung Hoa Dân Quốc.
C. Trung Hoa Dân Quốc cấu kết với Anh. D. Pháp cấu kết với Anh.

Câu 31: Cuộc tổng tuyển cử ngày 6/1/1946 đã bầu được bao nhiêu đại biểu vào Quốc hội?

- A. 333 đại biểu. B. 334 đại biểu. C. 335 đại biểu. D. 336 đại biểu.

Câu 32: Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào thực hiện “ Tuần lễ vàng”, “Quỹ độc lập” nhằm mục đích gì?

- A. Giải quyết khó khăn về tài chính. C. Hỗ trợ giải quyết nạn đói.
B. Quyên góp để xây dựng đất nước. D. Quyên góp xây dựng trường học.

Câu 33: Bốn ghế Bộ trưởng trong Chính phủ Liên hiệp mà Quốc hội nước ta đã nhường cho phái thân Tưởng là những Bộ nào?

- A. Ngoại giao, kinh tế, canh nông, xã hội. B. Ngoại giao, kinh tế, giáo dục, xã hội.
C. Ngoại giao, giáo dục, canh nông, xã hội. D. Kinh tế, giáo dục, canh nông, xã hội.

Câu 34: Việc kí Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946 chứng tỏ

- A. sự mềm dẻo của ta trong việc phân hóa kẻ thù. C. đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng.
B. sự thỏa hiệp của Đảng và Chính phủ. D. sự non yếu trong lãnh đạo của ta.

Câu 35: Quân Trung Hoa Dân Quốc vào nước ta nhằm mục đích (âm mưu)gì?

- A. Giải giáp quân đội Nhật. C. Giúp đỡ chính quyền cách mạng nước ta.
B. Cướp chính quyền của ta. D. Giúp ta đuổi quân Anh.

Câu 36: Sau bầu cử Quốc hội, ở các địa phương đã làm gì để xây dựng chính quyền cách mạng?

- A. Thành lập quân đội ở các địa phương. C. Bầu cử hội đồng nhân dân các cấp, thành lập ủy ban hành chính các cấp.
B. Thành lập chính quyền cách mạng ở các địa phương. D. Thành lập tòa án nhân dân các cấp.

Câu 37: Những biện pháp đấu tranh của Đảng ta với quân Trung Hoa Dân Quốc và tay sai có ý nghĩa như thế nào?

- A. Chính quyền cách mạng vẫn giữ vững và được dân ta tin tưởng ủng hộ.
B. Làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng nước ta của quân Trung Hoa Dân Quốc.
C. Hạn chế đến mức thấp nhất các hoạt động chống phá của quân Trung Hoa Dân Quốc và tay sai, làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của chúng.
D. Nhân ta càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 38: Trong Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946, Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là

- A. một quốc gia tự do. B. một quốc gia độc lập tự do.
C. một quốc gia tự trị. D. một quốc gia độc lập.

Câu 39: Chủ tịch nước đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là ai ?

- A. Hồ Chí Minh. B. Tôn Đức Thắng. C. Phạm Văn Đồng. D. Trường Chinh.

Câu 40: Người được bầu làm Chủ tịch nước đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là ai?

- A. Hồ Chí Minh. B. Tôn Đức Thắng. C. Phạm Văn Đồng. D. Trường Chinh.

Câu 41: Mục đích của Đảng và Chính phủ khi kí Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946), Tạm ước (14-9-1946) là gì?

- A. Tập trung vào kẻ thù chính. B. Tránh cùng lúc đối đầu với nhiều kẻ thù.
C. Có thêm thời gian để xây dựng và củng cố lực lượng. D. Hạn chế việc Pháp và Trung Hoa Dân quốc câu kết với nhau.

Câu 42: Bài học chủ yếu nào dưới đây được rút ra từ kết quả của Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946)?

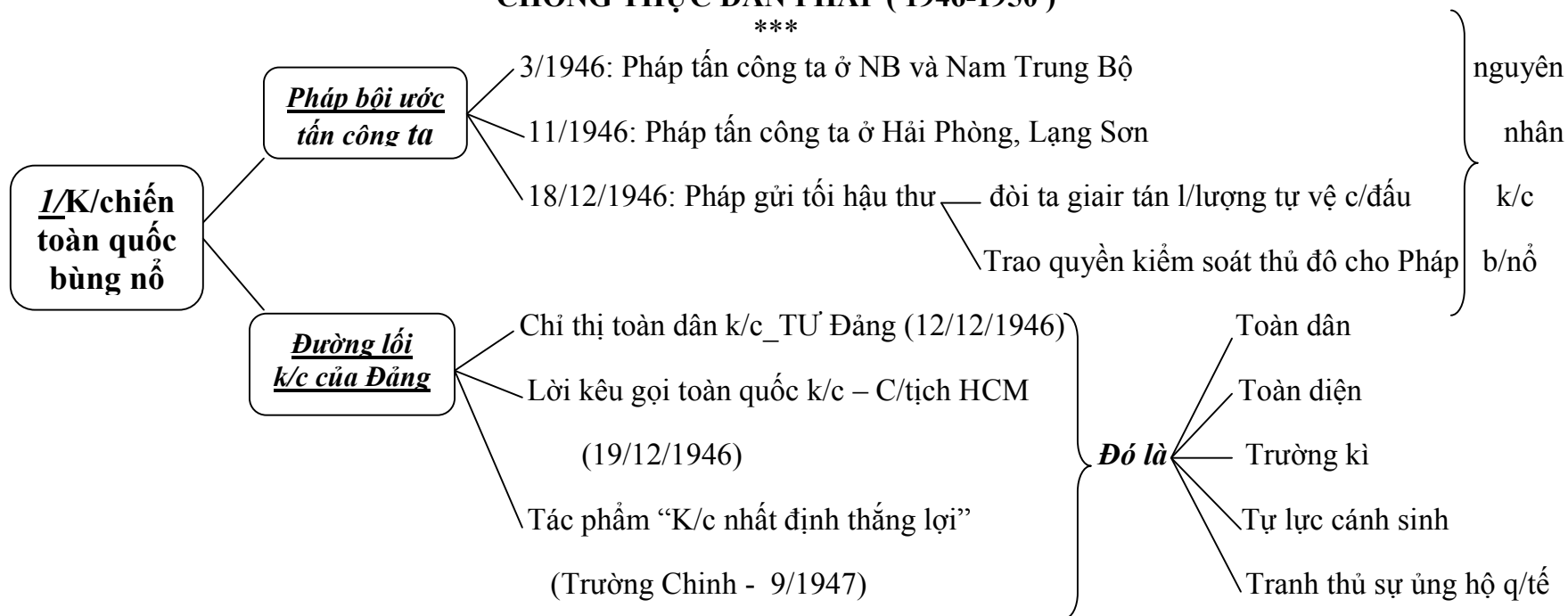
- A. Phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù. B. Đa phương hóa trong quan hệ quốc tế.
C. Kết hợp đấu tranh quân sự với ngoại giao. D. Triệt để lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước.

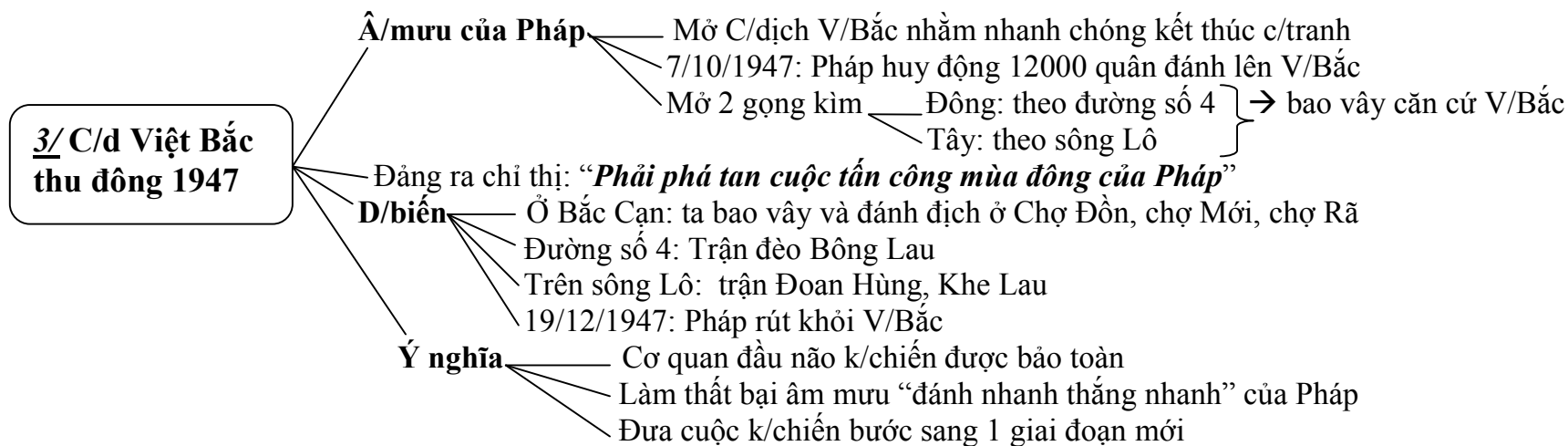
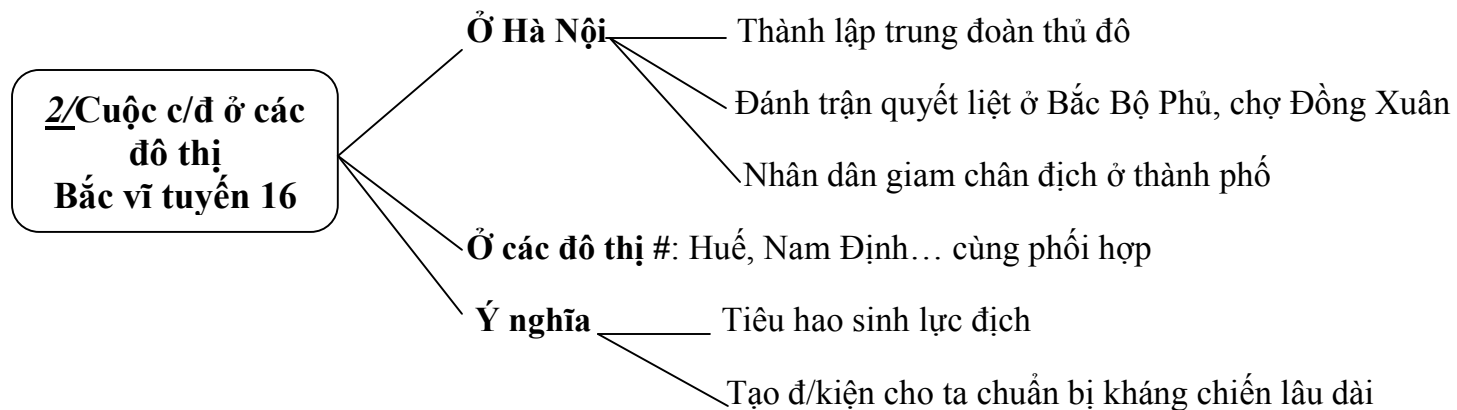
Câu 43. Bài học kinh nghiệm từ việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) được Đảng ta vận dụng như thế nào trong chính sách đối ngoại hiện nay?

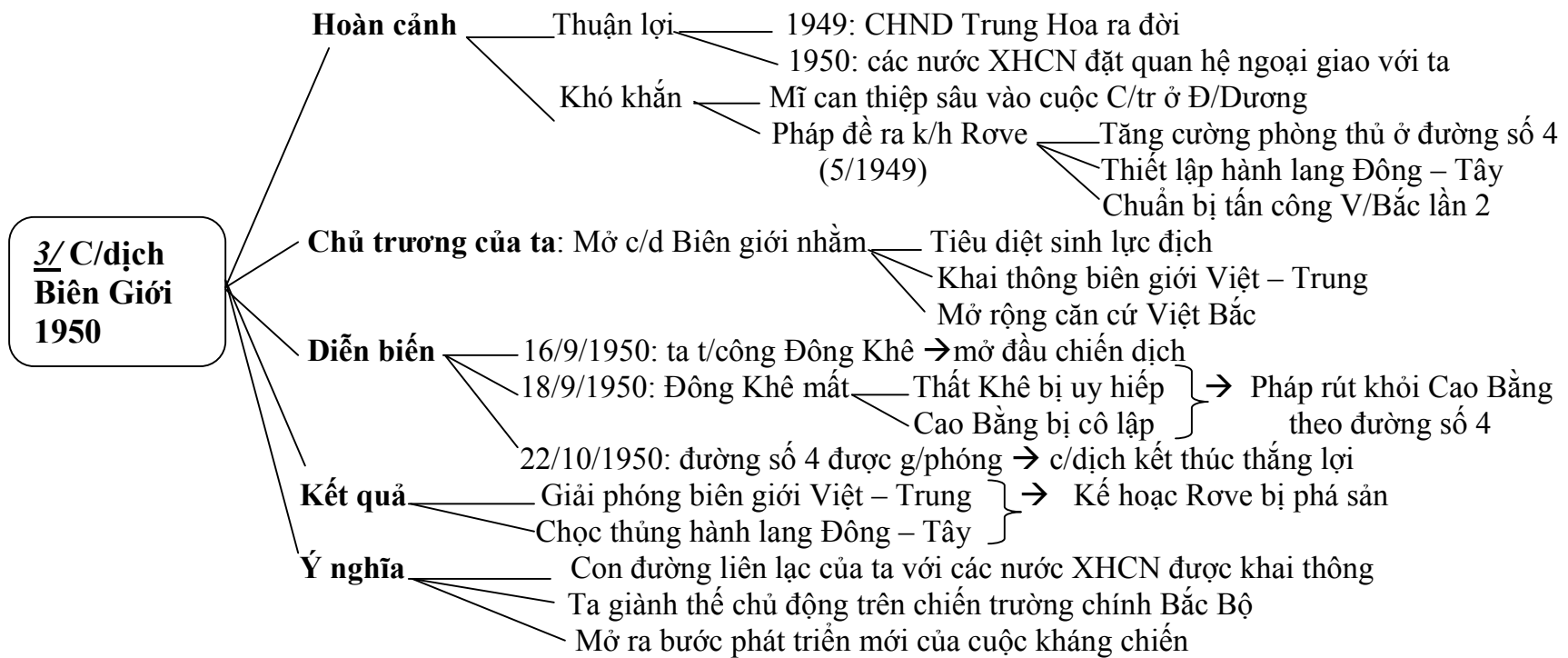
- A. Sự ủng hộ của các tổ chức quốc tế. B. Kiên trì trong đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia.
C. Sự đồng thuận trong việc giải quyết tranh chấp. D. **Cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược.**

HẾT

Bài 18: NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946-1950)







CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến bùng nổ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là gì ?

- A. Pháp đưa 15000 quân ra Bắc. B. Hội nghị ở Phòng tennoblô thất bại.
 C. Pháp gửi tối hậu thư đòi ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu ở Hà Nội (12/1946). D. Pháp tấn công Nam Bộ.

Câu 2: Hành động khiêu khích trắng trợn nhất của Pháp đối với Chính phủ ta sau khi kí Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3 và Tạm ước 14/9 là

- A. tấn công Nam Bộ và Nam Trung Bộ. C. gửi tối hậu thư đòi ta giao quyền kiểm soát trật tự ở Hà Nội cho Pháp.
 C. quân Pháp bắn súng và ném lựu đạn nhiều nơi ở Hà Nội. D. tấn công Hải Phòng, Lạng Sơn.

Câu 3: Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp vào đêm

- A. 18/12/1946. B. 19/12/1946. C. 20/12/1946. D. 21/12/1946.

Câu 4: Tín hiệu kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp nổ ra đầu tiên ở đâu?

- A. Hà Nội. B. Hải Phòng. C. Nam Bộ. D. Lạng Sơn.

Câu 5: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng thể hiện trong các văn kiện lịch sử nào?

- A. Chỉ thị Toàn dân kháng chiến, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Chỉ thị sửa soạn khởi nghĩa.
 B. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi.
 C. Chỉ thị toàn dân kháng chiến, tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi, Bản Đề cương văn hóa Việt Nam.
 D. Chỉ thị toàn dân kháng chiến, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi

Câu 6: “Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ...” là đoạn trích trong văn kiện nào ?

A. Chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

B. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

C. Tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của Tổng Bí thư Trường Chinh.

D. Chỉ thị sửa soạn khởi nghĩa của Tổng bộ Việt Minh.

Câu 7: Cuộc chiến đấu ở đô thị của quân và dân Hà Nội diễn ra trong bao nhiêu ngày đêm?

A. 40 ngày đêm.

B. 50 ngày đêm.

C. 60 ngày đêm.

D. 70 ngày đêm.

Câu 8: Cuộc chiến đấu ở đô thị của quân và dân Hà Nội đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nào?

A. Bảo vệ Trung ương Đảng.

B. Huy động lực lượng kháng chiến.

C. Tiêu diệt sinh lực địch.

D. Giam chân địch trong thành phố một thời gian dài.

Câu 9: Sau Cách mạng tháng Tám đến 1954 kẻ thù chính của nhân dân Việt Nam là

A. Pháp.

B. Anh.

C. Mĩ.

D. Trung quốc.

Câu 10: Căn cứ địa cách mạng của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược lần thứ hai là

A. Hà Nội.

B. Biên Giới.

C. Việt Bắc.

D. Điện Biên Phủ.

Câu 11: Âm mưu của Pháp trong cuộc tấn công quy mô lên Việt Bắc năm 1947 là gì?

A. Mở rộng vùng chiếm đóng.

C. Bao vây căn cứ địa Việt Bắc.

B. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

D. Tiêu diệt quân chủ lực của ta.

Câu 12: Cánh quân đầu tiên Pháp tấn công lên Việt Bắc năm 1947 bằng đường nào?

A. Cho quân nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn.

C. Binh đoàn bộ binh theo đường số 4 đánh lên Cao Bằng.

B. Binh đoàn lính thủy từ Hà Nội ngược sông Hồng, sông Lô lên Tuyên Quang.

D. Hành quân lên Thái Nguyên.

Câu 13: Chủ trương của ta khi Pháp tấn công lên Việt Bắc năm 1947 là

A. tiêu diệt sinh lực địch.

C. chiến tranh du kích.

B. mở rộng căn cứ địa Việt Bắc.

D. phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của Pháp.

Câu 14: Trận đánh tiêu biểu nhất của ta trên đường số 4 trong chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 là

A. Thất Khê.

B. Đông Khê.

C. Đèo Bông Lau.

D. Đuan Hùng.

Câu 15: Trận đánh tiêu biểu nhất của ta trên sông Lô trong chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 là

A. Đèo Bông Lau.

B. Đuan Hùng, Khe Lau.

C. Thất Khê.

D. Đông Khê

Câu 16: Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 ta loại khỏi vòng chiến đấu khoảng bao nhiêu tên địch?

A. Hơn 5000 tên.

B. Hơn 6000 tên.

C. Hơn 7000 tên.

D. Hơn 8000 tên

Câu 17: Kết quả lớn nhất của ta trong chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947 là

A. Giành thế chủ động trên chiến trường.

C. Đưa cuộc kháng chiến sang giai đoạn mới.

B. Đánh bại ý chí xâm lược của Pháp.

D. Làm thất bại âm mưu ”đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp.

Câu 18: Thắng lợi nào của ta đã đánh bại hoàn toàn kế hoạch ”đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta?

A. Việt Bắc thu - đông 1947.

B. Biên giới thu - đông 1950.

C. Chiến dịch Tây Bắc (1953).

D. Chiến dịch Tây Nguyên (1954).

Câu 19: Chiến dịch Việt Bắc thu - đông kết thúc thời gian nào?

A. Ngày 19/2/1946. **B.** Ngày 19/12/1946. C. Ngày 19/2/1947. C. Ngày 19/12/1947.

Câu 20: Nội dung nào sau đây là thuận lợi cơ bản nhất của cách mạng nước ta năm 1950

A. Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời. **B.** Trung Quốc, Liên Xô, các nước XHCN đặt quan hệ ngoại giao với ta.
C. Mĩ can thiệp sâu vào Đông Dương. D. Mĩ giúp Pháp đề ra kế hoạch Rơ ve.

Câu 21: Đề chuẩn bị tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai Pháp – Mĩ thực hiện kế hoạch gì?

A. Kế hoạch Rove. B. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi
C. Kế hoạch Nava. C. Kế hoạch ”đánh nhanh thắng nhanh”.

Câu 22: Nội dung nào sau đây không phải là âm mưu của Pháp – Mĩ trong kế hoạch Rove?

A. Tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4. B. Thiết lập hành lang Đông - Tây.
C. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh. D. Chuẩn bị tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai.

Câu 23: Nội dung nào sau đây không phải là chủ trương của Đảng ta trong chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950?

A. Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của Pháp. B. Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.
C. Khai thông đường sang Trung Quốc và thế giới. D. Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

Câu 24: Cụm cứ điểm nào được ta chọn làm nơi mở đầu cho chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950?

A. Cao Bằng. B. Thất Khê. **C.** Đông Khê. D. Đình Lập.

Câu 25: Ngày 7/10/1947 Pháp huy động 12000 quân tinh nhuệ và hầu hết máy bay ở Đông Dương chia thành 3 cánh quân mở cuộc tiến công lên

A. Đồng bằng Bắc Bộ. B. Thái Nguyên. C. Điện Biên Phủ **D.** Việt Bắc.

Câu 26: Kết quả lớn nhất của ta trong chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 là gì?

A. Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8000 tên địch. B. Giải phóng vùng biên giới Việt – Trung.
C. Bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc. **D.** Kế hoạch Rơ ve của Pháp bị phá sản.

Câu 27: Tác phẩm ”Kháng chiến nhất định thắng lợi” là của ai?

A. Trường Chinh. B. Võ Nguyên Giáp. C. Hồ Chí Minh. D. Trần Phú.

Câu 28: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954, không thể hiện trong văn kiện lịch sử nào sau đây?

A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
B. Chỉ thị Sửa soạn khởi nghĩa của Tổng bộ Việt Minh.
C. Tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của Tổng Bí thư Trường Chinh.
D. Chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

Câu 29: Trong cuộc chiến đấu ở các đô thị, thành phố nào kìm chân địch lâu nhất?

A. Hải Phòng. **B.** Hà Nội. C. Nam Định. D. Vinh.

Câu 30: Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, khai thông biên giới Việt – Trung, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc. Đó là chủ trương của Đảng khi mở chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947. **C.** Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.
B. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954. D. Chiến dịch Tây Nguyên 1954.

Câu 31: Khẩu hiệu nào dưới đây được nêu ra trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950?

A. “Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”. C. “Tất cả để đánh thắng giặc Pháp xâm lược”.

B. “Tất cả cho chiến dịch được toàn thắng”.

D. “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng”.

Câu 32: Nêu rõ nguyên nhân cuộc kháng chiến cùng quyết tâm chiến đấu của nhân dân ta đồng thời kêu gọi mọi người tham gia kháng chiến. Đó là nội dung của văn kiện lịch sử nào?

A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. Chỉ thị Sửa soạn khởi nghĩa của Tổng bộ Việt Minh.

C. Tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của Tổng Bí thư Trường Chinh.

D. Chỉ thị toàn dân kháng chiến của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

Câu 33: “ Ở hướng đông, quân ta phục kích chặn đánh địch nhiều trận trên đường số 4, cản bước tiến của chúng, tiêu biểu là trận đánh phục kích ở...”

A. Đèo Bông Lau.

B. Đèo Hùng.

C. Khe Lau.

D. Đèo Khê.

Câu 34: Nước đầu tiên công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là

A. Liên Xô.

B. Cu ba.

C. Trung Quốc.

D. Lào.

Câu 35: Ngày 18/12/1946, quân Pháp đã có hành động gì?

A. Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ.

B. Tấn công Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

C. Gửi tối hậu thư đòi ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu để cho quân pháp giữ trật tự ở Hà Nội.

D. Tấn công Hải Phòng và Lạng Sơn.

Câu 36: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng ta (1945-1954) là

A. toàn diện, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

B. trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

C. toàn dân, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

D. toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

Câu 37: Sau thất bại ở Việt Bắc thu – đông năm 1947, Pháp buộc phải chuyển từ “ đánh nhanh thắng nhanh ” sang

A. “đánh chắc tiến chắc”.

B. “chắc thắng mới đánh”.

C. “đánh lâu dài”.

D. “vừa đánh vừa đàm phán”.

Câu 38: Chiến thắng Biên giới năm 1950 của quân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp là chiến dịch thực hiện cách đánh

A. đánh chủ lực.

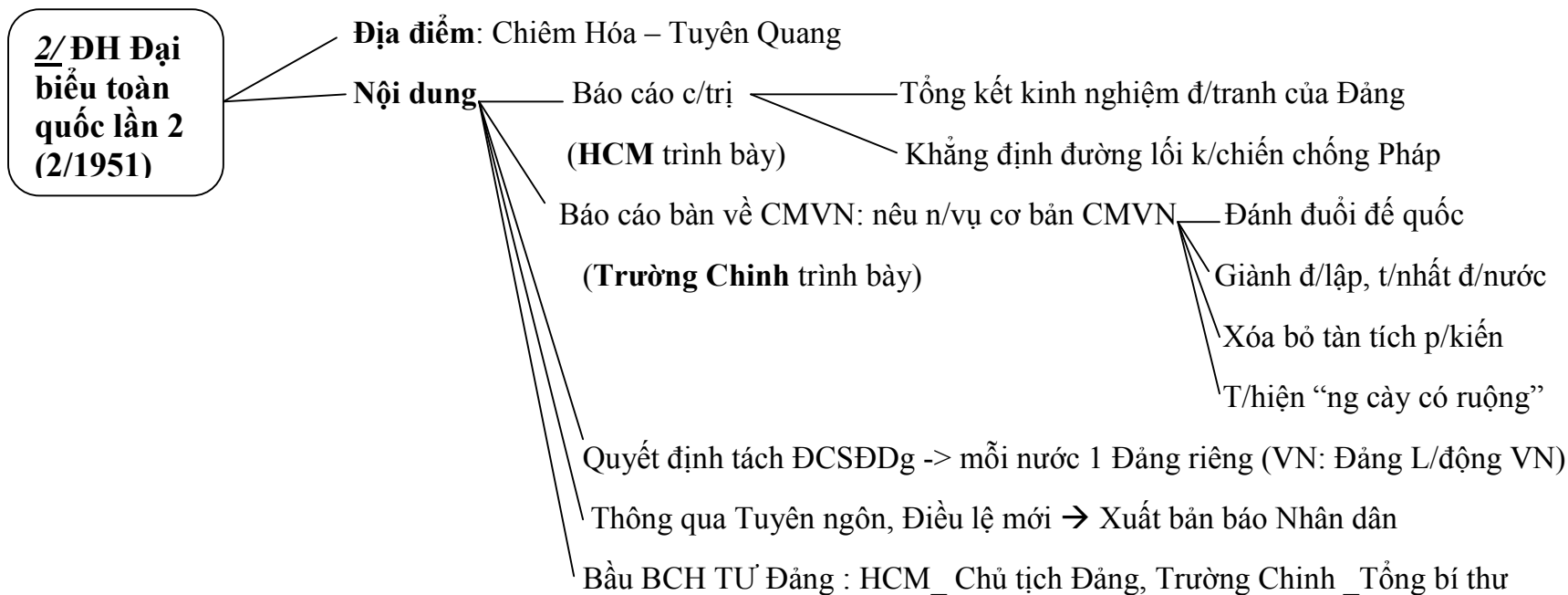
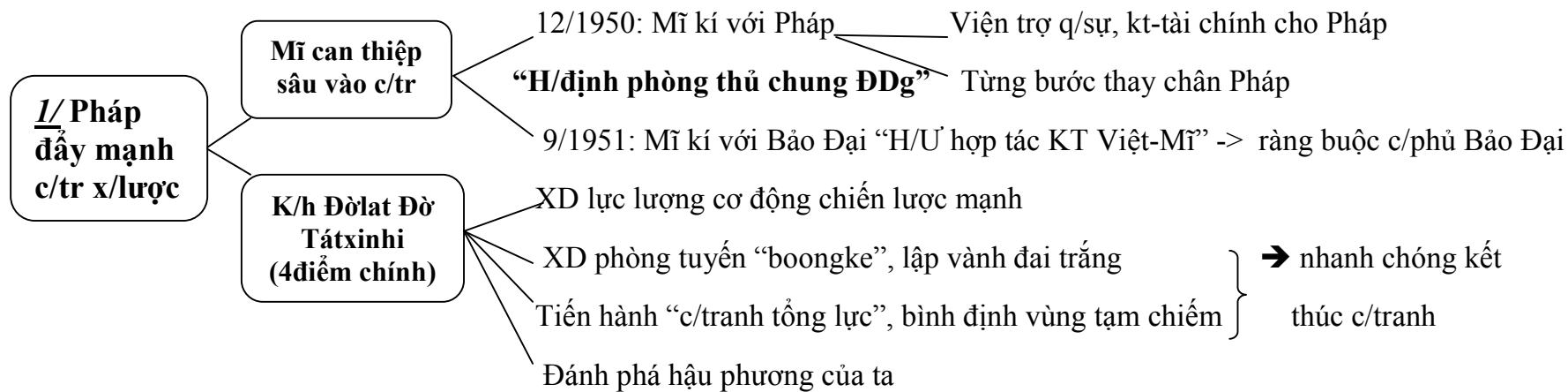
B. đánh du kích kháng chiến.

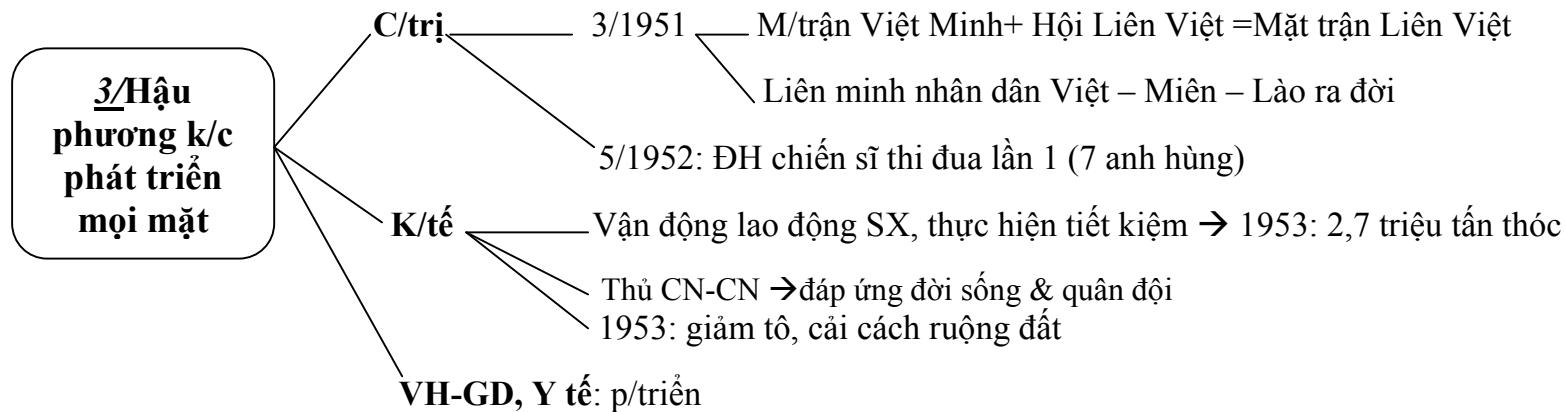
C. đánh tiêu hao.

D. đánh điểm, diệt viện.

HẾT

Bài 19: BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1951 – 1953)





CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương ngày 23/12/1950 được kí kết bởi những nước nào?

A. Anh và Nhật. B. Mĩ và Nhật. **C. Mĩ và Pháp.** D. Anh và Pháp.

Câu 2: Ngày 23/12/1950 Mĩ kí với Pháp Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương nhằm viện trợ cho Pháp về

A. quân sự. B. kinh tế - tài chính.
C. kinh tế - tài chính, y tế. **D. quân sự, kinh tế - tài chính.**

Câu 3: Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mĩ 9/1951 được kí kết giữa

A. Mĩ và Pháp. B. Mĩ và Ngô Đình Diệm.
C. Mĩ và Trung Hoa Dân Quốc. **D. Mĩ và Bảo Đại.**

Câu 4: Để ràng buộc chính phủ Bảo Đại, Mĩ đã kí với Bảo Đại hiệp ước nào sau đây?

A. Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mĩ (1951). B. Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương (1950).
C. Hiệp ước ABM (1972). D. Hiệp định SALT-1(1972)..

Câu 5: Cuối 1950, Pháp dựa vào viện trợ của Mĩ đã đề ra kế hoạch nào sau đây?

A. Kế hoạch Rơ ve. **B. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.**
C. Kế hoạch Nava. D. Kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh".

Câu 6: Nội dung nào sau đây là một trong những điểm chính của kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi?

A. Tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4. B. Thiết lập hành lang Đông – Tây.
C. Xây dựng phòng tuyến boong ke, thành lập vành đai trắng. D. Chuẩn bị tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai

Câu 7: Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951) diễn ra ở đâu?

A. Pác Bó (Cao Bằng) B. Bắc Kạn.
C. Hương Cảng (Trung Quốc). **D. Chiêm Hóa (Tuyên Quang).**

Câu 8: Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951) đã thông qua hai báo cáo quan trọng của ai?

A. Hồ Chí Minh và Trường Chinh. B. Hồ Chí Minh và Trần Phú.

C. Trường Chinh và Lê Hồng Phong. D. Trần Phú và Trường Chinh.

Câu 9: Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951) quyết định đổi tên Đảng ta thành

- A. Đảng Cộng sản Đông Dương. B. Đảng Cộng sản Việt Nam.
C. Đảng Lao động Việt Nam. D. Đảng nhân dân cách mạng.

Câu 10: Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951) quyết định xuất bản tờ báo nào sau đây?

- A. Báo Tuổi trẻ. B. Báo Nhân dân. C. Báo Thanh niên. D. Báo An ninh.

Câu 11: Ai được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng tại Đại hội đại biểu lần thứ II (1951)?

- A. Trần Phú. B. Hồ Chí Minh. C. Trường Chinh. D. Lê Hồng Phong.

Câu 12: Đại hội nào sau đây được đánh dấu là “Đại hội kháng chiến thắng lợi”?

- A. Hội nghị thành lập Đảng 1930. B. Đại hội Quốc dân ở Tân Trào 1945.
C. Đại hội lần thứ II của Đảng 1951. D. Đại hội Đại biểu lần thứ III của Đảng 1960.

Câu 13: Năm 1951, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thống nhất thành một mặt trận duy nhất lấy tên là

- A. Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương. C. Mặt trận dân chủ Đông Dương.
B. Mặt trận phản đế Đông Dương. D. Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Mặt trận Liên Việt).

Câu 14: Tháng 3/1951, Hội nghị đại biểu nhân dân ba nước Đông Dương đã thành lập

- A. Liên minh Việt – Miên – Lào. C. Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào.
B. Mặt trận thống nhất nhân dân Việt – Miên – Lào. D. Mặt trận Việt – Miên – Lào.

Câu 15: Tại Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất ngày 1/5/1952 đã chọn được bao nhiêu anh 96ar ?

- A. 5 anh hùng. B. 6 anh hùng. C. 7 anh hùng. D. 8 anh hùng.

Câu 16: Đến 7/1954, Đảng và Chính phủ ta đã tiến hành được bao nhiêu đợt giảm tô và cải cách ruộng đất.

- A. 4 đợt giảm tô và 1 đợt cải cách ruộng đất. B. 5 đợt giảm tô và 1 đợt cải cách ruộng đất.
C. 6 đợt giảm tô và 1 đợt cải cách ruộng đất. D. 7 đợt giảm tô và 1 đợt cải cách ruộng đất.

Câu 17: “Gấp rút tập trung quân Âu – Phi, xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh, ra sức phát triển nguy quân”. Đó là một trong bốn điểm chính của kế hoạch nào?

- A. Kế hoạch Rơ ve. B. Kế hoạch Na va. C. Kế hoạch Đờ Lat đơ Tátxinhi. D. Kế hoạch Mácsan.

Câu 18: “Đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất hoàn toàn cho dân tộc, xóa bỏ những tàn tích phong kiến...” đó là nhiệm vụ được nêu ra trong văn kiện nào?

- A. Báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày. C. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.
B. Báo cáo Bàn về cách mạng Việt Nam do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày. D. Bản đề cương văn hóa Việt Nam.

Câu 19: “Là mốc đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình trưởng thành và lãnh đạo cách mạng của Đảng, là “Đại hội kháng chiến thắng lợi”. đó là ý nghĩa của

- A. Hội nghị thành lập Đảng 1930. C. Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng 1930.
B. Đại hội lần thứ II của Đảng 1951. D. Đại hội lần thứ III của Đảng 1960.

Câu 20: Đại hội Đại biểu lần thứ II của Đảng quyết định đưa Đảng 96ar a hoạt động công khai với tên mới là Đảng Lao động Việt Nam nhằm

- A. khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

B. đưa cách mạng về từng nước để dễ dàng hoạt động.

C. tiếp tục đảm nhận sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

D. đẩy mạnh sự hợp tác của các nước xã hội chủ nghĩa đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

Câu 21: Lập phòng tuyến bong ke và vành đai trắng ở đồng bằng Bắc Bộ, đó là kế hoạch quân sự nào của Pháp?

A. Kế hoạch Rove.

B. Kế hoạch Nava.

C Kế hoạch Đờ Lat đơ Tátxinhi.

D. Kế hoạch Bôlaéc.

Câu 22: Mục đích Mĩ kí “Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương” với Pháp năm 1950 và “Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mĩ” với Bảo Đại năm 1951 là gì?

A Từng bước can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

B. Viện trợ kinh tế, tài chính cho Pháp và Bảo Đại.

C. Tạo sự ràng buộc về kinh tế, quân sự với Pháp.

D. Trực tiếp ràng buộc chính phủ Bảo Đại.

Câu 23: Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950) được thực hiện đã tác động gì đến cuộc kháng chiến chống Pháp của ta?

A. Gặp khó khăn trong việc tổ chức xây dựng lực lượng kháng chiến.

C. Thu hẹp vùng tự do, vùng giải phóng của ta

B. Làm cho cuộc kháng chiến trở nên khó khăn, phức tạp.

D Hạn chế sự chi viện từ các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 24: “Kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến” là lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với đội ngũ nào?

A. Nhà báo Việt Nam

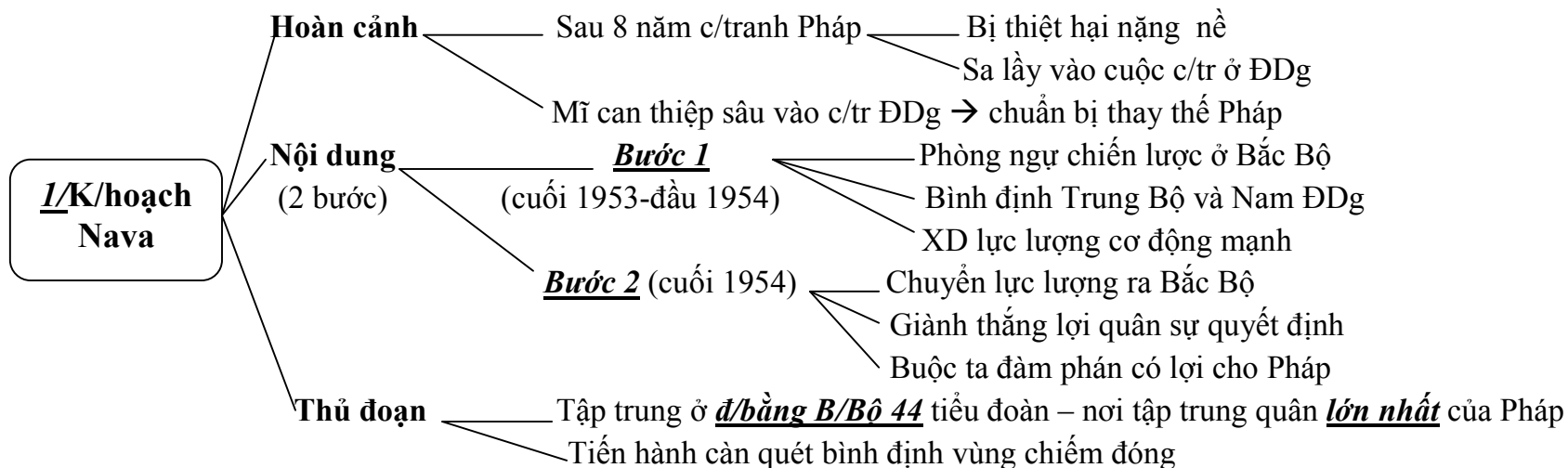
B Văn nghệ sĩ Việt Nam.

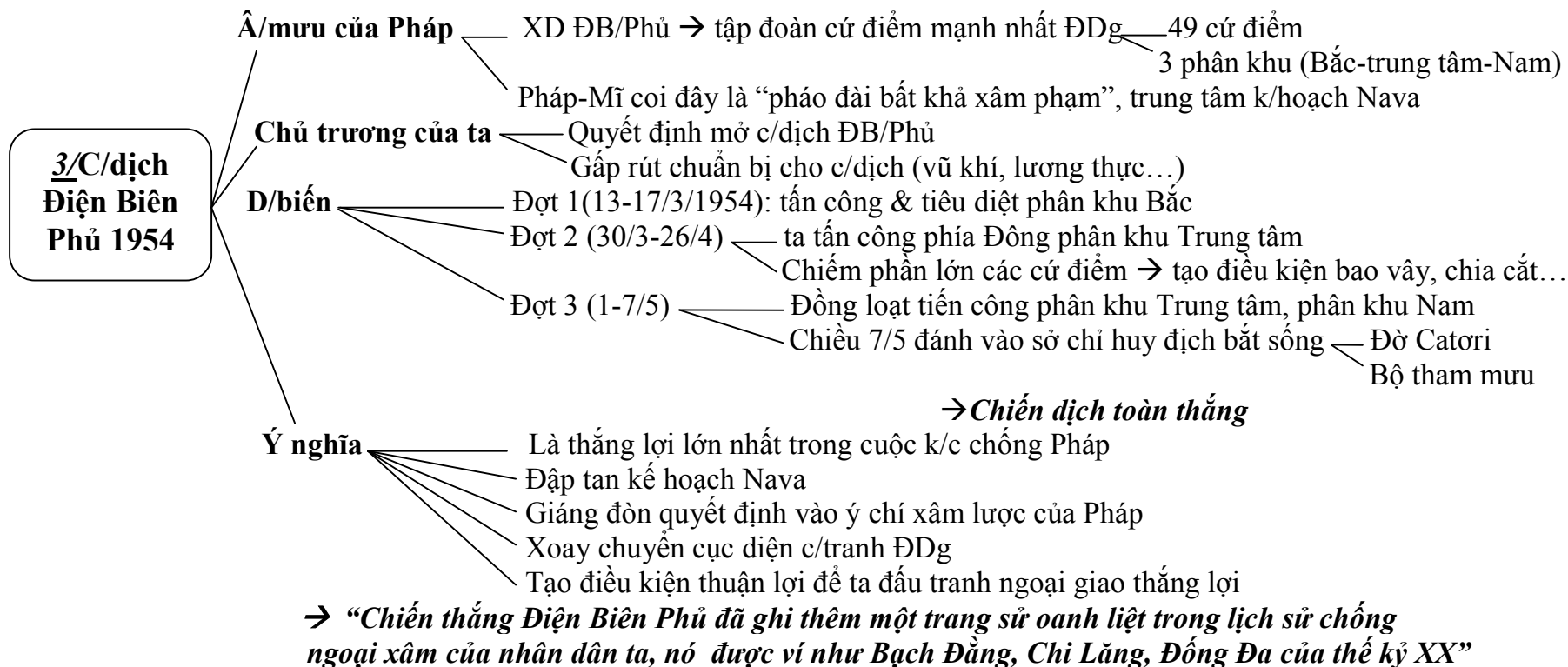
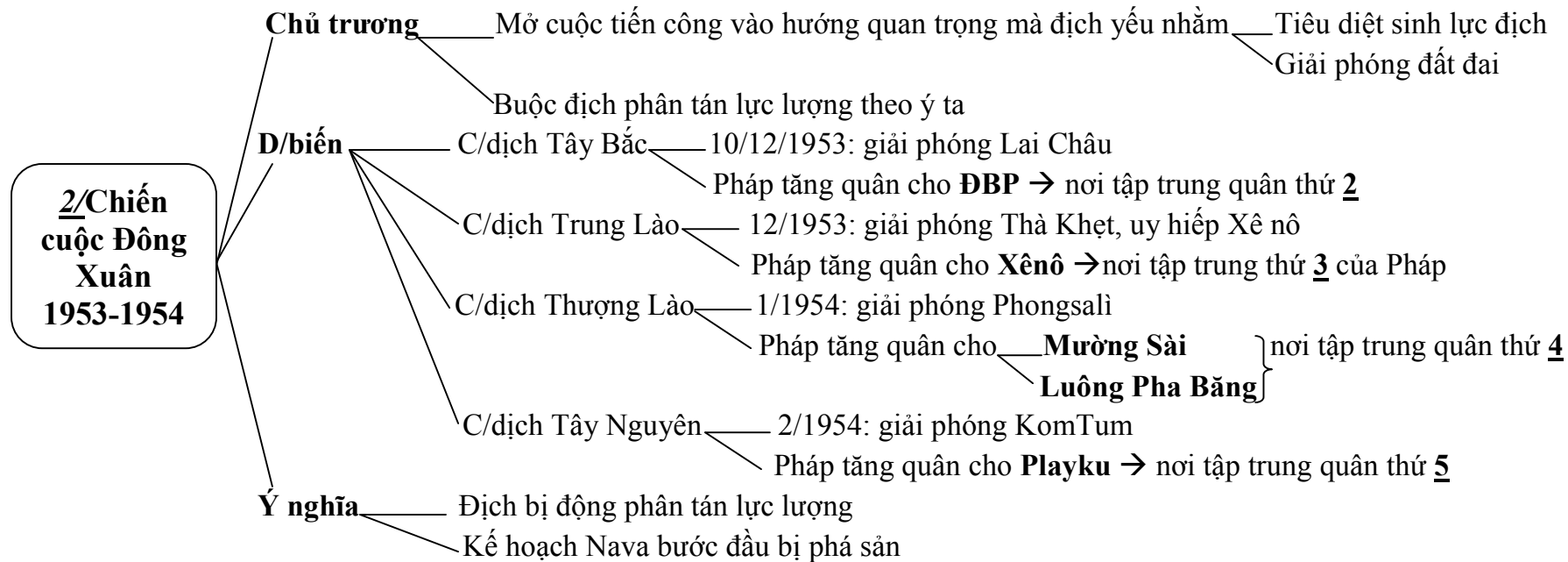
C. Trí thức Việt Nam.

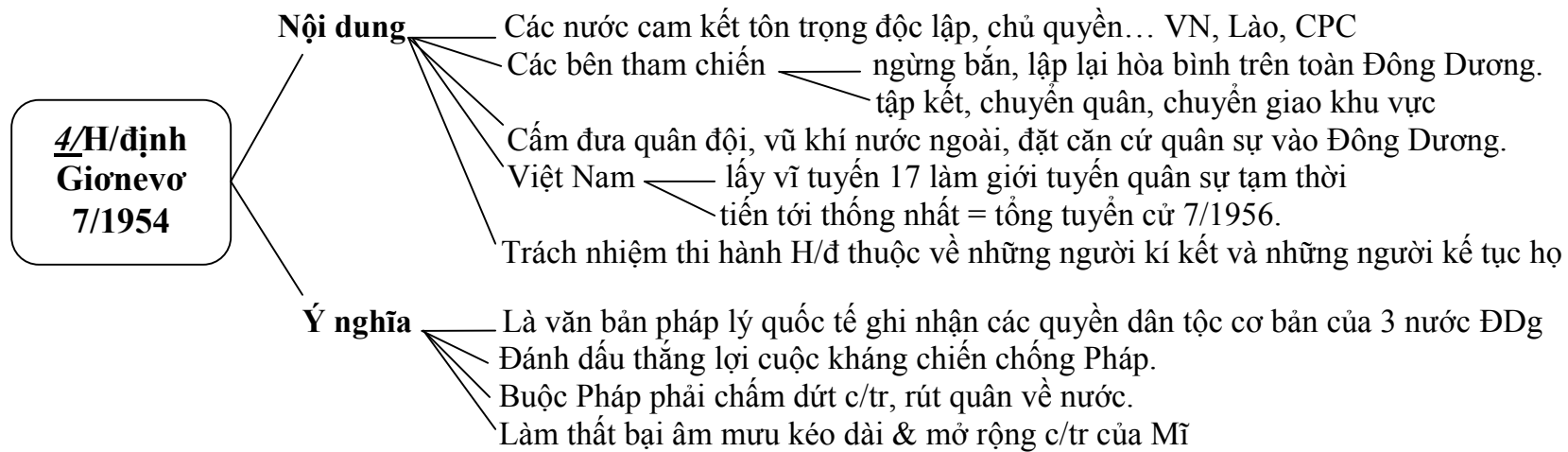
D. Nhà giáo Việt Nam.

HẾT

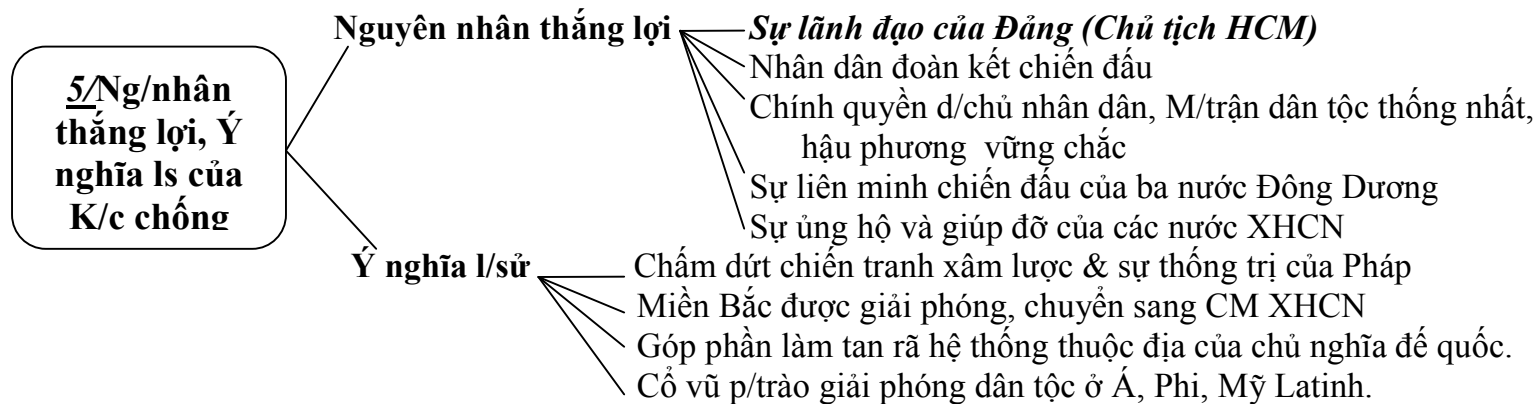
**Bài 20: CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 – 1954)**







(Trưởng phái đoàn của ta tham dự HN Gionevo là Thủ tướng Phạm Văn Đồng)



"Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới". (Hồ Chí Minh)

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Tháng 5/1953 Pháp và Mĩ khi đề ra kế hoạch Nava nhằm mục đích gì?

- A. Lấy lại thế chủ động trên chiến trường Bắc Bộ. **B. Giành thắng lợi quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự.**
C. Tiêu diệt cơ quan đầu não của ta. D. Mở rộng vùng chiếm đóng.

Câu 2: Nội dung kế hoạch Nava của Pháp 1953 được chia thành mấy bước?

- A. 2** bước. B. 3 bước. C. 4 bước. D. 5 bước.

Câu 3: Để thực hiện kế hoạch Nava, Pháp đã tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ một lực lượng cơ động mạnh gồm bao nhiêu tiểu đoàn?

- A. 40 tiểu đoàn. B. 40 tiểu đoàn. **C. 44** tiểu đoàn. D. 46 tiểu đoàn.

Câu 4: Kế hoạch quân sự được xem là lớn nhất trong quá trình xâm lược Việt Nam của Pháp từ 1945-1954 ?

- A. Kế hoạch Rove. B. Kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh".
C. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi. **D. Kế hoạch Nava.**

Câu 5: Chủ trương cơ bản nhất của ta trong cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 là

- A. Tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu.** B. Giam chân địch trong thành phố.
C. Bảo vệ cơ quan đầu não kháng chiến. D. Mở rộng vùng chiếm đóng, giải phóng đất đai.

Câu 6: Trong Đông - Xuân 1953 - 1954 ta mở những chiến dịch nào nhằm phân tán lực lượng địch?

- A. Việt Bắc, Tây Bắc, Thượng Lào, Trung Lào. B. Tây Bắc, Tây Nguyên, Hạ Lào, Trung Lào.
C. Biên giới, Hạ Lào, Thượng Lào, Tây Nguyên. **D. Tây Bắc, Trung Lào, Thượng Lào, Tây Nguyên.**

Câu 7: Cuộc tiến công chiến lược của ta trong Đông - Xuân 1953 - 1954 đã buộc Pháp phải phân tán lực lượng cho những khu vực nào ?

- A. Điện Biên Phủ, Xêô, Thất Khê, Cao Bằng.
B. Điện Biên Phủ, Xêô, Luông Phabang và Mường Sài, Plâyku.
C. Điện Biên Phủ, Luông Phabang và Mường Sài, Plâyku, Phongxali.
D. Đông Khê, Luông Phabang và Mường Sài, Plâyku, Phong xali.

Câu 8: Pháp tập trung mọi cố gắng để xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, tổng số binh lực của Pháp lúc cao nhất là bao nhiêu?

- A. 15 200 quân. B. 16 200 quân. C. 17 200 quân D. 18 200 quân.

Câu 9: Thực dân Pháp xây dựng Điện Biên Phủ thành bao nhiêu phân khu và cụm cứ điểm?

- A. 3 phân khu và 39 cụm cứ điểm. B. 4 phân khu và 49 cụm cứ điểm.
C. 3 phân khu và 49 cụm cứ điểm. D. 3 phân khu và 59 cụm cứ điểm.

Câu 10: Chiến dịch Điện Biên Phủ được coi là một chiến dịch lịch sử của quân đội ta được chia làm bao nhiêu đợt?

- A. 2 đợt. **B. 3** đợt. C. 4 đợt. D. 5 đợt.

Câu 11: Cụm cứ điểm nào gắn liền với thắng lợi của ta trong chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954?

- A. Bắc Kạn, Chợ Mới, Chợ Đồn. B. Đoan Hùng, Khe Lau.
C. Him Lam, Đồi A1, C1, D1... D. Thất Khê, Đông Khê, Đình Lập.

Câu 12: Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954 kết thúc thắng lợi được đánh dấu bằng sự kiện nào ?

- A. Ta đánh vào sở chỉ huy địch, tướng Đờ Caxtori và Ban Tham mưu đầu hàng. B. Tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam.
C. Chiếm cứ điểm A1, D1, C2, E1... D. Chiếm toàn bộ phân khu Nam.

Câu 13: Ý nghĩa lớn nhất của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954 là?

- A. Đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho đấu tranh ngoại giao.
B. Tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch, hạ 62 máy bay...
C. Góp phần tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.
D. Cổ vũ các phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 14: Chiến thắng nào tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi buộc pháp phải kí Hiệp định Giơnevơ?

- A. Chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950. B. Chiến thắng Tây Bắc 1953.
C. Chiến thắng Tây Nguyên 1954. D. Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954.

Câu 15: Thắng lợi nào của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp đã làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava?

- A. Chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950. B. Chiến thắng Tây Bắc 1953.
 C. Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954. D. Chiến thắng Thượng Lào 1954.

Câu 16: Hội nghị Giơnevơ được triệu tập theo quyết định của Hội nghị ngoại trưởng 4 nước nào?

- A. Mĩ, Anh Pháp, Trung Quốc. B. Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp.
C. Đức, Mĩ, Anh, Pháp. D. Liên Xô, Mĩ, Đức, Anh.

Câu 17: Trưởng đoàn đại diện cho phái đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Giơnevơ là ai?

- A. Hồ Chí Minh. B. Trường Chinh. C. Phạm Văn Đồng. D. Võ Nguyên Giáp.

Câu 18: Thắng lợi ngoại giao lớn nhất của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp từ 1945-1954 là

- A. Hiệp định Sơ bộ 1946. B. Tạm ước 1946.
C. Liên Xô, Trung Quốc đặt quan hệ ngoại giao với ta 1950. D. Hiệp định Giơnevơ 1954.

Câu 19: Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương kí kết vào ngày nào?

- A. Ngày 19/7/1954. B. Ngày 20/7/1954. C. Ngày 21/7/1954. D. Ngày 22/7/1954.

Câu 20: Hiệp định Giơnevơ là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận

- A. quyền được hưởng độc lập tự do của các nước Đông Dương. C. quyền dân chủ, thống nhất đất nước.
 B. các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương. D. quyền tổ chức tổng tuyển cử tự do.

Câu 21: Theo nội dung của Hiệp định Giơnevơ 1954, Việt Nam sẽ tiến hành tổng tuyển cử thống nhất đất nước vào thời gian nào?

- A. 7/1954. B. 7/1955. C. 7/1956 D. 7/1957.

Câu 22: Quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam trong Hiệp định Giơnevơ 1954 là gì?

- A. Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ.
B. Các bên thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.
C. Việt Nam sẽ tiến hành tổng tuyển cử thống nhất đất nước.
D. Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Câu 23: Nguyên nhân cơ bản nhất quyết định sự thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954?

- A. Sự liên minh chiến đấu của 3 nước Đông Dương.
- B. Sự ủng hộ và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. Truyền thống yêu nước của dân tộc.
- D. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối đúng đắn sáng tạo.

Câu 24: Tính chất của cuộc kháng chiến chống Pháp 1945- 1954 là

- A. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân
- B. mạng dân chủ tư sản.
- C. Cách mạng tư sản.
- D. Cách mạng giải phóng dân tộc.

Câu 25: Nội dung cơ bản trong bước 1 của kế hoạch quân sự Nava là gì?

- A. Phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ, bình định Trung Bộ và Nam Đông Dương.
- B. Phòng ngự chiến lược ở Nam Bộ, bình định Trung Bộ và Nam Đông Dương.
- C. Tiến công chiến lược giành thắng lợi quân sự quyết định.
- D. Tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4.

Câu 26: Khẩu hiệu nào được nêu ra trong chiến dịch lịch sử Điện Biên phủ 1950?

- A. “Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”.
- B. “Tất cả để đánh thắng giặc Pháp xâm lược”.
- C. “Tất cả cho chiến dịch được toàn thắng”.
- D. “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”.

Câu 27: Trong các nội dung sau đây, nội dung nào không phải nội dung của Hiệp định Giơnevơ 1954?

- A. Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Campuchia.
- B. Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.
- C. Cấm đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào Đông Dương
- D. Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, 2 vùng kiểm soát và 3 lực lượng chính trị.

Câu 28: “ Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh...” đó là câu nói của ai?

- A. Võ Nguyên Giáp.
- B. Hồ Chí Minh.
- C. Trường Chinh.
- D. Phạm Văn Đồng.

Câu 29: Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ diễn ra trong bao nhiêu ngày đêm?

- A. 55 ngày đêm.
- B. 56 ngày đêm.
- C. 60 ngày đêm.
- D. 66 ngày đêm.

Câu 30: Chiến thắng nào của ta quyết định thắng lợi tại hội nghị Giơnevơ 1954?

- A. Việt Bắc thu - đông 1947.
- B. Biên giới thu - đông 1950.
- C. Điện Biên Phủ 1954
- D. Đông xuân 1953-1954.

Câu 31: Từ thu – đông 1953 ở chiến trường Đông Dương, thực dân Pháp tập trung quân lớn nhất ở đâu?

- A. Đồng bằng Bắc Bộ.
- B. Tây Bắc.
- C. Thượng Lào.
- D. Tây Nguyên.

Câu 32: Nội dung nào không phải là ý nghĩa của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954?

- A. Đập tan kế hoạch Nava.
- B. Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp.
- C. Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao.
- D. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước.

Câu 33: Sự kiện lịch sử đánh dấu thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954 là

A. thắng lợi trong cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953-1954.

B. chiến thắng Điện Biên Phủ.

C. Pháp rút khỏi miền Bắc Việt Nam.

D. Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương được kí kết.

Câu 34: Chiến thắng nào sau đây của quân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) được Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá như là “ cái mốc chói lọi bằng vàng của lịch sử” dân tộc ?

A. Việt Bắc thu - đông 1947.

B. Biên giới thu - đông 1950.

C. Điện Biên Phủ 1954

D. Đông xuân 1953-1954.

Câu 35: Trong Đông - Xuân 1953-1954, quân dân Việt Nam đã làm phá sản bước đầu kế hoạch quân sự nào của Pháp?

A. Kế hoạch Bôlaéc.

B. Kế hoạch Nava.

C. Kế hoạch Rove.

D. Kế hoạch Đác Giăngliơ.

Câu 36: Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954 là đỉnh cao của

A. khởi nghĩa chống Pháp.

B. kháng chiến chống Pháp.

C. kháng chiến chống Mĩ.

D. chiến tranh chống Pháp.

Câu 37: Được ghi vào lịch sử dân tộc như một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa thế kỉ XX. Đó là ý nghĩa của chiến thắng nào?

A. Cách mạng tháng Tám 1945.

B. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng 1975.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh 1975.

Câu 38. Sau 8 năm xâm lược Việt Nam, Pháp gặp khó khăn cơ bản nào dưới đây?

A. Hành lang Đông – Tây bị chọc thủng.

B. Vùng chiếm đóng ngày càng thu hẹp.

C. Bước đầu gặp những khó khăn về tài chính.

D. Thiệt hại ngày càng lớn, lâm vào thế bị động chiến lược

Câu 39. Chính phủ Pháp cử tướng Nava sang Đông Dương đảm nhiệm chức vụ gì sau đây?

A. Toàn quyền Pháp ở Đông Dương.

C. Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương.

B. Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương.

D. Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Mĩ- Pháp ở Đông Dương.

Câu 40. Điểm giống nhau giữa chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 với chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972 là

A. những thắng lợi quân sự quyết định buộc Pháp – Mĩ phải ký kết các hiệp định với ta.

B. những thắng lợi quân sự quyết định buộc Pháp – Mĩ phải rút quân về nước.

C. những thắng lợi quân sự quyết định buộc Pháp – Mĩ phải kết thúc cuộc chiến tranh.

D. những thắng lợi quân sự quyết định buộc Pháp – Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

Câu 41: Các tướng lĩnh Pháp – Mĩ đã coi tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là

A. “một tập đoàn quân chủ lực”.

B. “một pháo đài bất khả chiến bại”.

C. “một pháo đài bất khả xâm phạm”.

D. “một sở chỉ huy vùng tây bắc”.

Câu 42: Hiệp định Giơnevơ 1954, quy định việc di chuyển, tập kết quân đội ở hai miền Nam – Bắc với giới tuyến quân sự tạm thời là

- A. vĩ tuyến 17. B. vĩ tuyến 18. C. vĩ tuyến 19. D. vĩ tuyến 20.

Câu 43: Đối với thế giới, thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam năm 1954 góp phần làm

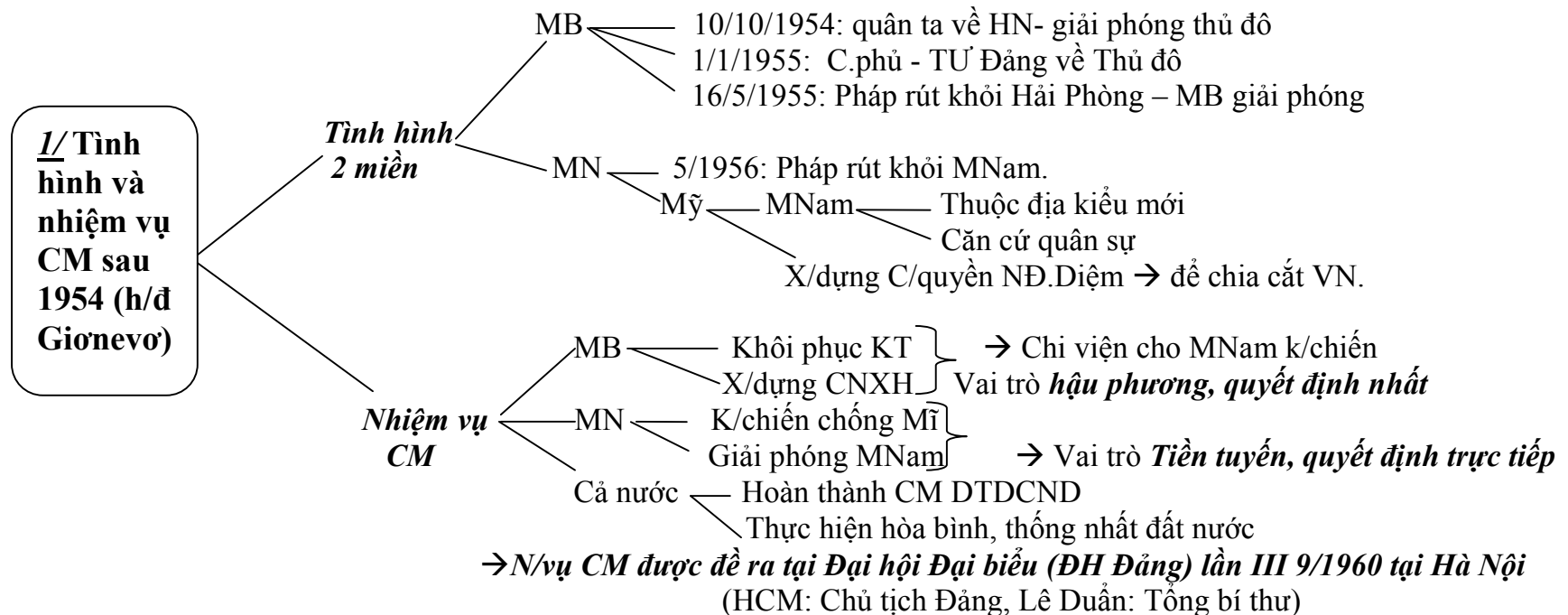
- A. suy yếu đế quốc Pháp ở Đông Dương.
 B. đập tan ý chí xâm lược của những đế quốc lớn.
 C. phá vỡ phòng tuyến ngăn chặn chủ nghĩa chủ nghĩa cộng sản ở châu Á.
 D. tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

Câu 44: Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam 1945-1954 thắng lợi, đã cổ vũ mạnh mẽ

- A. phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa Á, Phi, Mĩ Latinh.
 B. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.
 C. phong trào vì hòa bình của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới.
 D. phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới./

HẾT

**Bài 21: XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC,
 ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 – 1965)**



**2/ XD
XHCN ở
M/Bắc
1954-1965**

**Cải cách
ruộng đất
1954-1956**

1954-1956: 6 đợt giảm tô và 4 đợt cải cách ruộng đất
Kết quả: chia 81 vạn hecta ruộng đất, 10 vạn trâu bò...
Ý nghĩa: nông thôn miền Bắc thay đổi, liên minh công - nông củng cố
Hạn chế: Trong cải cách, ta mắc phải một số sai lầm.

**T/hiện k/h
5 năm
1961-1965**

Thành tựu
CN: được ưu tiên, 1965 sản lượng CN tăng 3 lần.
Nông nghiệp: áp dụng KH-KT, đạt 5 tấn thóc/hecta
Thương nghiệp quốc doanh được ưu tiên
Hệ thống giao thông được củng cố
Hệ thống giáo dục phát triển nhanh
Y tế được đầu tư phát triển
Miền Bắc còn làm nghĩa vụ chi viện cho miền Nam

Ý nghĩa
Làm thay đổi bộ mặt xã hội miền Bắc
Miền Bắc trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng cả nước

**3/ Đồng khởi
(1959 –1960)**

Hoàn cảnh

CMMNam gặp k/khẩn do c/sách đàn áp, khủng bố của Mĩ – Diệm.
1/1959: HN TƯ Đảng 15 quyết định: sử dụng bạo lực CM.

Diễn biến

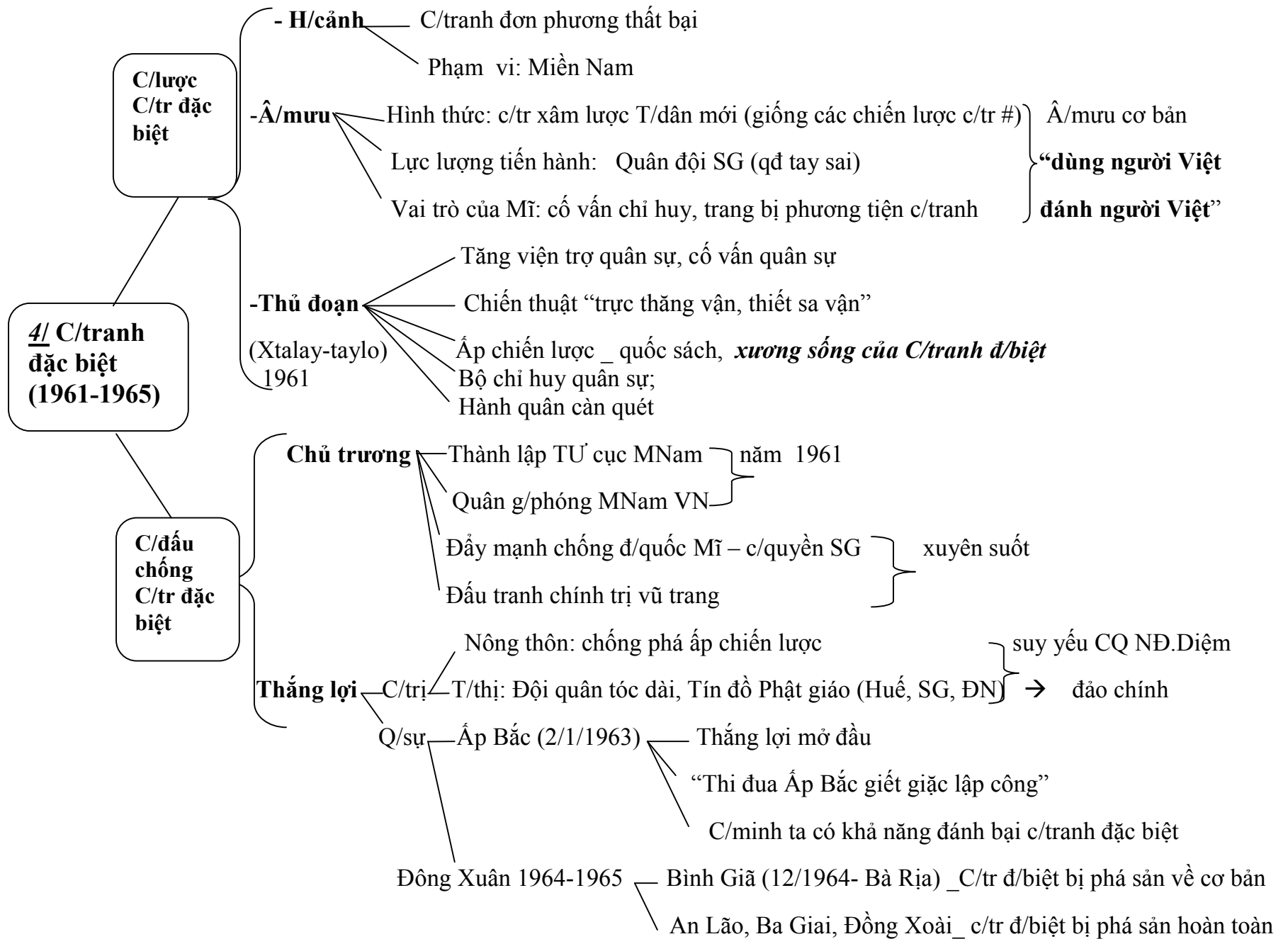
17/1/1960: nổ ra đầu tiên ở Mỏ Cày (Bến Tre)
Quần chúng nổi dậy ————— giải tán chính quyền địch
lập UB nhân dân tự quản
Lan rộng ra Nam Bộ, Trung Trung Bộ, T.Nguyên

Kết quả:

lập **Mặt trận dân tộc giải phóng MNVN (20/12/1960)**
(Nguyễn Hữu Thọ)

Ý nghĩa

Giáng đòn ————— chính sách thực dân mới của Mĩ
lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm
Bước phát triển (ngoặt) CMMN: **từ giữ gìn lực lượng → tiến công**



CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Sự kiện nào sau đây đánh dấu miền Bắc Việt Nam được hoàn toàn giải phóng?

- A. Ngày 21/7/1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết.
- B. Ngày 10/10/1954, quân ta tiếp quản Hà Nội.
- C. Ngày 1/1/1955, Trung ương Đảng và Chính phủ ra mắt nhân dân thủ đô.
- D. Ngày 16/5/1955, quân Pháp rút khỏi đảo Cát Bà (Hải Phòng).

Câu 2: Âm mưu cơ bản của Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam sau khi ký Hiệp định Giơnevơ là

- A. phá hoại Hiệp định Giơnevơ nhằm chia cắt Việt Nam.
- B. biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.
- C. biến miền Nam Việt Nam thành căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Dương.
- D. dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm ở miền Nam.

Câu 3: Nhiệm vụ chiến lược của miền Bắc sau năm 1954 là

- A. hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế.
- B. tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- C. đấu tranh chống Mỹ, thống nhất đất nước.
- D. xây dựng chủ nghĩa xã hội và chi viện cho miền Nam kháng chiến.

Câu 4: Nhiệm vụ chung của cách mạng hai miền nước ta trong giai đoạn 1954 – 1975 là

- A. hoàn thành cải cách ruộng đất.
- B. xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- C. kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
- D. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hòa bình thống nhất đất nước.

Câu 5: Vai trò của miền Bắc đối với cách mạng cả nước trong giai đoạn 1954 – 1975 là

- A. là tiền tuyến có vai trò quyết định nhất.
- B. là hậu phương có vai trò quyết định nhất.
- C. là hậu phương có vai trò quyết định trực tiếp.
- D. là tiền tuyến có vai trò quyết định trực tiếp.

Câu 6: Phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960) nổ ra trong hoàn cảnh nào?

- A. Cách mạng miền Nam gặp nhiều khó khăn do chính sách khủng bố, đàn áp của Mỹ - Diệm.
- B. Mỹ - Diệm ra sức phá hoại Hiệp định Giơnevơ.
- C. Nhân dân miền Nam tích cực đấu tranh đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ.
- D. Mỹ - Diệm thực hiện chính sách “tố cộng, diệt cộng”.

Câu 7: Phong trào “Đồng Khởi” (1959 – 1960) nổ ra đầu tiên ở đâu?

- A. Vĩnh Thạnh (Bình Định).
- B. Bác Ái (Ninh Thuận).
- C. Trà Bồng (Quảng Ngãi).
- D. Mỏ Cày (Bến Tre).

Câu 8: Sự kiện nào sau đây đánh dấu bước ngoặt của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công?

- A. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (12/1960).
- B. Thắng lợi của phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960).
- C. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.
- D. Hiệp định Pari được ký kết năm 1973.

Câu 9: Ý nghĩa nào sau đây **không** phải của phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960)?

- A. Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ.
- B. Làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm.
- C. Đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

D. Dẫn đến sự ra đời Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Câu 10: Phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960) đánh dấu bước ngoặt của cách mạng miền Nam vì

- A. chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.
- B. dẫn đến sự ra đời Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
- C. làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.
- D. giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ.

Câu 11: Vai trò của miền Nam đối với cách mạng cả nước trong giai đoạn 1954 – 1975 là

- A. là tiền tuyến có vai trò quyết định nhất.
- B. là hậu phương có vai trò quyết định nhất.
- C. là hậu phương có vai trò quyết định trực tiếp.
- D. là tiền tuyến có vai trò quyết định trực tiếp.

Câu 12: Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam sau cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc được thông qua tại đại hội nào?

- A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2/1951).
- B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (9/1960).
- C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12/1976).
- D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (3/1982).

Câu 13: Từ năm 1961 đến 1965, Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh gì ở Việt Nam?

- A. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.
- B. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
- C. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
- D. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Câu 14: Từ năm 1965 đến 1968, Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh gì ở Việt Nam?

- A. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.
- B. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
- C. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
- D. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Câu 15: Từ năm 1969 đến 1973, Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh gì ở Việt Nam?

- A. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.
- B. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
- C. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
- D. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Câu 16: Âm mưu cơ bản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là

- A. dùng người Việt đánh người Việt.
- B. đề ra kế hoạch Xtalây – Taylo (1961 – 1963) bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.
- C. mở các đợt hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng.
- D. ngăn cản sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam.

Câu 17: Thủ đoạn đóng vai trò “xương sống” trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ là

- A. tăng cường viện trợ quân sự, cố vấn quân sự, quân đội Sài Gòn.
- C. Đòn dân lập “Áp chiến lược”.
- B. thực hiện chiến thuật mới “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”.
- D. lập bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở miền Nam.

Câu 18: Thắng lợi mở đầu của quân dân miền Nam chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ là

- A. Ấp Bắc (Mỹ Tho).
- B. Bình Giã (Bà Rịa).
- C. An Lão (Bình Định).
- D. Ba Gia (Quảng Ngãi).

Câu 19: Chiến thắng nào trong đông xuân 1964 – 1965 của quân dân miền Nam đã làm cho chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ bị phá sản về cơ bản?

- A. Bình Giã (Bà Rịa).
- B. An Lão (Bình Định).
- C. Ba Gia (Quảng Ngãi).
- D. Đồng Xoài (Bình Phước).

Câu 20: Thắng lợi nào của quân dân miền Nam đóng vai trò quyết định trong việc đánh bại chiến lược “Chiến tranh đơn phương” của Mỹ (1954 – 1960)?

- A. Đồng khởi (Bến Tre). B. Ấp Bắc (Mỹ Tho). C. Bình Giã (Bà Rịa). **D. Ba Gia (Quảng Ngãi).**

Câu 21: Pháp thực hiện rút quân khỏi miền Nam Việt Nam trong bối cảnh nào?

- A.** Pháp đã hoàn tất chuyển giao trách nhiệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ cho Mỹ.
B. Pháp đã thi hành đầy đủ các điều khoản của Hiệp định Giơ-ne-vơ.
C. Miền Nam đã tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước.
D. Miền Nam chưa thực hiện cuộc hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất 2 miền Nam – Bắc.

Câu 22: Trong 2 năm (1954 – 1956), miền Bắc đã tiến hành bao nhiêu đợt cải cách ruộng đất?

- A. 2 đợt. B. 3 đợt. **C. 4 đợt.** D. 5 đợt.

Câu 23: Những thành tựu miền Bắc đạt được trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) có ý nghĩa

- A.** làm thay đổi bộ mặt xã hội miền Bắc. B. miền Bắc trở thành hậu phương vững chắc cho cách mạng cả nước.
C. miền Bắc đã xây dựng được cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. D. củng cố khối liên minh công – nông.

Câu 24: Ai là người đầu tiên giữ chức Chủ tịch Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam?

- A. Nguyễn Thị Bình. B. Lê Đức Thọ. **C. Nguyễn Hữu Thọ.** D. Huỳnh Tấn Phát.

Câu 25: Nội dung quan trọng nhất của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) là

- A.** đề ra nhiệm vụ chiến lược cho cách mạng cả nước và cách mạng từng miền.
B. thông qua Báo cáo chính trị và Báo cáo sửa đổi điều lệ Đảng.
C. thông qua kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965).
D. bầu Ban chấp hành Trung ương mới của Đảng.

Câu 26: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) đã bầu ai làm Bí thư thứ nhất?

- A. Hồ Chí Minh. B. Phạm Văn Đồng. **C. Lê Duẩn.** D. Trường Chinh.

Câu 27: Ý nghĩa nào sau đây **không** phải của chiến thắng Ấp Bắc (1/1963)?

- A. Làm dấy lên phong trào “thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”.
B. Chứng minh quân dân miền Nam có thể đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
C. Đánh dấu sự phá sản bước đầu của chiến thuật “trục thăng vận”, “thiết xa vận”.
D. Làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

Câu 28: Kết quả của cuộc đấu tranh chống phá áp chiến lược của nhân dân miền Nam trong cuộc đấu tranh chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”?

- A. Cuối năm 1962, cách mạng kiểm soát trên nửa tổng số ấp chiến lược với gần 70% nông dân.
B. Năm 1963, địch chỉ kiểm soát được 1/3 tổng số ấp chiến lược ở miền Nam.
C. Cuối năm 1962, cách mạng kiểm soát được ½ lãnh thổ và ½ dân số miền Nam.
D. Năm 1965, kế hoạch xây dựng ấp chiến lược của Mỹ ở miền Nam bị phá sản hoàn toàn.

Câu 29: Mục tiêu chủ yếu của kế hoạch Giơnxơn – Mác Namara (1964 – 1965) là

- A. bình định miền Nam trong vòng 16 tháng. **B. bình định miền Nam có trọng điểm trong vòng 2 năm.**
C. bình định miền Nam trong vòng 18 tháng. D. bình định miền Nam có trọng điểm trong vòng 18 tháng.

Câu 30: Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” được thực hiện trong thời kỳ của Tổng thống Mỹ nào?

- A. Giôn-xơn. B. Ních-xơn. C. Ken-nơ-đi. D. Ken-nơ-đi và Giôn-xơn.

Câu 31: Sự kiện Mỹ đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm chứng tỏ điều gì?

- A. Mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền Sài Gòn ngày càng sâu sắc. B. Mâu thuẫn giữa Mỹ - Diệm không thể điều hòa.
C. Chính quyền Sài Gòn đã lung lay tận gốc rễ. D. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương” của Mỹ bị thất bại.

Câu 32: Những thắng lợi quân sự của ta trong đông xuân 1964 – 1965 có ý nghĩa gì?

- A. Chứng tỏ quân dân miền Nam có thể đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
B. Đánh dấu sự phá sản về cơ bản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.
C. Làm lung lay chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.
D. Làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

Câu 33: Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhấn mạnh: Phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là

- A. khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.
B. để nhân dân Miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ Mĩ – Diệm.
C. kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao.
D. Tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn, đô thị) bằng ba mũi (chính trị, quân sự, binh vận).

Câu 34: Kết quả lớn nhất của phong trào Đồng khởi là:

- A. bộ máy cai trị của địch bị phá vỡ từng mảng.
B. lực lượng vũ trang được hình thành và phát triển.
C. thành lập được Ủy ban nhân dân tự quản.
D. dẫn đến sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20/12/1960).

Câu 35: Để thực hiện mục tiêu của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Mỹ đã đề ra kế hoạch gì nhằm bình định miền Nam trong vòng 18 tháng?

- A. Kế hoạch Xtalây – Taylo. B. Kế hoạch Giôn-xơn – Mác Namara.
C. Dồn dân lập “Áp chiến lược”. D. Thành lập Bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở miền Nam.

Câu 36: Chiến thắng nào sau đây của ta đã mở ra khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”?

- A. Ấp Bắc (Mỹ Tho). B. Bình Giã (Bà Rịa). C. Đồng Xoài (Bình Phước). D. Ba Gia (Quảng Ngãi).

Câu 37: Trọng tâm của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) ở miền Bắc là gì?

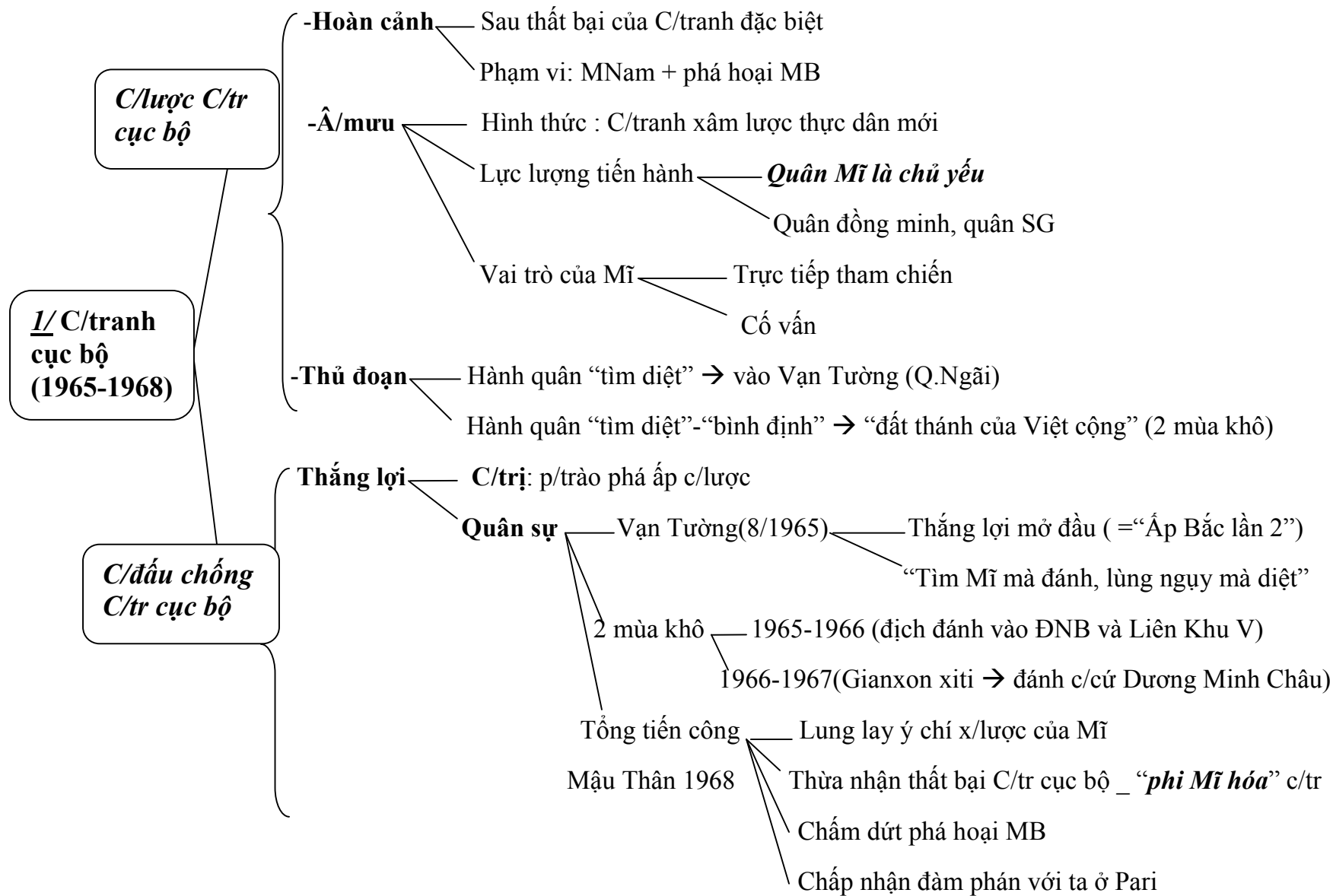
- A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng. B. Ưu tiên phát triển công nghiệp nhẹ.
C. Xây dựng chủ nghĩa xã hội. D. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

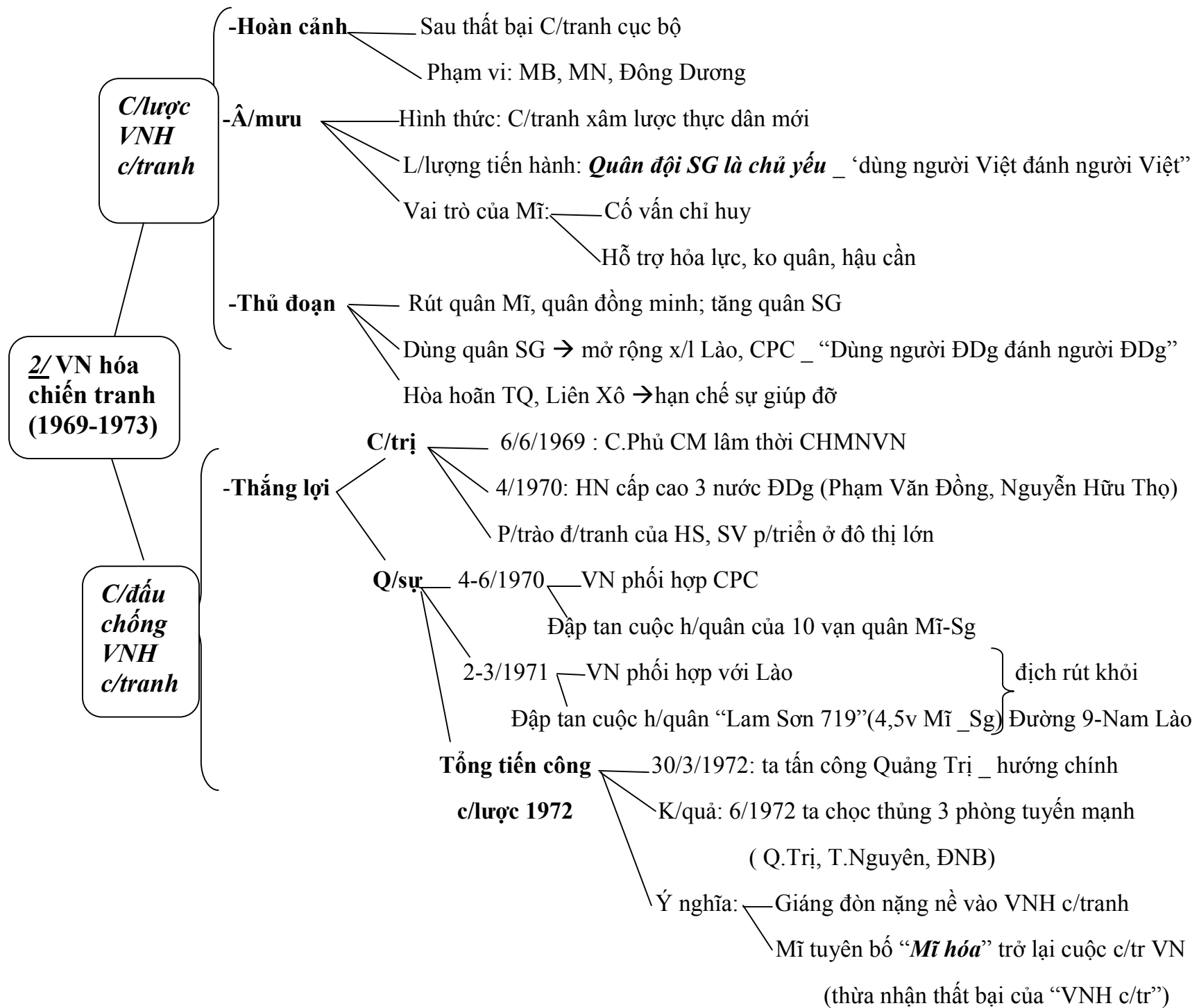
Câu 38: Những thắng lợi quân sự của ta trong đông – xuân 1965 – 1965 là

- A. Ấp Bắc (Mỹ Tho), Bình Giã (Bà Rịa), Đồng Xoài (Bình Phước), Ba Gia (Quảng Ngãi).
B. Bình Giã (Bà Rịa), An Lão (Bình Định), Đồng Xoài (Bình Phước), Ba Gia (Quảng Ngãi).
C. Bình Giã (Bà Rịa), An Lão (Bình Định), Đồng Xoài (Bình Phước), Vạn Tường (Quảng Ngãi).
D. Vạn Tường (Quảng Ngãi), Bình Giã (Bà Rịa), Ấp Bắc (Mỹ Tho), Đồng Xoài (Bình Phước).

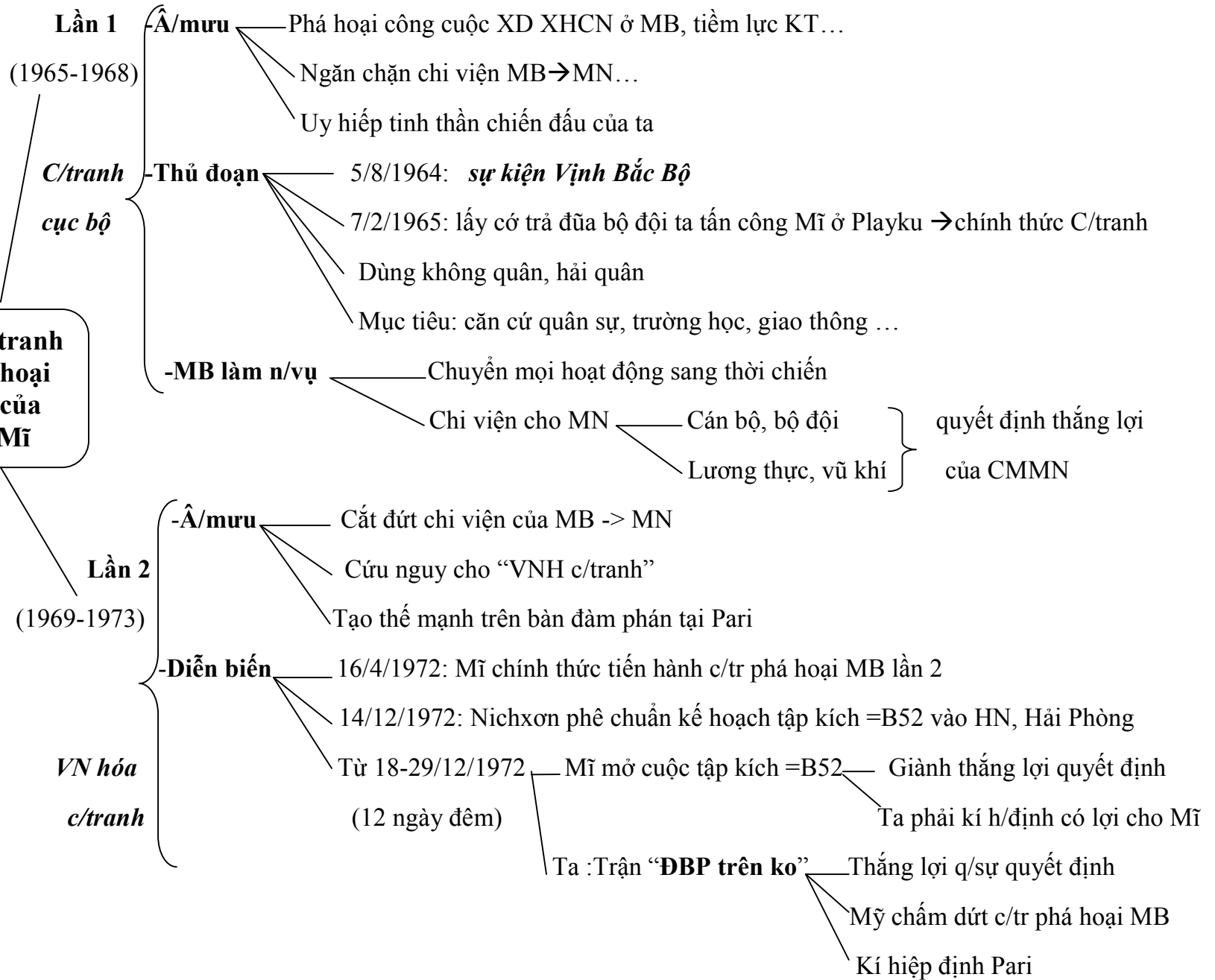
HẾT

**Bài 22: NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC.
NHÂN DÂN MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU VỪA SẢN XUẤT (1965 – 1973)**



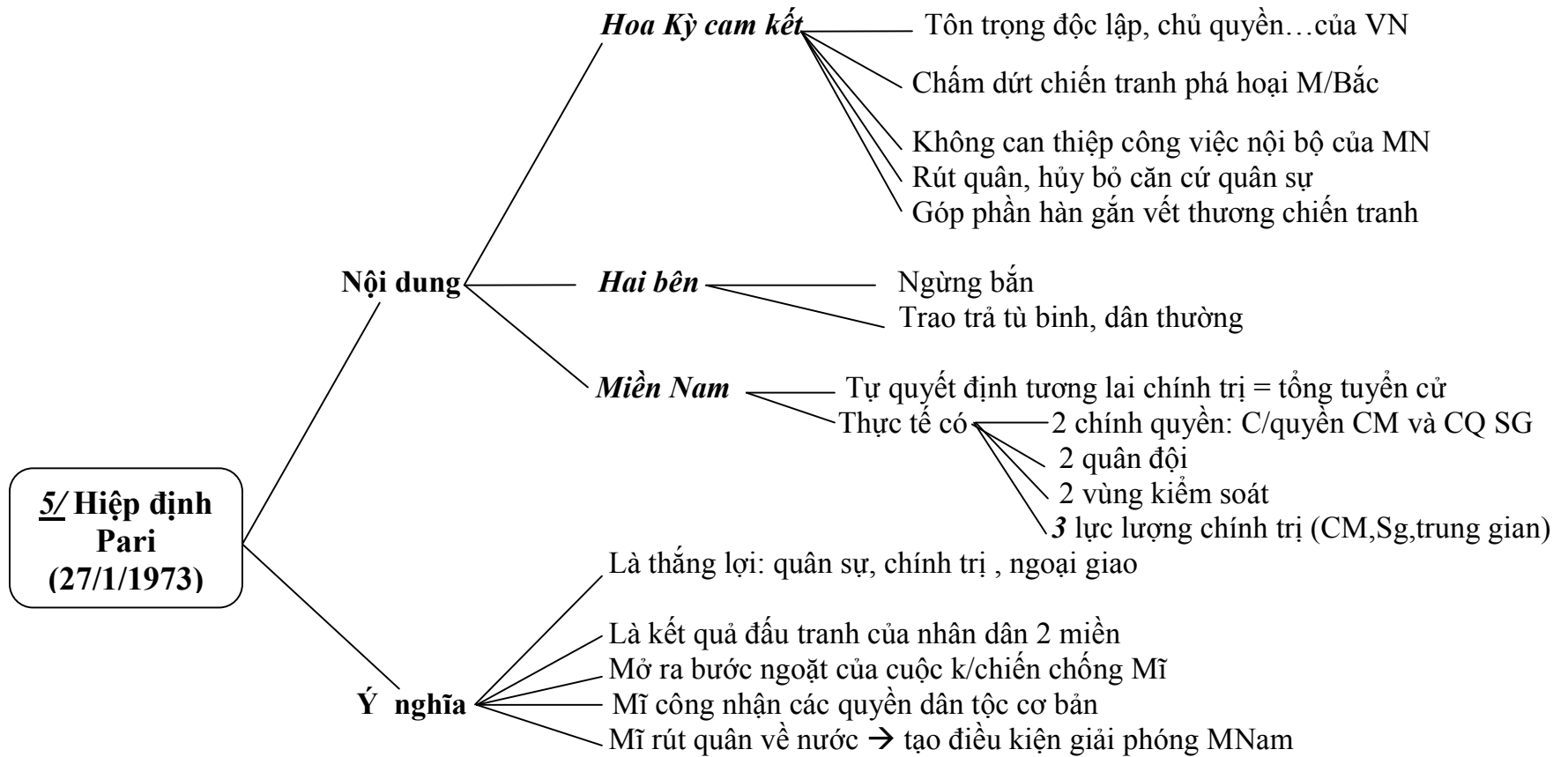


3/C/tranh phá hoại MB của ĐQ Mĩ



4/Các chiến lược chiến tranh của Mĩ

C/I C/tr Nội dung	Chiến tranh đặc biệt (1961-1965)	Chiến tranh cục bộ (1965-1968)	Việt Nam hóa chiến tranh (1969-1973)
Hoàn cảnh	-Sau thất bại của c/tranh đơn phương - Phạm vi: Miền Nam	- Sau thất bại của c/tranh đặc biệt - Phạm vi: MĩNam + P/hoại MB lần 1	- Sau thất bại của c/tranh cục bộ - P/vi: MN + P/hoại MB lần 2 + ĐĐg
Âm mưu	-Hình thức: xâm lược thực dân mới -L/lượng: q/đội SG – “Dùng người Việt đánh người Việt” - Vai trò của Mĩ: Cố vấn chỉ huy và trang bị phương tiện chiến tranh	- H/thức: Xâm lược thực dân mới - L/lượng: Q/đội Mĩ – chủ yếu quân đồng minh và quân SG - Vai trò Mĩ: Cố vấn và trực tiếp tham gia chiến đấu	-Hình thức: xâm lược thực dân mới -L/lượng: q/đội SG là chủ yếu – tiếp tục “Dùng người Việt đánh người Việt” - Vai trò của Mĩ: Cố vấn chỉ huy và hỗ trợ hỏa lực, ko quân
Thủ đoạn	-Kế hoạch Stalay – Taaylo: + Lập ấp chiến lược – xương sống + Chiến thuật “ trực thăng vận,thiết sa vận”	-2 gọng kìm “tìm diệt” và “bình định” → “đất thánh của Việt cộng” -Hành quân càn quét (2 mùa khô)	- Rút dần quân Mĩ – quân đồng minh - Sử dụng quân SG →xâm lược Lào, CPC
Thắng lợi của ta	-Quân sự: + Ấp Bắc (1/1963)_ mở đầu + Đ/Xuân 1964- 1965: 1/. Bình Giã, 2/. An Lão, Ba Giai, Đồng Xoài. -C/trị: + Phong trào phá ấp chiến lược + Phong trào HS-SV: Huế, SG, Đà Nẵng	-Quân sự: + Vạn Tường(8/1965) + C/thắng 2 mùa khô: 1965-1966 và 1966-1967 +Tổng tiến công Mậu Thân 1968 -C/trị: Phong trào phá ấp chiến lược, đòi Mĩ rút về nước	- Quân sự: +4-6/1970: VN-CPC →đập tan cuộc hành quân của 10v quân Mĩ –SG + 2-3/1971: VN-Lào →đập tan hành quân “Lam Sơn 719” của 4,5v Mĩ-SG + 30/3/1972: tấn công Q.Trị , chọc thủng 3 phòng tuyến: Q.Trị, T.Ng, ĐNB -C/trị: + 6/6/1969: C.Phủ CM lâm thời Cộng hòa MNVN + 4/1970: HN cấp cao 3 nước ĐĐ + Thành thị:P/trào đ/tr của HSSV + Nông thôn: P/trào phá “ấp chiến lược”, chống “bình định”



→ Thắng lợi của Hiệp định Pari 1973 đã hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho Mĩ cút”
 (Lê Đức Thọ: đại diện VN Dân chủ Cộng hòa kí H/đ Pari,
 Nguyễn Thị Bình: đại diện CPCPM lâm thời CHMNVN)

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ ra đời trong hoàn cảnh nào?

- A. Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
 B. Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.
 C. Sau thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.
 D. Sau khi Mỹ đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm.

Câu 2: Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ được tiến hành bằng

- A. quân đội tay sai.
 B. quân đội Mỹ là chủ yếu.
 C. quân đội Sài Gòn là chủ yếu.
 D. quân đồng minh của Mỹ là chủ yếu.

Câu 3: Vai trò nổi bật của Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là

- A. cố vấn chỉ huy và viện trợ quân sự.
 B. trang bị vũ khí và phương tiện chiến tranh.

C. cố vấn chỉ huy và trực tiếp tham chiến.

D. hỗ trợ về hỏa lực và không quân.

Câu 4: Thủ đoạn chính của Mỹ sử dụng trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là

A. đề ra kế hoạch Xtalây – Taylo.

C. mở các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” vào vùng “đất thánh Việt cộng”.

B. đề ra kế hoạch Giônxon – Macnamara.

D. mở các đợt hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng.

Câu 5: Chiến thắng nào của quân dân miền Nam chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ có ý nghĩa mở ra cao trào “Tìm Mĩ mà đánh, lùng nguỵ mà diệt” trên khắp miền Nam?

A. Chiến thắng Ấp Bắc (1/1963).

B. Chiến thắng Vạn Tường (8/1965).

C. Chiến thắng mùa khô lần thứ nhất (1965 – 1966).

D. Chiến thắng mùa khô lần thứ hai (1966 – 1967).

Câu 6: Chiến thắng nào sau đây **không** phải là thắng lợi quân sự của quân dân miền Nam chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ?

A. Chiến thắng Bình Giã (2/1964).

B. Chiến thắng Vạn Tường (8/1965).

C. Chiến thắng hai mùa khô (1965 – 1966) và (1966 – 1967).

D. Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968.

Câu 7: Thắng lợi nào của quân dân miền Nam buộc Mỹ phải thừa nhận thất bại của “Chiến tranh cục bộ” (tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh xâm lược Việt Nam)?

A. Chiến thắng Vạn Tường (8/1965).

B. Chiến thắng mùa khô lần thứ nhất (1965 – 1966).

C. Chiến thắng mùa khô lần thứ hai (1966 – 1967).

D. Cuộc Tổng tiến công Xuân Mậu Thân 1968.

Câu 8: Ý nghĩa nào sau đây **không** phải của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968?

A. Mở ra cao trào “Tìm Mĩ mà đánh, lùng nguỵ mà diệt” trên khắp miền Nam.

B. Làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ.

C. Buộc Mỹ phải thừa nhận thất bại của “Chiến tranh cục bộ”.

D. Buộc Mỹ phải chấp nhận đàm phán với ta ở Pari.

Câu 9: Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất trong khoảng thời gian nào?

A. 1954 – 1960.

B. 1960 – 1965.

C. 1965 – 1968.

D. 1969 – 1973.

Câu 10: Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất **không** nhằm mục đích nào sau đây?

A. Phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.

B. Ngăn chặn sự chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.

C. Uy hiếp tinh thần và làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân hai miền nước ta.

D. Cứu nguy cho chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và tạo thế mạnh trên bàn đàm phán.

Câu 11: Thủ đoạn chính của Mỹ trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất là

A. dựng nên “sự kiện Vịnh Bắc Bộ”.

B. phong tỏa cảng Hải Phòng, các cửa sông, vùng biển miền Bắc.

C. tập kích bằng B52 vào Hà Nội và một số thành phố khác ở miền Bắc.

D. dùng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc.

Câu 12: Điểm giống nhau cơ bản của ba chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hóa chiến tranh” là

A. loại hình chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ.

B. tiến hành bằng quân đội tay sai.

C. tiến hành bằng quân đội Mỹ.

D. Mỹ cố vấn và tham chiến.

Câu 13: Phạm vi thực hiện của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” là

A. miền Bắc Việt Nam

B. miền Nam Việt Nam

C. miền Bắc và miền Nam Việt Nam

D. toàn Đông Dương

Câu 14: Để thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh”, Mỹ **không** dùng thủ đoạn nào sau đây?

- A. Rút dần quân Mỹ và quân đồng minh, tăng cường lực lượng quân đội Sài Gòn.
- B. Sử dụng quân đội Sài Gòn để mở rộng chiến tranh xâm lược Campuchia (1970) và Lào (1971).
- C. Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.
- D. Tăng dần quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ.

Câu 15: Thắng lợi chính trị nào sau đây có ý nghĩa quan trọng nhất thúc đẩy phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ?

- A. Ngày 6/6/1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập.
- B. Ngày 24/4/1970, Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương biểu thị quyết tâm đoàn kết chống Mỹ.
- C. Phong trào học sinh, sinh viên ở Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng phát triển rầm rộ.
- D. Ở nông thôn, phong trào chống “bình định” và phá “ấp chiến lược” phát triển.

Câu 16: Chiến thắng nào sau đây **không** phải là thắng lợi quân sự của quân dân miền Nam chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mỹ?

- A. Từ 30/4 đến 30/6/1970, ta phối hợp với quân dân Campuchia đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của 10 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn.
- B. Từ 12/2 đến 23/3/1971, ta phối hợp với quân dân Lào đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn 719” của 4,5 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn.
- C. Ngày 30/3/1972, ta mở cuộc tiến công chiến lược đánh Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu rồi phát triển khắp chiến trường miền Nam.

D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968.

Câu 17: Chiến thắng nào sau đây có ý nghĩa buộc Mỹ phải thừa nhận thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam)?

- A. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968.
- B. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.
- C. Trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.
- D. Mỹ ký Hiệp định Pari năm 1973.

Câu 18: Thắng lợi nào sau đây có ý nghĩa quyết định buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc và ký Hiệp định Pari năm 1973?

- A. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968.
- B. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập năm 1969.
- C. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.

D. Trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.

Câu 19: Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975), nhân dân Việt Nam đã căn bản hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho Mỹ cút” bằng thắng lợi nào?

- A. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.
- B. Trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.
- C. Mỹ ký Hiệp định Pari năm 1973.
- D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975.

Câu 20: Thắng lợi nào sau đây là của sự kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao và mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ?

A. Phong trào Đồng khởi (1959 – 1960).

B. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.

C. Hiệp định Pari năm 1973.

D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975.

Câu 21: Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của Hiệp định Pari năm 1973?

A. Hiệp định Pari là thắng lợi của sự kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao.

B. Là kết quả cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất của quân dân hai miền.

C. Buộc Mỹ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta và rút hết quân về nước.

D. Kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam.

Câu 22: Nội dung nào sau đây **không** có trong Hiệp định Pari năm 1973?

A. Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

B. Hoa Kỳ rút hết quân đội và cam kết không can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

C. Nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do.

D. Các bên tham chiến ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.

Câu 23: Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” được thực hiện trong thời kỳ của Tổng thống Mỹ nào?

A. Giôn-xơn.

B. Ních-xơn.

C. Ken-nơ-đi.

D. Ai-xen-hao.

Câu 24: Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” được thực hiện trong thời kỳ của Tổng thống Mỹ nào?

A. Giôn-xơn.

B. Ních-xơn.

C. Ken-nơ-đi.

D. Ai-xen-hao.

Câu 25: Hướng tiến công chính của Mỹ trong đợt phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (1965 – 1966) là

A. Đông Nam Bộ, Tây Nguyên.

B. Đông Nam Bộ, Liên Khu V.

C. Tây Nam Bộ, Liên Khu V.

D. Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

Câu 26: Căn cứ Dương Minh Châu nằm ở tỉnh nào?

A. Đồng Nai.

B. Tây Ninh.

C. Bình Phước.

D. Quảng Nam.

Câu 27: Vì sao nói cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968 đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước?

A. Đưa cuộc kháng chiến của ta chuyển sang giai đoạn vừa đánh vừa đàm.

B. Làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ.

C. Buộc Mỹ thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

D. Mỹ phải tuyên bố chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Câu 28: Sự kiện Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập (6/6/1969) có ý nghĩa quan trọng nhất là

A. thắng lợi chính trị to lớn nhất của ta.

B. tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng miền Nam giành được những thắng lợi về quân sự.

C. hoàn chỉnh hệ thống chính quyền cách mạng miền Nam đáp ứng yêu cầu cấp thiết của mặt trận đấu tranh ngoại giao.

D. tạo cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta.

Câu 29: Hướng tiến công của Mỹ và quân đội Sài Gòn trong cuộc hành quân chiến lược “Lam Sơn – 719” là

A. Đông Nam Bộ.

B. Tây Nguyên.

C. Liên Khu V.

D. Đường 9 – Nam Lào.

Câu 30: Hướng tiến công chủ yếu của quân ta trong cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 là

- A. Quảng Trị. B. Tây Nguyên. C. Đông Nam Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 31: Ý nghĩa lịch sử to lớn nhất của cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 là

- A. Giáng đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.
B. Làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.
C. Làm phá sản về cơ bản chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.
D. Làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ.

Câu 32: Quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta được khẳng định trong Hiệp định Pari năm 1973 là gì?

- A. Độc lập, chủ quyền. B. Thống nhất.
C. Toàn vẹn lãnh thổ. D. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Câu 33: Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai (1969 – 1973) nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.
B. Cắt đứt sự chi viện từ miền Bắc vào miền Nam.
C. Uy hiếp tinh thần chống Mĩ của nhân dân hai miền nước ta.
 D. Cứu nguy cho chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và tạo thế mạnh trên bàn đàm phán.

Câu 34: Nhiệm vụ cơ bản của miền Bắc nước ta trong thời kỳ 1965 – 1968 là

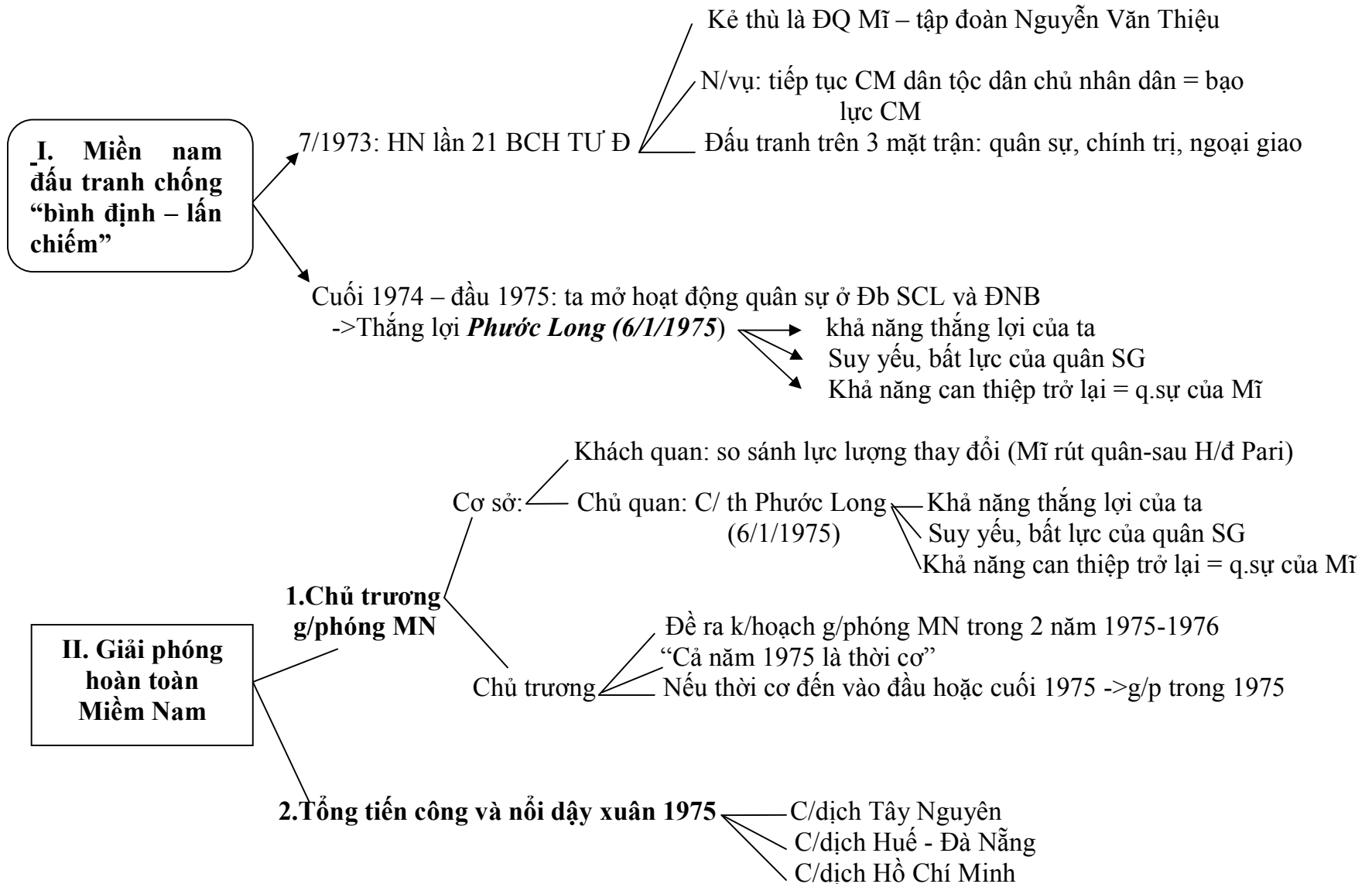
- A. chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ. B. tiếp tục chi viện cho miền Nam kháng chiến chống Mỹ.
C. vừa chiến đấu, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương lớn. D. chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến.

Câu 35: Thắng lợi của quân dân miền Bắc trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ có ý nghĩa gì?

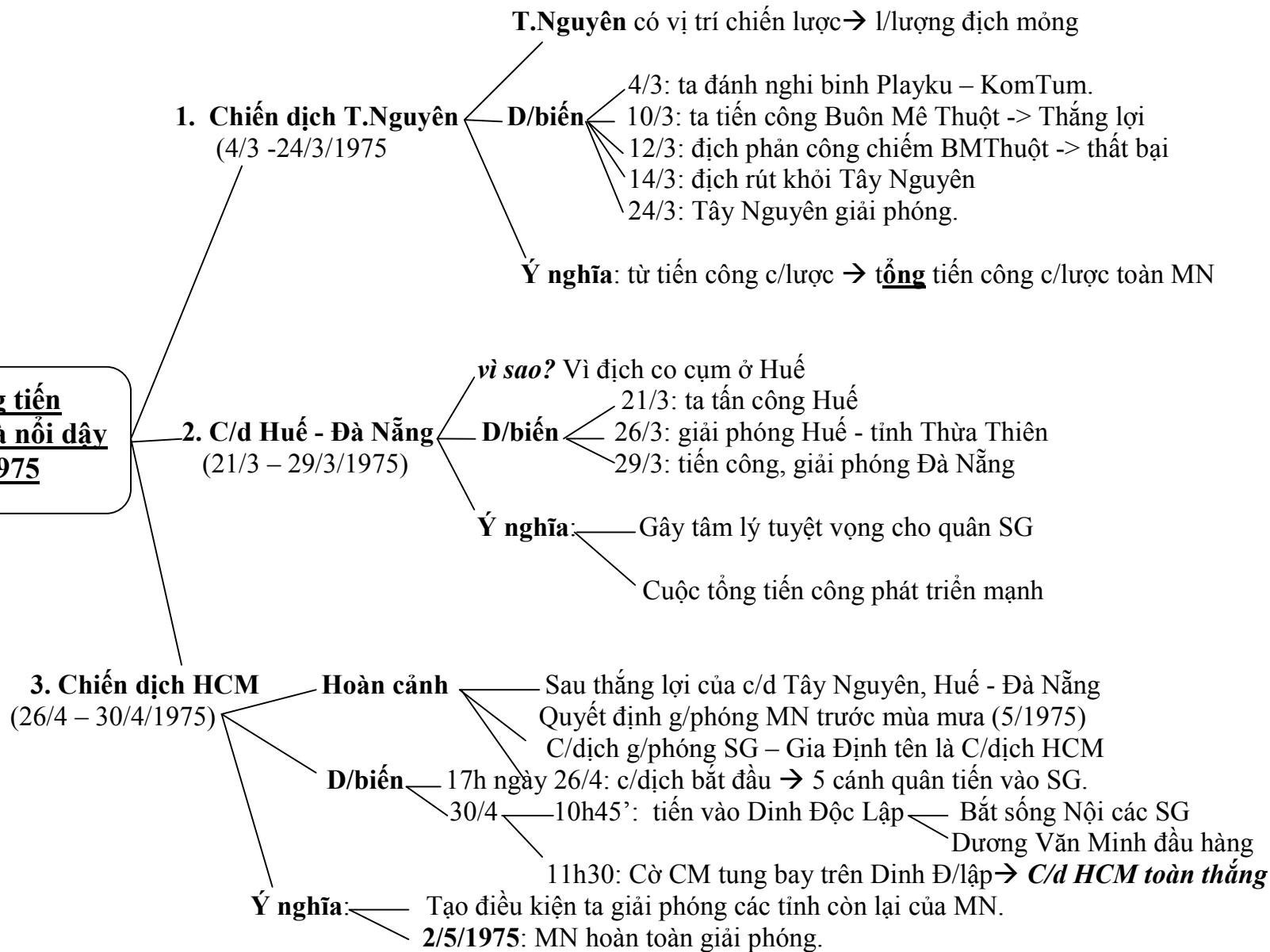
- A. Góp phần làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ. B. Buộc Mỹ thừa nhận thất bại của “Chiến tranh cục bộ”.
C. Buộc Mỹ phải rút quân về nước. D. Buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari.

HẾT

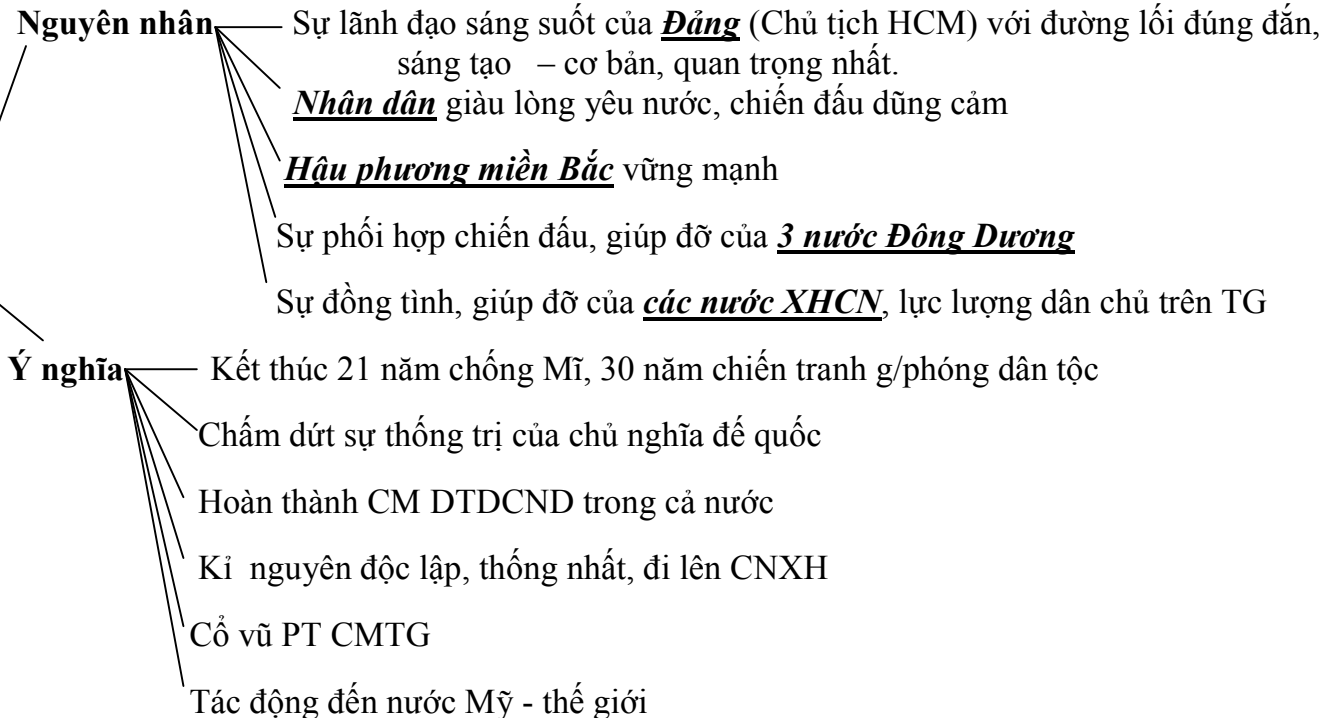
**Bài 23 : KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC,
GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 – 1975)**



2. Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975



III. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử k/c chống Mỹ



→ “Thắng lợi đó mãi mãi ghi vào LS dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, đi vào LSTG như một chiến công vĩ đại của T/kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng to lớn và có tính thời đại sâu sắc”

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

- Câu 1:** Sau Hiệp định Pari năm 1973, so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng vì
- A. quân đội ta ngày càng lớn mạnh.
 - B. quân đội Sài Gòn ngày càng suy yếu.
 - C. vùng giải phóng của ta ngày càng được mở rộng.
 - D. Mỹ phải rút hết quân về nước.
- Câu 2:** Đối với Việt Nam, chiến thắng vang dội ở Phước Long (1/1975) đã cho thấy
- A. ta có khả năng giải phóng hoàn toàn miền Nam trong năm 1975.
 - B. sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của quân ta.
 - C. sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn.
 - D. khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự rất hạn chế của Mỹ.
- Câu 3:** Trước tình hình so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho cách mạng, Bộ chính trị Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam
- A. trong năm 1973 và 1974
 - B. trong năm 1974 và 1975
 - C. trong năm 1975 và 1976
 - D. trong năm 1976 và 1977
- Câu 4:** Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 diễn ra từ
- A. ngày 4/3/1975 – 30/4/1975
 - B. ngày 4/3/1975 – 2/5/1975
 - C. ngày 26/4/1975 – 30/4/1975
 - D. ngày 26/4/1975 – 2/5/1975

- Câu 5:** Tại sao Bộ chính trị Trung ương Đảng quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tấn công chủ yếu trong năm 1975?
A. Đây là địa bàn chiến lược quan trọng ta muốn nắm giữ. B. Địch chốt giữ ở đây một lực lượng mỏng.
C. Địch bố phòng ở đây có nhiều sơ hở. **D. Đây là địa bàn chiến lược quan trọng nhưng địch bố trí lực lượng mỏng và sơ hở.**
- Câu 6:** Thắng lợi then chốt mở màn cho chiến dịch Tây Nguyên từ ngày 4/3 đến 24/3/1975 là
A. giành thắng lợi ở Plâyku. B. giành thắng lợi ở Kon Tum.
C. giành thắng lợi ở Buôn Ma Thuột. D. giành thắng lợi ở Bảo Lộc.
- Câu 7:** Ý nghĩa của chiến dịch Tây Nguyên trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là
A. tạo điều kiện cho các vùng khác ở miền Nam giải phóng.
B. tạo cơ sở để Bộ chính trị Trung ương Đảng mở chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
C. gây tâm lý tuyệt vọng trong quân đội Sài Gòn.
D. đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ chuyển từ tiến công chiến lược thành tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.
- Câu 8:** Tây Nguyên được hoàn toàn giải phóng vào ngày nào?
A. 10/3/1975. B. 12/3/1975. C. 14/3/1975. **D. 24/3/1975.**
- Câu 9:** Huế được hoàn toàn giải phóng vào ngày nào?
A. 21/3/1975. B. 23/3/1975. C. 25/3/1975. **D. 26/3/1975.**
- Câu 10:** Đà Nẵng được hoàn toàn giải phóng vào ngày nào?
A. 21/3/1975. B. 23/3/1975. C. 26/3/1975. **D. 29/3/1975.**
- Câu 11:** Miền Nam được hoàn toàn giải phóng vào ngày nào?
A. 26/4/1975. **B. 30/4/1975.** C. 1/5/1975. D. 2/5/1975.
- Câu 12:** Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến dịch Hồ Chí Minh từ 26/4 – 30/4/1975 là
A. thắng lợi lớn nhất của ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.
B. kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
C. tạo điều kiện cho quân dân ta tiến công và nổi dậy giải phóng các tỉnh còn lại ở Nam Bộ.
D. giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước.
- Câu 13:** Sự kiện nào sau đây có ý nghĩa kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam?
A. Hiệp định Pari được ký kết năm 1973. B. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng ngày 30/4/1975.
C. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. D. Miền Nam được hoàn toàn giải phóng ngày 2/5/1975.
- Câu 14:** Thắng lợi nào của Việt Nam đã “đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”?
A. Cách mạng tháng Tám năm 1945. B. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
C. Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975. **D. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).**
- Câu 15:** Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975) là
A. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối đúng đắn, sáng tạo.
B. Nhân dân ta giàu lòng yêu nước, chiến đấu dũng cảm.
C. Có hậu phương miền Bắc vững mạnh.
D. Sự phối hợp chiến đấu và giúp đỡ nhau của 3 nước Đông Dương.

Câu 16: Ý nghĩa quan trọng nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975) giành thắng lợi đối với Việt Nam là

- A. kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, mở ra kỷ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.
- B. chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta.
- C. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.
- D. cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc thế giới.

Câu 17: Ý nghĩa quốc tế to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975) ở Việt Nam giành thắng lợi là

- A. Chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta.
- B. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.
- C. Mở ra kỷ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.
- D. Cổ vũ to lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 18: Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 và chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 có ý nghĩa giống nhau là

- A. thắng lợi quyết định kết thúc một cuộc kháng chiến.
- B. kết thúc một cuộc kháng chiến thống nhất đất nước.
- C. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.
- D. tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi.

Câu 19: Chiến thắng tiêu biểu của ta trong các hoạt động quân sự ở vùng Đông Nam Bộ cuối năm 1974 – đầu 1975 là

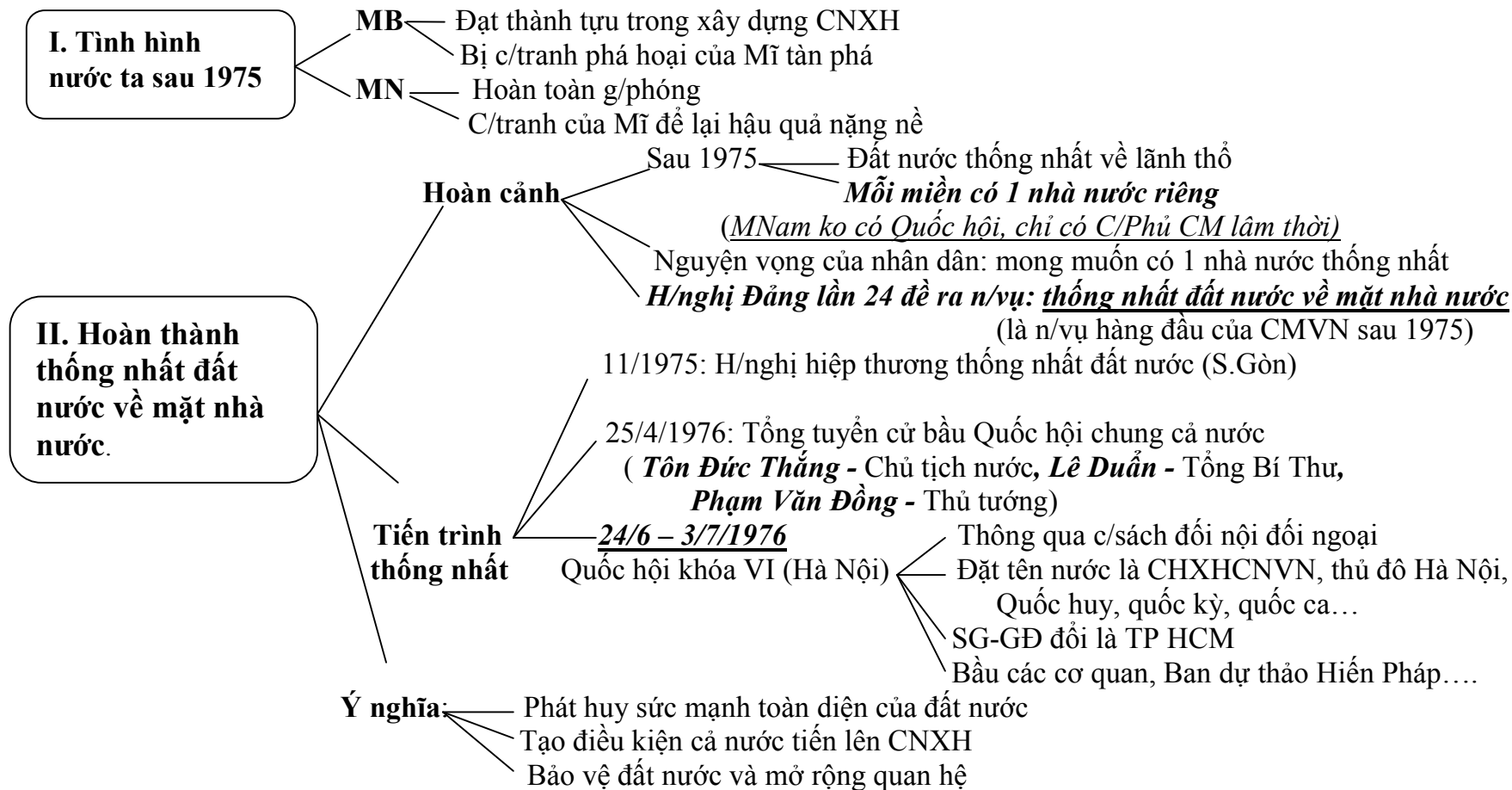
- A. Chiến thắng đường 9 – Nam Lào.
- B. Chiến thắng Phước Long.
- C. Chiến thắng Bình Giả.
- D. Chiến thắng Đồng Xoài.

Câu 20: Ai là người đầu tiên cắm lá cờ chiến thắng trên nóc Dinh Độc Lập ngày 30/4/1975?

- A. Hoàng Đăng Vinh.
- B. Bùi Quang Thận.
- C. Nguyễn Văn Tập.
- D. Đặng Toàn.

HẾT

**Bài 24: VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU SAU THẮNG LỢI
CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC NĂM 1975**



CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Khó khăn cơ bản của đất nước ta sau năm 1975 là gì?

- A. Hậu quả của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. B. Số người mù chữ, số người thất nghiệp chiếm tỷ lệ cao.
 C. Nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu. D. Bọn phản động trong nước vẫn còn.

Câu 2. Sự kiện nào là quan trọng nhất trong quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước năm 1975?

- A. Tổng tuyển cử bầu quốc hội chung trong cả nước (25-4-1975)
 B. Hội nghị Hiệp thương của hai miền Nam - Bắc tại Sài Gòn (11-1975)
 C. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất kỳ họp đầu tiên (24-6 đến 2-7-1976)
 D. Đại hội thống nhất mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 3. Từ năm 1946 đến năm 1980, Quốc hội đã ba lần thông qua Hiến pháp, đó là những Hiến pháp nào?

- A. Hiến pháp năm 1946; Hiến pháp năm 1959; Hiến pháp năm 1980.
- B. Hiến pháp năm 1946; Hiến pháp năm 1960; Hiến pháp 1980.
- C. Hiến pháp năm 1946; Hiến pháp năm 1976; Hiến pháp 1980
- D. Hiến pháp năm 1946; Hiến pháp năm 1976; Hiến pháp 1980.

Câu 4. Đến ngày 20-9-1977, nước ta trở thành thành viên thứ mấy của Liên hợp quốc?

- A. 110
- B. 149
- C. 150
- D. 160

Câu 5. Tên nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua vào thời gian nào?

- A. 21-11-1975.
- B. 25-4-1976.
- C. 2-7-1976
- D. 18-12-1980.

Câu 6. Chủ tịch nước đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là ai?

- A. Hồ Chí Minh.
- B. Tôn Đức Thắng.
- C. Phạm Văn Đồng.
- D. Trường Chinh.

Câu 7. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI có những quyết định nào liên quan tới việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước?

- A. Thống nhất tên nước, xác định Hà Nội là thủ đô của cả nước.
- B. Bầu các cơ quan lãnh đạo cao nhất của cả nước.
- C. Đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh
- D. Bầu ban dự thảo Hiến pháp.

Câu 8. Từ ngày 15 đến ngày 21 - 11- 1975 diễn ra sự kiện gì?

- A. Cuộc tổng tuyển cử của cả nước lần thứ nhất.
- B. Cuộc tổng tuyển cử của cả nước lần thứ hai.
- C. Hội nghị hiệp thương thống nhất đất nước tại Sài Gòn.
- D. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất.

Câu 9. Ngày 25-4-1976 Tổng tuyển cử bầu Quốc Hội chung trong cả nước có bao nhiêu cử tri tham gia?

- A. Hơn 20 triệu.
- B. Hơn 21 triệu.
- C. Hơn 22 triệu.
- D. Hơn 23 triệu.

Câu 10. Việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước có ý nghĩa gì?

- A. Đáp ứng nguyện vọng của nhân dân, tạo điều kiện để cả nước đi lên CNXH.
- B. Tạo điều kiện cho sự thống nhất dân tộc ở các lĩnh vực khác.
- C. Tạo điều kiện để cả nước cùng nhau tiến lên CNXH.
- D. Tạo điều kiện để cả nước cùng nhau xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Câu 11. Tại Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước ở Sài Gòn, đã thông qua vấn đề gì?

- A. Lấy tên là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- B. Chủ trương, biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- C. Quốc kỳ là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca.
- D. Đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 12. Ngày 2-7-1976 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thành lập có bao nhiêu nước công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với ta?

- A. 94 nước.
- B. 49 nước.
- C. 149 nước.
- D. 90 nước.

Câu 13. Nhận định nào sau đây phản ánh đúng nhất về tình hình nước ta sau năm 1975?

- A. Miền Bắc bị tàn phá nặng nề.
- B. Miền Nam được hoàn toàn giải phóng.
- C. Đất nước được thống nhất, nhưng còn gặp nhiều khó khăn.
- D. Các thế lực thù địch vẫn âm mưu chống phá.

Câu 14. Vì sao Việt Nam phải thống nhất đất nước về mặt nhà nước sau đại thắng mùa Xuân 1975?

- A. Vì đất nước bị chia cắt nên cần phải thống nhất.
- B. Vì miền Nam đã được giải phóng.

C. Vì thống nhất là nguyện vọng chung của nhân dân cả nước. D. Vì đất nước gặp nhiều khó khăn.

Câu 15. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước được tổ chức ở đâu?

A. Hà Nội. B. Sài Gòn. C. Huế. D. Đà Nẵng.

Câu 16. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh ý nghĩa của việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước?

A. Phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước. C. Mở ra khả năng to lớn để bảo vệ tổ quốc và mở rộng quan hệ quốc tế.

B. Tạo điều kiện để cả nước đi lên CNXH. D. Mở ra kỉ nguyên độc lập, thống nhất, đi lên CNXH.

Câu 17. Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cả nước ta sau đại thắng mùa Xuân 1975 là gì?

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế. B. Ổn định lại tình hình đất nước.

C. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước. D. Mở rộng quan hệ quốc tế.

Câu 18. Nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước được Đảng ta đề ra ở Hội nghị nào?

A. Hội nghị lần thứ 21. B. Hội nghị lần thứ 24.

C. Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước. D. Hội nghị lần thứ 15.

Câu 19. Sự kiện đánh dấu nước ta chuyển sang thời kỳ cách mạng XHCN trên phạm vi cả nước là

A. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1976). B. cách mạng tháng Tám thành công (1945).

C. kháng chiến chống Pháp thắng lợi (1954). D. miền Nam được hoàn toàn giải phóng (1975).

Câu 20. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là gì?

A. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. B. Xây dựng nước Việt Nam độc lập.

C. Đoàn kết giai cấp công nông. D. Đoàn kết các tổ chức tôn giáo ở trong nước.

Câu 22. Cho các sự kiện sau:

1. Cuộc tổng tuyển cử bầu quốc hội chung khóa VI được tiến hành trong cả nước.

2. Hội nghị lần thứ 24 Ban chấp hành Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

3. Quốc hội khóa VI họp kì đầu tiên tại Hà Nội.

4. Hội nghị Hiệp thương chính trị được tổ chức tại Sài Gòn.

Hãy sắp xếp các sự kiện theo trình tự thời gian quá trình hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

A. 2 – 4 – 1 – 3. B. 1 – 3 – 2 – 4. C. 2 – 3 – 4 – 1. D. 3 – 4 – 2 – 1.

Câu 24. Đánh giá về tình hình cách mạng Việt Nam sau đại thắng mùa xuân 1975?

A. Việt Nam đã hoàn thành sự nghiệp thống nhất lãnh thổ.

B. Việt Nam đã hoàn thành cách mạng vô sản.

C. Việt Nam đã hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

D. Việt Nam đã hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước trên mọi lĩnh vực.

Câu 25. Việc nước ta trở thành thành viên thứ 149 của tổ chức Liên hợp quốc có ý nghĩa gì?

A. Là một thắng lợi lớn trên mặt trận ngoại giao của Đảng và Nhà nước ta năm 1976.

B. Là sự kiện lớn khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

C. Là dấu mốc quan trọng trong quá trình hội nhập quốc tế.

D. Đánh dấu chính sách cấm vận Việt Nam của Mỹ đã thất bại hoàn toàn.

Câu 26. Điền từ còn thiếu trong câu trích từ Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 24 (1975): “.....đất nước vừa là nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước, vừa là quy luật khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, của lịch sử dân tộc Việt Nam”

A. Thống nhất B. Độc lập C. Độc lập và thống nhất D. Giải phóng

Câu 27. Từ năm 1945 đến năm 1976, có mấy lần Tổng tuyển cử bầu Quốc hội được tổ chức trên phạm vi cả nước Việt Nam?

A. 2. B. 3. C. 4. D. 6.

Câu 28. Sự kiện nào là quan trọng nhất trong quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước sau 1975?

- A. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước (25/4/1976).
- B. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất kì họp đầu tiên tại Hà Nội.
- C. Hội nghị Hiệp thương thống nhất đất nước (11/1975).
- D. Đại hội thống nhất Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 29. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9-1975) đã đề ra nhiệm vụ gì dưới đây?

- A. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- B. Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.
- C. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở hai miền Bắc – Nam.
- D. Hoàn thành công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh.

Câu 30. Ngày 20-9-1977, gắn liền với sự kiện Việt Nam tham gia tổ chức nào dưới đây?

- A. Liên hợp quốc. B. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- C. Tổ chức Thương mại quốc tế. D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.

Câu 31. Nội dung nào không thuộc Nghị quyết của kì họp đầu tiên Quốc hội khóa VI?

- A. Nhất trí các chủ trương, biện pháp thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- B. Quyết định đặt tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- C. Bầu các cơ quan lãnh đạo cao nhất của nước Việt Nam thống nhất.
- D. Thông qua chính sách đối nội, đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất.

Câu 32. Sự kiện nào đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước?

- A. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- B. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.
- C. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
- D. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong toàn quốc.

Câu 33. Ý nghĩa quan trọng nhất của kì họp đầu tiên Quốc hội khóa VI (1976) là gì?

- A. Hoàn thành công việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- B. Đổi tên thành phố Sài Gòn – Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh.
- C. Đưa cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn độc lập, thống nhất, đi lên CNXH.
- D. Bầu ra các chức vụ lãnh đạo cao nhất của nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Câu 34. Ý nào sau đây không phản ánh đúng ý nghĩa của việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước sau đại thắng mùa Xuân năm 1975?

- A. Là cơ sở để hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.
- B. Phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.

C. Mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

D. Mở ra những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc.

Câu 35. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh ý nghĩa của hai cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1946 và 1976?

A. Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

B. Đập tan những âm mưu chống phá của kẻ thù.

C. Tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho nhà nước cách mạng tồn tại.

D. Phát huy tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc.

Câu 36. Điểm giống nhau về hoàn cảnh lịch sử diễn ra hai cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1946 và 1976?

A. Được tiến hành ngay sau những thắng lợi to lớn của kháng chiến chống ngoại xâm.

B. Đối mặt với những nguy cơ đe dọa của thù trong, giặc ngoài.

C. Tình hình đất nước có những điều kiện thuận lợi về kinh tế - xã hội.

D. Được sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân loại trên thế giới.

Câu 37. Tinh thần nào dưới đây được phát huy qua hai cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1946 và 1976?

A. Đại đoàn kết dân tộc.

B. Đoàn kết quốc tế vô sản.

C. Yêu nước chống ngoại xâm.

D. Kiên cường vượt qua khó khăn gian khổ.

Câu 38. So với thời điểm sau năm 1954, tình hình miền Nam sau năm 1975 có gì nổi bật?

A. Hoàn toàn giải phóng.

B. Là thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

C. Mỹ dựng lên chế độ Ngô Đình Diệm.

D. Bị tàn phá nặng nề bởi chiến tranh phá hoại của Mỹ.

Câu 39. Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn cả nước tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện nào?

A. Đất nước độc lập, thống nhất.

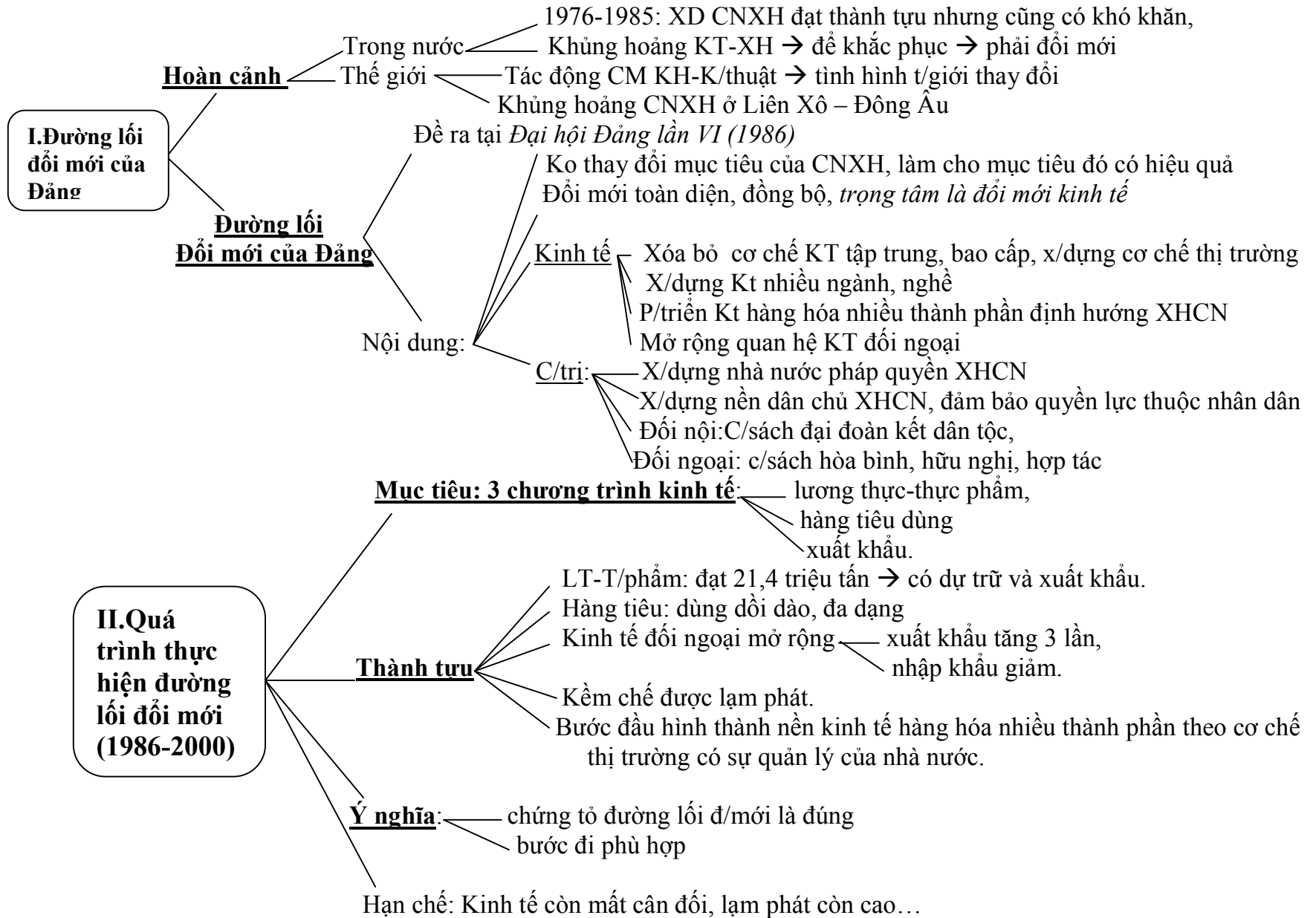
B. Đất nước đã hòa bình.

C. Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng.

D. Miền Bắc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

HẾT

Bài 26: ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986 – 2000)



CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Vì sao Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành đổi mới?

- A. Khắc phục tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- B. Đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.
- C. Đốt nước lâm vào tình trạng khủng hoảng.
- D. Gặp nhiều khó khăn trong đời sống xã hội.

Câu 2. Đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta được thông qua tại

- A. Đại hội lần thứ VI (12-1986).
- B. Đại hội lần thứ VII (6-1991).
- C. Đại hội lần thứ VIII (6-1996).
- D. Đại hội lần thứ IX (4 - 2001).

Câu 3. Nội dung trọng tâm đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước được nêu ra tại Đại hội lần thứ VI là

- A. Đổi mới kinh tế.
- B. Đổi mới chính trị.
- C. Đổi mới về kinh tế và về chính trị.
- D. Đổi mới về văn hóa và xã hội.

Câu 4. Nhiệm vụ chiến lược của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta từ sau năm 1986 đến nay là gì?

- A. Đổi mới, phát triển và hội nhập.
- B. Xây dựng và phát triển đất nước.
- C. Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- D. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đường lối đổi mới trên lĩnh vực kinh tế

- A. thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác.
- B. xóa bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường.
- C. xây dựng nền kinh tế nhiều ngành, nghề, mở rộng kinh tế đối ngoại.
- D. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đường lối đổi mới trên lĩnh vực chính trị

- A. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.
- B. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
- C. Xây dựng nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.
- D. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác.

Câu 7. Từ năm 1986 đến năm 2000, Việt Nam đã thực hiện thắng lợi 3 kế hoạch 5 năm, những thắng lợi này đã khẳng định điều gì?

- A. Đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới là phù hợp.
- B. Hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường.
- C. Kinh tế đối ngoại được mở rộng, hàng xuất khẩu tăng.
- D. Xóa bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường.

Câu 8. Từ sau năm 1975 tới nay, sự kiện nào đã đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của lịch sử dân tộc Việt Nam?

- A. Đường lối đổi mới của Đảng 1986.
- B. Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975.
- C. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước 1976.
- D. Tổng tuyển cử bầu Quốc Hội chung trong cả nước 1976.

Câu 9. Nội dung nào sau đây **không** đúng khi nói về thành tựu của kế hoạch 5 năm 1986 – 1990

- A. Thực hiện 3 chương trình kinh tế: lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và xuất khẩu.
- B. Lương thực, thực phẩm đáp ứng được nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu.

C. Hàng tiêu dùng dồi dào, đa dạng, kim chế được lạm phát.

D. Kinh tế đối ngoại được mở rộng, hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường.

Câu 10. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) của Đảng đã bầu ai làm Tổng Bí thư?

A. Nguyễn Văn Linh.

B. Đỗ Mười.

C. Phạm Văn Đồng.

D. Trường Chinh.

Câu 11. Nguyên nhân khách quan nào sau đây thúc đẩy Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành đổi mới?

A. Do tác động của cách mạng khoa học – kỹ thuật, khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.

B. Khắc phục tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa.

C. Các nước trên thế giới đã tiến hành đổi mới.

D. Công cuộc đổi mới ở Trung Quốc đã thành công, đạt nhiều thành tựu.

Câu 12. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) của Đảng đã xác định nhiệm vụ, mục tiêu trước mắt của kế hoạch 5 năm 1986 – 1990 là gì?

A. Thực hiện Ba chương trình kinh tế: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.

B. Tập trung phát triển công nghiệp đặc biệt là công nghiệp nặng.

C. Xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường.

D. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác.

Câu 13. Việt Nam có thể rút ra kinh nghiệm gì từ sự phát triển kinh tế của các nước tư bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước?

A. Áp dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật.

B. Khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên.

C. Nâng cao trình độ cho người lao động.

D. Tận dụng tốt các cơ hội bên ngoài.

Câu 14. Hình thức khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động nhằm mục đích chủ yếu nhất là gì?

A. Để giải phóng sức lao động nông thôn.

B. Để loại bỏ hiện tượng tiêu cực, quan liêu.

C. Để tiện lợi cho việc sản xuất.

D. Để khuyến khích sản xuất ở nông thôn.

Câu 15. Ngày 11-7-1995, diễn ra sự kiện gì có gắn với chính sách đối ngoại của Đảng ta trong thời kì đổi mới?

A. Việt Nam và Mỹ bình thường hóa quan hệ ngoại giao.

B. Việt Nam chính thức gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á.

C. Việt Nam trở thành thành viên của Liên hiệp quốc.

D. Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước EU.

Câu 16. Ngày 28-7-1995, diễn ra sự kiện gì có gắn với chính sách đối ngoại của Đảng ta trong thời kì đổi mới?

A. Việt Nam chính thức gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á.

B. Việt Nam và Mỹ bình thường hóa quan hệ ngoại giao.

C. Việt Nam tuyên bố "muốn làm bạn" với các nước.

D. Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước Tây Âu.

Câu 17. Đặc điểm nổi bật của tình hình thế giới có tác động đến quá trình đổi mới ở ta trong thập kỷ 80 của thế kỉ XX là gì?

A. Sự phát triển của cách mạng KH – KT, khủng hoảng của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu.

B. Kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng trầm trọng.

C. Sự đối đầu giữa các nước XHCN và TBCN trở nên căng thẳng.

D. Mỹ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.

Câu 18. Định hướng quan trọng nhất trong đường lối đổi mới kinh tế của Đảng là

A. phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN.

- B. xoá bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp, hình thành cơ chế thị trường.
- C. xây dựng nền kinh tế với cơ cấu nhiều ngành, nghề.
- D. mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

Câu 19. Đảng ta nhận định đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà

- A. làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.
- B. làm cho mục tiêu đã đề ra phù hợp với thực tiễn đất nước.
- C. làm cho mục tiêu đề ra nhanh chóng được thực hiện.
- D. làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

Câu 20. Đại hội Đảng lần thứ VI (12/1986) là đại hội

- A. xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. xây dựng và phát triển kinh tế.
- C. xây dựng và chỉnh đốn Đảng.
- D. mở đầu công cuộc đổi mới.

Câu 21. Ba chương trình kinh tế được đề ra trong kế hoạch 5 năm (1986-1990) là

- A. lương thực, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.
- B. lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng.
- C. lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.
- D. lương thực, hàng tiêu dùng.

Câu 22. Tại sao trong đường lối đổi mới Đảng ta cho rằng trọng tâm là đổi mới kinh tế?

- A. Kinh tế phát triển là cơ sở để nước ta đổi mới trên lĩnh vực khác.
- B. Một số nước đã lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.
- C. Những khó khăn của nước ta bắt nguồn từ kinh tế.
- D. Do hậu quả của cuộc chiến tranh kéo dài, kinh tế nước ta nghèo nàn lạc hậu.

Câu 23. Trong những năm 1996 – 2000, ba mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta là

- A. gạo, cà phê và thủy sản.
- B. gạo, hàng dệt may và nông sản.
- C. gạo, cà phê và điều.
- D. gạo, hàng dệt may và thủy sản.

Câu 24. Đường lối đổi mới của Đảng được điều chỉnh, bổ sung, phát triển tại các kì đại hội nào của Đảng?

- A. Đại hội VII, Đại hội VIII, Đại hội IX.
- B. Đại hội V, Đại hội VI, Đại hội VII.
- C. Đại hội V, Đại hội VI, Đại hội VIII.
- D. Đại hội IV, Đại hội V, Đại hội VI.

Câu 25. Một trong những hạn chế của công cuộc đổi mới giai đoạn (1986-1990) trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển là gì?

- A. Nền kinh tế còn mất cân đối, lạm phát vẫn ở mức cao, hiệu quả kinh tế thấp.
- B. Hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động thấp.
- C. Lực lượng sản xuất còn nhỏ bé, cơ sở vật chất-kỹ thuật lạc hậu.
- D. Trình độ khoa học và công nghệ chuyển biến chậm.

Câu 26. Thành công lớn của ngoại giao Việt Nam trong năm 1995 là gì?

- A. Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN.
- B. Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc.
- C. Việt Nam gia nhập WTO.
- D. Việt Nam gia nhập diễn đàn kinh tế Châu Á Thái Bình Dương.

Câu 27. Đại hội nào của Đảng có chủ trương: “tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp hiện đại”?

- A. Đại hội IX (2001).
- B. Đại hội VI (1986).
- C. Đại hội VIII (1996).
- D. Đại hội V (1982).

Câu 28. Một trong những ý nghĩa to lớn của những thành tựu về kinh tế-xã hội của nước ta trong 15 năm (1986-2000) thực hiện đường lối đổi mới là

- A. Tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân.
- B. Hàng hóa trên thị trường dồi dào, lưu thông thuận lợi, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện một bước.
- C. Hệ thống chính trị đổi mới theo hướng phát huy dân chủ nội bộ và quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường quyền lực của các cơ quan dân cử.
- D. Tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, nhưng khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc.

Câu 29. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước bước đầu hình thành sau khi thực hiện

- A. kế hoạch 5 năm (1986-1990).
- B. kế hoạch 5 năm (1980-1985).
- C. kế hoạch 5 năm (1991-1995).
- D. kế hoạch 5 năm (1996-2000).

Câu 30. Tại Đại hội Đảng lần thứ VI(1986) đã bầu ai làm Tổng bí thư?

- A. Nguyễn Văn Linh.
- B. Trường Chinh.
- C. Võ Văn Kiệt.
- D. Đỗ Mười.

Câu 31. Điểm khác biệt cơ bản giữa nền kinh tế nước ta trước và sau thời điểm đổi mới là gì?

- A. Chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường.
- B. Chuyển từ nền kinh tế thị trường sang nền kinh tế tập trung bao cấp.
- C. Xóa bỏ nền kinh tế tập trung bao cấp hình thành nền kinh tế mới.
- D. Xóa bỏ nền kinh tế thị trường hình thành nền kinh tế mới.

Câu 32. Nguyên nhân cơ bản làm nên thắng lợi của công cuộc đổi mới ở nước ta là

- A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với đường lối đúng đắn, sáng tạo.
- B. tinh thần đoàn kết, lao động cần cù của nhân dân Việt Nam.
- C. Hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, sự giúp đỡ to lớn của bạn bè thế giới.
- D. Tình đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 33. Tác động lớn nhất của tình hình thế giới đến công cuộc đổi mới của Đảng ta là

- A. cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng của hệ thống XHCN.
- B. cuộc Chiến tranh lạnh chấm dứt.
- C. hệ thống CNTB thế giới lớn mạnh.
- D. chính sách diễn biến hòa bình từ các nước tư bản.

Câu 34. Điểm khác về chính sách đối ngoại sau thời kì đổi mới so với trước đó là

- A. Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trên thế giới.
- B. Việt Nam chủ yếu quan hệ với các nước XHCN.
- C. Việt Nam chỉ quan hệ với các nước Châu Âu.
- D. Việt Nam chỉ quan hệ với các nước ASEAN.

Câu 33. Yếu tố cơ bản nhất dẫn đến sự thành công trong giai đoạn đầu của công cuộc đổi mới (1986-1990) là

- A. Đổi mới về tư duy, nhất là tư duy về kinh tế.
- B. Đổi mới kinh tế-chính trị.
- C. Đổi mới về chính sách đối ngoại.
- D. Đổi mới về văn hóa - xã hội.

Câu 33. Bài học kinh nghiệm cơ bản được Đảng ta rút ra trong thời kì đầu đổi mới là

- A. Huy động cả hệ thống chính trị vào công cuộc đổi mới.
- B. Đẩy mạnh quan hệ đối ngoại hòa bình.
- C. Tranh thủ sự giúp đỡ của các nước trong khu vực.
- D. Duy trì môi trường hòa bình để xây dựng đất nước.

Câu 34. Vì sao nói đổi mới đất nước là một tất yếu khách quan?

- A. Đất nước ta đang lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội trầm trọng.
- B. Đổi mới là yêu cầu thường xuyên của cách mạng.
- C. Tình hình thế giới có nhiều chuyển biến lớn.
- D. Tác động của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật./

HẾT

Bài 27: TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM (1919- 2000)

I/ CÁC THỜI KỲ PHÁT TRIỂN CỦA LỊCH SỬ DÂN TỘC:

1) Thời kỳ 1919-1930:

- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp (1919-1929) đã làm chuyển biến tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam, tạo cơ sở xã hội và điều kiện chính trị cho phong trào cách mạng mới.
- Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác- Lênin, làm chuyển biến phong trào yêu nước sang lập trường vô sản.
- Phong trào công nhân chuyển sang tự giác, 3 tổ chức cộng sản ra đời, 1930 thống nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

2) Thời kỳ 1930-1945:

- Phong trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ- Tĩnh
- Phong trào dân chủ 1936-1939.
- Phong trào giải phóng dân tộc (1939-1945) và Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945.

3) Thời kỳ 1945-1954:

- Sau cách mạng tháng Tám, nước ta gặp muôn vàn khó khăn thử thách, đất nước trong thế “ngàn cân treo sợi tóc”.
- Nhiệm vụ của CM nước ta lúc này là kháng chiến và kiến quốc.
- Thắng lợi lớn: chiến dịch Việt Bắc thu-đông 1947, Biên Giới thu đông 1950, đông –xuân 1953-1954 với đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ 1954 đã kết thúc kháng chiến chống Pháp bằng Hiệp định Giơnevơ.

4) Thời kỳ 1954-1975: đất nước tạm thời bị chia cắt thành 2 miền, nhiệm vụ CM từng miền:

- Miền Nam:
 - + Từ đấu tranh chính trị phát triển thành khởi nghĩa vũ trang.
 - + Lần lượt đánh bại 4 chiến lược chiến tranh của Mĩ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.
- Miền Bắc:
 - + Thực hiện những nhiệm vụ của CM trong thời kỳ quá độ lên CNXH.
 - + Trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại của Mĩ, miền Bắc kết hợp chiến đấu với sản xuất, chi viện cho miền Nam, Lào, Campuchia.

5) Thời kỳ 1975-2000:

- 1976-1986 đi lên CNXH, đạt thành tựu nhưng cũng gặp khó khăn, đất nước khủng hoảng về kinh tế - xã hội, đòi hỏi phải đổi mới.
- 1986- 2000 thực hiện đổi mới.

II/ NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI ,BÀI HỌC KINH NGHIỆM:

1) Nguyên nhân thắng lợi :

- Nhân dân đoàn kết, giàu lòng yêu nước, chiến đấu dũng cảm.
- Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng là nhân tố thắng lợi hàng đầu.

2) Bài học kinh nghiệm:

- Năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH
- Sự nghiệp cách mạng là của dân, do dân và vì dân.
- Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết toàn Đảng, toàn dân, đoàn kết quốc tế.
- Kết hợp sức mạnh trong nước với quốc tế.
- Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cách mạng.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Lịch sử Việt Nam từ năm 1919 – 2000 đã trải qua các thời kì phát triển nào sau đây?

- A. 1919-1930; 1930-1945; 1945-1954; 1954-1975; 1975-2000.
- B. 1919-1925; 1925-1930; 1930-1945; 1945-1954; 1954-1975; 1975-2000.
- C. 1919-1930; 1930-1935; 1935-1945; 1945-1954; 1954-1975; 1975-2000.
- D.** 1919-1930; 1930-1936; 1936-1945; 1945-1954; 1954-1975; 1975-2000.

Câu 2. Từ năm 1919 – 1990 nhân dân Việt Nam đã phải chống lại những thế lực ngoại xâm nào?

- A. Pháp, Nhật, Mĩ, Trung Quốc, tập đoàn Pôn Pốt.
- B. Pháp, Mĩ, Trung Quốc, Campuchia.
- C.** Pháp, Nhật, Mĩ, Trung Hoa Dân Quốc, tập đoàn Pôn Pốt.
- D. Pháp, Nhật, Anh, Mĩ, Trung Quốc.

Câu 3. Tính chung trong quá trình xâm lược Việt Nam từ 1954 – 1975, đế quốc Mĩ đã

- A. thực hiện 5 chiến lược chiến tranh với 5 đời Tổng thống và thất bại.
- B. thực hiện 4 chiến lược chiến tranh với 4 đời Tổng thống và thất bại.
- C. thực hiện 4 chiến lược chiến tranh với 5 đời Tổng thống và thất bại.
- D. thực hiện 5 chiến lược chiến tranh với 4 đời Tổng thống và thất bại.

Câu 4. Với chiến thắng nào sau đây nhân dân ta đã hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước?

- A. Cách mạng tháng Tám thắng lợi 1945.
- B. Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954.
- C.** Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
- D. Hoàn thành thống nhất đất nước.

Câu 5. Nguyên nhân quan trọng nhất quyết định những thắng lợi cơ bản của cách mạng Việt Nam từ 1919 đến nay là

- A. Nhân dân ta đoàn kết, giàu lòng yêu nước, chiến đấu dũng cảm.
- B.** Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.
- C. Sự phối hợp chiến đấu giúp đỡ nhau của 3 nước Đông Dương.
- D. Sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và lực lượng dân chủ tiến bộ trên thế giới.

Câu 6. Nhiệm vụ chiến lược của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) là gì?

- A. Kháng chiến và kiến quốc.
- B. Chống Pháp và chống Mĩ.
- C. Chống Pháp giành độc lập dân tộc.
- D.** Chống ngoại xâm, nội phản bảo vệ chính quyền cách mạng.

- Câu 7.** Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp 1954, Đảng ta đề ra nhiệm vụ chung cho cách mạng cả nước là gì?
A. Kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. B. Đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
C. Đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. D. Đánh bại chiến lược “Chiến tranh Việt Nam hóa”.
- Câu 8.** Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp 1954, Đảng ta đề ra nhiệm vụ cho cách mạng ở miền Bắc là gì?
A. Khôi phục kinh tế, tiến lên CNXH. B. Chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất.
C. Chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai. D. Thực hiện đánh Mĩ ở trận “Điện Biên Phủ trên không”.
- Câu 9.** Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, từ 1975 - 2000 nhiệm vụ chung cho cách mạng cả nước là gì?
A. Thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa. C. Xóa bỏ chế độ thực dân mới và chính quyền Sài Gòn.
B. Khôi phục kinh tế. D. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- Câu 10.** Những thành tựu trong công cuộc đổi mới của Đảng ta từ (1986) đến nay khẳng định điều gì?
A. Công cuộc đổi mới giành được nhiều thắng lợi.
B. Khắc phục được khó khăn và sửa chữa những sai lầm.
C. Đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.
D. Đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới là phù hợp.
- Câu 11.** Cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và chủ tịch Hồ Chí Minh đã giành được nhiều thắng lợi do những nguyên nhân khác nhau, nguyên nhân quan trọng nhất là gì?
A. Nhân dân ta giàu lòng yêu nước, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm.
B. Sự lãnh đạo của Đảng với đường lối đúng đắn, sáng tạo.
C. Hậu phương miền Bắc vững mạnh.
D. Sự phối hợp chiến đấu giúp đỡ nhau của 3 nước Đông Dương.
- Câu 12.** Đường lối đối ngoại của Đảng và nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay là gì?
A. Đoàn kết quốc tế, đoàn kết dân tộc. B. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế.
C. Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình hữu nghị hợp tác. D. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.
- Câu 13.** Tổ chức cách mạng nào dưới đây là tiền thân của Đảng cộng sản Việt Nam?
A. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên. B. Hội Phục Việt.
C. Việt Nam nghĩa đoàn. D. Tân Việt Cách mạng Đảng.
- Câu 14.** Hình thái vận động chủ yếu của cách mạng tháng Tám 1945?
A. Giành chính quyền ở nông thôn thắng lợi đó tạo đà tiến lên giành chính quyền ở thành thị nhanh chóng, ít tổn thất.
B. Giành chính quyền ở thành thị trước, sau đó giành chính quyền ở nông thôn.
C. Giành chính quyền ở nông thôn và thành thị diễn ra đồng thời.
D. Giành chính quyền ở thành thị, thắng lợi đó làm cho hệ thống chính quyền ở nông thôn bị tan rã.
- Câu 15.** Tính chất của cuộc cách mạng tháng tám 1945?
A. Tính chất dân tộc và dân chủ. B. Tính chất dân tộc.
C. Tính chất dân chủ. D. Tính chất dân chủ tư sản.
- Câu 16.** Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 – 1954?
A. Kháng chiến chống xâm lược và xây dựng đất nước.
B. Kháng chiến chống Pháp xâm lược.

C. Đấu tranh chống phong kiến phản động.

D. Kháng chiến chống Pháp xâm lược và bọn phản động tay sai bán nước.

Câu 17. Vì sao nói cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta là một cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc mang tính thời đại sâu sắc?

A. Vì Việt Nam là nơi tập trung mâu thuẫn cơ bản của thế giới, nơi trung tâm đối phó chiến lược toàn cầu của Mỹ.

B. Vì đây là cuộc chiến tranh giữa một dân tộc nhỏ yếu với siêu cường số 1 thế giới.

C. Vì đây là cuộc chiến đấu vì 4 mục tiêu của thời đại: Hòa bình – độc lập dân tộc – dân chủ và tiến bộ xã hội.

D. Vì đây là cuộc chiến tranh ý thức hệ.

Câu 18. Điểm giống nhau về nội dung Hiệp định Giơ – ne – vơ và Hiệp định Pari?

A. Cả hai đều đưa đến việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

B. Cả hai đều quy định việc tập kết, chuyển quân giữa hai bên tham gia chiến tranh.

C. Cả hai đều khẳng định Việt Nam sẽ thống nhất bằng Tổng tuyển cử tự do.

D. Cả hai đều quy định việc rút quân của quân đội các nước đế quốc xâm lược trong vòng 2 năm.

Câu 19. Ngày 7 – 11 – 2007, diễn ra sự kiện gì gắn với sự phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam?

A. Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của WTO.

C. Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN.

B. Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.

D. Việt Nam gia nhập tổ chức APEC.

HẾT